BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH
KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá 2021-2026)

Hưng Yên, năm 2026

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(kèm theo Quyết định số: 59/QĐ-ĐHI, ngày 02 tháng 03 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Trần Ái Cầm	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	GS.TS. Ngô Xuân Bình	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa Công nghệ	Phó chủ tịch kiêm trưởng ban Thư ký	
4	Ths. Nguyễn Thanh Việt	Chủ tịch HĐT	Ủy viên	
5	Ths. Dương Văn Bá	Phó hiệu trưởng - Ủy viên Hội đồng HK&ĐT	Ủy viên	
6	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Khảo thí & ĐBCL	Ủy viên	
7	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Quản lý đào tạo - NCKH	Ủy viên	
8	Ths. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng Tuyển sinh & CTSV	Ủy viên	
9	TS. Phạm Ngọc Cường	Chánh văn phòng Trường	Ủy viên	
10	Ths. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Tổ chức – Pháp chế	Ủy viên	
11	Ths. Lê Ngọc Tú	Phó phòng Kế hoạch – Tài chính	Ủy viên	
12	Ths. Hà Đình Bốn	Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ	Ủy viên	
13	Ths. Nguyễn Công Tuấn	Phó trưởng khoa Công nghệ	Ủy viên	
14	ThS. Phạm Văn Ba	Giảng viên cơ hữu	Ủy viên	
15	ThS. Vũ Quang Hậu	Giảng viên cơ hữu	Ủy viên	
16	TS. Nguyễn Kim Cương	Giảng viên cơ hữu	Ủy viên	

17	Nguyễn Hương Giang	Sinh viên lớp K19KĐ01	Ủy viên	
18	CN. Phạm Thị Ngọc	Trợ lý khoa Công nghệ	Ủy viên	

Ấn định danh sách gồm 18 thành viên ./.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 5
DANH MỤC BẢNG BIỂU 7
PHẦN I. KHÁI QUÁT 8
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN TIÊU CHÍ 21
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo 21
Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo 42
Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học 73
Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập 88
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên 117
Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học 139
Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị 160
Phần III. KẾT LUẬN 198
Phần IV. PHỤ LỤC 200
Phụ lục I 200
CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 200
Phụ lục II 205
CÁC TƯ LIỆU, TÀI LIỆU LIÊN QUAN 205
Phụ lục III 226
DANH MỤC MINH CHỨNG 226
Phụ lục IV 303
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 303

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BCH	Ban Chấp Hành
3	CĐR	Chuẩn đầu ra
4	CNTT	Công nghệ thông tin
5	CSDL	Cơ sở dữ liệu
6	CSGD	Cơ sở giáo dục
7	CSVC	Cơ sở vật chất
8	CTĐT	Chương trình đào tạo
9	SV&VL	Sinh viên và Việc làm
10	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
11	ĐCCT	Đề cương chi tiết
12	ĐGN	Đánh giá ngoài
13	ĐHCVA	Đại học Chu Văn An
14	ĐHI	Đại học Intracom
15	ĐT	Đào tạo
16	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
17	GS	Giáo sư
18	PGS	Phó giáo sư
19	HĐND	Hội đồng nhân dân
20	HĐT	Hội đồng trường
21	HSSV	Học sinh, sinh viên
22	HTQT	Hợp tác quốc tế
23	ĐT-NCKH-HTQT	Đào tạo- Nghiên cứu khoa học- Hợp tác quốc tế
24	QLĐT	Quản lý đào tạo
25	CTĐT	Chương trình đào tạo
26	KTĐ	Kỹ thuật điện
27	CTSV	Công tác sinh viên
28	KT&ĐBCL	Khảo thí và đảm bảo chất lượng
29	KĐCL	Kiểm định chất lượng
30	KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
31	KH&CN	Khoa học và Công nghệ

32	KHTC	Kế hoạch - Tài chính
33	KH&KT	Khoa học và Kĩ thuật
34	KTX	Kí túc xá
35	MOU	Memorandum Of Understanding (biên bản ghi nhớ)
36	NCKH	Nghiên cứu khoa học
37	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
38	SHTT	Sở hữu trí tuệ
39	TSTT	Tài sản trí tuệ
40	TT- PC	Thanh tra -pháp chế
41	TĐG	Tự đánh giá
42	TTTV	Thông tin - Thư viện
43	NVKH	Nhiệm vụ khoa học
44	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
45	CLB	Câu lạc bộ
46	ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần

DANH MỤC BẢNG BIỂU

1. BẢNG BIỂU

Bảng 2.2.1. Tóm tắt cấu trúc CTĐT theo các khối kiến thức qua các phiên bản CTĐT ngành Kỹ thuật điện

Bảng 2.5.1. Bảng tóm tắt các học phần CTĐT ngành Kỹ thuật điện

Bảng 2.6.1. Cấu trúc CTĐT ngành Kỹ thuật điện

Bảng 6.6.1. Đối sánh mức độ hài lòng của người học về chất lượng dịch vụ chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện

Bảng 7.1.1: Tổng hợp các tiêu chí về diện tích, chỗ làm việc theo yêu cầu của Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT

Bảng 7.3.2. Kết quả khảo sát dịch vụ thư viện và nhu cầu khai thác học liệu năm 2026

Bảng 7.4.1. Nội dung theo dõi hạ tầng CNTT và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ CTĐT Kỹ thuật điện

Bảng 7.6.1. Nội dung theo dõi môi trường, sức khỏe và an toàn

Bảng 7.7.4: Tổng hợp nhân sự Văn phòng giai đoạn 2022 – 2026

DANH SÁCH KIỆN, BỔ SUNG TOÀN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 493/QĐ-ĐHI ngày 24 / 9 /2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Trần Ái Cầm	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	ThS. Nguyễn Thanh Việt	Chủ tịch HĐT	Ủy viên	
3	TS. Nguyễn Quốc Tư	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
4	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa Công nghệ	Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban thư ký	
5	ThS. Nguyễn Công Tuấn	Phó trưởng khoa Công nghệ	Ủy viên	
6	ThS. Dương Văn Bá	Phó hiệu trưởng - Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Ủy viên	
7	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Ủy viên	
8	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên	
9	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Công tác sinh viên	Ủy viên	
10	CN. Lê Huy Hùng	Phó chánh Văn phòng	Ủy viên	
11	ThS. Phạm Ngọc	Trưởng phòng	Ủy viên	

	Trụ	Phòng Tổ chức – Pháp chế		
12	TS. Vũ Thị Sao Chi	Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin – Thư viện	Ủy viên	
13	ThS. Mạc Thị Hằng	Phó trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính	Ủy viên	
14	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng Phòng Tuyển sinh 1	Ủy viên	
15	TS. Nguyễn Kim Cương	Giảng viên	Ủy viên	
16	ThS. Phạm Văn Ba	Giảng viên	Ủy viên	
17	ThS. Vũ Quang Hậu	Giảng viên	Ủy viên	
18	Nguyễn Hương Giang	Sinh viên lớp K19KĐ01	Ủy viên	
19	CN. Phạm Thị Ngọc	Trợ lý Khoa Công nghệ	Ủy viên	

Danh sách gồm 19 người./.

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo (CLĐT) là một trong những nhân tố then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của một cơ sở giáo dục (CSGD) đại học. Việc duy trì và cải thiện CLĐT trong xu thế hội nhập trước yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động, phụng sự cộng đồng và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, ngày càng cấp thiết và được các nhà quản lý đặt lên hàng đầu. Trường Đại học Intracom đã nhận thức rõ ý nghĩa, Công tác Tự đánh giá (TĐG) chất lượng giáo dục là công cụ cốt lõi giúp các cơ sở giáo dục đại học đo lường, cải tiến không ngừng, đồng thời là minh chứng thực hiện trách nhiệm giải trình minh bạch với các bên liên quan và toàn xã hội. Đây là tiền đề quan trọng để xây dựng và phát triển một văn hóa chất lượng bền vững bên trong nhà trường.

Trong nhiều năm qua, Trường Đại học Intracom luôn quan tâm đến CLĐT, đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ đào tạo.

Tháng 6/2026, Trường Đại học Intracom đã được công nhận đạt chuẩn KĐCL CSGD theo Bộ tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT quy định năm 2017 gồm 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí.

Tháng 3/2026, Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom ban hành QĐ thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Quyết định số 59/QĐ-ĐHI ngày 02/03/2026). Tiếp đến, Trường Đại học Intracom đã thông qua Kế hoạch TĐG chất lượng CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện, xác định giai đoạn đánh giá từ năm 2021 đến tháng 8/2026 (Kế hoạch kèm theo Quyết định số 59/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026). Thành viên hội đồng TĐG có sự tham gia của lãnh đạo các đơn vị chức năng trong Trường.

a) Tóm tắt báo cáo TĐG CTĐT Đại học ngành Kỹ thuật điện

Cấu trúc của báo cáo TĐG CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện: gồm 04 phần:

Phần I: Khái quát chung về báo cáo TĐG CTĐT Đại học ngành Kỹ thuật điện

Phần này trình bày đặt vấn đề của báo cáo TĐG chất lượng CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện; Tổng quan chung về Trường Đại học Intracom và Khoa Công nghệ

Phần II: TĐG theo các tiêu chuẩn và tiêu chí

Trường trình bày kết quả TĐG theo các tiêu chuẩn và tiêu chí tuân thủ hướng dẫn của Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Mỗi tiêu chuẩn bao gồm phần Mở đầu, các Nội dung của từng tiêu chí và Kết luận về tiêu chuẩn. Trong đó,

mỗi tiêu chí được đánh giá theo 05 tiểu mục: Mô tả hiện trạng, Điểm mạnh, Điểm tồn tại, Kế hoạch hành động và TĐG.

Phần III: Kết luận

Tóm tắt điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện và của Trường Đại học Intracom theo từng tiêu chuẩn;

Tóm tắt những điểm tồn tại, đề ra kế hoạch khắc phục những tồn tại và cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện

Tổng hợp dưới dạng bảng kết quả TĐG CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện lần lượt 08 tiêu chuẩn với 52 tiêu chí.

Phần IV: Phụ lục

Phụ lục bao gồm: (1). CSDL KĐCL CTĐT Đại học ngành Kỹ thuật điện của Trường Đại học Intracom; (2). QĐ thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách, Kế hoạch TĐG CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện; và (3). Danh mục MC TĐG CTĐT Đại học ngành Kỹ thuật điện(in cuốn riêng).

Phương pháp mã hóa minh chứng:

Việc mã hóa MC trong báo cáo TĐG của CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện tại Trường Đại học Intracom tuân theo Biểu mẫu 3, Phụ lục I, Thông tư số 04/2025/TT/BGĐT ngày 17/02/2025 về Quy định về KĐCL CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ Giáo dục và ĐT ban hành. Cụ thể như sau:

Mã thông tin MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số. Sau mỗi 2 ký tự (số/chữ/chữ số) có một dấu chấm (.) để phân cách, theo cú pháp: Hn.ab.cd.01. Các MC được cập nhật trên phần mềm quản lý hệ thống ĐBCLGD của Nhà trường (tdg.hanu.edu.vn). Trong đó:

- H: viết tắt "Hộp minh chứng"
- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết, ký hiệu theo thứ tự của tiêu chuẩn;
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 8 viết 8);
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 8 viết 08);
- 01: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (MC thứ nhất viết 01, MC thứ 10 viết 10).

Ví dụ:

H1.01.01.01: thứ 1 của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.10: MC thứ 10 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3; H8.08.02.05: MC thứ 5 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8.

Phụ lục danh mục MC được trình bày theo như bảng dưới đây:

Mã minh chứng	Tên MC	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

b) Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ TĐG

Mục đích TĐG*:*

Hoạt động TĐG CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện giúp Nhà trường và Khoa Công nghệ tự rà soát, xem xét, phân tích, đánh giá thực trạng của CTĐT. Kết quả TĐG đối với tất cả các lĩnh vực như đội ngũ CBGV; công tác đào tạo và QLĐT; CSVC và trang thiết bị, thư viện phục vụ người học; NCKH; công tác quản lý tài chính và các vấn đề liên quan khác, giúp Nhà trường và Khoa Công nghệ phát hiện những tồn tại, thiết lập và triển khai kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao CLĐT.

Hoạt động TĐG CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện không chỉ là bước chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường Đại học Intracom trong toàn bộ hoạt động ĐT, NCKH, đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng nhằm phục vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường và Khoa Công nghệ.

Khoa Công nghệ coi công tác TĐG chất lượng CTĐT là cơ hội tốt để tập thể đội ngũ cán bộ viên chức trong Trường, trong Khoa rà soát, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan toàn bộ CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện. Từ đó, xác định được mức độ đáp ứng theo Bộ tiêu chuẩn KĐCL do Bộ GD&ĐT ban hành và tương quan với các CTĐT khác của quốc gia, khu vực và quốc tế; xác định những hoạt động cần cải tiến, nhằm nâng cao chất lượng của CTĐT góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội và của đất nước.

Quy trình TĐG:

Quy trình TĐG được thực hiện một cách khoa học, nghiêm túc, từ việc quán triệt chủ trương, ý nghĩa và yêu cầu của TĐG CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện trong toàn Trường cho tới khâu hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Các bản dự thảo đều có sự tham gia thực hiện và cung cấp MC của các Phòng/Khoa/đơn vị chức năng của Trường và tập thể đội ngũ CBGV, SV, cựu NH, người sử dụng lao động, chuyên gia ngoài trường và được tham khảo ý kiến nội bộ.

Quy trình TĐG CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện đã được triển khai theo các bước cụ thể sau:

Bước 1. Xác định mục đích, phạm vi TĐG CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện: Giai đoạn TĐG 2021-2026, có thể cập nhật thông tin đến thời điểm khảo sát chính thức của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Bước 2: Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký giúp việc Hội đồng TĐG, các nhóm công tác chuyên trách theo theo QĐ số 59/QĐ-ĐHI ngày 02/03/2026.

- Hội đồng TĐG gồm 19 thành viên.
- Ban Thư ký giúp việc Hội đồng TĐG gồm 10 thành viên.
- Các nhóm công tác chuyên trách (6 nhóm).

Bước 3. Lập kế hoạch TĐG

Hội đồng TĐG đã xây dựng kế hoạch TĐG nhằm sử dụng có hiệu quả thời gian, nguồn lực và đã được Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom thông qua tại văn bản số …/KH- ĐHI ngày …/…/2026.

Bước 4. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Căn cứ vào Mẫu Phiếu phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC (Mẫu 03) Phiếu TĐG tiêu chí đối với CTĐT (Mẫu 04) thuộc Phụ lục I, Thông tư số 04/2025/TTBGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ GD&ĐT, các nhóm công tác chuyên trách tiến hành thu thập thông tin và minh chứng.

Bước 5. Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được

Bước 6. Viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo TĐG

Bước 7. Hoàn thiện báo cáo TĐG

Bước 8. Công bố báo cáo TĐG trong toàn trường để tiếp nhận ý kiến đóng góp

Bước 9. Tiếp thu ý kiến đóng góp, chỉnh sửa và ban hành báo cáo TĐG

Bươc 10. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành TĐG.

Phương pháp TĐG:

Trường Đại học Intracom và Khoa Công nghệ sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, đối chiếu, phân tích trong quá trình TĐG. Theo đó, đối với mỗi tiêu chí của tiêu chuẩn, các nhóm công tác chuyên trách tiến hành các công việc cụ thể sau:

Mô tả và phân tích các hoạt động của CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện liên quan đến nội hàm của từng tiêu chí.

So sánh với mặt bằng chung, với chính các hoạt động của Khoa Công nghệ và các đơn vị chức năng trong những năm trước hoặc với các quy định của Nhà nước và của Nhà trường để thấy được hiện trạng của Khoa và Trường.

Bám sát nội hàm của tiêu chí, đặc biệt là mốc chuẩn tham chiếu tối thiểu, đưa ra những nhận định về điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy, chỉ ra những tồn tại, giải thích nguyên nhân.

Xác định những vấn đề cần cải tiến và đề ra những biện pháp/kế hoạch hành động để cải tiến những vấn đề được phát hiện trong quá trình TĐG.

TĐG mức độ đáp ứng theo mốc chuẩn của từng tiêu chí.

Công cụ TĐG:

Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện và Ban thư ký cùng các nhóm công tác chuyên trách đã sử dụng công cụ là văn bản do Bộ GD&ĐT và Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ GD&ĐT ban hành, cụ thể là: Quy định về KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 17/02/2025. Trong đó, bao gồm các biểu mẫu liên quan tại Phụ lục I và Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT tại Phụ lục 2.

Phạm vi TĐG:

Triển khai TĐG CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện với sự tham gia của các bên liên quan như: các đơn vị chức năng của Trường Đại học Intracom, đội ngũ nhân sự (bao gồm cả chuyên gia thỉnh giảng ngoài trường) làm việc tại Khoa Công nghệ, người học đang theo học CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện tại Trường Đại học Intracom, cựu người học đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành Kỹ thuật điệntrong giai đoạn 2021-2026, nhà sử dụng lao động với nhân sự là cựu người học trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo TĐG chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT do Nhà trường tổ chức, Khoa Công nghệ đã lập kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện, tiến hành họp Trưởng các nhóm công tác chuyên trách để phổ biến kế hoạch và phân công công việc. Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng. Quá trình viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong Khoa Công nghệ và các đơn vị chức năng.

2. Tổng quan chung

Trường Đại học Intracom (trước đây là Trường Đại học Chu Văn An) là Trường Đại học Tư thục được thành lập theo Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ là một trong những Trường đại học Tư thục đầu tiên của cả nước. Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu đào tạo bắt đầu từ tháng 10 năm 2006 ở cả 3 trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học các loại hình.

Tháng 08/2021, Tập đoàn Ecopark (Tập đoàn lớn và uy tín hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực bất động sản, du lịch, giáo dục, y tế, nông nghiệp…) đã quyết định đầu tư vào Trường để phát triển Trường với diện mạo mới về mọi mặt, mong muốn góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của đất nước trong giai đoạn mới.

Tháng 07/2025, Intracom Group – Tập đoàn tư nhân đa ngành hoạt động trong các lĩnh vực như bất động sản, năng lượng, y tế, đầu tư tài chính,... đã chính thức trở thành nhà đầu tư duy nhất của Trường Đại học Intracom. Intracom Group là một tập đoàn kinh tế đa ngành hàng đầu Việt Nam được thành lập năm 2002 với hàng ngàn nhân viên, hơn ba mươi công ty thành viên, hàng trăm dự án công trình trên khắp đất nước. Trải qua hơn hai thập kỷ hình thành và phát triển, Intracom Group đã khẳng định vị thế vững chắc trong các lĩnh vực như: xây dựng, năng lượng tái tạo, y tế, đầu tư tài chính… hình thành một hệ sinh thái doanh nghiệp toàn diện, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Ngày 05/11/2025 theo Quyết định số 2445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Chu Văn An thành Trường Đại học Intracom. Sau hơn 20 năm thành lập, Trường đã đào tạo hàng chục nghìn sinh viên, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Hưng Yên và các tỉnh, thành phố trong cả nước. Sau khi đổi tên, Nhà trường đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức cũng như ban hành các quy định, quy chế của Nhà trường để chỉ đạo hoạt động trên cơ sở các quy định pháp luật của Việt Nam. Cơ cấu tổ chức của nhà trường luôn được rà soát, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn.

Công tác tự đánh giá của nhà trường được diễn ra một cách thường xuyên và liên tục. Tháng 6/2026, Trường Đại học Intracom đã được công nhận đạt chuẩn KĐCL CSGD theo Bộ tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT quy định năm 2017 gồm 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí trên cơ sở đó Nhà trường đưa ra các kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC:

KHAI PHÓNG TIỀM NĂNG – TĂNG CƯỜNG GIÁ TRỊ – VUN BỒI NHÂN VĂN

Tại Trường Đại học Intracom, tất cả các thành viên đều được tôn trọng, được khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để tự do sáng tạo: tự do hình thành và theo đuổi các suy nghĩ, ý tưởng của mình, tự do thể hiện, trình bày các ý tưởng đó. Mọi ý tưởng, sáng kiến đều được đón nhận, được phản biện với tinh thần tích cực và tôn trọng lẫn nhau để cùng nhau chinh phục đỉnh cao của tri thức.

SỨ MẠNG

Trường Đại học Intracom là hạt nhân tri thức của hệ sinh thái Intracom, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và các giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ doanh nghiệp, phụng sự tiến bộ xã hội, góp phần nâng tầm vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

TẦM NHÌN

Đến năm 2045, Trường Đại học Intracom trở thành hệ thống đô thị đại học thông minh, đa khuôn viên tại Việt Nam và trong khu vực; biểu tượng của mô hình đại học đổi mới sáng tạo gắn kết doanh nghiệp; kiến tạo nguồn lực và động lực vững chắc cho sự phát triển nhanh, bền vững của quốc gia.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠO GIÁ TRỊ THỰC – CHUYỂN ĐỔI ĐỂ THÍCH ỨNG VÀ PHÁT TRIỂN – THÀNH CÔNG CÙNG HỆ SINH THÁI.

Thông điệp hành động*:* **HIỆN THỰC HÓA TIỀM NĂNG**

Việc đặt ra tầm nhìn đến năm 2045, Trường Đại học Intracom trở thành hệ thống đô thị đại học thông minh, đa khuôn viên tại Việt Nam và trong khu vực; biểu tượng của mô hình đại học đổi mới sáng tạo gắn kết doanh nghiệp; kiến tạo nguồn lực và động lực vững chắc cho sự phát triển nhanh, bền vững của quốc gia. Trường Đại học Intracom đã tự đặt ra cho mình những thách thức lớn. Để đạt được mục tiêu đặt ra, Nhà trường đã xây dựng một Chiến lược phát triển phù hợp với lộ trình và các chỉ tiêu cần đạt được cụ thể cho từng giai đoạn phát triển.

Hệ sinh thái Trường Đại học Intracom có 4 trụ cột: (1) Đào tạo, (2) NCKH, (3) Đổi mới sáng tạo, (4) Phục vụ cộng đồng và phát triển bền vững, nằm trong Hệ sinh thái của Tập đoàn Intracom. Trường Đại học Intracom được quản trị theo mô hình doanh nghiệp tri thức, ngoài Hội đồng trường, có các cấp điều hành: Ban Giám hiệu*;* các đơn vị thuộc Trường: Khoa/ Phòng/Trung tâm/Viện; Bộ môn. Khối Đổi mới sáng tạo hoạt động như một doanh nghiệp hỗ trợ khởi nghiệp, chuyển giao, kinh doanh, tạo môi trường ươm tạo đỡ đầu doanh nghiệp khởi nghiệp.

Với định hướng phát triển trở thành một đại học đa ngành, đa lĩnh vực, hiện tại Trường Đại học intracom đang phát triển và triển khai đào tạo 5 khối ngành: i) Kỹ thuật - Công nghệ; ii) Công nghệ thông tin; iii) Kinh tế - Kinh doanh - Du lịch; iv) Ngoại ngữ - Khoa học xã hội và nhân văn; v) Khoa học sức khỏe. Trường Đại học Intracom hiện tại có 27 đơn vị thuộc và trực thuộc, trong đó có 7 khoa, 4 trung tâm, 11 phòng chức năng, 5 viện và 3 tổ chức chính trị Đảng, Đoàn, Công đoàn. Tính đến tháng 6/2026, Trường Đại học Intracom có 18 CTĐT trình độ ĐH, 02 CTĐT Sau ĐH. Tổng quy mô đào tạo của ĐH là hơn 1000 SV, 36 học viên cao học.

Tính đến 30/8/2026, Trường Đại học Intracom có một đội ngũ CBQL, GV, NV cơ hữu với tổng số 270 người, trong đó có 213 GV, 29 NCV, và 57 NV và CBQL. Trong số các GV cơ hữu có 97 người có trình độ tiến sĩ/BSCKII trở lên (chiếm tỷ lệ 35,93% số CB cơ hữu, 45,54 % số GV cơ hữu). Số lượng GV có học hàm GS 4 người chiếm tỷ lệ 1,88%, PGS là 15 người chiếm tỷ lệ 7,04%, TS 78 Chiếm tỷ lệ 36,62%

Trong những năm gần đây, số lượng và quy mô các đề tài NCKH ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước. Nhiều đề tài, dự án có tính ứng dụng thực tế cao. Số các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước/Quốc gia và tương đương trong giai đoạn 2021-2026 là 52 đề tài (Trong đó năm 2021: 02 đề tài, năm 2022: 06 đề tài, năm 2023: 11 đề tài, năm 2024: 11đề tài, năm 2025: 13 đề tài và năm 2026: 9 đề tài). Số lượng các bài báo/công trình khoa học tăng nhanh, đặc biệt là các công bố quốc tế. Số lượng các công bố trên các tạp chí quốc tế (ISI/WoS/Scopus…) của Trường năm 2021 có 1 bài, năm 2022 có 2 bài, năm 2023 là 1 bài, năm 2024 là 3 bài, năm 2025 là 9 bài và năm 2026 là 6 báo khoa học. Số lượng các công bố trên các tạp chí trong nước của Trường là 89 bài, trong đó năm 2021 có 7 bài, năm 2022 có 10 bài, năm 2023 là 16 bài, năm 2024 là 14 bài, năm 2025 là 14 bài và năm 2026 là 28 báo khoa học.

Với tổng số báo cáo khoa học giai đoạn 2021-2026, GV và nhà khoa học của Nhà trường đã công bố 22 bài báo trên tạp chí quốc tế (ISI/WoS/Scopus,…) và 89 bài báo trên tạp chí trong nước và 79 báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước.

Trong những năm qua, Trường Đại học Intracom đã đẩy mạnh đầu tư, truyền thông quảng bá công tác tuyển sinh và có sự phát triển mạnh trong công tác tuyển sinh. Số lượng và chất lượng tuyển sinh của đại học được nâng cao. Năm 2021 số SV nhập học vào Trường là 55 SV. Năm 2022 số lượng SV nhập học 155 SV, năm 2023 là 54 SV, năm 2024 là 594 SV, năm 2025 là 172 SV và năm 2026 là 124 SV. Năm 2025, SV Trường Đại học Intracom đã tham gia cuộc thi SV khởi nghiệp và đạt giải ba. Đây là điểm sáng và là cơ sở để Nhà trường tiếp tục triển khai công tác tuyển sinh theo định hướng tiếp tục nâng cao chất lượng đầu vào của người học, đồng thời nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo đại học.

Hiện nay, Trường Đại học Intracom đã bước vào một giai đoạn phát triển mới và mạnh mẽ nhằm thay đổi hoàn toàn hình ảnh và vị thế của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng và phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức, Nhà trường đã đưa ra hàng loạt giải pháp với mục tiêu và kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao chất lượng tổng thể, nhiều mặt của Nhà trường. Các giải pháp chính đã được xây dựng và áp dụng trong các hoạt động của Nhà trường bao gồm:

(1) Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển Trường Đại học Intracom giai đoạn

2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, Nhà trường xác định rõ triết lý giáo dục, các giá trị cốt lõi, sứ mạng, tầm nhìn làm nền tảng cho sự phát triển. Nhà trường đã hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đào tạo theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT và đã nhận được Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục đại học vào tháng 6/2026.

(2) Một hệ thống các giải pháp đã được xây dựng nhằm xây dựng, phát triển cả về số lượng và chất lượng đội ngũ các CB, GV giỏi, các nhà khoa học trình độ cao, uy tín trong và ngoài nước bao gồm: Quy chế quản lý và ĐBCL; Quy chế đào tạo; Quy chế Quản lý khoa học công nghệ; Quy chế tuyển dụng; Quy chế quản lý nhân sự; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế lương và chế độ làm việc; Quy chế thi đua khen thưởng... trong đó các GV giỏi, các nhà khoa học trình độ cao được ưu tiên tuyển dụng và được tạo những điều kiện tốt nhất (về lương, về điều kiện và chế độ làm việc) để có thể yên tâm công tác. Các chính sách mới đã được áp dụng và đã đem lại hiệu quả cụ thể trong các hoạt động của Trường.

(3) Một hệ thống các chính sách khuyến khích hoạt động NCKH cũng đã được xây dựng bao gồm: Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; Quy định khen thưởng KHCN; Quy định về các hoạt động sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ... Kết hợp sự thành công trong công tác tuyển dụng CB, phát triển đội ngũ, việc áp dụng các chính sách khuyến khích NCKH và đổi mới sáng tạo đã tạo nên một sự thay đổi mạnh mẽ trong hoạt động KHCN của Nhà trường.

(4) Một hệ thống các chính sách và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng người học đầu vào và khuyến khích người học học tập tốt đã được xây dựng như: Chính sách về tuyển sinh; Chính sách học bổng để thu hút SV giỏi; Quy định về hoạt động NCKH của SV; Quy chế về công tác cố vấn học tập cho SV; Quy chế về tổ chức xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với SV.... Việc áp dụng các chính sách này đã giúp nâng cao chất lượng tuyển sinh và số lượng người học.

(5) Xây dựng kế hoạch đổi mới, rà soát CTĐT. Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo theo cách tiếp cận CDIO. Đồng thời, Nhà trường đầu tư xây dựng một cách bài bản về cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo như: phòng học, phòng thí nghiệm thực hành (Phòng thí nghiệm Điện – Điện tử, Phòng thí nghiệm Kỹ thuật Y sinh...) và các phòng thí nghiệm nghiên cứu. Việc đầu tư các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo và thực hành cho tất cả các khối ngành của đại học đã được triển khai nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Intracom đã đóng góp tích cực và có hiệu quả của một trường đại học ngoài công lập vào sự nghiệp giáo dục; cung cấp

nguồn nhân lực đa ngành, có giá trị cho cả nước và địa phương. Các thành tích của Nhà trường đã được UBND tỉnh Hưng Yên ghi nhận và cấp Bằng khen vì sự nghiệp giáo dục của Tỉnh.

1.3. Giới thiệu về Khoa Công nghệ

Khoa Công nghệ trực thuộc Trường Đại học Intracom được thành lập theo Quyết định số 121/QĐ-ĐHCVA ngày 07/09/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Chu Văn An (nay là Trường Đại học Intracom) và Quyết định số 63/HĐT-ĐHCVA ngày 05/04/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc đổi tên khoa Công nghệ thông tin - Cơ điện thành khoa Công nghệ . Khoa có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực Kỹ thuật điện, Công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế số và quá trình hội nhập quốc tế. CTĐT của Khoa được thiết kế đảm bảo sự tích hợp giữa kiến thức nền tảng, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu ứng dụng. Đội ngũ GV của Khoa Công nghệ gồm các nhà giáo dục và chuyên gia giàu kinh nghiệm thực tiễn, thường xuyên tham gia các hoạt động NCKH, tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Khoa Công nghệ hiện đào tạo các chương trình cử nhân trong các lĩnh Kỹ thuật điện, Công nghệ thông tin. Sinh viên được trang bị năng lực chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành và khả năng thích ứng cao, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

1.4. Giới thiệu về chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện

CTĐT ngành Kỹ thuật điện được cấp phép mở ngành vào năm 2008 theo Quyết định số 1277/QĐ-BGDĐT ngày 24/03/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Năm 2008, Trường Đại học Chu Văn An (nay là Trường Đại học Intracom) chính thức tuyển sinh khóa đầu tiên. CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học được xây dựng và triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Chương trình do Khoa Công nghệ quản lý, được thiết kế trên cơ sở tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời tham khảo các chuẩn mực nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động. Thời gian đào tạo là 4 năm, với tổng khối lượng học tập theo quy định hiện hành.

Mục tiêu của CTĐT là đào tạo cử nhân Kỹ thuật điện có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức nền tảng vững chắc về lĩnh vực Kỹ thuật điện, có kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng phân tích, tư duy phản biện và khả năng thích ứng với môi trường làm việc biến động. SV sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hiện các công việc về Điện tại các loại hình doanh nghiệp và tổ chức liên quan.

CTĐT ngành Kỹ thuật điện định kỳ được rà soát, điều chỉnh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng, trong đó các đợt rà soát gần đây là vào các năm 2023 và 2026. Mỗi đợt rà soát CTĐT, Khoa đều lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm cải tiến chương trình để đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động. Căn cứ vào góp ý của các bên liên quan, Khoa đã triển khai

các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT, trong đó tập trung vào một số cải tiến chính như sau: Cải tiến việc xây dựng CTĐT và ĐCCT nhằm bảo đảm tính nhất quán, đặc biệt là sự tương thích có định hướng giữa CĐR, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá; Phát triển đa dạng các phương pháp giảng dạy tích cực; Hoàn thành xây dựng Rubric cho 100% các học phần sử dụng điểm đánh giá cuối kỳ theo hình thức bài tiểu luận, bài tập thực hành.

CTĐT ngành Kỹ thuật điện phiên bản năm 2023 gồm 133 tín chỉ, trong đó Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 38 tín chỉ bắt buộc và 02 tín chỉ tự chọn, Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 36 tín chỉ, Khối kiến thức bổ trợ gồm 01 tín chỉ, Khối kiến thức chuyên ngành gồm 25 tín chỉ bắt buộc và 2 tín chỉ tự chọn, Thực tập, Đồ án tốt nghiệp gồm 12 tín chỉ. CTĐT năm 2026 được thiết kế gồm 09 CĐR, chi tiết theo ba nhóm: (1) Kiến thức và lập luận ngành, (2) Kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp, (3) Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm. Phương pháp giảng dạy trong CTĐT được đổi mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, kết hợp đa dạng các phương pháp như thuyết trình, dạy học theo tình huống, học tập theo dự án và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. CTĐT áp dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá như: Điểm danh, Tự luận và trắc nghiệm trên giấy, Trắc nghiệm trên máy, Vấn đáp, Thực hành, Bài tập lớn, Tiểu luận, Báo cáo...

CTĐT được triển khai bởi đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp. CSVC, học liệu và hệ thống CNTT được đầu tư đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện được xây dựng dựa trên các quy định do Bộ GDĐT ban hành cùng với các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Intracom. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn, định hướng phát triển của Trường Đại học Intracom, đồng thời phù hợp với mục tiêu giáo dục Đại học được quy định tại Luật Giáo dục ĐH. Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT, Khoa Công nghệ xây dựng CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ, bao quát được các yêu cầu chung cũng như yêu cầu chuyên biệt mà SV ngành Kỹ thuật điện cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Bộ GDĐT và của Trường Đại học Intracom, CĐR được xây dựng trên cơ sở tham khảo các ý kiến đóng góp của các bên liên quan bao gồm các chuyên gia, đối tác và nhà tuyển dụng lao động, SV, cựu SV và GV ngành Kỹ thuật điện. Qua từng năm, Khoa Công nghệ thường xuyên tiến hành rà soát, điều chỉnh CĐR nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục. CĐR được công bố công khai cho NH, GV và các đơn vị tuyển dụng thông qua nhiều kênh khác nhau.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT(CTĐT) trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện (KTĐ) mã số 7520201, của Trường Đại học Intracom (Trước đây là Trường Đại học Chu Văn An) ban hành năm 2021 tại Quyết định số 176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021 [H1.01.01.01]. Năm 2023, CTĐT ngành KTĐ được rà soát, điều chỉnh, bổ sung lần đầu tại Quyết định số 177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023 của Trường Đại học Chu Văn An [H1.01.01.02]. Từ tháng 2 năm 2026 đến nay, việc rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành KTĐ đã và đang được thực hiện theo Kế hoạch số 44/KH-ĐHI ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Trường Đại học Intracom về Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT (áp dụng tuyển sinh từ năm 2026) và CTĐT được ban hành theo Quyết định số 294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026 của Trường Đại học Intracom [H1.01.01.03]. CTĐT ngành KTĐ được xây dựng tuân thủ đúng theo các Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về yêu cầu của một CTĐT trình độ đại học và tuân thủ quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Intracom về phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật CTĐT trình độ đại học theo các

Kế hoạch, Quyết định: KH số 02/KH-ĐHCVA ngày 20/08/2021, Kế hoạch số 24/QĐ-ĐHCVA ngày 01/03/2022, KH số 11 ngày 8/2/2023, QĐ số 44/QĐ-ĐHI ngày 6/2/2026 về rà soát, điều chỉnh khung chương trình về đào tạo và đề cương chi tiết học phần [H01.01.01.04]. Theo đó, mục tiêu của CTĐT trình độ đại học ngành KTĐ được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể. Trong đó mục tiêu chung phù hợp và gắn kết với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển của Trường Đại học Chu Văn An (nay là Trường Đại học Intracom), phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, Luật giáo dục 2025 [H1.01.01.05] và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016 [H01.01.01.06]

Trong giai đoạn đào tạo 2021-2026, CTĐT ngành KTĐ được rà soát lần thứ nhất vào năm 2022 theo Kế hoạch số 24/QĐ-ĐHCVA ngày 01/03/2022 về rà soát, điều chỉnh khung chương trình về đào tạo và đề cương chi tiết học phần [H01.01.01.04]. Kết quả rà soát được ban hành tại Quyết định số 177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023 của Trường Đại học Chu Văn An về Ban hành Khung CTĐT Kỹ thuật điện (sửa đổi) [H1.01.01.02]. Trong đó, đợt rà soát năm 2023 tập trung vào điều chỉnh tăng cường năng lực tiếng Anh đối với sinh viên thêm 04 tín chỉ nhằm phù hợp với chuẩn năng lực ngoại ngữ của sinh viên sau tốt nghiệp nên không có sự điều chỉnh, bổ sung về mục tiêu. Lần thứ hai rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành KTĐ đã được thực hiện theo Quyết định số 44/QĐ-ĐHI ngày 6/2/2026 của Trường Đại học Intracom [H1.01.01.04] có những thay đổi căn bản về mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể như sau:

- Mục tiêu chung là: Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật điện có năng lực chuyên môn vững vàng, tư duy khai phóng và khả năng thực thi nghề nghiệp xuất sắc trong lĩnh vực Kỹ thuật điện. Chương trình hướng tới việc cung cấp nguồn nhân lực gắn kết chặt chẽ với nhu cầu doanh nghiệp, có khả năng thích ứng với các công nghệ mới trong lĩnh vực Kỹ thuật điện, có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, góp phần tạo ra giá trị kinh tế thực chất và đóng góp vào sự phát triển bền vững của quốc gia.

- 04 mục tiêu thể là:

Có năng lực chuyên môn & Tạo giá trị thực: Có khả năng đảm nhiệm các vai trò kỹ thuật, thiết kế, vận hành, hoặc quản lý dự án trong lĩnh vực hệ thống điện, năng lượng tái tạo, góp phần nâng cao hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả sản xuất có thể đo lường được cho tổ chức.

Đổi mới sáng tạo & Thích ứng: Ứng dụng hiệu quả công nghệ mới (chuyển đổi số, AI, tự động hóa) để nhận diện, phân tích và giải quyết các bài toán phức tạp của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường năng lượng biến đổi không ngừng.

Lãnh đạo & Kết nối hệ sinh thái: Khẳng định năng lực làm việc nhóm liên ngành, giao tiếp đa văn hóa và từng bước đảm nhiệm vai trò điều phối hoặc quản lý nhóm kỹ thuật các dự án kỹ thuật trong môi trường làm việc trong nước và quốc tế.

Phát triển bền vững & Học tập suốt đời: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, trách nhiệm xã hội, ý thức về môi trường (ESG) và không ngừng cập nhật tri thức mới thông qua các hình thức học tập, nghiên cứu và phát triển bản thân.

Mục tiêu CTĐT ngành KTĐ, trình độ đại học, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học được quy định trong Luật giáo dục đại học, được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường Đại học Intracom, đáp ứng Khung trình độ quốc gia (đối với trình độ đào tạo đại học).

Trong việc xây dựng, rà soát mục tiêu CTĐT ngành KTĐ, các nội dung quan trọng trong quá trình xây dựng mới hay rà soát, phân tích và hoàn thiện CTĐT ngành KTĐ, đều được thực hiện trên cơ sở tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan, bao gồm chuyên gia giáo dục, giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động theo đúng các quy định hướng dẫn [H1.01.01.04]. Các kết quả khảo sát từ các bên liên quan khi xây dựng CTĐT và rà soát điều chỉnh CTĐT ngành KTĐ đều thể hiện sự đồng tình ủng hộ với mục tiêu [H1.01.01.07].

Quy trình xây dựng mục tiêu CTĐT đã được thực hiện: Kế hoạch triển khai, biên bản họp bộ môn/Khoa/hội đồng khoa học; báo cáo khảo sát nhu cầu của nhà tuyển dụng, cựu người học và các bên liên quan khác [H1.01.01.8].

Mục tiêu của CTĐT đã được xây dựng, rà soát và điều chỉnh có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan (BLQ), trên cơ sở phân tích sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển của CSĐT, mục tiêu đào tạo của Luật giáo dục đại học. [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

2. Điểm mạnh

Quy định về mục tiêu CTĐT ngành KTĐ đã thể hiện rõ và đáp ứng 3 điểm cốt lõi tại Điều 4, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, đó là: i) năng lực và triển vọng nghề nghiệp; ii) định hướng đào tạo rõ ràng; iii) gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển.

Kể từ khi CTĐT ngành KTĐ được ban hành và đưa vào thực hiện các mục tiêu phù hợp với giai đoạn đào tạo 2021-2025. Các yêu cầu trong các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR đều đã được thực hiện góp phần vào thực hiện sứ mệnh và tầm nhìn của Trường Đại học Chu Văn An (nay là Trường Đại học Intracom), mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật GDĐH.

Sinh viên tốt nghiệp ngành KTĐ đã đạt được các mục tiêu đào tạo, được người sử dụng lao động và xã hội chấp nhận thông qua việc họ được tuyển dụng và phát huy tốt trong quá trình làm việc.

3. Điểm tồn tại

Mức độ đáp ứng một số nội dung thuộc về sứ mệnh, tầm nhìn mới nhưng CTĐT cần có thời gian để tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT theo đúng quy trình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy những mặt mạnh	Tổ chức Hội nghị triển khai CTĐT ngành KTĐ theo Quyết định số:…QĐ-	Khoa Công nghệ, Phòng QLĐT		
2	Khắc phục các hạn chế	- Rà soát mục tiêu và CĐR của từng học phần - Đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KTĐ	Khoa Công nghệ, Bộ môn Kỹ thuật điện, Giảng viên phụ trách học phần	Từ năm 2026 về sau	

***5. Tự đánh giá**: Tự đánh giá tiêu chí*

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	x

Tiêu chí 1.2: CĐR của CTĐT được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan.

1.Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom đã ban hành quy định và quy trình cụ thể về xây dựng, rà soát, cải tiến, thẩm định và ban hành CĐR(CĐR) CTĐT. Quy trình này quy định rõ các bước thực hiện, trách nhiệm của các đơn vị và sự tham gia của các bên liên quan như: lãnh đạo khoa, giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo, người học và đại diện doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động.

CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được xây dựng và rà soát trên cơ sở tham chiếu các quy định pháp lý hiện hành (Điều 5, Thông tư 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021) [H1.01.02.01], Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ) [H1.01.02.02] và Kế hoạch số 44/KH-ĐHI ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Trường Đại học Intracom về Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT (áp dụng tuyển sinh từ năm 2026) [H1.01.02.03]

Trong giai đoạn đào tạo 2021-2026, CTĐT ngành KTĐ được rà soát lần thứ nhất vào năm 2023 theo Kế hoạch số 24/QĐ-ĐHCVA ngày 01/03/2022 của Trường Đại học Chu Văn An về rà soát, điều chỉnh khung chương trình về đào tạo và đề cương chi tiết học phần [H1.01.02.04]. Kết quả rà soát được ban hành tại Quyết định số 177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023 của Trường Đại học Chu Văn An [H1.01.02.05]. Lần thứ hai rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành KTĐ đã được thực hiện theo Kế hoạch số 44/KH-ĐHI ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Trường Đại học Intracom [H1.01.02.06] có những thay đổi căn bản về các chuẩn đầu ra. Kết quả rà soát được ban hành tại Quyết định số 294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026 của Trường Đại học Intracom về Ban hành CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học, mã số: 7520201 [H1.01.02.07].

Kết quả rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành KTĐ đã giảm số lượng CĐR từ 17 xuống còn 09 CĐR được ban hành tại Quyết định số 294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026 của Trường Đại học Intracom về Ban hành CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học, mã số: 7520201 với cơ cấu như sau: Khối kiến thức lập luận ngành với 3 CĐR, Kỹ năng nghề nghiệp có 4 CĐR, Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm có 2 CĐR [H1.01.02.08]. CĐR của CTĐT ngành KTĐ được trình bày rõ ràng, cụ thể, thể hiện yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành KTĐ phù hợp với sứ mạnh của Trường Đại học Intracom về Đào tạo nhân lực chất lượng cao, giàu sáng tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội; nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo đột phá, hiệu quả; thông qua môi trường đào tạo và nghiên cứu chuyên nghiệp, khai phóng về học thuật và hội nhập quốc tế toàn diện; hiện thực hóa tiềm năng mỗi cá nhân và mục tiêu phát triển bền vững của Trường Đại học Intracom đóng góp nhiều nhất có thể cho cộng đồng, xã hội [H1.01.02.09]. Các CĐR được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo của CTĐT, sứ mệnh,

tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường Đại học Intracom [H1.01.02.10]. CĐR được đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam trình độ đại học và các quy định về chuẩn CTĐT, bảo đảm không thấp hơn yêu cầu tối thiểu và phù hợp với định hướng đào tạo của Đại học , cụ thể là: đáp ứng 7 điểm tại Điều 5. CĐR của chương trình đào tạo, Thông tư số: 17/2021/TT-BGDĐT đó là: i) rõ ràng và thiết thực; ii) đo lường, đánh giá được; iii) nhất quán với mục tiêu; iv) chỉ rõ bậc trình độ; v) tính liên thông với chuẩn đầu vào; vi) cụ thể; vii) tính khả thi.

CĐR của CTĐT đã xây dựng đảm bảo được sự rõ ràng, dễ đánh giá, nhất quá với mục tiêu, CTĐT và thể hiện sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác. CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu CTĐT, với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Intracom [H1.01.02.11]. Quá trình thực hiện rà soát CĐR của CTĐT với sự tham gia của đông đủ các bên liên quan như các doanh nghiệp/ đơn vị sử dụng lao động, các chuyên gia góp ý, các đơn vị trong trường và sinh viên đã tham gia trực tiếp và cho ý kiến tại phiên họp ngày 29/9/2025; Chuẩn đầu vào của CTĐT được xác định rõ, phù hợp với trình độ đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được công bố và phổ biến tới các bên liên quan thông qua nhiều hình thức như: websites của Trường/Khoa, bản mô tả CTĐT, đề cương học phần, sổ tay sinh viên, sinh hoạt đầu khóa, tập huấn giảng viên và các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi. Giảng viên được hướng dẫn vận dụng CĐR trong thiết kế đề cương học phần và hoạt động giảng dạy; người học được giới thiệu và tham chiếu CĐR trong quá trình học tập [H1.01.02.12].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành KTĐ bám sát sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của thể hiện:

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực KTĐ dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và thực hành;

Tạo môi trường nghiên cứu chuyên nghiệp và tự do sáng tạo để đánh thức và phát huy tối đa sở trường của mỗi người, tạo ra những ảnh hưởng quan trọng trong lĩnh vực KTĐ để góp phần phát triển kinh tế xã hội.

CĐR của CTĐT ngành KTĐ được đánh giá ở mức khá tốt, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. CĐR có cấu trúc, thể hiện đầy đủ các năng lực cần đạt. Phần lớn các đánh giá ở mức cần thiết và rất cần thiết với các CĐR được xây dựng. Việc chương trình đạt được các CĐR như hiện tại sẽ đảm bảo được chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu người học và các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn đầu tiên áp dụng xây dựng các CĐR theo tiếp cận CDIO CTĐT còn thiếu kinh nghiệm dẫn đến việc xây dựng số lượng CĐR rất nhiều (17 CĐR) dẫn đến việc đánh giá các CĐR khó khăn, gắn kết các CĐR với các học phần của CTĐT còn thiếu sót. Tuy nhiên, các điểm tồn tại này cơ bản đã được khắc phục trong đợt rà soát, điều chỉnh mới nhất năm 2026 dựa trên việc đánh giá, đối sánh, rút kinh nghiệm từ thực tiễn thực hiện CTĐT giai đoạn đầu tiên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy các điểm mạnh	- Hội nghị triển khai cải thiện CĐR của từng học phần đáp ứng CĐR của CTĐT - Giao nhiệm vụ cho từng giảng viên phụ trách học phần. - Tổ chức seminar và CĐR cấp bộ môn. - Tổ chức Hội nghị cấp trường về CĐR sau mỗi 2 năm	- Phòng QLĐT, -Khoa Công nghệ	Hàng năm cho nội dung 1.1 và 1.2 và 2 năm 1 lần cho nội dung 1.3	
2	Khắc phục các điểm yếu	- Phần kiến thức cơ sở ngành nên viết tổng hợp và gọn lại; - Diễn đạt lại một số CĐR theo hướng bao quát, không trùng lặp, sử dụng động từ đúng mức độ - Đề xuất bỏ bớt một số CĐR không phù hợp, tổng hợp viết gọn lại để giảm bớt số lượng CĐR; Điều chỉnh lại CĐR về ngoại ngữ, tin học ứng dụng.	- Phòng QLĐT, - Khoa Công nghệ	Trong quý IV năm 2026	
		Phát triển mẫu khảo sát và tiến hành khảo sát Tổ chức hội thảo	Khoa Công nghệ - Bộ môn Kỹ thuật điện	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn CTĐT nhóm ngành, bao gồm CĐRchung và CĐR chuyên biệt.

1.Mô tả hiện trạng

Quá trình xây dựng, rà soát CĐR và CTĐT ngành KTĐ đã bám sát vào các quy định hiện hành, căn cứ pháp lý, nguyên tắc và yêu cầu đối sánh CĐR với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VNQF) [H1.01.03.01], chuẩn CTĐT, nhóm ngành và các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [H1.01.03.02], cụ thể là:

CĐR của CTĐT ngành KTĐ được phân tích, đối sánh mức độ phù hợp của từng CĐR với yêu cầu về năng lực của người học tốt nghiệp theo VNQF trình độ đại học (bậc 6), và các cấu phần thể hiện rõ ở 7 điểm tại Điều 5. CĐR của chương trình đào tạo, Thông tư số: 17/2021/TT-BGDĐT đó là: i) rõ ràng và thiết thực; ii) đo lường, đánh giá được; iii) nhất quán với mục tiêu; iv) chỉ rõ bậc trình độ; v) tính liên thông với chuẩn đầu vào; vi) cụ thể; vii) tính khả thi. Nội dung CĐR của CTĐT ngành KTĐ được xây dựng bảo đảm không thấp hơn yêu cầu của chuẩn CTĐT nhóm ngành và phù hợp với các yêu cầu đặc thù CTĐT ngành KTĐ hiện hành.

CTĐT ngành KTĐ được mô tả chi tiết tại Quyết định số 294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026 của Trường Đại học Intracom về Ban hành CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học, mã số: 7520201 [H1.01.03.03], bao gồm 2 mục tiêu chung, 4 mục tiêu cụ thể, 09 CĐR, cơ cấu chương trình của 64 học phần, bảng ma trận IPM đáp ứng yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT .

Trường Đại học Intracom đã quy định rõ cách thức xác định và phân loại CĐR của CTĐT thành CĐR chung và CĐR chuyên biệt tại các văn bản hướng dẫn về xây dựng và ban hành CĐR. Quyết định số 176/QĐ-ĐHCVA ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Trường Đại học Chu Văn An (nay là Trường Đại học Intracom) về việc ban hành và công bố CĐR, CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học - Mã số 7520201 quy định về CĐR của ngành KTĐ được ban hành cho giai đoạn 2021-2026 và Quyết định số 294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026 của Trường Đại học Intracom về Ban hành CĐR của CTĐT ngành KTĐ trình độ đại học, mã số: 7520201 được thực hiện từ năm 2026 cho thấy sự phù hợp và tuân thủ đúng khuôn khổ với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn CTĐT nhóm ngành, bao gồm CĐR chung và

CĐR chuyên biệt [H1.01.03.04]. Sự phù hợp và tuân thủ được thể hiện rõ tại Quyết định số 176/QĐ-ĐHCVA và Quyết định số 294/QĐ-ĐHI nêu trên cũng như khẳng định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường Đại học Intracom [H1.01.03.05]. Theo đó, CĐR của CTĐT ngành KTĐ bao gồm các yêu cầu đối với các CĐR của các khối CĐR, gồm:

CĐR về Kiến thức:

PLO 1: Vận dụng khối kiến thức toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kinh tế và pháp luật vào các vấn đề thực tiễn của ngành Kỹ thuật điện.

PPC K1.1: Áp dụng các nguyên lý toán học và khoa học tự nhiên để tính toán, giải quyết các bài toán cơ sở trong kỹ thuật điện.

PPC K1.2: Liên hệ các kiến thức về chính trị, pháp luật, kinh tế và môi trường vào các quy trình hoạt động nghề nghiệp.

PLO 2: Phân tích các nguyên lý cốt lõi về mạch điện, trường điện từ, thiết bị điện và tự động hóa làm nền tảng cho hệ thống điện.

PPC K2.1: Giải thích các định luật, định lý và nguyên lý cấu tạo của thiết bị điện, điện tử và máy điện.

PPC K2.2: Phân tích nguyên lý hoạt động và các thông số kỹ thuật của mạng lưới điện.

PLO 3: Đánh giá cấu trúc, phương thức vận hành cho hệ thống sản xuất, truyền tải, phân phối điện và tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo/lưu trữ năng lượng.

PPC K3.1: Đánh giá phương án thiết kế, lắp đặt và bảo dưỡng các thiết bị trong hệ thống điện (nhà máy điện, lưới điện truyền tải và phân phối, hệ thống năng lượng gió/mặt trời/lưu trữ).

PPC K3.2: Lựa chọn các tiêu chuẩn phù hợp để giải quyết các bài toán vận hành hành thị trường điện và tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo/lưu trữ năng lượng.

CĐR về Kỹ năng:

PLO 4: Sử dụng hiệu quả tiếng Anh cơ bản/chuyên ngành trong kỹ thuật điện; sử dụng công cụ số và phần mềm phù hợp để lập báo cáo, trình bày và trao đổi thông tin kỹ thuật trong môi trường nghề nghiệp.

PPC S1.1: Trình bày các báo cáo kỹ thuật và trao đổi thông tin chuyên môn bằng tiếng Việt một cách hiệu quả.

PPC S1.2: Sử dụng tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành (đạt chuẩn bậc 3/6 VSTEP) đáp ứng yêu cầu công việc.

PPC S1.3: Ứng dụng thành thạo các công cụ số và phần mềm tin học văn phòng (đạt chuẩn IC3) để thiết kế báo cáo và truyền thông đa phương tiện.

PLO 5: Phối hợp làm việc nhóm liên ngành và đề xuất giải pháp phù hợp cho các vấn đề kỹ thuật.

PPC S2.1: Tổ chức công việc hiệu quả với vai trò thành viên hoặc nhóm trưởng trong các dự án kỹ thuật.

PPC S2.2: Đề xuất các ý tưởng và giải pháp khả thi để xử lý các bài toán kỹ thuật phát sinh trong thực tiễn.

PLO 6: Thiết kế, giám sát và đề xuất biện pháp thi công - nghiệm thu các dự án phần điện trong nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây truyền tải/phân phối và hệ thống năng lượng tái tạo/lưu trữ.

PPC S3.1: Thiết kế sơ đồ nguyên lý, quy hoạch mạng cung cấp điện và hệ thống bảo vệ sử dụng phần mềm chuyên dụng.

PPC S3.2: Lập đề xuất biện pháp tổ chức thi công và thực hiện giám sát quá trình lắp đặt thiết bị điện tại công trình.

PPC S3.3: Thực hiện các phép đo lường, thử nghiệm và phân tích dữ liệu trên hệ thống thiết bị điện thực tế nhằm phục vụ công tác nghiệm thu.

PLO 7: Xử lý các sự cố kỹ thuật và quản lý vận hành an toàn mạng lưới điện.

PPC S4.1: Chẩn đoán nguyên nhân và khắc phục các sự cố trong vận hành hệ thống điện và thiết bị bảo vệ.

PPC S4.2: Ứng dụng công nghệ và phần mềm chuyên dụng để mô phỏng, phân tích và tối ưu hóa hệ thống.

CĐR về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

PLO 8: Tuân thủ pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình an toàn điện và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; ra quyết định kỹ thuật có xét đến trách nhiệm xã hội, môi trường và phát triển bền vững.

PPC A1.1: Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, tiêu chuẩn kỹ thuật và đạo đức nghề nghiệp.

PPC A1.2: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững (ESG) trong thực hành nghề nghiệp.

PLO 9: Thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của công nghệ và duy trì tinh thần học tập suốt đời.

PPC A2.1: Thích nghi với môi trường làm việc độc lập hoặc môi trường doanh nghiệp nhiều biến động (Co-op) với tác phong chuyên nghiệp.

PPC A2.2: Xác định lộ trình tự học hỏi, tự nghiên cứu để cập nhật tri thức, công nghệ mới và phát triển sự nghiệp cá nhân.

Những nội dung trên được thể hiện tại các biên bản cuộc họp của Khoa Công nghệ, Trường Đại học Intracom [H01.01.03.06].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành KTĐ được phân tích và đối sánh theo đúng cấu trúc yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc. CĐR CTĐT bảo đảm không thấp hơn chuẩn CTĐT nhóm ngành và được cập nhật theo các quy định mới ban hành. CĐR của CTĐT được phân loại rõ ràng, logic giữa CĐR chung và CĐR chuyên biệt. CĐR chuyên biệt phản ánh rõ đặc thù ngành và các định hướng đào tạo ngành KTĐ

Nội dung chi tiết các CĐR chung và CĐR chuyên biệt bảo đảm phù hợp và không thấp hơn yêu cầu của chuẩn CTĐT nhóm ngành, đồng thời phù hợp với định hướng đào tạo, chiến lược phát triển và các mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, hội nhập và uy tín học thuật của Trường Đại học Intracom

3. Điểm tồn tại

Việc trình bày kết quả phân tích, đối sánh CĐR với từng cấu phần của VNQF chủ yếu thể hiện thông qua các bảng đối sánh, chưa được chuẩn hóa thành báo cáo phân tích riêng cho từng đợt rà soát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT ngành KTĐ theo Kế hoạch số 44/KH-DHI và triển khai từ năm 2026	-Phòng QLĐT; -Khoa Công nghệ	Trong quý IV năm 2026	

2	Khắc phục hạn chế	Hệ thống hóa và chuẩn hóa CĐR theo hướng: + Mỗi CĐR phản ánh 1 năng lực + Giảm số lượng CĐR không quá 30 Rà soát, tách hoặc điều chỉnh cách diễn đạt một số CĐR tích hợp	- Khoa Công nghệ - Bộ môn Kỹ thuật điện	Rà soát hằng năm	
3	Khắc phục hạn chế	Rà soát, chuẩn hóa cách diễn đạt; tách các CĐR tích hợp nhiều năng lực khi cần thiết.	Khoa Công nghệ, Bộ môn Kỹ thuật điện	Những năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt

Không đạt (K)	**Đạt (Đ)**
	x

Tiêu chí 1.4: CĐR của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với CĐR của CTĐT đã công bố.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành KTĐ ban hành theo Quyết định 176/QĐ-ĐHCVA của Trường Đại học Intracom ngày 27/10/2021 có 65 học phần [H1.01.04.01] với 17 CĐR. CĐR cho từng học phần đã được xây dựng đều đáp ứng theo quy định tại Quyết định số 24/QĐ-ĐHCVA ngày 01 tháng 03 năm 2022 Theo đó, mỗi CĐR đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, trách nhiệm mà người học đạt được sau khi hoàn thành học phần, được xác định rõ trong đề cương chi tiết của học phần được quy định Quyết định số 159/QĐ-ĐHCVA [H1.01.04.02].

Đợt rà soát lần 2 cho thấy số CĐR nhiều, phân tán, thiếu tập trung nên rút xuống còn 09 CĐR, đảm bảo rằng những học phần thuộc khối kiến thức chuyên môn ít nhất phải có 2 CĐR, nhiều nhất không vượt quá 4 CĐR. Bình quân mỗi học phần có 3 CĐR, những học phần về thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp hoặc dự án tốt nghiệp có từ

5 đến 6 CĐR. Mỗi CĐR đã gắn kết với ít nhất 2 học phần bắt buộc của CTĐT [H1.01.04.03]. Việc xây dựng CĐR cho các học phần được trình bày trong bảng ma trận IPM của trong CTĐT ngành KTĐ đã được cân đối, xem xét về số lượng CĐR của tất cả các học phần và cho từng học phần. CĐR của từng học phần trong CTĐT ngành KTĐ được xây dựng và trình bày rõ ràng trong đề cương chi tiết của từng học phần, thể hiện được các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm của người học sau khi hoàn thành theo đúng Quyết định số 159/QĐ-ĐHCVA [H1.01.04.02]. Mặt khác CĐR của từng học phần được thiết kế theo hướng có thể đo lường và đánh giá, gắn với các phương pháp và công cụ đánh giá phù hợp.

Trường Đại học Intracom đã có văn bản quy định, hướng dẫn rõ ràng và thống nhất về xây dựng, điều chỉnh CĐR học phần, trong đó, trách nhiệm của giảng viên trong xây dựng và rà soát CĐR học phần được quy định cụ thể. Giảng viên được bồi dưỡng, tập huấn và tham gia trực tiếp xây dựng CTĐT và CĐR học phần [H1.01.04.04].

Cách tổ chức xây dựng CĐR cho các học phần của ngành KTĐ được triển khai lấy Bộ môn Kỹ thuật điện làm đầu mối và thống nhất với các bộ môn khác phụ trách học phần trên phạm vi toàn Trường để đảm bảo sự kết nối giữa các khối kiến thức, bảo đảm sự phù hợp với CĐR của CTĐT đã công bố và tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT về chuẩn CTĐT và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Trường Đại học Intracom thông qua Phòng Quản lý đào tạo và Phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng theo dõi và đánh giá trong việc xây dựng, rà soát CĐR của từng học phần thông qua việc thẩm định đề cương chi tiết học phần, kết quả đo lường CĐR và phản hồi từ các đơn vị chuyên môn liên quan. Bộ môn phụ trách học phần và giảng viên phụ trách học phần là người chịu trách nhiệm cuối cùng cho từng CĐR của từng học phần. [H1.01.04.05].

Kết quả rà soát điều chỉnh đã giảm số lượng CĐR từ 17 CĐR theo Quyết định số 177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023 giảm xuống 09 CĐR theo Quyết định số 294/QĐ-ĐHI ngày 25/6/2026 của CTĐT ngành KTĐ [H1.01.04.06], trong đó mối quan hệ giữa các CĐR với các học phần được xác định trong Bảng IPM [H1.01.04.07].

2. Điểm mạnh

Số lượng CĐR được đánh giá là phù hợp bởi được cân đối số lượng CĐR giữa các khối kiến thức cũng như số lượng CĐR ít nhất và nhiều nhất của mỗi học phần khá phù hợp trong giai đoạn 2021-2026.

CĐR của từng học phần được trình bày tương đối rõ ràng, có thể đo lường và gắn với hoạt động đánh giá theo thang đo Bloom.

Trong quá trình xây dựng các CĐR cho từng học phần đã bảo đảm tính thống nhất từ Trường Đại học Intracom đến từng giảng viên cùng với có kết nối ngang thông qua điều tra, góp ý kiến của các bên liên quan, nhất là người sử dụng lao động (doanh nghiệp, tổ chức)

3. Điểm tồn tại

Việc phân bổ số lượng CĐR cho từng học phần chưa hợp lý, nhiều học phần chỉ có 1 CĐR, trong khi có nhiều học phần có trên 3 CĐR, thậm chí có 6 CĐR theo Quyết định số 294/QĐ-ĐHI ngày 25/6/2026 của Trường Đại học Intracom về Ban hành Khung CTĐT ngành KTĐ (sửa đổi) của Trường Đại học Intracom.

4. Kế hoạch hành động

TT	**Mục tiêu**	**Nội dung**	**Đơn vị, người thực hiện**	**Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành**	***Ghi chú***
1	Phát huy điểm mạnh	Rà soát lại, xác định số lượng CĐR, cơ cấu hợp lý các CĐR cho từng hợp phần - Mỗi CĐR cần có tối thiểu 2 học phần đáp ứng ở khối kiến thức bắt buộc	- Khoa Công nghệ - Bộ môn Kỹ thuật điện - Phòng QLĐT	Năm 2026	
2	Khắc phục những tồn tại	- Mỗi học phần trong khối kiến thức bắt buộc có 2-3 CĐR. - Các học phần thuộc khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp có trên 3 CĐR.			
		Chuẩn hóa công tác hướng dẫn và nâng cao năng lực giảng viên trong xây dựng CĐR học phần. Xây dựng chương trình tập	- Phòng QLĐT - Khoa Công nghệ - Bộ môn Kỹ thuật điện	Hằng năm	

		huấn định kỳ về xây dựng và đo lường CĐR của học phần; Hoàn thiện hệ thống lưu trữ minh chứng liên quan đến năng lực GV.	-		

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	x

Tiêu chí 1.5: CĐR của CTĐT phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT ngành KTĐ, Khoa Công nghệ luôn chú trọng thực hiện thu thập ý kiến của các bên liên quan, nhất là các bên liên quan ngoài Trường Đại học Intracom. Các yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên bên ngoài được quy định trong Quyết định số 164/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021 phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐH Chu Văn An [H1.01.05.01] và Kế hoạch số 11/KH-ĐHCVA ngày 08/02/2023 về rà soát, điều chỉnh khung chương trình về đào tạo và đề cương chi tiết học phần [H1.01.05.02]. Các đối tượng liên quan như cựu sinh viên, người sử dụng lao động, chuyên gia và các nhà quản lý được xác định là đối tượng điều tra, khảo sát để xác định nhu cầu nhân sự và nhu cầu đào tạo lĩnh ngành Kỹ thuật điện [H1.01.05.03]. Thực hiện Kế hoạch số 44/KH- ĐHI ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Trường Đại học Intracom về Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT (áp dụng tuyển sinh từ năm 2026) [H1.01.05.04], Khoa Công nghệ đã tiến hành khảo sát về nhu cầu nhân lực; mục tiêu, CĐR; khung CTĐT 30 đơn vị nhà tuyển dụng/Đơn vị sử dụng lao động; 30 chuyên gia, các nhà quản lý và giảng viên; 05 chuyên gia cao cấp là các nhà giáo dục đại học; 30 sinh viên và cựu sinh viên [H1.01.05.05]. Khoa Công nghệ đã tổ chức Hội nghị về rà soát mục tiêu, CĐR và khung CTĐT ngành KTĐ vào tháng 06 năm 2026 [H1.01.05.06]. Kết quả tổng hợp các nhu cầu, đánh giá và kiến nghị đối với CĐR của CTĐT ngành KTĐ thể hiện một số điểm sau [H1.01.05.07]:

Các CĐR đáp ứng mức độ yêu cầu của xã hội và người sử dụng lao động bình quân 50% là cần thiết; trên 35% rất cần thiết có còn lại cho rằng ít, không hoặc không có ý kiến. Cả 30 Công ty tham gia khảo sát đánh giá ở mức cần thiết và rất cần thiết với các CĐR được xây dựng.

CĐR chi tiết, cụ thể, rõ ràng và cơ cấu hợp lý, người học đã đạt và áp ứng nhu cầu tuyển dụng.

Đặt kỳ vọng vào nguồn nhân lực chất lượng cao sắp tới với yêu cầu CĐR cao hơn với số lượng và cơ cấu hợp lý hơn theo hướng nắm vững kiến thức ngành và kỹ năng nghề nghiệp, giảm số lượng CĐR để chọn lọc và giữ lại CĐR thực sự đáp ứng 3 yêu cầu: kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm.

Rà soát, cụ thể hơn CĐR về tin học, ngoại ngữ… để đáp ứng tốt yêu cầu hội nhập hiện nay.

Tăng số lượng CĐR về các học phần thực hành, tốt nghiệp, học phần kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Xem xét bỏ bớt các CĐR mang tính hàn lâm, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, triết học và thay vào các CĐR về thực hành nghề nghiệp và làm việc thực tế.

2. Điểm mạnh

Có sự quan tâm đặc biệt của các bên liên quan đối với CTĐT ngành KTĐ nói chung, CĐR nói riêng, đặc biệt là người sử dụng lao động (doanh nghiệp) và của cựu sinh viên (nay đã thành người lao động). Đây là 2 thành phần một bên là người lao động và một bên người sử dụng lao động đã có một điểm chung là các CĐR của CTĐT ngành KTĐ.

Khoa Công nghệ đã thiết kế 4 mẫu phiếu khảo sát được chuẩn hóa cho 3 nhóm đối tượng chính nêu trên, được tổ chức có hệ thống thực hiện theo đúng Quyết định số 44/QĐ-ĐHI làm cơ sở cho phân tích, đánh giá CĐR, đề xuất CĐR cho giai đoạn tới. Kết quả được 05 chuyên gia phản biện, trình bày và thảo luận tại Hội nghị về rà soát mục tiêu, CĐRvà khung CTĐT ngành KTĐ tháng 6 năm 2026.

CĐR được các bên liên quan nghiên cứu, mổ xẻ, phân tích tìm ra mặt hạn chế và kiến nghị một cách khách quan, làm cơ sở cho đánh giá. Quá trình này cũng là cơ hội để các bên liên quan ngoài Trường Đại học Intracom bày tỏ nhu cầu; các bên liên quan trong Trường Đại học Intracom chỉnh sửa bổ sung để nâng cao chất lượng CTĐT ngành KTĐ.

3. Điểm tồn tại

Nhu cầu của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành KTĐ là rất lớn, khó khả năng đáp ứng, nhất là nhu cầu đối với CĐR của các doanh nghiệp và của cựu sinh viên hiện nay là

người được tuyển. CĐR của CTĐT ngành KTĐ hiện chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của tất cả các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Rà soát lại, xác định số lượng CĐR, cơ cấu hợp lý các CĐR cho từng hợp phần - Mỗi CĐR cần có tối thiểu 2 học phần đáp ứng ở khối kiến thức bắt buộc - Mỗi học phần trong khối kiến thức bắt buộc có 2-3 CĐR. - Các học phần thuộc khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp có trên 3 CĐR.	- Khoa Công nghệ - Bộ môn Kỹ thuật điện - Phòng QLĐT	Năm 2026	Phối hợp với hoạt động của tiêu chí 1.4
2	Giảm thiểu những tồn tại	Cập nhật CĐR phù hợp với thực tiễn Tiếp tục tổ chức khảo sát định kỳ, hội thảo BLQ về cập nhật CTĐT và CĐR. Đưa nội dung phân tích BLQ thành báo cáo thường niên.	- Khoa Công nghệ - Bộ môn Kỹ thuật điện - Phòng QLĐT	Hằng năm	
		Kiến nghị CĐR của khối kiến thức đại cương - Điều tra, khảo sát bổ sung - Hội thảo các bên liên quan Tờ trình về Kiến nghị CĐR của khối kiến thức đại cương	Trường Đại học Intracom Các Khoa và đơn vị liên quan	Quý 4 năm 2026	

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	x

Tiêu chí 1.6: CĐR của CTĐT được đo lường, đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành KTĐ được đo lường, đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp được thực hiện đồng bộ và theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 17/2021/TT-BGD & ĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của Giáo dục đại học [H1.01.06.01]. Ngày 01 tháng 03 năm 2022, Trường Đại học Intracom ban hành Quyết định số 24/QĐ-ĐHCVA về quy định đo lường, đánh giá mức độ người học đạt CĐRCTĐT trình độ Đại học của Trường Đại học Chu Văn An nay là Trường Đại học Intracom [H1.01.06.02]. Theo đó, việc đo lường, đánh giá tại thời điểm người tốt nghiệp được thực hiện theo Khoản 5 về Đánh giá mức độ đạt CĐR của CTĐT của Điều 2 và quy định khác cụ thể tại Quyết định số 159/QĐ-ĐHCVA và Điều 5 [H1.01.06.03].

CĐR trong giai đoạn đào tạo 2021-2026, ban hành tại Quyết định số 176/QĐ-ĐHCVA ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Trường Đại học Intracom về việc ban hành và công bố CĐR ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học phiên bản năm 2021 [H1.01.06.04] và gần đây nhất là Quyết định số 294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026 của Trường Đại học intracom về Ban hành CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học [H1.01.06.05] đều được thiết kế theo hướng có thể đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR CTĐT ngành Kỹ thuật điện được cụ thể hóa thành các CĐR học phần và thể hiện mối liên kết thông qua ma trận IPM có trong Bản mô tả CTĐT ngành Kỹ thuật điện [H1.01.06.06]. Trên cơ sở đó, CTĐT ngành KTĐ triển khai các hoạt động đánh giá mức độ người học đạt CĐR ở tại thời điểm tốt nghiệp một cách đồng bộ và có hệ thống.

Ngành KTĐ được triển khai cho Khóa 16 từ năm 2021, do vậy, đến nay CĐR của CTĐT được đo lường, đánh giá tại thời điểm người tốt nghiệp cho khóa đầu tiên này. Thời điểm đánh giá mức độ đạt CĐRCTĐT theo Quyết định số 294/QĐ-ĐHI, trong đó quy định rõ về điểm tích lũy và báo cáo mức độ đạt CĐR của mỗi năm và mỗi khóa học.

Việc đo lường, đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp thực hiện theo quy định tại Quyết định ban hành Quy định đo lường, đánh giá mức độ người học đạt CĐR CTĐT trình độ ĐH của Trường ĐH Intracom [H1.01.06.07]

Việc xác lập, quản lý và giám sát dữ liệu về mức độ người học đạt CĐR CTĐT được thực hiện thông qua sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các Phòng/Trung tâm, Phòng QLĐT tạo cung cấp thông tin, dữ liệu về điểm của sinh viên toàn khóa [H01.06.01.08]

Phòng KT&ĐBCL, Phòng QLĐT chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện đo lường, đánh giá CĐR nói chung và đánh giá đo lường ở thời điểm người học tốt nghiệp nói riêng, đồng thời phối hợp với Khoa Công nghệ thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, tạo cơ sở dữ liệu minh bạch và đầy đủ để giám sát và đánh giá chất lượng của người tốt nghiệp.

Hệ thống cơ sở dữ liệu về mức độ người học đạt CĐR CTĐT tại thời điểm tốt nghiệp được thiết lập và quản lý chặt chẽ. Dữ liệu bao gồm Kế hoạch đo lường, đánh giá mức độ người học đạt CĐR toàn khóa học, kết quả học tập, kết quả đánh giá thực tập, khóa luận tốt nghiệp. Dữ liệu được thu thập, cập nhật định kỳ theo học kỳ, năm học và khóa học; có phân công rõ trách nhiệm lưu trữ, cập nhật và khai thác, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và nhất quán.

Kết quả được phản ánh tại Bảng tổng hợp dữ liệu điểm đánh giá CĐRCTĐT của sinh viên toàn khóa K16 và Báo cáo Kết quả đánh giá CĐRCTĐT khoá K16 [H1.01.06.09].

Các kết quả và những định hướng, kế hoạch về cải tiến chất lượng, áp dụng vào điều chỉnh nội dung CĐR để đo lường chính xác hơn, điều chỉnh về số lượng để phù hợp với ngành KTĐ cũng như tính khả thi về triển khai đào tạo và đánh giá CĐR đối với người học tại thời điểm tốt nghiệp được thể hiện trong Báo cáo rà soát đánh giá CTĐT và đề xuất cải tiến, điều chỉnh [H1.01.06.10], [BM.ĐT.29.02], [Hồ sơ]

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Intracom thực hiện nhất quán trong quy trình đo lường, đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp theo đúng quy định hiện hành; tổ chức triển khai chặt chẽ, phân công rõ ràng. Điểm này được thể hiện qua việc Trường Đại học Intracom ban hành rất kịp thời Quyết định số …/QĐ-ĐHP-ĐT và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc đo lường, đánh giá. Về cơ bản Quyết định này là phù hợp với hiện nay và tính khả thi thực hiện tốt.

Sự phối hợp giữa các phòng ban, khoa, bộ môn là rất chặt chẽ để bảo đảm tốt trong việc tổ chức đánh giá.

Hệ thống thông tin, dữ liệu khá đầy đủ, đảm bảo yêu cầu cho đánh giá theo lũy kế để phản đúng chất lượng của người học.

Kết quả đánh giá cho thấy người học được đánh giá ở mức khá tốt, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Việc chương trình đạt được các CĐR như hiện tại sẽ đảm bảo được chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu người học và các bên liên quan.

Tổ chức quá trình giám sát, đo lường mức độ người được quy định tương đối chặt chẽ và toàn diện, bám sát các nhóm năng lực và CĐR của CTĐT. Vai trò tham gia đầy đủ của

giảng viên vào các khâu đánh giá: xây dựng đề thi, kiểm tra, chấm điểm, phản hồi kết quả là yếu tố quyết định.

3. Điểm tồn tại

Thuật ngữ đo lường, đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp chưa rõ nên gây chủ quan trong thực hiện rằng chỉ đến khi tốt nghiệp mới đo lường, đánh giá hoặc đến thời điểm báo cáo, kiểm định mới thực hiện Điều này cần được cải thiện trong nhận thức rõ cho việc tổ chức đo lường mức độ đạt được CĐRtại thời điểm người học tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, sửa đổi bổ sung Quyết định số 294/QĐ-ĐHI	- Trường Đại học Intracom - Khoa Công nghệ - Bộ môn Kỹ thuật điện - Phòng QLĐT	Năm 2026	
2	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hội nghị về đo lường và đánh giá CĐR Tổ chức tập huấn về đo lường và đánh giá CĐR	- Phòng KT& ĐBCL	2026	

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	x

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 1:

Công tác xây dựng mục tiêu và Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện được triển khai bài bản, thể hiện qua những điểm nổi bật sau:

- Mục tiêu và CĐR được xây dựng rõ ràng, bám sát sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và đối sánh phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VNQF).

- Hệ thống CĐR được phân loại rõ ràng thành CĐR chung và chuyên biệt, có cấu trúc hợp lý và đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

- Quá trình rà soát, xây dựng CĐR có sự tham gia tích cực, đóng góp ý kiến khách quan từ nhiều bên liên quan, đặc biệt là cựu sinh viên và doanh nghiệp sử dụng lao động.

- Các CĐR có thể đo lường và đánh giá được tại thời điểm sinh viên tốt nghiệp thông qua hệ thống dữ liệu lũy kế khá đầy đủ và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban, khoa, bộ môn.

Tuy nhiên, việc thực hiện tiêu chuẩn này vẫn còn một số điểm tồn tại cần khắc phục:

- Việc trình bày kết quả phân tích, đối sánh CĐR với VNQF chủ yếu qua bảng đối sánh mà chưa được chuẩn hóa thành báo cáo phân tích riêng cho từng đợt rà soát.

- Việc phân bổ số lượng CĐR cho từng học phần đôi chỗ chưa hợp lý, có học phần chỉ có 1 CĐR trong khi có học phần có tới 6 CĐR.

- Nhu cầu của các bên liên quan về CĐR là rất lớn, do đó CTĐT hiện tại chưa thể đáp ứng đầy đủ tất cả nhu cầu của các bên.

- Thuật ngữ "đo lường, đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp" chưa được nhận thức rõ, dễ gây chủ quan trong quá trình thực hiện đánh giá.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT cũng là cơ sở để các nhà khoa học, GV nghiên cứu về chương trình hiện hành, giúp Trường đảm bảo các CĐR và đồng thời chứng minh khả năng đảm bảo đạt được CĐR đó. Bản mô tả CTĐT được cập nhật và công bố công khai cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Chương trình dạy học (CTDH) ngành Kỹ thuật điện trình độ Đại học, được tiếp cận theo hướng CDIO nhằm nâng cao chất lượng của người học. CTĐT được tham khảo từ các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế, được rà soát và điều chỉnh định kỳ để đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. CTĐT có cấu trúc hợp lý, có mục tiêu rõ ràng, đáp ứng các yêu cầu về CĐR kiến thức, kỹ năng, thái độ, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội.

Các CTĐT của ngành Kỹ thuật điện được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học trong khối ngành Kỹ thuật điện, tự động hóa.

Khung CTĐT bao gồm các nhóm HP: khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, thực tập và đồ án tốt nghiệp. HP tiên quyết làm nền tảng cho các HP tiếp theo. Các HP song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế có tính tích hợp. 100% HP đều được xây dựng CĐR và đáp ứng CĐR của CTĐT

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, được phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom luôn chú trọng tính chuẩn mực và minh bạch trong việc xây dựng và quản lý hồ sơ đào tạo. Hoạt động quản lý CTĐT và đề cương học phần ngành Kỹ thuật điện được thực hiện dựa trên hệ thống văn bản pháp quy nghiêm ngặt của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường.

Việc thiết kế, xây dựng bản mô tả CTĐT tuân thủ các quy định về chuẩn CTĐT và quy trình thẩm định, ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.02.01.01], cũng như các điều kiện về mở ngành và đình chỉ hoạt động đào tạo [H2.02.01.02]. Ở cấp độ Nhà trường, ngành Kỹ thuật điện thực hiện theo đúng Quy định về CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H2.02.01.03], đảm bảo cấu trúc chương trình tương thích với Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.02.01.04]. Quy trình phê duyệt chặt chẽ: CTĐT ngành Kỹ thuật điện

trải qua các bước thẩm định và phê duyệt nghiêm túc, đảm bảo tính khoa học và pháp lý trước khi đưa vào vận hành [H2.02.01.05].

Bản mô tả CTĐT ngành Kỹ thuật điện và hệ thống đề cương chi tiết học phần chứa đựng đầy đủ các thông tin tối thiểu như: mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, ma trận học phần thể hiện sự đóng góp của học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT, tóm tắt nội dung chính của học phần, phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá kết quả học tập, điều kiện tốt nghiệp [H2.02.01.06].

Trường Đại học Intracom hàng năm có các quy định hướng dẫn về việc rà soát, đánh giá, cập nhật thường xuyên bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP [H2.02.01.07]. Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá CTĐT từ các bên liên quan, chương trình ngành KTĐ đã tiến hành rà soát năm 2023 và năm 2026 [H2.02.01.08], [H2.02.01.09].

Đề cương chi tiết học phần có đầy đủ các thông tin: Tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, số giờ (lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, thảo luận và tự học), loại học phần, thông tin giảng viên giảng dạy học phần; mô tả tóm tắt học phần, CĐR của học phần, ma trận liên kết giữa CĐR của học phần và CĐR của chương trình đào tạo; phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp học tập của sinh viên; phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số điểm thành phần. Các nội dung của đề cương chi tiết học phần có liên kết với CĐR học phần, phân bổ thời gian các nội dung học tập, học liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo đầy đủ [H2.02.01.10] .

Trong giai đoạn đánh giá, ngành KTĐ đã thực hiện 2 lần rà soát điều chỉnh, các phiên bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP của CTĐT đã được phê duyệt bởi lãnh đạo Trường Đại học Intracom [H2.02.01.11] .

Sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các thông tin về CTĐT được công bố công khai trên website của Trường Đại học Intracom (https://intracomuni.edu.vn/), cổng thông tin tuyển sinh và trong Sổ tay sinh viên [H2.02.01.12]. Việc công khai này giúp các bên liên quan bao gồm người học, giảng viên và nhà tuyển dụng dễ dàng tiếp cận, giám sát và triển khai các hoạt động dạy - học một cách thống nhất.

2. Điểm mạnh

CTĐT được xây dựng với đầy đủ các thành phần, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin đến các bên liên quan theo quy định.

Đề cương chi tiết học phần được thiết kế đầy đủ và nhất quán.

Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật CTĐT và ĐCCTHP được thực hiện định kỳ và linh hoạt theo kế hoạch của Đại học, có văn bản hướng dẫn cụ thể kèm theo biểu mẫu chuẩn. Việc cập nhật được tổ chức với sự tham gia của giảng viên, bộ môn, Khoa, Hội đồng khoa học Trường.

Các phiên bản CTĐT và ĐCCTHP được công bố, công khai trên website, tạo điều kiện thuận lợi để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật đề cương chi tiết học phần tại một số môn học tự chọn đôi khi còn chậm so với sự thay đổi và yêu cầu của quản trị nhân lực trong sự phát triển của cách mạng 4.0 và ứng dụng công nghệ AI trong quản lý nhân sự.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện rà soát và cập nhật danh mục học liệu, phần mềm ứng dụng trong ĐCCTHP trước mỗi học kỳ.	Trưởng bộ môn, Giảng viên học phần	Tháng 01 và Tháng 08 hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường quảng bá nội dung CTĐT trên các nền tảng mạng xã hội chuyên nghiệp để kết nối tốt hơn với mạng lưới nhà tuyển dụng.	Nhóm truyền thông của Khoa	Thường xuyên	

3	Kiến nghị, đề xuất	Xây dựng ngân hàng dữ liệu số về ĐCCTHP cho phép sinh viên tra cứu lịch sử cập nhật để thấy rõ quá trình cải tiến chất lượng.	Phòng QLĐT Văn phòng Khoa	Năm 2027	

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	x

Tiêu chí 2.2: [Tiêu chí điều kiện]: Cấu trúc và nội dung của CTĐT được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được CĐR và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom có quy định để hướng dẫn các ngành xây dựng, phát triển CTĐT dựa trên CĐR của CTĐT [H2.02.02.01]. CTĐT ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021 có 17 CĐR, các học phần đều đảm bảo CĐR của học phần tương thích với CĐR của CTĐT [H2.02.02.02], bản cập nhật 2023 [H2.02.02.03] cũng có 17 CĐR, các học phần đều đảm bảo CĐR của học phần tương thích với CĐR của CTĐT ngoài ra bổ sung CĐR tăng cường khối ngoại ngữ đảm bảo sinh viên ra trường có kỹ năng giao tiếp và tiếp cận các tài liệu nước ngoài hiệu quả. Bản cập nhật năm 2026 [H2.02.02.04] được phát triển theo mô hình CDIO (Conceive – Design – Implement – Operate), tạo nên một lộ trình học tập hệ thống, logic xuyên suốt 3,5 năm học. Các học phần của CTĐT được phân bổ, sắp xếp theo tiến trình hợp lý về thời gian, phù hợp với khả năng học tập của người học, thể hiện sự liên kết và bổ trợ lẫn nhau bảo đảm giúp người học hình thành và đạt CĐR. CTĐT ngành KTĐ được xây dựng với cấu trúc hợp lý, bao gồm 129 tín chỉ (cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh theo quy định), đảm bảo yêu cầu về khối lượng học tập tối thiểu được quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam, quy định của Chuẩn CTĐT và quy định xây dựng, rà soát cập nhật CĐR và CTĐT hiện hành của nhà trường [H2.02.02.05]. Cụ thể bản 2026 sau khi rà soát được chia như sau:

Khối kiến thức đại cương: 38TC Bao gồm các môn học bắt buộc như Pháp luật đại cương, Tin học văn phòng, Nhập môn Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin,…

Khối kiến thức cơ sở ngành: 34 TC Tập trung vào các nền tảng Kỹ thuật và quản lý như Hình họa – vẽ kỹ thuật, Lý thuyết mạch điện 1,2, Máy điện, Kỹ thuật điện tử, điện tử công suất, kỹ thuật đo lường,…

Khối kiến thức chuyên ngành: 45 TC bao gồm các học phần bắt buộc, các học phần tự chọn.

Khối Thực tập và Tốt nghiệp: 12 TC.

Số kỳ học và số lượng tín chỉ các học phần được thực hiện theo cây tiến trình theo khung CTĐT của Trường Đại học Intracom thể hiện tại Kế hoạch giảng dạy trong CTĐT phiên bản 2026 [H2.02.02.06].

Từ năm học 2026-2027, Trường Đại học Intracom chuyển đổi từ 2 kỳ học chính và 1 kỳ học phụ sang 3 kỳ học chính và kỳ học phụ có quy định số tín chỉ tối thiểu sinh viên phải đăng ký là 8 tín chỉ/ học kỳ, tối đa không quá 16 tín chỉ/ kỳ học theo Quy chế đào tạo trình độ Đại học của Trường [H2.02.02.07]. Khối lượng của CTĐT được quy định tại thông tư số 17/2021/TT – BGD, đảm bảo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo [H2.02.02.08]. Mỗi tín chỉ được tính 50 giờ học tập định mức của người học bao gồm 15 giờ giảng lý thuyết trên lớp hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; 35 giờ tự học tự nghiên cứu.

CTĐT được thiết kế và phát triển bảo đảm có lộ trình giúp người học đạt được CĐR. Điều này thể hiện cụ thể như sau:

CTĐT ngành KTĐ được thiết kế và phân bổ vào 10 học kỳ, trong đó các HP được sắp xếp theo tiến trình từ cơ bản đến nâng cao, được cấu trúc vào các khối kiến thức từ đại cương đến cơ sở ngành, chuyên ngành nhằm hộ trợ người học tích lũy kiến thức và kỹ năng một cách tuần tự, hiệu quả [H2.02.02.06].

Việc xác định HP bắt buộc, HP tiên quyết, HP điều kiện, HP bổ trợ… hay việc xác định yêu cầu về mức độ đạt CĐR của HP giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực NH trong suốt khóa học, điều này được thể hiện trong khung CTĐT thuộc bản mô tả CTĐT phiên bản năm 2026 [H2.02.02.06].

Để đảm bảo tính liên kết giữa các HP và CĐR, ma trận tích hợp CĐR của các HP trong CTĐT cũng được xây dựng để đảm bảo tính nhất quán và định hướng năng lực trong toàn bộ CTĐT được thể hiện trong bảng 7, bản mô tả CTĐT phiên bản 2026 [H2.02.02.04].

Khối lượng học tập của các HP được quy định thành TC, được xác định một cách khoa học căn cứ theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường [H2.02.02.07], đảm bảo tổng thời gian cần thiết để NH tham gia học lý thuyết, thực hành, thảo luận, tự học, làm bài tập hay thực hiện nghiên cứu, qua đó NH hình thành, tích lũy năng lực theo CĐR của CTĐT.

Thông tin về khối lượng học tập, phân bổ thời gian học tập và mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá với CĐR được trình bày cụ thể trong ĐCCTHP đảm bảo NH đạt được CĐR của HP, Đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo quy định về biên soạn đề cương chi tiết học phần trong CTĐT [H2.02.02.09].

Bảng 2.2.1. Tóm tắt cấu trúc CTĐT theo các khối kiến thức qua các phiên bản CTĐT ngành Kỹ thuật điện

TT	Khối kiến thức	Năm 2021 (Số tín chỉ)	Năm 2023 (Số tín chỉ)	Năm 2026 (Số tín chỉ)
1	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**	**36**	**40**	**38**
1.1	Bắt buộc	34	38	36
1.2	Tự chọn	2	2	2
2	**Khối kiến thức cơ sở ngành**	**36**	**36**	**34**
2.1	Bắt buộc	34	34	32
2.2	Tự chọn	2	2	2
3	**Khối kiến thức ngành, chuyên ngành**	**44**	**44**	**45**
3.1	Bắt buộc	38	38	41
3.2	Tự chọn	6	6	4
4	**Khối kiến thức bổ trợ**	**1**	**1**	**0**
4.1	Bắt buộc	1	1	0
4.2	Tự chọn	0	0	0
5	**Thực tập, Đồ án tốt nghiệp**	**12**	**12**	**12**

5.1	Bắt buộc	12	12	12
5.2	Tự chọn	0	0	0
	Tổng cộng	**129**	**133**	**129**

Trường Đại học Intracom tổ chức tập huấn để giảng viên biết cách thiết kế chương trình đào tạo, ĐCCTHP theo yêu cầu CĐR của CTĐT [H2.02.02.10]

Sự gắn kết chặt chẽ qua Ma trận IPM và vai trò của Giảng viên Sự tương thích giữa học phần và CĐR được minh chứng rõ nét qua Ma trận CĐR và Ma trận IPM. Trường Đại học Intracom đã phân nhiệm vai trò cụ thể cho từng học phần được thể hiện trong bảng 7, bản mô tả CTĐT phiên bản 2026 [H2.02.02.04]:

Mức I (Introduce): học phần dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức đơn giản làm cơ sở cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

Mức P (Practice): học phần dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức cơ bản hay nâng cao;

Mức M (Master): học phần dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức nâng cao, đóng góp quan trọng cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Các học phần cuối khóa yêu cầu giải quyết bài toán thực tế của doanh nghiệp. Đội ngũ giảng viên trực tiếp tham gia xây dựng ma trận này và cụ thể hóa vào Đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) [H2.02.02.10]. Thông qua các đợt tập huấn chuyên sâu về thiết kế CTĐT, thông qua các cuộc họp chuyên môn giảng viên được trang bị kỹ thuật chuyển tải mục tiêu vào CĐR học phần [H2.02.02.11], từ đó áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như Case Study, Project-based learning nhằm đo lường năng lực sinh viên một cách chính xác nhất, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp giúp người học đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

Đảm bảo khối lượng học tập và tính khả thi Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 129 tín chỉ (TC), tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành và được phân bổ khoa học giữa các khối kiến thức thể hiện trong khung chương trình đào tạo thuộc Bản Mô tả CTĐT phiên bản 2026 [H2.02.02.04]. Khối lượng này được xác định dựa trên việc đối sánh với các chương trình uy tín trong và ngoài nước [H2.02.02.12]. Trường Đại học Intracom quy định định mức giờ học tập minh bạch trong ĐCCTHP với tỷ lệ Lý thuyết - Thực hành - Tự học khả thi. Ví dụ, học phần Lý thuyết mạch điện 1 có cấu trúc 3 TC (2-1-6), tương ứng 30 giờ lý thuyết, 15 giờ thực hành và 90

giờ tự học, đảm bảo sinh viên có đủ thời gian nghiên cứu mà không bị áp lực quá tải. Định kỳ, Khoa tiến hành thu thập phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên [H2.02.02.13] để thực hiện các điều chỉnh, cải tiến cấu trúc chương trình.

2. Điểm mạnh

Cấu trúc và nội dung của CTĐT ngành KTĐ đã được thiết kế và phát triển để đảm bảo người học đạt được CĐRvà khối lượng học tập phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương pháp xác định khối lượng học tập của CTĐT, của từng HP phù hợp với yêu cầu của CĐR và Khung trình độ quốc gia, được thực hiện hợp lý, tính toán dựa trên tổng thời gian NH cần thiết để đạt được năng lực, góp phần hỗ trợ quá trình tích lũy và hình thành năng lực.

Trường Đại học Intracom thường xuyên thực hiện rà soát điều chỉnh định kỳ để có khối lượng học tập phù hợp và bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra.

GV tham gia giảng dạy hiểu rõ và áp dụng hiệu quả ma trận tích hợp CĐR của các HP trong quá trình xây dựng ĐCCTHP và tổ chức hoạt động giảng dạy, đánh giá KQHT.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù giảng viên đã được hướng dẫn thiết kế CĐR của học phần để tương thích với CĐR của CTĐT. Tuy nhiên chưa có sự cân đối giữa ma trận IPM giữa các học phần trong chương trình đào tạo.

Việc tích hợp thêm các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế vào cấu trúc chương trình dù đã bắt đầu nhưng cần sự đồng bộ hóa mạnh mẽ hơn trong đề cương chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức rà soát đồng bộ hệ thống đánh giá trong tất cả ĐCCTHP, đảm bảo tỷ lệ điểm thực hành phản ánh đúng mức độ "P" hoặc "M" (Vận dụng) của học phần.	Trưởng bộ môn, Giảng viên	Trước học kỳ I, 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức các buổi tọa đàm "Chia sẻ phương pháp giảng dạy theo chuẩn CDIO" cho giảng viên mới để duy trì tính nhất quán của CTĐT.	Khoa Công nghệ	Định kỳ hàng năm	
		Tăng cường đối sánh khối lượng học tập với các chương trình quốc tế đạt chuẩn kiểm định (như Đại học Công nghiệp Cáp Nhĩ Tân – Trung Quốc) để tiếp tục tinh gọn và nâng cao hiệu quả học tập.	Nhóm chuyên trách ĐBCL	Chu kỳ rà soát 2027	

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của CTĐT được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom, Khoa Công nghệ đã thiết lập một hệ thống bài bản nhằm đảm bảo tiếng nói của các bên liên quan (BLQ) được tích hợp sâu vào quá trình phát triển CTĐT. Hoạt động này được vận hành dựa trên các Kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm [H2.02.03.01] và hệ thống văn bản quy định cụ thể về việc lấy ý kiến phản hồi [H2.02.03.02]. Trường Đại học Intracom xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị từ cấp quản lý đến bộ môn chuyên môn trong việc triển khai các phiếu khảo sát nhu cầu nhân lực và báo cáo phân tích kết quả khảo sát. Công cụ triển khai bao gồm phiếu khảo sát trực tuyến, biên bản phỏng vấn sâu và các hội thảo khoa học được tổ chức định kỳ, tạo kênh tương tác đa chiều giữa Nhà trường và xã hội.

Trong quá trình phát triển ngành KTĐ, Nhà trường đặc biệt chú trọng đến các BLQ bên ngoài để đảm bảo tính thực tiễn và khả năng đáp ứng thị trường lao động.

+ Nhà tuyển dụng và Chuyên gia: Thông qua các buổi tọa đàm, Trường đã lấy ý kiến (các đơn vị, chuyên gia, …) [H2.02.03.03]

+ Cựu sinh viên: Cung cấp phản hồi về mức độ phù hợp của kiến thức thực tế.

+ BLQ bên trong (Giảng viên và Sinh viên): Đóng góp ý kiến về tính logic của cấu trúc chương trình và khối lượng học tập. Sau mỗi đợt thu thập, dữ liệu được tổng hợp và đưa ra thảo luận tại các cuộc họp Khoa và Hội đồng Khoa học Đào tạo [H2.02.03.04] để làm căn cứ điều chỉnh Khung CTĐT [H2.02.03.05].

Thêm nữa, có sự cải tiến cấu trúc chương trình dựa trên phản hồi thực tế. Những minh chứng cụ thể cho việc tiếp thu phản hồi được thể hiện qua các phiên bản điều chỉnh của CTĐT:

+ Đáp ứng xu hướng chuyển đổi số: Bổ sung các học phần tiên phong như "Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo", "Kĩ năng mềm trong kỉ nguyên số" và "Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở".

+ Hội nhập quốc tế: Thiết kế linh hoạt các học phần ngoại ngữ chuyên ngành và học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

+ Tăng cường tính thực hành: Cân đối lại thời lượng, tăng giờ thực hành và tự học trong các học phần nghiệp vụ cốt lõi như Hệ thống Cung cấp điện, Phần mềm ứng dụng trong Hệ thống điện…

Về Hoạt động đối sánh và chuẩn hóa quốc tế : Khoa Công nghệ đã thực hiện đối sánh sâu cấu trúc nội dung CTĐT với các cơ sở đào tạo uy tín trong nước (Đại học Hải Dương, Đại học

Cần Thơ) và quốc tế (Đại học Cáp Nhĩ Tân – Trung Quốc) [H2.02.03.06]. Kết quả từ Bảng đối sánh điều chỉnh CTĐT qua phiên bản 2026 [H2.02.03.05] giúp Nhà trường học tập các kinh nghiệm tốt, tinh chỉnh các học phần theo hướng hiện đại, tăng tỷ lệ ứng dụng công nghệ và rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề. Sự kết hợp giữa phản hồi thực tế và kết quả đối sánh đã dẫn đến những cải tiến rõ nét trong cấu trúc 133 tín chỉ (đối với bản cũ) và cập nhật lên các phiên bản mới, đảm bảo khối lượng kiến thức được phân bổ khoa học, phản ánh đúng định hướng ứng dụng của Trường Đại học Intracom.

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, Khoa đã thực hiện quy trình thu thập phản hồi chuyên nghiệp: Việc lấy ý kiến BLQ được thực hiện định kỳ với bộ công cụ đa dạng và các quy định rõ ràng, đảm bảo CTĐT luôn bám sát thực tiễn thị trường lao động. Tính tiên phong và cập nhật công nghệ cũng được sử dụng đối với CTĐT ngành Kỹ thuật điện sớm tích hợp nội dung về AI và Khoa học dữ liệu, đáp ứng trực tiếp nhu cầu về "KTĐ" hiện nay [H2.02.03.05].

Đặc biệt, CTĐT ngành Kỹ thuật điện được thiết kế theo cấu trúc hiện đại, bảo đảm tính hệ thống, liên thông và linh hoạt, phù hợp với định hướng phát triển của Trường Đại học Intracom trong giai đoạn chuyển đổi sang mô hình đại học đổi mới sáng tạo. Cấu trúc chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, cùng với các học phần thực hành, thực tập và học phần tự chọn. Cách tổ chức này vừa đảm bảo nền tảng học thuật vững chắc, vừa tạo điều kiện cho người học phát triển theo các định hướng nghề nghiệp chuyên sâu và cá nhân hóa lộ trình học tập.

Nội dung chương trình được xây dựng theo tiếp cận chuẩn đầu ra, chú trọng tính cập nhật, tính ứng dụng và hội nhập quốc tế. Các học phần không chỉ bao quát các lĩnh vực cốt lõi của Kỹ thuật điện mà còn tích hợp các nội dung mới như Lưới điện thông minh trong bối cảnh chuyển đổi số. Đồng thời, chương trình tăng cường các hoạt động học tập trải nghiệm, dự án thực tế và thực tập tại doanh nghiệp nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp và kỹ năng làm việc trong môi trường thực tiễn.

CTĐT thể hiện rõ sự phù hợp với định hướng chiến lược của Trường Đại học Intracom thông qua việc gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp, đồng thời chú trọng phát triển năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng của người học trong bối cảnh thị trường lao động biến đổi nhanh. Bên cạnh đó, chương trình cũng phù hợp với định hướng mang tính ứng dụng, liên ngành và quốc tế hóa, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn, kỹ năng toàn diện và khả năng làm việc trong môi trường toàn cầu, thể hiện tại Khung

CTĐT trong bản mô tả CTĐT các phiên bản 2023,2026 [H2.02.03.07].

Để đảm bảo tính khoa học, khách quan và chuyên sâu, Nhà trường đặc biệt chú trọng mời tham gia Hội đồng thẩm định là các chuyên gia đầu ngành, những nhà khoa học sở hữu học hàm, học vị cao đến từ các Trường đại học uy tín đào tạo lĩnh vực khoa học kỹ thuật: ĐH Bách Khoa, Trường ĐH Điện lực. Bằng trí tuệ, kinh nghiệm thực tiễn và tầm nhìn chiến lược, các thầy đã mang đến những ý kiến phản biện sắc sảo và đóng góp vô cùng quý báu. Đây là nền tảng vững chắc để Nhà trường hoàn thiện một chương trình đào tạo tiên tiến, chuẩn mực, cam kết kiến tạo nên những thế hệ người học xuất sắc cho tương lai [H2.02.03.08].

2. Điểm mạnh

Khoa đã thực hiện quy trình thu thập phản hồi chuyên nghiệp, đảm bảo CTĐT luôn bám sát thực tiễn thị trường lao động. Tính tiên phong và cập nhật công nghệ cũng được sử dụng đối với CTĐT ngành Kỹ thuật điện sớm tích hợp nội dung về AI và Khoa học dữ liệu.

Nhà trường luôn ghi nhận và tiếp thu nghiêm túc thông tin phản hồi của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT. Đồng thời, kết quả đối sánh với các CTĐT của các cơ sở đào tạo khác trong nước cũng được sử dụng như một căn cứ quan trọng để hoàn thiện chương trình.

Cấu trúc CTĐT được thiết kế hợp lý, logic và nhất quan với mục tiêu đào tạo đã đề ra. Các HP được bố trí theo trình tự phát triển năng lực, từ nền tảng đến chuyên sâu, phản ánh rõ định hướng của Trường Đại học Intracom.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù phản hồi từ nhà tuyển dụng đã được sử dụng để điều chỉnh, việc hệ thống hóa hồ sơ "giải trình tiếp thu" chi tiết cho từng học phần lẻ ở cấp bộ môn đôi khi còn chưa đồng bộ hoàn hảo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng "Sổ tay cải tiến học phần" cho từng bộ môn để ghi chép và lưu trữ chi tiết các thay đổi trong đề cương dựa trên phản hồi của BLQ hàng năm.	Trưởng bộ môn, Giảng viên	Từ Năm học 2026-2027	
		Thành lập CLB Cựu sinh viên ngành Kỹ thuật điện để tạo kênh liên lạc thường xuyên và nâng cao tỷ lệ phản hồi trong các kỳ rà soát tiếp theo.	Văn phòng Khoa, CVHT	Tháng 11/2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức định kỳ Hội thảo "Đối thoại cùng Nhà tuyển dụng" vào đầu mỗi năm học để cập nhật tức thời các kỹ năng mới mà thị trường yêu cầu.	Khoa Công nghệ	Hàng năm	
		Tăng cường hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp quốc tế (như …) để đối sánh nội dung chuyên ngành theo chuẩn chứng chỉ hành nghề quốc tế.	Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Năm 2027	

5. ***Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt***

Không đạt (K)	**Đạt (Đ)**
	x

Tiêu chí 2.4 [Tiêu chí điều kiện]: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐT là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom thiết lập cơ chế quản lý CTĐT đảm bảo tính hệ thống, trong đó mỗi học phần đều có vai trò và vị trí xác định, đóng góp trực tiếp vào việc hiện thực hóa các CĐR đã công bố. CTĐT ngành KTĐ được xây dựng và định kỳ cập nhật đảm bảo sự đóng góp của từng HP để đạt được CĐR của CTĐT luôn phù hợp và rõ ràng. Trước hết, bản mô tả các phiên bản CTĐT đều thể hiện các HP được sắp xếp trong 10 học kỳ, theo tiến trình từ cơ bản đến nâng cao và được cấu trúc vào các khối kiến thức từ đại cương đến cơ sở ngành, chuyên ngành nhằm hỗ trợ người học tích lũy kiến thức và kỹ năng một cách tuần tự, hiệu quả [H2.02.04.01] [H2.02.04.02] [H2.02.04.03]. Hơn nữa CTĐT luôn thiết lập ma trận tích hợp các HP vào CĐR của CTĐT để đảm bảo tính nhất quán và định hướng năng lực trong toàn bộ CTĐT, đồng thời thể hiện rõ sự liên kết và mức độ đóng góp của từng HP vào việc hình thành và phát triển các năng lực theo CĐR của CTĐT [H2.02.04.04]. Từng học phần trong CTĐT cũng đều xác định rõ mục tiêu, xây dựng CĐR chi tiết, liên kết trực tiếp vào các CĐR của CTĐT nhằm giúp NH đạt được những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ cụ thể trong mô tả tóm tắt nội dung các học phần trong CTĐT năm 2026 [H2.02.04.05] (https://intracomuni.edu.vn/).

Trường Đại học Intracom đã ban hành văn bản hướng dẫn rõ ràng về cách thức xác định mức độ đóng góp của học phần để đạt CĐR của CTĐT. Sự đóng góp này được cụ thể hóa minh bạch qua Ma trận liên kết giữa từng học phần và các CĐR của CTĐT [H2.02.04.01], [H2.02.04.02], [H2.02.04.03]. Ma trận này đóng vai trò là bản đồ định hướng kỹ thuật, phân định rõ trách nhiệm của từng môn học đối với CĐR theo các mức độ IPM (Giới thiệu – Thực hành – Vận dụng). Cách tiếp cận này giúp sinh viên tích lũy năng lực một cách lũy tiến:

I (Introduce): học phần dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức đơn giản làm cơ sở cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

P (Practice): học phần dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức cơ bản hay nâng cao;

M (Master): học phần dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức nâng cao, đóng góp quan trọng cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các học phần thực hành chuyên sâu, thực tập và khóa luận yêu cầu sinh viên vận dụng tổng hợp để giải quyết các tình huống thực tế, khẳng định mức độ thuần thục đối với chuẩn đầu ra.

Để đảm bảo tính thực thi, Trường Đại học Intracom ban hành Quy định biên soạn, rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học phần [H2.02.04.06]. Theo đó, mỗi Đề cương chi tiết học phần phải mô tả rõ các CĐR của học phần và cách thức chúng tương thích với CĐR của toàn CTĐT theo đúng ma trận IPM đã xác định. Giảng viên căn cứ vào mức độ IPM được phân nhiệm để thiết kế phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp.

Trong quá trình rà soát (2 lần) năm 2023 và năm 2026, Khoa Công nghệ đã triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan về sự phù hợp và đóng góp của từng học phần đối với CĐR của CTĐT [H2.02.04.07].

Hệ thống ma trận IPM chặt chẽ: Mối liên hệ giữa học phần và CĐR được thiết lập khoa học theo các cấp độ phát triển năng lực, giúp sinh viên và giảng viên hiểu rõ lộ trình đào tạo [H2.02.04.01], [H2.02.04.02], [H2.02.04.03]. Đề cương chi tiết được xây dựng nhất quán, các học phần đều có đề cương được phê duyệt bài bản, thể hiện rõ vai trò đóng góp vào CĐR chương trình thông qua các phương pháp dạy học tích cực. Nhà trường có cơ chế giám sát và cập nhật thường xuyên về việc rà soát định kỳ và dự giờ giảng viên giúp đảm bảo đóng góp của mỗi học phần luôn bám sát mục tiêu đào tạo và yêu cầu thực tiễn của ngành Kỹ thuật điện [H2.02.04.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã áp dụng việc thiết lập hệ thống ma trận liên kết giữa học phần và CĐR CTĐT một cách khoa học, được điều chỉnh phù hợp với với nhu cầu của NH và phát triển của ngành.

Các phiên bản của CTĐT đều có ma trận HP – CĐR rõ ràng, minh bạch.

Các đề cương HP thể hiện CĐR của HP gắn với CĐR của CTĐT.

Quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT được ban hành, có sự tham gia của nhiều bên liên quan, phản hồi của các bên liên quan được thu thập bằng nhiều hình thức và đã được sử dụng để cải tiến CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Ở một số học phần thuộc mức I (Giới thiệu), việc giảng viên lồng ghép giới thiệu CĐR của chương trình đôi khi còn lướt qua nhanh, chưa giúp sinh viên năm nhất nhận thức sâu sắc về lộ trình IPM.

Việc cập nhật lại ma trận liên kết sau các kỳ điều chỉnh nhỏ trong đề cương học phần đôi khi còn chậm về mặt thủ tục hành chính.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh ma trận IPM, bổ sung thêm các nội dung liên quan đến quản trị nhân lực vào học phần Nhập môn ngành Kỹ thuật điện	Trưởng bộ môn, Giảng viên học phần	Từ năm học 2026-2027	
		Yêu cầu giảng viên các học phần mức độ "M" phải sử dụng ít nhất 50% trọng số điểm để đánh giá qua các bài tập thực hành, giải quyết tình huống thực tế tại doanh nghiệp.	Trưởng bộ môn, Giảng viên học phần	Từ năm học 2026 - 2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức hội thảo chuyên sâu về "Vận dụng mức độ M (Master) trong giảng dạy" nhằm nâng cao năng lực hướng dẫn thực hành cho giảng viên các học phần chuyên ngành.	Khoa Công nghệ	Tháng 08 hàng năm	
		Tăng cường công khai ma trận IPM dưới dạng đồ họa trực quan trên website Khoa để sinh viên dễ dàng theo dõi lộ trình phát triển năng lực cá nhân.	Khoa Công nghệ	Học kỳ năm học 2026-2027	

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	x

Tiêu chí 2.5: CTĐT có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026 được thiết kế với tổng khối lượng 129 tín chỉ, triển khai trong 3,5 năm với cấu trúc 10 học kỳ. Chương trình thể hiện sự liên kết chặt chẽ và bổ trợ lẫn nhau giữa các khối kiến thức, tạo nên một hệ thống phát triển năng lực toàn diện cho người học [H2.02.05.01]. Trình tự các học phần (HP) được sắp xếp khoa học, đảm bảo sự tiến triển từ đại cương đến chuyên sâu [H2.02.05.02]:

Khối giáo dục đại cương (38 TC): Bố trí tại các năm đầu nhằm cung cấp nền tảng phương pháp luận, thế giới quan chính trị và kỹ năng mềm. Các HP như *Triết học Mác - Lênin, Giải tích* và đặc biệt là *Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo* đóng vai trò là nền tảng tư duy và công cụ hỗ trợ cho các giai đoạn.

Khối kiến thức cơ sở ngành (34 TC): Xây dựng các công cụ phân tích và tư duy quản trị căn bản. Nhà trường xác định rõ mối quan hệ tiên quyết: Ví dụ, các HP *Lý thuyết mạch điện* hoặc *Máy điện* là tiền đề bắt buộc để người học có đủ kiến thức tiếp cận HP *Hệ thống cung cấp điện* và các môn nghiệp vụ chuyên sâu.

Khối kiến thức chuyên ngành (45TC): Tập trung phát triển năng lực chuyên sâu về Kỹ thuật điện (Hệ thống cung cấp điện; Kỹ thuật chiếu sáng, Các nguồn năng lượng tái tạo; Phần điện trong nhà máy điện và trạm biến áp; Kỹ thuật điện cao áp; Lưới điện; Bảo vệ rơ-le trong Hệ thống điện; Tổ chức thi công công trình điện…). Tính bổ trợ thể hiện rõ qua việc các HP học sau sử dụng và phát triển dựa trên kỹ năng của HP trước; ví dụ, Hệ thống cung cấp điện, Lưới điện được hỗ trợ trực tiếp bởi các HP về Giải tích và Lý thuyết mạch điện ở khối đại cương và cơ sở ngành.

Khối thực tập và tốt nghiệp (12 TC): Là giai đoạn cuối cùng (Học kỳ 10), nơi sinh viên vận dụng tổng hợp toàn bộ kiến thức để giải quyết bài toán thực tiễn tại doanh nghiệp, hoàn thiện chuỗi phát triển năng lực xuyên suốt. Tính bổ trợ lẫn nhau được đảm bảo khi mỗi học phần không chỉ đóng góp độc lập mà còn tạo sự tương tác, củng cố và mở rộng kiến thức từ các học phần khác, hình thành một hệ thống kiến thức, kỹ năng toàn diện.

CTĐT đã xác định rõ mối quan hệ tiên quyết, ví dụ học phầnTiếng Anh 2 điều kiện tiên quyết là Tiếng Anh 1, học phần Lý thuyết mạch điện 1 là điều kiện tiên quyết học phần Lý thuyết mạch điện 2, học phần Đồ án tốt nghiệp điều kiện tiên quyết là học phần thực tập tốt nghiệp…Học phần song hành cũng được bố trí giữa các học phần để phát triển năng lực từ thấp đến cao, phù

hợp với quá trình nhận thức và phát triển của người học H2.02.05.01].

Việc bố trí các học phần theo trình tự hợp lý về thời gian và tiến độ triển khai [H2.02.05.03].

Danh mục HP tự chọn phong phú: Chương trình dành khoảng 2 TC tự chọn cơ sở ngành (như *Mạng truyền thông công nghiệp; Kỹ thuật điện lạnh; Kỹ thuật điện dân dụng; Lý thuyết điều khiển tự động 2*) và 4 TC tự chọn chuyên ngành. Điều này giúp người học có thể đi sâu vào các mảng chuyên biệt như *Trang bị điện; Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả điện năng; Ổn định hệ thống điện; Quy hoạch mạng cung cấp điện; Kế toán doanh nghiệp xây lắp điện; Lưới điện thông minh*.

Tính chuyên sâu trong tốt nghiệp: Sinh viên có khối lượng tín chỉ lớn để thích nghi với doanh nghiệp và thực tế thể hiện qua học phần Thực tập tốt nghiệp (4TC) và Đồ án tốt nghiệp (8 TC) để phát triển năng lực nghiên cứu, tăng tính thực hành ứng dụng.

Tính tích hợp được thể hiện qua sự giao thoa giữa lý thuyết và thực hành, kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm:

Tích hợp lý thuyết - thực hành: Cấu trúc chương trình đảm bảo tỷ lệ cân bằng; nhiều HP chuyên ngành tích hợp bài tập tình huống (Case study), đóng vai (Role-play) và thực hành trên phần mềm kỹ thuật. Ví dụ, HP Phần mềm ứng dụng trong Hệ thống điện tích hợp kỹ năng xử lý dữ liệu để mô phỏng trên các phần mềm chuyên dụng [H2.02.05.04].

Tích hợp kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm: Các kỹ năng như giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm và tư duy chiến lược không được dạy tách rời mà được lồng ghép trực tiếp vào nội dung giảng dạy của các học phần chuyên ngành.

Tích hợp công nghệ số và trí tuệ nhân tạo: Đáp ứng xu hướng nhân sự số, chương trình đã tích hợp các nội dung hiện đại như "Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo" (2TC) và "Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở" (2 TC), giúp sinh viên làm chủ các công cụ công nghệ trong nghề nghiệp.

Dự án tích hợp liên ngành: Các học phần cuối khóa như "Đồ án tốt nghiệp" (8 TC) hoặc "Thực tập tốt nghiệp" (4 TC) yêu cầu sinh viên phải vận dụng tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực như để giải quyết các bài toán nhân sự phức tạp trong thực tiễn.

Trường Đại học Intracom thực hiện việc rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT ngành Kỹ thuật điện theo đúng các quy định, hướng dẫn và kế hoạch định kỳ của cơ sở đào tạo. Quy trình này đảm bảo tính hệ thống, khoa học và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động rà soát được thực hiện toàn diện, bao gồm các thành phần từ mục tiêu, CĐR

(CĐR), cấu trúc chương trình đến nội dung học phần (HP) và phương pháp giảng dạy. [H2.02.05.05] [H2.02.05.06].

Lần cập nhật năm 2026, điều chỉnh thay đổi mục tiêu, CĐR của CTĐT so với phiên bản 2023, cụ thể tổng số tín chỉ của CTĐT giảm từ 133 TC xuống còn 129 TC; CĐR của chương trình đã được giảm xuống từ 17 CĐR còn 09 CĐR; bỏ một số học phần độc lập như Kỹ thuật nhiệt và lồng ghép trong các học phần khác như Lý thuyết trường điện từ; nhập các học phần đơn lẻ như lưới điện phân phối, lưới điện cao áp thành học phần Lưới điện và một số học phần tự chọn chuyên ngành không phù hợp. CTĐT đã bổ sung một số học phần mới như Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, Kĩ năng mềm trong kỉ nguyên số, Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, Nhập môn phát triển bền vững, Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở [H2.02.05.07]. Xu hướng cập nhật các nội dung ứng dụng công nghệ số vào Kỹ thuật điện phù hợp với sự phát triển thực tiễn hiện nay.

Kế hoạch học tập toàn khóa được thiết kế hợp lý, đảm bảo các điều kiện tiên quyết, điều kiện học trước và học phần song hành, đảm bảo sự cân đối giữa các kỳ học, thuận lợi cho đăng ký tín chỉ.

Bảng 2.5.1. Bảng tóm tắt các học phần CTĐT ngành Kỹ thuật điện

TT	Tiêu chí	Số lượng HP	Tên Học phần
1	HP tích hợp lý thuyết và thực hành	13	Lý thuyết mạch điện, Máy điện, Trang bị điện…..
2	HP tích hợp giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng	7	Phương pháp NCKH Kĩ năng mềm trong kỉ nguyên số…
3	HP tích hợp giữa học tập trong Trường và trải nghiệm thực tế bên ngoài	4	Thực tập tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp, Kiến tập tham quan công trình điện

4	HP tích hợp giữa giảng dạy truyền thống và ứng dụng công nghệ số	7	Phần mềm ứng dụng trong Hệ thống điện; Tự động hoá trong hệ thống điện
5	HP liên ngành và các dự án tích hợp	4	Pháp luật đại cương
6	HP Thực tập thực tế	2	Thực tập, Kiến tập

2. Điểm mạnh

CTĐT được xây dựng theo chuẩn CDIO với lộ trình 10 học kỳ mạch lạc, thể hiện rõ trình tự phát triển năng lực từ nền tảng công nghệ/kinh tế đến nghiệp vụ chuyên sâu và ứng dụng thực tiễn.

Tính tiên phong trong tích hợp công nghệ: Chương trình thành công trong việc tích hợp các nội dung về AI, Khoa học dữ liệu vào cấu trúc bắt buộc, đáp ứng trực tiếp nhu cầu của thị trường lao động hiện đại.

Độ linh hoạt tối ưu: Hệ thống học phần tự chọn đa dạng về cả ngoại ngữ và hướng chuyên sâu (quốc tế) cho phép người học cá nhân hóa lộ trình nghề nghiệp một cách rõ ràng.

Sự tương thích liên ngành: Tính tích hợp giữa kiến thức chuyên môn với các kỹ năng mềm (đàm phán, tư duy phản biện) và kiến thức bổ trợ được thực hiện hiệu quả thông qua các học phần và dự án tích hợp cuối khóa.

Căn cứ đối sánh vững chắc: Việc đối sánh định kỳ với các đại học đạt chuẩn kiểm định quốc tế giúp chương trình luôn giữ vững tính chuẩn mực và hội nhập.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù lộ trình 10 học kỳ (03 kỳ/năm) đảm bảo tính liên tục, nhưng tiến trình đào tạo này tạo ra mật độ học tập khá dày, đôi khi làm hạn chế thời gian để sinh viên tự chiêm nghiệm và tham gia sâu vào các hoạt động trải nghiệm thực tế dài hạn giữa các kỳ học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy để cân đối khối lượng tín chỉ giữa các kỳ hè và kỳ chính, tăng thời lượng cho các hoạt động tự học và trải nghiệm cộng đồng.	Phòng QLĐT	Từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh ký kết với các doanh nghiệp để triển khai các "Học kỳ doanh nghiệp" linh hoạt, giúp sinh viên thực hiện mức độ "M" (Vận dụng) sớm hơn.	Văn phòng Trường	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	x

Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của CTĐT thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên bản mô tả CTĐT phiên bản 2026, cấu trúc chương trình 129 tín chỉ (TC) đã thể hiện sự cân bằng khoa học giữa các khối kiến thức bắt buộc nhằm đảm bảo CĐR (CĐR) cốt lõi và

các khối tự chọn nhằm cá nhân hóa lộ trình học tập [H2.02.06.01].

Tham khảo, dựa trên CTĐT để mô tả chính xác CTĐT ngành KTĐ

Học phần (HP) bắt buộc: Chiếm tỷ trọng chủ đạo với 121/129 TC, tập trung vào việc hình thành năng lực nền tảng và nghiệp vụ then chốt. Cụ thể: Khối đại cương có 36 TC bắt buộc; Khối cơ sở ngành có 32 TC; Khối chuyên ngành có 41 TC tập trung vào các học phần cốt lõi của ngành như: Hệ thống cung cấp điện; Kỹ thuật chiếu sáng, Các nguồn năng lượng tái tạo; Phần điện trong nhà máy điện và trạm biến áp; Kỹ thuật điện cao áp; Lưới điện; Bảo vệ rơ-le trong Hệ thống điện; Tổ chức thi công công trình điện…

Học phần tự chọn: Chiếm tỷ lệ linh hoạt (8/129 TC), cho phép sinh viên lựa chọn theo 3 cấp độ:

(1) Lựa chọn khối đại cương (2 TC) với 4 học phần: Nhập môn phát triển bền vững

Xác suất thống kê, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở.

(2) Lựa chọn cơ sở ngành (2 TC) từ danh mục 4 HP như Mạng truyền thông công nghiệp, Kỹ thuật điện lạnh, Kỹ thuật điện dân dụng, Lý thuyết điều khiển tự động 2

(3) Lựa chọn chuyên ngành (4 TC) từ danh mục 7 HP giúp định hình nghề nghiệp như Trang bị điện, Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả điện năng, Ổn định hệ thống điện, Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện, Quy hoạch mạng cung cấp điện, Kế toán doanh nghiệp xây lắp điện, Lưới điện thông minh

Trong danh mục 64 học phần, mỗi HP đều được quy định cụ thể số giờ Lý thuyết (LT), Thực hành (TH) và Tự học. Nhà trường áp dụng định mức 1 TC tương đương 50 giờ học tập, yêu cầu tối thiểu 15 giờ LT hoặc 30 giờ TH trên lớp.

Sự hài hòa LT-TH: Các HP nghiệp vụ đều tích hợp thời lượng thực hành đáng kể. Ví dụ: HP Lý thuyết mạch điện 1 có cấu trúc (2-1-6), HP Khí cụ điện (2-1-6) yêu cầu sinh viên rèn luyện kỹ năng xử lý kỹ năng thực tế.

Đào tạo trực tuyến và trải nghiệm: Chương trình áp dụng phương thức Blended learning/Hybrid, xác định rõ danh mục và tỷ lệ các HP có thể tổ chức trực tuyến nhằm phát huy ứng dụng công nghệ. Hoạt động trải nghiệm được lồng ghép qua các học phần như *Thực tập tốt nghiệp* (4 TC) và các chuyến tham quan thực địa (Field Trip) giúp sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế [H2.02.06.02].

CTĐT tích hợp các hoạt động giúp người học phát triển:

HP trải nghiệm và thực tế: Bao gồm các hoạt động thực tập tại doanh nghiệp, tham quan thực địa (field trip). Học phần "Thực tập tốt nghiệp" (4 TC) tạo cơ hội cho sinh viên làm quen với môi trường làm việc thực tế và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề của doanh nghiệp.

Nghiên cứu khoa học: Người học được rèn luyện năng lực NCKH thông qua học phần "Đồ án tốt nghiệp" (8 TC). Quá trình này yêu cầu sinh viên vận dụng phương pháp nghiên cứu, tư duy logic và phản biện để phân tích các vấn đề thực tiễn trong Kỹ thuật điện [H2.02.06.03].

Thành phần chính yếu và bổ trợ: Sự phân định giữa các thành phần giúp người học phát triển toàn diện năng lực:

Thành phần chính yếu: Là các HP cốt lõi trực tiếp phát triển năng lực chuyên môn và đóng góp chính vào việc đạt CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện.

Thành phần bổ trợ: Bao gồm các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ chuyên môn, các HP về kỹ năng mềm, kiến tập thực tế, văn hóa và thể thao... Các thành phần này đóng vai trò mở rộng kiến thức và hỗ trợ quá trình hình thành nhân cách, kỹ năng cho sinh viên.

Cấu trúc CTĐT ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026 đã thể hiện sự minh bạch, khoa học trong việc phân bổ các loại hình học phần và phương thức đào tạo, tạo điều kiện tối ưu để người học đạt được CĐR và định hướng nghề nghiệp bản thân.

Bảng 2.6.1. Cấu trúc CTĐT ngành Kỹ thuật điện

Chương trình	**Phiên bản 2021 (Áp dụng khóa 2021)**			**Phiên bản 2023 (Áp dụng khóa 2024)**			**Phiên bản 2026 (Áp dụng từ khóa 2026)**		
	BB	TC	Tổng TC	BB	TC	Tổng TC	BB	TC	Tổng TC
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	34	2	36	38	2	40	36	2	38
2. Khối kiến thức cơ sở ngành	34	2	36	34	2	36	32	2	34
3. Khối kiến thức bổ trợ	1	0	1	1	0	1	0	0	0

4. Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	38	6	44	38	6	44	41	4	45
5. Thực tập, Đồ án tốt nghiệp	12	0	12	12	0	12	12	0	12
Tổng	**119**	**10**	**129**	**123**	**10**	**133**	**121**	**8**	**129**

Nguồn: Tổng hợp từ các quyết định ban hành CTĐT

Qua bảng trên ta thấy tổng số TC bắt buộc và tự chọn qua lần rà soát đầu tiên không có sự thay đổi so với phiên bản đầu do chưa có sinh viên ra trường để đánh giá và điều chỉnh. Sau lần rà soát thứ hai (2026), tổng số tín chỉ đã được điều chỉnh giảm từ 133 TC xuống còn 129 TC, giảm khối lượng học cho NH tuy nhiên vẫn đảm bảo tuân thủ đúng quy định về cấu trúc CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT. Tỷ lệ khối kiến thức tự chọn được giữ tỷ lệ ổn định cụ thể: mức 7,5% (10TC/133TC) và 6,5% (8TC/129TC).

Cấu trúc chương trình cho phép sinh viên tự do định hình lộ trình nghề nghiệp thông qua:

Nhóm chuyên sâu: Sinh viên có thể chọn hướng "Hệ thống điện" bằng cách tập trung vào các học phần như Hệ thống cung cấp điện, Lưới điện, Quy hoạch mạng cung cấp điện và Ổn định hệ thống điện, hoặc hướng "Tự động hóa và Ứng dụng" qua các học phần Điều khiển logic và PLC, Tự động hoá trong hệ thống điện, Lưới điện thông minh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có thể hướng tới mảng "Thi công và Quản lý" thông qua các môn Tổ chức thi công công trình điện, Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện, Kế toán doanh nghiệp xây lắp điện.

Lựa chọn hình thức tốt nghiệp: Toàn bộ sinh viên sẽ tham gia Thực tập tốt nghiệp thực tế với thời lượng tương đương 4 tín chỉ. Căn cứ vào năng lực, những sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường có thể lựa chọn làm Đồ án tốt nghiệp (8 tín chỉ) để chuyên sâu vào nghiên cứu và ứng dụng.

Hỗ trợ học song ngành và chuyển đổi định hướng: Nhà trường áp dụng các cơ chế công nhận và chuyển đổi tín chỉ linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên ngành Kỹ thuật điện có mong muốn học song ngành hoặc lựa chọn các ngành phụ liên quan. Cấu trúc chương trình tuân thủ các quy định của Trường về việc tạo lộ trình cho sinh viên tích lũy thêm các ngành phụ để gia tăng cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp [H2.02.06.01].

Hệ thống tư vấn và đánh giá hiệu quả lựa chọn: Để đảm bảo người học đưa ra các lựa chọn đúng đắn, Trường Đại học Intracom triển khai các hoạt động hướng dẫn và tư vấn định hướng

nghề nghiệp định kỳ [H2.02.06.04]. Các tài liệu hướng dẫn cung cấp chi tiết về cơ hội việc làm tương ứng với từng nhóm học phần tự chọn, giúp sinh viên nhận thức rõ lộ trình phát triển của bản thân. Đồng thời, Nhà trường thường xuyên thực hiện thống kê tỷ lệ sinh viên lựa chọn các định hướng và khảo sát mức độ hài lòng để không ngừng cải tiến cấu trúc chương trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động [H2.02.06.05].

Với hệ thống học phần tự chọn đa dạng và cơ chế hỗ trợ linh hoạt, CTĐT ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026 không chỉ cung cấp kiến thức ngành chính vững chắc mà còn cho phép người học tự do định hình nghề nghiệp theo năng lực và khát vọng cá nhân.

2. Điểm mạnh

Cấu trúc minh bạch và chuẩn mực: Bản mô tả CTĐT phân định rất rõ ràng tỷ lệ số giờ lý thuyết/thực hành và tính chất bắt buộc/tự chọn của các học phần, tạo thuận lợi cho việc quản lý và tự học của sinh viên.

Tính linh hoạt và cá nhân hóa cao: Việc cung cấp các nhóm học phần tự chọn đa dạng (như Lưới điện thông minh, Tự động hóa trong hệ thống điện, Quy hoạch mạng cung cấp điện, Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả điện năng) ở giai đoạn cuối khóa giúp sinh viên tự do định hướng và chủ động chuẩn bị cho các phân khúc nghề nghiệp sát với thực tiễn doanh nghiệp.

Tích hợp công nghệ hiện đại: Việc đưa vào chương trình các học phần như Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo ngay từ năm đầu là điểm khác biệt lớn, đảm bảo sinh viên có nền tảng vững chắc để bắt nhịp với kỷ nguyên số và ứng dụng AI vào chuyên ngành. Đa dạng hình thức tốt nghiệp và cọ xát thực tế: Chương trình kết hợp giữa Thực tập tốt nghiệp (4 tín chỉ) tại các cơ sở, doanh nghiệp và cho phép sinh viên đủ điều kiện được làm Đồ án tốt nghiệp (8 tín chỉ), giúp đáp ứng cả hai nhu cầu: rèn luyện tác phong công nghiệp thực tiễn và phát triển tư duy nghiên cứu, giải quyết bài toán kỹ thuật chuyên sâu.

Lộ trình phát triển kỹ năng bổ trợ rõ ràng: Khối kiến thức đại cương tích hợp các môn kỹ năng như Kĩ năng mềm trong kỉ nguyên số (2 TC), Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (2 TC) và Năng lực số (2 TC) giúp sinh viên bù đắp các thiếu hụt cá nhân một cách linh hoạt để thích ứng tốt với môi trường làm việc.

3. Điểm tồn tại

Tính cân đối giữa các mức độ năng lực I-P-M trong ma trận đóng góp: Một số chuẩn đầu ra đặc thù như PLO 6 (Thiết kế, giám sát và đề xuất biện pháp thi công) có yêu cầu mức độ "M" (Thành thạo) xuất hiện ngay từ Học kỳ 7 thông qua các học phần như Đồ án cung cấp điện và

Các nguồn năng lượng tái tạo, nhưng số lượng các học phần ở mức "I" (Giới thiệu) và "P" (Thực hành) làm nền tảng trong các học kỳ trước đó lại vắng bóng hoặc rất mỏng, có thể khiến sinh viên gặp khó khăn khi thực hiện các bài toán thiết kế kỹ thuật ở giai đoạn cuối khóa.

4.Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát ma trận IPM: - Phân bổ lại vị trí một số học phần trong lộ trình đào tạo - Tích hợp mức độ "I" và "P" vào các môn học cơ sở nền tảng - Khai thác hiệu quả mô hình Co-op và hoạt động bổ trợ	Trưởng bộ môn, Giảng viên giảng dạy học phần	Năm học 2026-2027	
	Phát huy điểm mạnh	Số hóa toàn bộ ma trận tự chọn trên cổng thông tin để sinh viên có thể "mô phỏng" lộ trình học tập và xem trước các kết quả năng lực sẽ đạt được.	Phòng QL Đào tạo, Trung tâm CNTT	Năm học 2026-2027	
		Tăng cường mời các Guest Speaker từ các doanh nghiệp công nghệ tham gia giảng dạy các HP có thời lượng thực hành lớn để tăng tính thực tiễn.	Bộ môn KTĐ	Thường xuyên hàng học kỳ	

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	x

Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung CTĐT được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom đã ban hành các văn bản quy định và quy trình chính thức về việc rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện một cách hệ thống và khoa học [H2.02.07.01]. Các quy định này được xây dựng nhằm đảm bảo tính cập nhật và tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT về chuẩn CTĐT và các văn bản liên quan đến mở ngành, quản lý đào tạo [H2.02.07.02].

Quy định của Nhà trường xác định rõ mục đích, yêu cầu và các cấp độ rà soát đối với ngành KTĐ:

+ Rà soát thường xuyên: Được thực hiện hàng năm để kịp thời điều chỉnh các đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP), phương pháp giảng dạy hoặc tài liệu học tập dựa trên phản hồi của giảng viên và người học [H2.02.07.03], [H2.02.07.04].

+ Rà soát tổng thể: Được thực hiện theo chu kỳ (thường là sau mỗi khóa tốt nghiệp) để đánh giá toàn diện từ mục tiêu, CĐR đến cấu trúc và nội dung toàn chương trình [H2.02.07.01]. Từ năm 2021 đến nay, Trường đã tiến hành 2 đợt rà soát vào các năm 2023, 2026. Mục tiêu của hoạt động rà soát, cập nhật giúp hoàn thiện và chuẩn hóa CTĐT, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, giúp NH đáp ứng yêu cầu của thực tế và thích ứng tốt với môi trường làm việc luôn thay đổi.

+ Phương pháp thực hiện: Nhà trường áp dụng đa dạng các phương pháp thu thập dữ liệu như khảo sát ý kiến, phỏng vấn chuyên sâu, phân tích kết quả học tập và tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

Quy trình rà soát, đánh giá của ngành Kỹ thuật điện đảm bảo có sự tham gia tích cực và đóng góp ý kiến từ các bên liên quan (BLQ) để có cái nhìn toàn diện [H2.02.07.05]. Các thành phần tham gia bao gồm:

Bên trong: Đại diện giảng viên tại các bộ môn chuyên môn, cán bộ quản lý đào tạo và người học đang theo học.

Bên ngoài: Các chuyên gia ngành Điện, đại diện đơn vị sử dụng lao động (như các doanh nghiệp xây lắp, thiết kế, tư vấn của ngành điện), hiệp hội nghề nghiệp và cựu sinh viên đang làm việc trong lĩnh vực ngành điện.

Quy trình rà soát được tiến hành một cách khoa học, điều này thể hiện rõ trong Kế hoạch rà soát, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo năm 2026 của Trường Đại học Intracom [H2.07.01.06]. Kế hoạch nêu rõ trình tự thực hiện việc xây dựng, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo (CTĐT) diễn ra theo 4 bước cụ thể như sau:

Bước 1: Các Khoa căn cứ Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo, Quyết định điều chỉnh kế hoạch đào tạo; bổ sung và điều chỉnh một số học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương trong Chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Intracom tiến hành rà soát cập nhật/xây dựng chương trình đào tạo chương trình đào tạo chuyên ngành đào tạo theo Danh mục được phê duyệt.

Bước 2: Xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần và chuẩn bị điều kiện đảm bảo để triển khai đào tạo (nhân sự, cơ sở vật chất).

Bước 3: Tổ chức Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần.

Bước 4: Trình Hiệu trưởng ra quyết định ban hành chương trình đào tạo.

Để rà soát, cập nhật CTĐT thì bộ môn Kỹ thuật điện đã tiến hành hoạt động đối sánh giữa CTĐT ngành KTĐ dự kiến cập nhật thay đổi với CTĐT trước đó đã ban hành [H2.02.07.07]. Đối sánh này cho thấy được sự khác biệt của CĐR và CTĐT dự kiến cập nhật so với phiên bản cũ. Ngoài ra nhờ hoạt động đối sánh này thì bộ môn cũng nhận ra có những điểm không còn phù hợp để có thể cập nhật giúp cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo.

CTĐT ngành Kỹ thuật điện được rà soát định kỳ theo quy định của Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đảm bảo tính cập nhật, phản ánh những tiến bộ mới nhất của khoa học, công nghệ cũng như những thay đổi của thị trường lao động và xã hội. Quá trình rà soát này được thực hiện một cách toàn diện, bao gồm các thành phần: mục tiêu, CĐR (CĐR), cấu trúc chương trình, nội dung học phần (HP), phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá. Nhà trường chú trọng cập nhật các kiến thức, công nghệ mới trong ngành Kỹ thuật điện dựa trên các nghiên cứu khoa học và xu hướng nghề nghiệp hiện đại [H2.02.07.08].

Nhà trường đã xây dựng các cơ chế và thực hiện các hoạt động khảo sát, nghiên cứu về nhu cầu thị trường lao động để đảm bảo CTĐT luôn sát với thực tiễn. Việc rà soát dựa trên nhiều nguồn thông tin quan trọng [H2.02.07.09] [H2.02.07.10] bao gồm:

Phản hồi từ người học (NH) về chất lượng giảng dạy và sự phù hợp của nội dung học tập.

Ý kiến của cựu người học về mức độ chuẩn bị của chương trình cho công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

Đánh giá từ nhà tuyển dụng về năng lực thực tế của người tốt nghiệp, từ đó xác định các lỗ hổng kỹ năng cần bổ sung.

Kết quả từ các đợt khảo sát và đối sánh được sử dụng trực tiếp để cải tiến CTĐT thông qua các hành động cụ thể. Các cải tiến này bao gồm việc bổ sung, loại bỏ hoặc điều chỉnh các HP; thay đổi tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành; cập nhật nội dung HP theo công nghệ mới; và thay đổi phương pháp dạy học để tăng cường khả năng ứng dụng cho sinh viên. Qua mỗi lần cập nhật, Nhà trường thực hiện so sánh các phiên bản CTĐT (trước và sau cải tiến) để làm rõ những thay đổi về mục tiêu, CĐR, cấu trúc và nội dung, kèm theo giải thích căn cứ cụ thể dựa trên kết quả rà soát đã thực hiện [H2.02.07.11].

2. Điểm mạnh

Quy trình rà soát bài bản và hệ thống: Nhà trường có đầy đủ văn bản quy định và kế hoạch rà soát định kỳ, đảm bảo CTĐT luôn tuân thủ pháp lý và bám sát thực tiễn ngành nghề.

Tính cập nhật và tiên phong về công nghệ: Việc tích hợp các học phần về AI, công nghệ số vào phiên bản 2026 theo chuẩn CDIO minh chứng cho nỗ lực bắt kịp xu hướng ngành điện của thị trường lao động.

Phản hồi đa chiều từ các bên liên quan: Quy trình cải tiến chất lượng có sự tham gia thực chất của nhà tuyển dụng và chuyên gia bên ngoài, giúp nội dung đào tạo không tách rời nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Sự đồng bộ trong cập nhật: Khi CTĐT thay đổi, hệ thống ĐCCTHP, phương pháp giảng dạy và đánh giá cũng được điều chỉnh tương ứng, đảm bảo tính nhất quán trong triển khai

3. Điểm tồn tại

Việc theo dõi và phân tích tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp (một chỉ số quan trọng trong rà soát) chủ yếu dựa trên số liệu khảo sát định kỳ, chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu số kết nối trực tiếp để đánh giá sự tương thích lâu dài của CTĐT với sự thăng tiến nghề nghiệp của cựu sinh viên.

3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng "Nhật ký cải tiến học phần" điện tử để giảng viên ghi nhận các điều chỉnh nhỏ hàng năm dựa trên phản hồi của sinh viên, phục vụ cho đợt rà soát tổng thể.	Bộ môn Kỹ thuật điện, Giảng viên	Năm học 2026-2027	
		Nâng cấp hệ thống quản lý cựu sinh viên, tích hợp công cụ khảo sát tự động về mức độ đáp ứng năng lực tại nơi làm việc sau 1-3 năm tốt nghiệp.	Văn phòng Trường, Phòng Công tác sinh viên	Năm 2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục mở rộng mạng lưới đối sánh với các Trường đại học trong có xếp hạng cao về ngành KTĐ để tăng cường tính hội nhập.	Nhóm chuyên trách ĐBCL, Hội đồng rà soát	Chu kỳ rà soát 2027	

		Tổ chức các buổi tọa đàm để công bố và giải thích cho SV về các nội dung mới được cập nhật trong CTĐT, giúp người học thấy rõ được sự phát triển của ngành			

5. ***Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí Đạt (Đ)/Không đạt (K): Đạt***

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 2:

Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện được thiết kế logic, bám sát thực tiễn với những điểm mạnh sau:

- Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được thiết kế đầy đủ thành phần, có ma trận liên kết HP - CĐR minh bạch và được công bố công khai rộng rãi.

- CTĐT được cấu trúc hợp lý với 129 tín chỉ, đảm bảo khối lượng học tập phù hợp theo quy định và giúp người học đạt được CĐR từ mức độ nền tảng đến chuyên sâu.

- Tính linh hoạt cao với nhóm học phần tự chọn đa dạng, cho phép sinh viên cá nhân hóa lộ trình nghề nghiệp theo hướng chuyên sâu hoặc quản lý thi công.

- Chương trình thể hiện sự tiên phong khi tích hợp kịp thời các công nghệ mới, hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu và công nghệ số vào cấu trúc giảng dạy.

- Quy trình rà soát, cải tiến được thực hiện bài bản định kỳ, có sử dụng đối sánh quốc tế và tiếp thu nghiêm túc phản hồi từ thị trường lao động.

Bên cạnh những điểm mạnh, cấu trúc và nội dung CTĐT vẫn còn một số điểm cần tiếp tục hoàn thiện:

- Việc cập nhật đề cương chi tiết ở một số môn tự chọn đôi khi còn chậm so với sự thay đổi của cách mạng 4.0.

- Sự phân bổ ma trận I-P-M chưa thật sự hoàn thiện; thiếu vắng các học phần ở mức "I" và "P" làm nền tảng trong các học kỳ trước để phục vụ cho các học phần thiết kế kỹ thuật yêu cầu mức "M" ở học kỳ cuối.

- Tiến trình đào tạo 3 kỳ/năm tạo mật độ học tập khá dày, làm hạn chế thời gian tự học và trải nghiệm thực tế dài hạn của sinh viên.

- Việc hệ thống hóa hồ sơ "giải trình tiếp thu" ý kiến các bên liên quan cho từng học phần lẻ chưa đồng bộ hoàn hảo.

- Việc theo dõi tình trạng việc làm sau tốt nghiệp chủ yếu dựa trên khảo sát, chưa có cơ sở dữ liệu số kết nối trực tiếp để đánh giá sự tương thích lâu dài của CTĐT với sự thăng tiến của cựu sinh viên.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học

Mở đầu:

CTĐT ngành KTĐ trình độ ĐH tại Trường được vận hành bám sát triết lý giáo dục "*Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn*" giúp NH thích ứng với bối cảnh đất nước luôn *đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế* hiện nay. Tại Trường Đại học Intracom, tất cả các thành viên đều được tôn trọng, được khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để tự do sáng tạo: tự do hình thành và theo đuổi các suy nghĩ, ý tưởng của mình, tự do thể hiện, trình bày các ý tưởng đó. Mọi ý tưởng, sáng kiến đều được đón nhận, được phản biện với tinh thần tích cực và tôn trọng lẫn nhau để cùng nhau chinh phục đỉnh cao của tri thức. Triết lý này, kiến tạo một môi trường học thuật dân chủ, khơi dậy tư duy độc lập và năng lực giải quyết vấn đề, đáp ứng yêu cầu khắt khe của ngành KTĐ hiện đại. Mọi phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá đều được ma trận hóa chặt chẽ trong ĐCCT nhằm tương thích tuyệt đối với CĐR. Trong quá trình dạy học, ngành KTĐ đã chuyển đổi từ phương pháp dạy học truyền thống sang phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm nhằm thúc đẩy năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời của SV. Đặc biệt, tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp được lồng ghép sâu rộng qua phương pháp học tập trải nghiệm gắn việc học lý thuyết với các doanh nghiệp và phong trào SV NCKH, giúp người học cọ xát và rèn luyện bản lĩnh trong quá trình học nghề của SV. Chất lượng giảng dạy được duy trì bằng chu trình cải tiến liên tục. Định kỳ, Nhà trường

rà soát CTĐT dựa trên dữ liệu đa chiều: đánh giá mức độ đạt CĐR, kết quả dự giờ và phản hồi từ SV, cựu SV cùng các nhà tuyển dụng, chuyên gia và các nhà khoa học. Nhờ đó, CTĐT ngành KTĐ luôn cập nhật kịp thời xu hướng chuyển đổi số, kiến tạo thế hệ cử nhân ngành điện vững chuyên môn, linh hoạt và thích ứng cao với thị trường lao động hiện nay.

Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học .

1. Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố rõ ràng trong "Chiến lược phát triển Trường Đại học Intracom giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045". Theo đó, triết lý giáo dục của Nhà trường được xác định là: "*Học để Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn*". Trường đào tạo người học có năng lực chuyên môn và các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết của thời đại, thực hành đổi mới sáng tạo và thích ứng linh hoạt, để phát triển bản thân và mang lại những thay đổi tích cực cho NH [H3.03.01.01].

Triết lý giáo dục này thể hiện rõ quan điểm của Nhà trường về mục tiêu ĐT, nhấn mạnh việc phát triển toàn diện năng lực NH, bao gồm KT chuyên môn, KN nghề nghiệp và khả năng thích ứng với sự biến đổi của xã hội. Đồng thời, triết lý cũng đề cao vai trò chủ động của NH trong quá trình học tập và phát triển bản thân. Bên cạnh đó, triết lý giáo dục phản ánh định hướng ĐT gắn với đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Nhà trường.

Triết lý giáo dục của Nhà trường được phổ biến tới các BLQ thông qua nhiều hình thức khác nhau. Cụ thể, triết lý giáo dục được giới thiệu tới NH thông qua Lễ khai giảng và Tuần SHCD đầu khóa dành cho SV hệ chính quy [H3.03.01.02]. Nhà trường cũng đã biên soạn và phát hành tài liệu "Chiến lược phát triển Trường ĐHI giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045", trong đó nêu rõ triết lý giáo dục của Nhà trường; tài liệu được cung cấp tới các đơn vị trong toàn Trường để phục vụ việc tra cứu, triển khai thực hiện [H3.03.01.03]. Bên cạnh đó, triết lý giáo dục và chiến lược phát triển của Nhà trường được đăng tải công khai trên website chính thức của Trường nhằm phổ biến rộng rãi tới cán bộ, GV, nhân viên và NH [H3.03.01.04].

Tại Khoa Công nghệ, triết lý giáo dục được phổ biến tới GV thông qua các cuộc họp khoa định kỳ, đặc biệt là các cuộc họp đầu năm và cuối năm học [H3.03.01.05]. Triết lý giáo dục của CSĐT được chuyển tải vào hoạt động dạy và học thông qua việc lồng ghép vào quá trình xây dựng, rà soát và triển khai CTĐT tại các đơn vị.

Nhà trường cũng tổ chức các hoạt động tập huấn nhằm hướng dẫn các đơn vị ĐT triển khai và chuyển tải triết lý giáo dục vào quá trình xây dựng và rà soát CTĐT. Trên cơ sở đó, Khoa Công nghệ đã thực hiện rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT ngành KTĐ trong đợt cập nhật năm 2026, bảo đảm sự phù hợp với định hướng và triết lý giáo dục của Nhà trường [H3.03.01.06].

Cụ thể, triết lý giáo dục "*Học để Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn*" được thể hiện rõ trong mục tiêu chung của CTĐT thông qua việc nhấn mạnh ĐT NH phát triển toàn diện về KT, KN và phẩm chất, có khả năng thích ứng với môi trường công nghiệp hóa và những biến động của xã hội hiện đại. Đồng thời, các mục tiêu cụ thể của CTĐT cũng phản ánh các thành tố cốt lõi của triết lý này, bao gồm năng lực chuyên môn, khả năng vận dụng KT vào thực tiễn, năng lực tự học, đổi mới sáng tạo, KN công nghệ hiện đại ngày nay.

Bên cạnh đó, triết lý giáo dục còn được triển khai trong hoạt động dạy và học thông qua việc áp dụng các PPGD tích cực, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng học phần. CTĐT [H3.03.01.06] được xây dựng theo định hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tối đa tính chủ động và sáng tạo của người học; hoạt động học tập không chỉ bao gồm giờ học trên lớp mà còn chú trọng tự học, tự nghiên cứu và trải nghiệm của người học. Ví dụ, trong học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, người học được tham gia thảo luận nhóm, trình bày quan điểm cá nhân và trao đổi ý kiến về các chủ đề khác nhau, qua đó phát triển khả năng giao tiếp, tư duy và tự chủ trong học tập. Học phần Thực tập được thiết kế với các hoạt động chuyên môn liên quan tại các doanh nghiệp, tạo cơ hội cho người học vận dụng kiến thức vào bối cảnh nghề nghiệp thực tiễn. Các ĐCCTHP được xây dựng và rà soát định kỳ, trong đó tích hợp nội dung hướng dẫn tự học, khuyến khích đổi mới sáng tạo, đồng thời tổ chức các hoạt động học thuật và ngoại khóa nhằm hỗ trợ NH đạt CĐR và hình thành tinh thần học tập suốt đời.

Việc GV hiểu và triển khai triết lý giáo dục được thể hiện trong quá trình xây dựng, rà soát và cập nhật CTĐT ngành KTĐ. Cụ thể, CTĐT và các ĐCCTHP được xây dựng, rà soát định kỳ theo định hướng của triết lý giáo dục "*Học để Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn*", chú trọng phát triển năng lực tự học, khả năng thích ứng và tinh thần đổi mới sáng tạo của NH. Đồng thời, các HP tích hợp các hoạt động học tập và trải nghiệm học thuật phù hợp nhằm góp phần hình thành năng lực học tập suốt đời và phát triển toàn diện cho NH.

Để bảo đảm triết lý giáo dục được truyền thông rộng rãi tới các bên liên quan, Trường triển khai nhiều hình thức phổ biến khác nhau. Triết lý giáo dục được thể hiện thông qua các pano, áp phích đặt tại khuôn viên nhà trường và các đơn vị đào tạo nhằm tăng cường nhận diện

và nhắc nhở thường xuyên đối với người học, giảng viên và người lao động [H3.03.01.07]. Bên cạnh đó, nội dung triết lý giáo dục còn được giới thiệu trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa dành cho tân sinh viên thông qua các bài trình bày [H3.03.01.08], giúp NH hiểu rõ triết lý giáo dục của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố rõ ràng trong Chiến lược phát triển của Nhà trường, đồng thời được phổ biến đến các BLQ thông qua nhiều kênh và hình thức truyền thông khác nhau. Bên cạnh đó, triết lý giáo dục được chuyển tải vào mục tiêu của CTĐT và triển khai trong các hoạt động dạy và học thông qua việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, linh hoạt, kết hợp với các hoạt động học thuật và ngoại khóa.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, Nhà trường chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc chuyển tải triết lý giáo dục vào thiết kế phương pháp dạy và học trong ĐCCTHP. Do đó, việc triển khai nội dung này chủ yếu được thực hiện thông qua quá trình xây dựng và rà soát CTĐT và ĐCCTHP tại các đơn vị ĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn về việc lồng ghép và triển khai triết lý giáo dục của Nhà trường vào các hoạt động dạy và học trong CTĐT. Văn bản này sẽ làm cơ sở để các đơn vị ĐT thống nhất triển khai trong quá trình thiết kế và rà soát ĐCCTHP, góp phần bảo đảm việc hiện thực hóa triết lý giáo dục một cách đồng bộ và hiệu quả trong toàn Trường.	Nhà trường Khoa Công nghệ	Trong năm học 2026–2027
2	Phát huy điểm	Triết lý giáo dục phổ biến đến các BLQ thông qua nhiều kênh và hình thức	Nhà trường Khoa Công	Hằng năm

	mạnh	truyền thông khác nhau. Đồng thời, triết lý giáo dục được chuyển tải vào mục tiêu của CTĐT và triển khai trong các hoạt động dạy và học thông qua việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, linh hoạt, kết hợp với các hoạt động học thuật và ngoại khóa.	nghệ Phòng Truyền thông&MKT	

5. Tự đánh giá*: *Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Thiết kế hoạt động dạy và học tương thích với CĐR cấp chương trình. Toàn bộ hệ thống CĐR cấp chương trình được xác định, lượng hóa và công bố minh bạch thông qua Quy định đào tạo đại học hệ chính quy [H3.03.02.01]. Để triển khai đồng bộ, Trường đã ban hành Quy định xây dựng, cải tiến thẩm định CĐR [H3.03.02.02]. Dựa trên đó, các quyết định ban hành và điều chỉnh CTĐT đã được thực hiện và cập nhật liên tục qua phiên bản 2021, 2023, 2026 [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], [H3.03.02.05]. Sự tương thích ở cấp độ chương trình được cụ thể hóa xuống cấp độ học phần thông qua hệ thống ĐCCT các học phần của phiên bản 2021, 2023, 2026 [H3.03.02.06], [H3.03.02.07], [H3.03.02.08]. Căn cứ vào bộ ĐCCT này, giảng viên bắt buộc phải thiết kế cấu trúc bài giảng sao cho mỗi CĐR học phần đều được đo lường, đánh giá một cách tường minh.

Để đảm bảo mọi CĐR đều được chuyển tải thành các hoạt động dạy và học cụ thể, Khoa Công nghệ đã thiết lập hệ thống Ma trận phương pháp giảng dạy – CĐR [H3.03.02.09] và Ma trận liên kết giữa học phần với CĐR CTĐT ngành KTĐ [H3.03.02.10] kết hợp chặt chẽ với các Thống kê các hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá của CTĐT [H3.03.02.11]. Thông qua các công cụ này, sự tương thích được thể hiện cụ thể: Nhóm CĐR về kiến thức chuyên môn

được tương thích với phương pháp thuyết giảng, vấn đáp; Nhóm CĐR về kỹ năng nghề nghiệp được tương thích với phương pháp phân tích tình huống, thực hành trên các tình huống giả định; Nhóm CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm được tương thích với phương pháp làm việc nhóm, khóa luận và thực tập thực tế.

Để đảm bảo năng lực thực thi, Nhà trường chú trọng đào tạo năng lực sư phạm hiện đại cho GV thể hiện qua Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên [H3.03.02.12]. Nhà trường đã thông báo đến toàn thể GV kế hoạch thí điểm đo lường đánh giá CĐR học phần của CTĐT [H3.03.02.13] đồng thời tổ chức tập huấn cho GV về kỹ năng đo lường đánh giá CĐR [H3.03.02.14] [H3.03.02.15]. Đối với ngành Kỹ thuật điện, nhóm CĐR về năng lực tự học và khả năng thích ứng với công nghệ là rất quan trọng. Để đáp ứng điều này, Trường đã triển khai tổ chức giảng dạy trên hệ thống ClassIn [H3.03.02.16]. Sự thống nhất giữa đề cương, phương pháp và thực tế triển khai công nghệ được thể hiện rõ nét qua các minh chứng bài giảng của giảng viên [H3.03.02.17**]**. Để đảm bảo hoạt động dạy và học được thiết kế và thực hiện tương thích với CĐR của CTĐT, Nhà trường đã thành lập Hội đồng ĐBCL [H3.03.02.18**]**, ban hành các Quy trình hoạt động khảo thí [H3.03.02.19]. Quy trình công nhận kết quả học tập [H3.03.02.20], lập Kế hoạch thí điểm đo lường và đánh giá CĐR học phần và CTĐT [H3.03.02.21]. Kết quả đánh giá mức độ đạt CĐR được phản ánh qua Biên bản tổng kết thí điểm đánh giá mức độ đạt CĐR [H3.03.02.22]. Hằng năm, Nhà trường định kỳ thu thập Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về học phần, hoạt động giảng dạy và điều kiện giáo dục [H3.03.02.23] làm thước đo hiệu quả của các phương pháp dạy học. Dựa trên dữ liệu khảo sát, Khoa đánh giá để đúc kết thành Báo cáo tổng kết của Khoa hàng năm [H3.03.02.24] làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và cập nhật lại hệ thống ĐCCT học phần qua các đợt cho phù hợp với CĐR.

2. Điểm mạnh

Sự tương thích giữa hoạt động dạy và học với CĐR được lượng hóa bằng các hệ thống ma trận phương pháp giảng dạy, ma trận đánh giá. GV ngành KTĐ tuân thủ nghiêm ngặt các ma trận này trong việc biên soạn ĐCCT, đảm bảo mọi hoạt động trên lớp đều phục vụ trực tiếp cho việc đo lường và đạt được CĐR.

Hạ tầng công nghệ giáo dục đồng bộ hỗ trợ phương pháp giảng dạy hiện đại: Việc Nhà trường ban hành quy chế và áp dụng đồng loạt nền tảng E-learning, LMS Canvas đã cung cấp công cụ mạnh mẽ để GV thiết kế các phương pháp học tập kết hợp.

Việc điều chỉnh phương pháp dạy học xuất phát từ kết quả khảo sát người học, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học, cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc khai thác một số công cụ hỗ trợ đào tạo chưa được đồng đều ở tất cả các học phần chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

TT	***Mục tiêu***	***Nội dung***	**Đơn vị, người thực hiện**	**Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành**
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục nâng cấp và khai thác một số công cụ hỗ trợ đào tạo ở tất cả các học phần chuyên ngành.	Nhà trường Khoa Công nghệ	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	GV giảng dạy ngành KTĐtuân thủ nghiêm ngặt các ma trận trong việc biên soạn ĐCCT, đảm bảo mọi hoạt động trên lớp đều phục vụ trực tiếp cho việc đo lường và đạt được CĐR.	Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026-2027
		Hằng năm tổ chức khảo sát người học và lấy ý kiến của các nhà khoa học, tổ chức Hội thảo về đổi mới PPDH để điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với năng lực NH.	Khoa Công nghệ	

5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí:*

Không đạt (K)	**Đạt (Đ)**
	X

Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Từ triết lý giáo dục của Trường "*Học để Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn*", đội ngũ GV Khoa Công nghệ đã triển khai trong CTĐT và các HP của CTĐT ngành KTĐ [H3.03.03.01]. CTĐT ngành KTĐ thể hiện rõ định hướng phát triển năng lực học tập chủ động của NH, đồng thời hình thành nền tảng cho năng lực học tập suốt đời. Cụ thể, 100% các HP đều quy định thời lượng tự học, trong đó xác định rõ nội dung, phương pháp tự học và hình thức đánh giá kết quả tự học, góp phần rèn luyện khả năng tự học và học tập suốt đời. Bên cạnh đó, HP "Phương pháp NCKH" được bố trí từ học kỳ 2 giúp NH sớm hình thành tư duy tự học, tự nghiên cứu; học phần "Thực tập" tại doanh nghiệp tạo điều kiện để NH chủ động học tập trong môi trường thực tiễn; việc thực hiện Đề án TN là minh chứng cho năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời của NH. Ngoài ra, học phần "Khởi nghiệp" góp phần phát triển KN làm việc độc lập, làm việc nhóm, năng lực dẫn dắt và tinh thần tự chủ, trách nhiệm. Trong giai đoạn 2021 - 2026, CTĐT ngành KTĐ đã có sự dịch chuyển rõ rệt từ các phương pháp diễn giảng sang nhóm phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm và tăng cường tính thực hành trải nghiệm [H3.03.03.02].

Hàng năm, Khoa Công nghệ đều tổ chức họp tổng kết năm học, trong đó có đánh giá các hoạt động dạy – học thúc đẩy khả năng học tập suốt đời [H3.03.03.03]. Qua rà soát các phiên bản CTĐT, Khoa nhận định việc thay đổi phương pháp giảng dạy là yêu cầu thực tiễn cấp bách. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy, chọn PPDH phù hợp với từng HP là bắt buộc để đảm bảo đi đúng hướng, phù hợp với mục tiêu và CĐR cụ thể của từng HP.

Ngoài ra, đối với các học phần chung, Nhà trường áp dụng hình thức dạy – học trực tuyến thông qua hệ thống MS Teams nhằm góp phần thúc đẩy việc học tập chủ động của người học trong môi trường số. Riêng đối với các HP chuyên môn do Khoa Công nghệ trực tiếp phụ trách, hình thức này chỉ triển khai qua phần mềm trực tuyến.

Trong quá trình triển khai, các hoạt động dạy – học trực tuyến được thiết kế bảo đảm sự tương tác hiệu quả giữa NH với NH và giữa NH với GV thông qua các hình thức như thảo luận nhóm trong phòng họp trực tuyến trên Zooms, Teams. Bên cạnh đó, việc triển khai dạy – học trực tuyến được hỗ trợ thông qua hệ thống LMS Moodle (info@intracomuni.edu.vn), tạo điều

kiện để NH chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, làm bài tập, nộp bài, tham gia kiểm tra, đánh giá và theo dõi kết quả học tập trên hệ thống. Trong quá trình tổ chức thực hiện, GV các khoa phối hợp với Ban Công nghệ thông tin – Đào tạo trực tuyến để quản lý lớp học, hỗ trợ kỹ thuật, xử lý các vướng mắc phát sinh và hướng dẫn NH sử dụng các chức năng cần thiết trên hệ thống LMS. Sự phối hợp giữa Ban quản lý và GV giúp bảo đảm hoạt động học tập, kiểm tra, đánh giá trực tuyến được triển khai ổn định, đúng kế hoạch và phù hợp với yêu cầu của từng học phần nhất là tính chủ động, sáng tạo và tiếp tục phát triển năng lực học tập suốt đời của NH [H3.03.03.04]. Nhờ đó, NH duy trì sự tham gia tích cực và đạt hiệu quả học tập tương đương với hình thức học trực tiếp [H3.03.03.05].

Hướng tới việc tối ưu hóa chuyển đổi số trong giáo dục một cách bài bản, đối với các HP do Khoa phụ trách, Nhà trường hiện đang triển khai thiết kế các lớp học trên hệ thống quản lý học tập LMS để chính thức đưa vào sử dụng trong thời gian tới, nhằm hỗ trợ sinh viên học tập chủ động và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng triển khai các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn GV, NH trong việc sử dụng các nền tảng dạy học trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức và tham gia học tập trong môi trường số. Đồng thời, hoạt động dạy học trực tuyến được theo dõi, đánh giá thông qua các cuộc họp chuyên môn [H3.03.03.06] và tổng kết năm học [H3.03.03.07], kết hợp với việc thu thập ý kiến phản hồi của GV và NH nhằm từng bước cải tiến chất lượng dạy và học [H3.03.03.08]. Ví dụ, đối với CT 2026, Khoa đánh giá các hoạt động dạy – học thúc đẩy ý tưởng mới, sáng kiến của NH. Cụ thể, cần bổ sung HP Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp nhằm giúp NH chủ động học tập, hình thành phương pháp luận và phát triển khả năng học tập suốt đời. Học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp áp dụng mô hình Học tập hợp tác qua dự án nhóm, giao quyền chủ động cho NH xây dựng đề án thực tế. Giảng viên chuyển sang vai trò cố vấn, đồng thời bổ sung tiêu chí tính độc đáo và giá trị thực tiễn của sáng kiến vào thang điểm đánh giá để kích thích tư duy đổi mới của NH.

2. Điểm mạnh

Tất cả các HP của CTĐT ngành KTĐ đều được xác định các phương pháp dạy học phù hợp với nội dung HP nhằm hình thành và thúc đẩy khả năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời của NH. Hướng dẫn NH cách học tập chủ động nhằm đáp ứng CĐR được chi tiết trong ĐCCTHP.

CTĐT ngành KTĐ được thiết kế theo chiến lược nhất quán từ triết lý giáo dục của Nhà trường "*Học để Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn*", hướng tới phát triển năng lực học tập chủ động và học tập suốt đời của NH xuyên suốt chương trình. Điều này được thể hiện qua việc 100% ĐCCTHP quy định rõ hoạt động tự học.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa thực hiện đầy đủ việc đánh giá, góp ý đối với hoạt động dạy - học thúc đẩy học tập chủ động, hình thành và phát triển khả năng học tập suốt đời của NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường sẽ đưa vào nội dung khảo sát NH trước tốt nghiệp và đội ngũ GV cho ý kiến đối với hoạt động dạy - học thúc đẩy học tập chủ động, hình thành và phát triển khả năng học tập suốt đời của NH, để làm căn cứ cải tiến CTĐT	Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026 – 2027
2	Phát huy điểm mạnh	Trong quá trình dạy học GV hướng tới rèn luyện cho SV phát triển năng lực học tập chủ động và học tập suốt đời.	Giảng viên	Từ năm học 2026 – 2027

5. Tự đánh giá: ***Mức đạt được của tiêu chí:***

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành KTĐ được thiết kế và triển khai theo định hướng thúc đẩy NH hình thành ý tưởng mới, sáng kiến và năng lực đổi mới sáng tạo. Cụ thể, HP "Phương pháp NCKH" được bố

trí từ học kỳ 2 và là HP bắt buộc, tạo nền tảng cho NH phát triển tư duy nghiên cứu độc lập và khả năng kiến tạo tri thức. NH được khuyến khích thực hiện nghiên cứu theo Quy định của Trường về NCKH của SV [H3.03.04.01].

Sự thúc đẩy này được lượng hóa rõ ràng thông qua hệ thống ma trận phương pháp giảng dạy các học phần [H3.03.04.02] và ma trận phương pháp đánh giá các học phần [H3.03.04.03]. Theo đó, các học phần chuyên ngành cốt lõi không được phép chỉ sử dụng duy nhất phương pháp thuyết trình mà bắt buộc phải kết hợp phương pháp Học tập dựa trên vấn đề và Học tập theo dự án. Để thực thi, toàn bộ ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành KTĐ đều quy định các nhiệm vụ học tập đòi hỏi SV phải đưa ra sáng kiến [H3.03.04.04]. Việc đánh giá điểm quá trình của SV không dựa trên việc học thuộc lòng, mà dựa trực tiếp vào tính khả thi, sự sáng tạo của ý tưởng đề xuất, được đo lường bằng các Rubric đánh giá có trong ma trận phương pháp đánh giá [H3.03.04.03].

Nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp qua hệ sinh thái hỗ trợ chuyên sâu và thực tiễn nhằm đưa sinh viên ra khỏi không gian học thuật thuần túy, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Đổi mới sáng tạo sinh viên [H3.03.04.05], đồng thời, Nhà trường đã lồng ghép mạnh mẽ kiến thức thực tế bằng các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo [H3.03.04.06]. Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tổ chức trải nghiệm gắn việc học với doanh nghiệp và trang bị cho SV công cụ hỗ trợ ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo [H3.03.04.07].

Nghiên cứu khoa học và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ song song với khởi nghiệp, tinh thần đổi mới sáng tạo trong học thuật được đẩy mạnh và chuẩn hóa qua Quy định về hoạt động NCKH của SV Trường [H3.03.04.08]. Hoạt động NCKH liên tục được duy trì thường xuyên qua việc triển khai đề tài SV NCKH hàng năm [H3.03.04.09] [H3.03.04.10].

Tại Khoa Công nghệ, danh sách các đề tài SV NCKH cho thấy SV ngành KTĐ luôn hướng đến các giải pháp thực tiễn có tính ứng dụng cao [H3.03.04.11]. Những đóng góp này được ghi nhận cụ thể trong Báo cáo tổng kết hằng năm của Phòng QLĐT trong giai đoạn 2021-2026 cùng CSDL về đề tài SV NCKH [H3.03.04.12]. Đặc biệt, để khuyến khích SV tự tin đưa ra sáng kiến và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người học, Nhà trường đã thiết lập hành lang pháp lý vững chắc với Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ Trường [H3.03.04.13], Cơ chế này đảm bảo mọi dự án tối ưu do SV sáng tạo ra đều có cơ hội được bảo hộ bản quyền.

2. Điểm mạnh

Cấu trúc của CTĐT được thiết kế nhất quán từ triết lý giáo dục "*Học để Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn*" qua đó khuyến khích NH đề xuất ý tưởng mới, sáng kiến và phát triển tư duy đổi mới sáng tạo thông qua các hoạt động học tập và NCKH. Bên cạnh đó, Trường đã thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp, hỗ trợ NH phát triển và triển khai ý tưởng, góp phần hình thành và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Từ năm học 2026 – 2027, Khoa Công nghệ sẽ phối hợp với Nhà trường xây dựng và triển khai công cụ khảo sát nhằm thu thập ý kiến của GV và NH về hiệu quả các hoạt động dạy – học trong việc thúc đẩy NH đề xuất ý tưởng mới, sáng kiến và phát triển tinh thần khởi nghiệp; kết quả khảo sát sẽ được sử dụng để điều chỉnh và cải tiến CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục cải tiến công cụ khảo sát nhằm thu thập ý kiến của GV và NH về hiệu quả các hoạt động dạy – học trong việc thúc đẩy NH đề xuất ý tưởng mới, sáng kiến và phát triển tinh thần khởi nghiệp; kết quả khảo sát sẽ được sử dụng để điều chỉnh và cải tiến CTĐT.	Phòng KT&ĐBCL Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026 – 2027
2	Phát huy điểm mạnh	Trong quá trình điều chỉnh, cải tiến CTĐT cần bám sát triết lý giáo dục "*Học để Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn*" qua đó khuyến khích NH đề xuất ý tưởng mới, sáng kiến và phát triển tư duy đổi mới sáng tạo thông qua các hoạt động học tập và NCKH	Nhà trường Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026 – 2027 và thực hiện theo chu kỳ

5. Tự đánh giá: ***Mức đạt được của tiêu chí:***

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Việc cải tiến quá trình dạy và học đối với ngành KTĐ được vận hành như một chu trình ĐBCL khép kín (Plan - Do - Check - Act). Hệ thống này được minh chứng thông qua các Thông báo, Kế hoạch, Quy định/Quy trình rà soát, cải tiến CTĐT ban hành ở cấp Trường [H3.03.05.01]. Quy trình này quy định rõ chu kỳ, trách nhiệm của từng bên liên quan (từ BGH, Phòng KT& ĐBCL đến Lãnh đạo Khoa, Tổ bộ môn) trong việc liên tục đánh giá và điều chỉnh PPDH.

Thực thi quy định này, Hội đồng Trường và Hội đồng Khoa học Khoa thực hiện công tác rà soát định kỳ một cách nghiêm ngặt. Minh chứng rõ nét cho sự liên tục của chu trình này là các Báo cáo rà soát định kỳ hoạt động dạy và học của CTĐT ngành KTĐ được ban hành qua các năm 2023, 2026 [H3.03.05.02].

Hoạt động thu thập dữ liệu đa chiều làm cơ sở cho cải tiến hoạt động giảng dạy tại ngành KTĐlà mọi thay đổi phải dựa trên dữ liệu. Khoa triển khai việc thu thập dữ liệu như sau:

Phòng QLĐT phối hợp với Khoa chủ động rà soát sớm thông qua Báo cáo kết quả phân tích đánh giá kết quả học tập của SV năm 1 [H3.03.05.03]. Qua đó, Khoa nhận diện sớm những học phần SV có kết quả học tập chưa tốt để điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp. Quan trọng hơn, năng lực lõi của SV được đo lường chính xác bằng Báo cáo đánh giá mức độ đạt CĐR của CTĐT ngành KTĐ [H3.03.05.04]. Dữ liệu này chỉ rõ CĐR nào có tỷ lệ SV đạt thấp, từ đó yêu cầu GV phải cải tiến trực tiếp phương pháp dạy học cho nhóm CĐR đó.

SV cung cấp dữ liệu thông qua Báo cáo khảo sát ý kiến SV về học phần, phương pháp giảng dạy và điều kiện học tập được tổ chức định kỳ hằng năm [H3.03.05.05].

Hoạt động kiểm tra chéo được số hóa và lưu vết thông qua hệ thống minh chứng đánh giá hoạt động giảng dạy của GV (bao gồm dự giờ, sinh hoạt chuyên môn, phản hồi đồng nghiệp) [H3.03.05.06]. Hồ sơ này cho thấy công tác góp ý chuyên môn, chỉnh sửa giáo án nội bộ diễn ra liên tục, tạo ra những cải tiến ngay trong từng tuần học.

Gắn kết với yêu cầu của thị trường lao động, ngành KTĐ đòi hỏi tính cập nhật pháp lý và ứng dụng công nghệ cao. Do đó, sự cải tiến không thể chỉ dựa vào lý thuyết mà phải đến từ thị trường lao động. Khoa duy trì việc lấy ý kiến từ Kế hoạch và báo cáo khảo sát ý kiến cựu SV và nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng của CTĐT [H3.03.05.07]. Đồng thời, Khoa tiếp thu ý kiến phản hồi của các doanh nghiệp để Trường có kế hoạch cải tiến thông qua Kế hoạch, chương trình và biên bản hội thảo định hướng nghề nghiệp, kết nối với các doanh nghiệp cho SV (ngày hội việc làm, tọa đàm, workshop) [H3.03.05.08]. Bên cạnh đó, đánh giá của các đơn vị tiếp nhận SV theo Quyết định thực tập tốt nghiệp của SV ngành KTĐ tại doanh nghiệp [H3.03.05.09] chính là căn cứ để Khoa điều chỉnh các hoạt động đào tạo thực hành.

Khi toàn bộ dữ liệu trên được tổng hợp, Khoa sẽ tiến hành họp chuyên môn để ban hành Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo về điều chỉnh nội dung dạy và học, phương pháp giảng dạy [H3.03.05.10]. Từ đó, tổ bộ môn tiến hành triển khai Quy định biên soạn, rà soát điều chỉnh ĐCCT học phần phù hợp với CĐR [H3.03.05.11], dẫn đến sự ra đời của các ĐCCT học phần [H3.03.05.12].

Để đội ngũ GV nắm bắt và thực thi hiệu quả những thay đổi này, Khoa liên tục triển khai Kế hoạch và báo cáo tập huấn, seminar, bồi dưỡng GV về phương pháp dạy học và đánh giá theo CĐR [H3.03.05.13]. Các điều chỉnh này luôn phải đảm bảo tính thống nhất với Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường [H3.03.05.14]. Nhằm khuyến khích tư duy đổi mới trong nghiên cứu giáo dục, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cán bộ nhà trường còn được trang bị kỹ năng qua Thông báo về việc triệu tập GV, cán bộ nghiên cứu tham gia lớp tập huấn *"Phát triển năng lực giảng viên và Mentor trong hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo Intracom*" [H3.03.05.15]. Việc chuyển đổi số và nâng cao tính thực tiễn trong đổi mới phương pháp giảng dạy được củng cố đồng bộ qua Kế hoạch triển khai, thông báo tổ chức giảng dạy, màn hình giao diện thực tế trên hệ thống Classin [H3.03.02.16] kết hợp với các tiêu chuẩn đào tạo thực hành thuộc Quy định hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp [H3.03.02.17].

2. Điểm mạnh

Khoa thường xuyên dự giờ, sinh hoạt chuyên môn đều đặn cho thấy hoạt động cải tiến đã trở thành thói quen nghề nghiệp của đội ngũ GV, giúp nhanh chóng nhận diện và khắc phục các điểm yếu trong nghiệp vụ sư phạm. Các dữ liệu từ thực tập và hội thảo các cơ quan, doanh nghiệp được sử dụng hiệu quả để chuyển hóa thành các quyết định cải tiến phương pháp dạy học mô phỏng, giúp SV thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết giảng đường và thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù hệ thống ĐCCT đã được cập nhật và số hóa mạnh mẽ, mức độ khai thác các công cụ này ở một số lớp học vẫn đang dừng ở mức cơ bản. Tồn tại này xuất phát từ việc áp dụng các công nghệ giáo dục tiên tiến đòi hỏi thời gian làm quen và nhịp độ thích ứng khác nhau tùy thuộc vào nền tảng kỹ năng số ban đầu của từng GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần bồi dưỡng cho đội ngũ GV để sử dụng các công nghệ giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng dạy học.	Nhà trường Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026-2027
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục thường xuyên dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV	Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026-2027
		Tiếp thu các ý kiến phản hồi của các BLQ để chuyển hóa thành các quyết định cải tiến phương pháp dạy học giúp SV thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết giảng đường và thực tiễn.	Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026-2027

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Công tác tổ chức và quản lý hoạt động dạy và học của CTĐT ngành KTĐ tại Trường được triển khai một cách bài bản. CTĐT và các phương pháp giảng dạy ngày càng được cập nhật, thiết kế tương thích tuyệt đối với CĐR. Các hoạt động

họ c tậ p chủ độ ng, thúc đẩ y sáng tạ o và khở i nghiệ p đư ợ c triể n khai hiệ u quả thông qua việ c áp dụ ng phư ơ ng pháp lấ y ngư ờ i họ c làm trung tâm, ứ ng dụ ng triệ t để nề n tả ng công nghệ số LMS-Canvas và phát triể n hệ sinh thái NCKH SV.

Quy trình rà soát, cả i tiế n quá trình dạ y và họ c thông qua đánh giá mứ c độ đạ t CĐR và phả n hồ i đa chiề u từ CBLQ. Hệ thố ng các quy đị nh nộ i bộ về tổ chứ c đào tạ o trự c tuyế n, thự c hành thự c tậ p và đánh giá ngư ờ i họ c đư ợ c ban hành đầ y đủ và phổ biế n hiệ u quả . Nhìn chung, công tác tổ chứ c và cả i tiế n hoạ t độ ng dạ y và họ c đã góp phầ n quan trọ ng trong việ c ĐBCL CTĐT, đáp ứ ng khắ t khe các yêu cầ u củ a thị trư ờ ng lao độ ng.

Mộ t số điể m tồ n tạ i vẫ n còn cầ n cả i thiệ n để tăng cư ờ ng hiệ u quả trong công tác dạ y và họ c. Cụ thể , việ c khả o sát mứ c độ nhậ n diệ n triế t lý giáo dụ c hiệ n mớ i tậ p trung vào đố i tư ợ ng nộ i bộ , biể u mẫ u dành cho nhà tuyể n dụ ng chư a có các câu hỏ i chuyên sâu. Việ c thiế t kế các hoạ t độ ng họ c tậ p tư ơ ng thích vớ i nhóm CĐR về ″kỹ năng mề m″ chủ yế u vẫ n đánh giá trự c tiế p, chư a khai thác đồ ng đề u các công cụ tư ơ ng tác bậ c cao (như đánh giá đồ ng cấ p) trên hệ thố ng LMS-Canvas. Công tác thúc đẩ y tinh thầ n khở i nghiệ p thu hút đông đả o SV tham gia, như ng tỷ lệ các dự án thự c sự tiế n tớ i bư ớ c đăng ký Sở hữ u trí tuệ hoặ c thư ơ ng mạ i hóa còn chiế m tỷ trọ ng thấ p.

Số tiêu chí đư ợ c đánh giá Đạ t: 5/5

Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập

Mở đầu

Hoạt động đánh giá KQHT đóng vai trò then chốt trong việc ĐBCL đào tạo, góp phần xác định mức độ đạt được CĐR của NH và làm cơ sở cho các quyết định cải tiến CTĐT. Trong giai đoạn 2021–2026, Trường ĐH Intracom đã xây dựng hệ thống quy định, quy trình và công cụ đánh giá KQHT một cách đầy đủ, đồng bộ và phù hợp với CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện.

Các phương pháp đánh giá được thiết kế gắn liền với mục tiêu đào tạo, áp dụng thang tư duy Bloom và phương pháp giảng dạy tích cực nhằm đo lường chính xác năng lực của NH. Bên cạnh đó, quy trình rà soát, cải tiến hoạt động đánh giá và các quy định liên quan được triển khai định kỳ và phổ biến với sự tham gia của nhiều BLQ. Thông tin về các quy định đánh giá và kết quả khảo sát được công khai, cập nhật trên hệ thống, đảm bảo tính minh bạch và khả năng tiếp cận.

Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện được triển khai trong khuôn khổ hệ thống văn bản pháp lý và các quy định nội bộ đầy đủ, thống nhất, làm cơ sở cho việc thiết kế, lựa chọn và kiểm soát việc áp dụng các phương pháp đánh giá KQHT của NH theo định hướng CĐR, qua đó bảo đảm tính nhất quán trong triển khai và khả năng kiểm soát chất lượng CTĐT.

Ở cấp độ quốc gia, việc đánh giá KQHT của NH được thực hiện phù hợp với Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ GD&ĐT [H4.04.01.01], trong đó quy định rõ các nguyên tắc đánh giá, hình thức kiểm tra – thi, đánh giá quá trình, đánh giá kết thúc học phần và đánh giá tốt nghiệp, làm cơ sở pháp lý thống nhất cho toàn bộ hệ thống đánh giá trong giáo dục đại học. Đồng thời, việc thiết kế và triển khai các phương pháp đánh giá trong CTĐT được định hướng gắn chặt với CĐR theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 về chuẩn CTĐT và xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học [H4.04.01.02].

Bên cạnh đó, CTĐT chủ động cập nhật các yêu cầu mới về năng lực NH, đặc biệt là năng lực số, theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 ban hành Khung năng lực số cho NH [H4.04.01.03], qua đó làm căn cứ để điều chỉnh nội dung, hình thức và phương pháp đánh giá KQHT phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ [H4.04.01.04], trong đó quy định cụ thể và thống nhất về hình thức đánh giá, phương pháp đánh giá, thang điểm và quy trình đánh giá KQHT của NH, tạo cơ sở để GV triển khai các hoạt động đánh giá một cách đồng bộ, nhất quán và phù hợp với CĐR của CTĐT. Các nội dung này tiếp tục được cụ thể hóa thông qua Quy định tổ chức thi và kiểm tra học phần bậc đào tạo đại học của Trường [H4.04.01.05], qua đó bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức đánh giá giữa các học phần, các hình thức đào tạo và các đơn vị giảng dạy.

Đặc biệt, Nhà trường đã ban hành Quy trình đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT trình độ đại học [H4.04.01.06]. Quy trình này đóng vai trò là văn bản cốt lõi, hệ thống hóa toàn bộ quá trình từ thiết kế phương pháp đánh giá, triển khai đánh giá tại học phần đến tổng hợp, phân tích minh chứng phục vụ đánh giá mức độ đạt CĐR ở cấp CTĐT, qua đó bảo đảm tính nhất quán, minh bạch và khả năng cải tiến liên tục CTĐT. Theo đó, các phương pháp đánh giá KQHT không chỉ được lựa chọn phù hợp với CĐR học phần mà còn được sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Song song với các quy định về đánh giá, Nhà trường cũng ban hành các quy trình nghiệp vụ hỗ trợ triển khai đánh giá KQHT một cách nhất quán và minh bạch, bao gồm Quy trình nhập điểm lên phần mềm quản lý đào tạo [H4.04.01.07] và Quy trình xét KQHT [H4.04.01.08]. Các quy trình này góp phần chuẩn hóa việc ghi nhận, xử lý và công bố kết quả đánh giá KQHT, hạn chế sai lệch trong quá trình đánh giá và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Ở cấp độ CTĐT và học phần, các đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) ngành Kỹ thuật điện được thiết kế đầy đủ theo mẫu thống nhất của Nhà trường [H4.04.01.09]. Trong mỗi ĐCCTHP, GV xác định rõ CĐR học phần, các phương pháp đánh giá, trọng số từng thành phần đánh giá, cũng như mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá, nội dung giảng dạy và CĐR học phần, CĐR CTĐT. Sự tương thích này tiếp tục được cụ thể hóa và kiểm soát thông qua Ma trận liên kết giữa học phần – CĐR– phương pháp đánh giá [H4.04.01.10], qua đó bảo đảm rằng mỗi CĐR của CTĐT đều được đo lường bằng các phương pháp đánh giá phù hợp và có thể kiểm chứng.

Thông qua hệ thống ĐCCTHP và ma trận liên kết nói trên, có thể khẳng định GV có năng lực lựa chọn và triển khai các phương pháp đánh giá KQHT phù hợp với CĐR, đồng thời thực hiện đánh giá theo đúng định hướng CĐR và quy định của Nhà trường.

Bên cạnh đó, GV còn được hỗ trợ nâng cao nhận thức và năng lực triển khai đánh giá theo CĐR thông qua các hoạt động tập huấn, hội thảo chuyên đề về chuẩn hóa CTĐT và đo lường mức độ đạt CĐR do Nhà trường tổ chức [H4.04.01.11] và chương trình tập huấn đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT trình độ đại học năm học 2025-2026 [H4.04.01.12]. Các hoạt động này góp phần củng cố và phát triển năng lực chuyên môn của GV trong việc thiết kế, lựa chọn và áp dụng các phương pháp đánh giá KQHT theo định hướng CĐR một cách nhất quán và hiệu quả.

Trong CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện, các phương pháp đánh giá KQHT của NH được thiết kế và triển khai đa dạng về hình thức, linh hoạt về cách thức tổ chức, đồng thời phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ và đặc thù của từng loại học phần. Việc đa dạng hóa phương pháp đánh giá nhằm bảo đảm đánh giá toàn diện các nhóm năng lực của NH, bao gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và năng lực vận dụng vào thực tiễn.

Cụ thể, các phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thảo luận, bài tập cá nhân/nhóm, thuyết trình, bài tập tình huống, đồ án, dự án học phần), đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần (bài tập cá nhân/nhóm, Thực hành, Trắc nghiệm, Tự luận, Vấn đáp, Thuyết trình, Báo cáo/Tiểu luận, Đồ án/Dự án …). Bên cạnh đó, đối với các học phần mang tính ứng dụng và phát triển kỹ năng, hình thức đánh giá thông qua sản phẩm học tập, trình diễn và báo cáo dự án được sử dụng nhằm đo lường khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng của NH trong các tình huống thực tiễn.

Kết quả thống kê cho thấy, trong tổng số 64 học phần của CTĐT:

64/64 học phần (100%) áp dụng đánh giá giữa kỳ (ĐGGK), phản ánh mức độ chú trọng cao đối với đánh giá quá trình học tập của NH;

64/64 học phần (100%) đồng thời áp dụng đánh giá cuối kỳ (ĐGCK), bảo đảm đánh giá tổng hợp mức độ đạt CĐR sau khi hoàn thành học phần;

15/64 học phần (23,4%) sử dụng hình thức thi Trắc nghiệm và Tự luận viết (trên giấy hoặc trên máy tính), phù hợp với các học phần có quy mô lớp lớn hoặc cần đánh giá diện rộng kiến thức nền tảng;

41/64 học phần (64,0%) áp dụng hình thức thi Tự luận đánh giá chủ yếu các kỹ năng tư duy bậc cao của người học như phân tích, tổng hợp, lập luận logic và diễn đạt bằng văn bản;

8/64 học phần (12,6%) sử dụng các hình thức đánh giá thông qua bài tập, dự án và thuyết trình, thể hiện định hướng tăng cường đánh giá năng lực thực hành, kỹ năng mềm và khả năng vận dụng kiến thức vào tình huống thực tiễn.

Các kết quả trên cho thấy, CTĐT không phụ thuộc vào một hình thức đánh giá đơn lẻ mà kết hợp đa dạng các phương pháp đánh giá để đo lường toàn diện các nhóm năng lực khác nhau của NH. Sự kết hợp phổ biến giữa đánh giá giữa kỳ – đánh giá cuối kỳ, cùng với việc sử dụng song song trắc nghiệm, tự luận và đánh giá thông qua sản phẩm học tập, phù hợp với phương

thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ và yêu cầu phát triển năng lực của NH trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

Sự phù hợp giữa phương pháp đánh giá và phương thức đào tạo được thể hiện rõ trong các ĐCCTHP ngành Kỹ thuật điện [H4.04.01.13]. Trong mỗi ĐCCTHP, các hình thức và phương pháp đánh giá được lựa chọn phù hợp với mục tiêu học phần, nội dung giảng dạy và phương pháp dạy học, đồng thời được phân bổ trọng số hợp lý giữa đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần. Đối với các học phần lý thuyết, các hình thức thi viết (tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận) được kết hợp với bài tập và thảo luận nhằm đánh giá mức độ hiểu, khả năng phân tích và lập luận của NH. Trong khi đó, các học phần thực hành, kỹ năng và chuyên ngành chú trọng đánh giá thông qua bài tập tình huống, dự án, thuyết trình và báo cáo, qua đó đánh giá năng lực vận dụng và giải quyết vấn đề của NH.

Đối với các học phần thực tập và tốt nghiệp, CTĐT áp dụng các phương pháp đánh giá phù hợp với đặc thù đào tạo gắn với thực tiễn nghề nghiệp, bao gồm đánh giá quá trình thực tập, báo cáo thực tập, đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế theo quy định của Nhà trường [H4.04.01.14]. Các hình thức đánh giá này cho phép đo lường mức độ đạt CĐR của NH ở giai đoạn cuối chương trình, đặc biệt là năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng trong bối cảnh nghề nghiệp thực tế.

Bên cạnh đó, việc triển khai các phương pháp đánh giá trong CTĐT được thực hiện phù hợp với các hình thức tổ chức đào tạo khác nhau, bao gồm đào tạo trực tiếp và đào tạo có ứng dụng công nghệ thông tin, theo các quy định hiện hành của Nhà trường [H4.04.01.05], [H4.04.01.06]. Các quy trình nghiệp vụ hỗ trợ như Quy trình nhập điểm (QT.ĐT.16) và Quy trình xét KQHT (QT.ĐT.20) [H4.04.01.07], [H4.04.01.08] góp phần bảo đảm việc triển khai đồng thời nhiều phương pháp đánh giá khác nhau được thực hiện thống nhất, minh bạch và đúng quy định.

Ngoài ra, sự đa dạng của các phương pháp đánh giá KQHT còn được kiểm soát và bảo đảm tính phù hợp thông qua Ma trận liên kết giữa học phần – CĐR– phương pháp đánh giá [H4.04.01.10]. Ma trận này cho phép theo dõi và đối chiếu việc sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau nhằm đo lường đầy đủ các CĐR của CTĐT, tránh tình trạng lệ thuộc vào một hình thức đánh giá đơn lẻ và đảm bảo tính cân đối, toàn diện trong đánh giá KQHT của NH. Nhìn chung, các phương pháp đánh giá KQHT trong CTĐT ngành Kỹ thuật điện không chỉ đa dạng về hình thức mà còn được lựa chọn có chủ đích để phù hợp với phương thức đào tạo, đặc thù học

phần và mục tiêu đạt CĐR, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả đánh giá và đảm bảo chất lượng đào tạo. Trong CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện, các phương pháp đánh giá KQHT của NH được công khai và phổ biến đầy đủ, kịp thời tới các bên liên quan, đặc biệt là NH, thông qua nhiều kênh thông tin chính thức, bảo đảm NH nắm rõ yêu cầu, hình thức và tiêu chí đánh giá ngay từ đầu học phần.

Cụ thể, ĐCCTHP được xây dựng theo mẫu thống nhất của Nhà trường trước khi hoặc ngay khi học phần bắt đầu [H4.04.01.09]. Trong mỗi ĐCCTHP, các nội dung liên quan đến đánh giá KQHT được trình bày rõ ràng, bao gồm: các phương pháp và hình thức đánh giá, số lần đánh giá, trọng số từng thành phần đánh giá, yêu cầu đối với từng hình thức, cũng như mối liên hệ giữa đánh giá và CĐR học phần. Việc công khai ĐCCTHP trên LMS giúp NH có thể chủ động tiếp cận, theo dõi và đối chiếu yêu cầu đánh giá trong suốt quá trình học tập.

Bên cạnh việc công bố bằng văn bản, trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần, GV thực hiện phổ biến trực tiếp các nội dung liên quan đến phương pháp, hình thức và yêu cầu đánh giá học phần, bao gồm cấu trúc đánh giá, tiêu chí chấm điểm, yêu cầu đối với bài tập, đồ án, thuyết trình và kỳ thi kết thúc học phần. Nội dung này được thể hiện rõ trong các slide bài giảng của học phần để NH có thể tham khảo lại trong quá trình học tập [H4.04.01.15].

Ngoài ra, việc phổ biến phương pháp đánh giá KQHT còn được hỗ trợ thông qua các quy định và quy trình đào tạo của Nhà trường, trong đó quy định rõ trách nhiệm của GV trong việc thông tin đầy đủ cho NH về phương thức đánh giá và yêu cầu học phần ngay từ đầu học kỳ [H4.04.01.04]. Các quy trình nghiệp vụ liên quan đến đánh giá, nhập điểm và xét KQHT [H4.04.01.07], [H4.04.01.08] cũng được công khai, góp phần bảo đảm tính minh bạch và thống nhất trong việc triển khai đánh giá.

Thông qua các kênh công bố chính thức trên LMS, hoạt động phổ biến trực tiếp của GV trên lớp và hệ thống quy định – quy trình liên quan, NH được cung cấp đầy đủ thông tin về các phương pháp đánh giá KQHT, qua đó có thể chủ động xây dựng kế hoạch học tập, phân bổ thời gian và chuẩn bị phù hợp cho từng hình thức đánh giá. Điều này góp phần nâng cao tính minh bạch, công bằng và hiệu quả của hoạt động đánh giá trong CTĐT.

2. Điểm mạnh

CTĐT được triển khai trên hệ thống văn bản pháp lý và quy định nội bộ đầy đủ, cập nhật và nhất quán, từ các quy định của Bộ GD&ĐT đến quy chế, quy trình của Nhà trường. Các phương pháp và hình thức đánh giá KQHT trong CTĐT đa dạng và có cơ sở định lượng rõ ràng.

Thống kê từ ma trận liên kết cho thấy phần lớn học phần áp dụng đồng thời đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ; nhiều hình thức đánh giá khác nhau như trắc nghiệm, tự luận, bài tập, dự án, thuyết trình được sử dụng song song. Điều này cho phép đánh giá toàn diện các nhóm năng lực của NH, phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ và định hướng phát triển năng lực. Đội ngũ GV có năng lực thiết kế và triển khai các phương pháp đánh giá theo định hướng CĐR, thể hiện thông qua các ĐCCTHP được xây dựng thống nhất, đầy đủ thông tin về hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá. Thông tin về phương pháp đánh giá được công khai, minh bạch và phổ biến kịp thời tới NH thông qua hệ thống LMS (Canvas) và hoạt động phổ biến trực tiếp của GV ngay từ buổi học đầu tiên. Điều này giúp NH chủ động xây dựng kế hoạch học tập, chuẩn bị phù hợp cho từng hình thức đánh giá, qua đó nâng cao tính công bằng và hiệu quả của hoạt động đánh giá KQHT.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù, các phương pháp đánh giá được sử dụng đa dạng, mức độ phân bổ giữa các hình thức đánh giá chưa thật sự đồng đều giữa các học phần, trong đó một số học phần vẫn còn thiên về các hình thức đánh giá truyền thống (trắc nghiệm, thi viết) và chưa khai thác đầy đủ các hình thức đánh giá dựa trên dự án, sản phẩm học tập hoặc đánh giá năng lực thực hành.

Việc khai thác dữ liệu đánh giá KQHT để phục vụ cải tiến CTĐT tuy đã được quy định nhưng chưa được hệ thống hóa sâu hơn theo hướng phân tích xu hướng, so sánh theo khóa học hoặc nhóm năng lực, nhằm cung cấp cơ sở dữ liệu phong phú hơn cho hoạt động cải tiến liên tục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Đa dạng hình thức đánh giá NH. - Tổ chức tập huấn về xây dựng công cụ đánh giá theo CĐR cho GV. - Nghiên cứu, triển khai phần mềm quản lý đánh giá học tập, kết nối kết quả đánh giá với mức độ đạt CĐR.	- Nhà trường - Phòng KT&ĐBCL - Các khoa	Hằng năm, kết thúc HP	

2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định phù hợp với CTĐT và CĐR. - Thường xuyên xây dựng, cập nhật ĐCCTHP, phương pháp giảng dạy phù hợp với CTĐT và CĐR. - Tiếp tục đẩy mạnh công tác lấy ý kiến phản hồi các BLQ đến CTĐT nhằm tăng cường chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của xã hội.	- Nhà trường - Phòng QLĐT - Phòng KT&ĐBCL - Các khoa		

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Đánh dấu (x) ***vào ô tương ứng dưới đây:***

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom đã xây dựng và ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học trong đó có các nội dung về quy định liên quan đến công tác đánh giá KQHT, và phúc khảo nhằm bảo đảm tính minh bạch, khách quan và nhất quán trong toàn bộ quá trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện [H4.04.02.01].

Nhà trường đã ban hành đồng bộ các quy trình phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi, quản lý và đánh giá KQHT của NH, bao gồm: Quy trình nhập điểm lên phần mềm quản lý đào tạo [H4.04.02.02]; Quy trình xét KQHT [H4.04.02.03]; Quy trình chấm thi [H4.04.02.04]; Quy trình giao nhận đề thi, bài thi [H4.04.02.05]; Quy trình tổ chức thi viết, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, thực hành, tiểu luận [H4.04.02.06]; Quy trình phúc khảo bài thi [H4.04.02.07]; Quy trình chấm kiểm tra [H4.04.02.08]; Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi [H4.04.02.09]; cùng các quy

trình đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp [H4.04.02.10]. Các quy trình này được xây dựng thống nhất, bảo đảm việc đánh giá KQHT của NH ngành Kỹ thuật điện được thực hiện đúng quy định, phù hợp với CĐR của CTĐT. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành và cập nhật hệ thống sổ tay và văn bản hướng dẫn nhằm phổ biến các quy định đến người học, GV và cán bộ quản lý, bao gồm: Sổ tay SV [H4.04.02.11], Sổ tay cán bộ quản lý lớp [H4.04.02.12].

Các chính sách, quy định và quy trình về đánh giá KQHT và phúc khảo được công khai rộng rãi thông qua nhiều kênh thông tin như: trang thông tin điện tử của Nhà trường, hệ thống quản lý đào tạo, bản mô tả CTĐT, ĐCCTHP, sổ tay SV và các buổi sinh hoạt đầu khóa [H4.04.02.13]. Trong quá trình giảng dạy, GV phụ trách các học phần ngành Kỹ thuật điện đều phổ biến rõ ràng cho NH về nội dung đánh giá, hình thức kiểm tra, tỷ trọng điểm và yêu cầu học tập ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCTHP. Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện đúng theo đề cương đã ban hành, bảo đảm tính thống nhất giữa kế hoạch giảng dạy và hoạt động đánh giá. Công tác phúc khảo bài thi được thực hiện theo quy trình, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người học. NH được hướng dẫn cụ thể về thời gian, thủ tục và hình thức phúc khảo; kết quả phúc khảo được xử lý minh bạch, công khai và lưu trữ đầy đủ theo quy định, kết quả phúc khảo được công bố tới NH thông qua phần mềm quản lý điểm và được lưu trữ hồ sơ tại Phòng KT&ĐBCL [H4.04.02.14]. Ngoài ra, Trường và Khoa thường xuyên tiếp nhận ý kiến phản hồi của người học, cựu SV và cán bộ quản lý thông qua các kênh chính thức như email, fanpage, các buổi sinh hoạt học vụ, khảo sát định kỳ và hoạt động cố vấn học tập. Các ý kiến phản hồi được tổng hợp, xem xét và sử dụng làm căn cứ để rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các quy định, quy trình đánh giá KQHT và phúc khảo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành Kỹ thuật điện [H4.04.02.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng hệ thống quy định, quy trình về đánh giá KQHT, và phúc khảo đầy đủ, rõ ràng.

Các văn bản được chuẩn hóa, cập nhật thường xuyên và phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT. Hệ thống kênh truyền thông đa dạng giúp NH dễ dàng tiếp cận thông tin.

Quy trình tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, xét KQHT và phúc khảo được triển khai đồng bộ, minh bạch và nhất quán.

Việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù, hệ thống quy định và quy trình đã được xây dựng đầy đủ, tuy nhiên một bộ phận NH chưa chủ động tìm hiểu đầy đủ các quy định về đánh giá và phúc khảo, dẫn đến việc tiếp cận thông tin chưa kịp thời trong một số trường hợp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Nâng cao hiệu quả khảo sát phản hồi của cựu NH thông qua truyền thông đa kênh. - Thực hiện khảo sát định kì mỗi năm học	- Nhà trường - Phòng KT& ĐBCL - Phòng QLĐT - Các khoa	Hằng năm, bắt đầu từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì và tăng cường phổ biến các quy định về đánh giá KQHT và phúc khảo đến NH thông qua nhiều kênh - Tiếp tục triển khai nhất quán các quy trình đánh giá KQHT, công nhận KQHT và xét tốt nghiệp theo kế hoạch năm học và học kỳ	- Nhà trường - Phòng KT& ĐBCL - Phòng QLĐT - Các khoa	Đầu mỗi năm học và định kỳ	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Đánh dấu (X) vào ô tương ứng dưới đây:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom đã xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống văn bản, quy định, quy trình liên quan đến công tác đánh giá kết quả học tập, xét công nhận KQHT và xét tốt nghiệp cho ngành Kỹ thuật điện, bảo đảm phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT và yêu cầu thực tiễn đào tạo. Căn cứ các Thông tư của Bộ GD&ĐT về Quy chế đào tạo trình độ đại học (Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT; Thông tư Số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/ 2026) [H4.04.03.01], quy định về chuẩn CTĐT (17/2021/TT-BGDĐT) [H4.04.03.02], và cùng Quy chế đào tạo của Nhà trường ban hành các năm 2021, 2023, 2026, Nhà trường đã hình thành khung pháp lý đầy đủ cho hoạt động đánh giá, công nhận KQHT và xét tốt nghiệp [H4.04.03.03].

Đối với ngành Kỹ thuật điện, việc đánh giá KQHT được thực hiện theo hệ thống tín chỉ, trên cơ sở đánh giá từng học phần và từng học kỳ. KQHT của NH được tính theo thang điểm chữ, quy đổi sang thang điểm 4 và tính điểm trung bình tích lũy. Các thành phần đánh giá bao gồm điểm chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần (tự luận, báo cáo/tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm, đồ án/dự án) được quy định rõ trong ĐCCTHP và bản mô tả CTĐT. Nhà trường đã ban hành và triển khai đồng bộ các quy trình phục vụ công tác đánh giá và xét công nhận kết quả học tập, bao gồm: Quy trình nhập điểm lên phần mềm quản lý đào tạo [H4.04.03.04]; Quy trình xét KQHT [H4.04.03.05]; Quy trình chấm thi [H4.04.03.06]; Quy trình giao nhận đề thi, bài thi [H4.04.03.07]; Quy trình tổ chức thi viết, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, thực hành, tiểu luận [H4.04.03.08]; Quy trình phúc khảo bài thi [H4.04.03.09]; Quy trình chấm kiểm tra [H4.04.03.10]; Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi [H4.04.03.11]; cùng các quy trình đánh giá khóa luận tốt nghiệp [H4.04.03.12]. Các quy trình này được áp dụng thống nhất cho toàn bộ các khóa đào tạo ngành Kỹ thuật điện.

Công tác xét tốt nghiệp được thực hiện định kỳ theo năm học trên cơ sở các điều kiện đã công bố, bao gồm: hoàn thành CTĐT, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định, đạt CĐR, có điểm trung bình tích lũy theo yêu cầu và không vi phạm kỷ luật. Hội đồng xét tốt nghiệp được thành lập theo quy định, bảo đảm tính khách quan, minh bạch trong quá trình xét duyệt [H4.04.03.13]. Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận KQHT và xét tốt nghiệp được phổ biến đầy đủ đến NH thông qua nhiều kênh khác nhau như: website Trường Đại học Intracom, hệ thống quản lý đào tạo, Sổ tay SV, bản mô tả CTĐT, ĐCCTHP và các buổi sinh hoạt đầu khóa, đầu học kỳ [H4.04.03.14].

Trong các buổi sinh hoạt cố vấn học tập và sinh hoạt đầu năm học, NH được hướng dẫn cụ thể về quy chế đào tạo, phương thức đánh giá, điều kiện xét học vụ và xét tốt nghiệp. GV phụ

trách học phần có trách nhiệm phổ biến nội dung đánh giá, tỷ trọng điểm và yêu cầu học tập ngay từ buổi học đầu tiên bằng hình thức phổ biến trực tiếp trên lớp và gián tiếp thông qua phần mềm LMS, bảo đảm NH nắm rõ tiêu chí đánh giá trong suốt quá trình học tập [H4.04.03.15].

Hằng năm, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai công tác đào tạo, trong đó quy định rõ tiến độ cập nhật điểm, xét học vụ, cảnh báo học tập, xét công nhận KQHT và xét tốt nghiệp. Các kế hoạch, quyết định xét tốt nghiệp được thực hiện đúng quy trình, có phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị liên quan. Để bảo đảm việc triển khai các tiêu chuẩn và quy trình được thực hiện nhất quán, Phòng QLĐT-NCKH (hiện nay là Phòng QLĐT) là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định liên quan đến xét học vụ, cảnh báo học tập, xét công nhận KQHT và xét tốt nghiệp. Trước khi kết quả được ban hành, các thông tin dự kiến được Phòng QLĐT gửi về Khoa, Quản lý lớp, Cố vấn học tập, và SV thông qua email để các bên liên quan có thể kiểm tra, rà soát thông tin và phản hồi nếu có sai sót [H4.04.03.16].

Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện tổng hợp, báo cáo đánh giá KQHT và xét tốt nghiệp theo từng năm học. Các báo cáo phản ánh đầy đủ tình hình tiến độ học tập, tỷ lệ hoàn thành chương trình, tỷ lệ tốt nghiệp và chất lượng đầu ra của ngành Kỹ thuật điện, làm cơ sở cho việc kiểm soát và cải tiến chất lượng đào tạo [H4.04.03.17]. Có thể thấy các tiêu chuẩn và quy trình được triển khai tương đối đồng bộ, minh bạch và phù hợp với yêu cầu đào tạo. Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận KQHT và xét tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện được xây dựng đầy đủ, phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện một cách thống nhất trong toàn Trường.

2. Điểm mạnh

Hệ thống văn bản, quy định và quy trình về đánh giá kết quả học tập, xét công nhận KQHT và xét tốt nghiệp được xây dựng đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với quy định hiện hành.

Các tiêu chuẩn và thủ tục được công khai rộng rãi, NH dễ dàng tiếp cận thông tin thông qua nhiều kênh khác nhau.

Quy trình xét KQHT và xét tốt nghiệp được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, có sự tham gia của Hội đồng chuyên trách, bảo đảm tính khách quan.

Việc triển khai kế hoạch đào tạo, xét học vụ và xét tốt nghiệp được thực hiện thống nhất giữa các đơn vị liên quan.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa xây dựng riêng một quy trình hướng dẫn chi tiết về tiếp nhận, xử lý và phản hồi khiếu nại liên quan đến kết quả xét công nhận KQHT và xét tốt nghiệp của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Xây dựng kế hoạch khảo sát định kỳ hằng năm đối với GV, NH, cựu NH và CBQL về việc triển khai các quy trình đánh giá KQHT và xét tốt nghiệp. - Đa dạng hóa hình thức khảo sát - Tổng hợp, phân tích và sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến quy trình.	-P. KT& ĐBCL -P. QLĐT - Các khoa	Hằng năm, bắt đầu từ 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục triển khai nhất quán các quy trình đánh giá KQHT, công nhận KQHT và xét tốt nghiệp theo kế hoạch năm học và học kỳ. - Duy trì cơ chế giám sát và phản hồi thông qua báo cáo công khai, khảo sát NH và CBQL.	-P. KT& ĐBCL -P. QLĐT - Các khoa	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Đánh dấu (x) ***vào ô tương ứng dưới đây:***

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Các phương pháp và tiêu chí đánh giá KQHT được thể hiện qua kế hoạch đánh giá học phần, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Điều này thể hiện là các phương pháp và tiêu chí đánh giá KQHT tại Trường được xây dựng và triển khai thống nhất thông qua kế hoạch đánh giá học phần, bảo đảm đo lường phù hợp với CĐR và đáp ứng các yêu cầu về độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng trong đánh giá.

Trước hết, Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Intracom, trong đó quy định rõ các hình thức đánh giá, cấu trúc điểm học phần, quy trình tổ chức thi và trách nhiệm của các bên liên quan [H4.04.04.01]. Quy định này là cơ sở để các khoa và GV xây dựng kế hoạch đánh giá học phần một cách thống nhất, bảo đảm tính minh bạch và công bằng trong toàn bộ quá trình đánh giá.

Kế hoạch đánh giá của từng học phần được thiết kế và thể hiện cụ thể trong ĐCCTHP, bao gồm các nội dung: hình thức đánh giá (chuyên cần, kiểm tra điều kiện, thi kết thúc học phần), tiêu chí đánh giá, trọng số điểm, thời điểm thực hiện và mối liên hệ với CĐR học phần [H4.04.04.02]. Việc xây dựng kế hoạch đánh giá được thực hiện dựa trên CĐR CTĐT và học phần đã được Nhà trường ban hành [H4.04.04.03], [H4.04.04.04], đồng thời gắn với các yêu cầu về CĐR ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm đối với sinh viên [H4.04.04.05]. Nhờ đó, hoạt động đánh giá bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của người học.

CTĐT ngành Kỹ thuật điện được ban hành và rà soát định kỳ thông qua các quyết định của Nhà trường [H4.04.04.06], [H4.04.04.07], cùng với các quy định về công nhận học phần tương đương [H4.04.04.08], [H4.04.04.09], góp phần bảo đảm tính công bằng trong đánh giá giữa các nhóm người học khác nhau. Các hoạt động này đồng thời tạo cơ sở để điều chỉnh nội dung học phần và phương pháp đánh giá phù hợp với yêu cầu đào tạo.

Về công cụ đánh giá, Nhà trường đã ban hành quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi [H4.04.04.10]. Các đề thi được xây dựng theo ma trận nội dung gắn với CĐR, có đáp án và thang điểm chi tiết. Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Intracom [H4.04.04.11] quy định rõ các bước ra đề, phản biện, thẩm định và chấm thi, góp phần bảo đảm tính nhất quán và hạn chế sai lệch trong đánh giá. Hội đồng thẩm định ngân hàng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi được thành lập [H4.04.04.12] và các đề thi, ngân hàng câu hỏi thi được nghiệm thu trước khi sử dụng [H4.04.04.13], qua đó nâng cao độ giá trị và độ tin cậy của công cụ đánh giá.

Các tiêu chí đánh giá KQHT được cụ thể hóa thông qua thang điểm chi tiết và từng bước triển khai bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) cho các hình thức đánh giá như bài tập, thuyết trình, tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp. Mẫu rubrics đánh giá cuối kỳ đã được xây dựng và sử dụng tại Khoa Kỹ thuật điện [H4.04.04.14], góp phần chuẩn hóa tiêu chí chấm điểm, giảm thiểu sự khác biệt giữa các GV và nâng cao tính minh bạch trong đánh giá. Các tiêu chí và thang điểm này được công bố tới người học thông qua đề cương học phần và hệ thống LMS.

Đội ngũ GV của Nhà trường có năng lực tham gia xây dựng và triển khai các công cụ đánh giá. GV trực tiếp thiết kế đề cương học phần, xây dựng đề thi, đáp án, thang điểm và tham gia thẩm định đề thi theo quy trình chung [H4.04.04.15], [H4.04.04.16]. Đồng thời, Nhà trường đã cử GV tham gia các chương trình bồi dưỡng chuyên môn về đánh giá theo CĐR CTĐT [H4.04.04.17].

Hoạt động đánh giá trực tuyến được triển khai trên hệ thống Classin theo các thông báo của Nhà trường [H4.04.04.18] và tuân thủ quy định về đào tạo trực tuyến [H4.04.04.19]. Hệ thống này hỗ trợ quản lý đề thi, kiểm soát thời gian làm bài, phân quyền truy cập và lưu trữ dữ liệu.

Ngoài ra, Nhà trường thực hiện thu thập ý kiến phản hồi của người học và cựu người học về hoạt động giảng dạy và đánh giá thông qua các thông báo và báo cáo khảo sát định kỳ [H4.04.04.20], [H4.04.04.21]. Các kết quả khảo sát này là cơ sở quan trọng để rà soát, điều chỉnh phương pháp giảng dạy và đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Hoạt động đánh giá còn được giám sát thông qua hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường cùng với các kế hoạch và kết luận về công tác tự đánh giá CTĐT [H4.04.04.22], [H4.04.04.23]. Qua đó, các phương pháp và công cụ đánh giá được rà soát, cải tiến định kỳ nhằm bảo đảm phù hợp với CĐR và yêu cầu thực tiễn.

Như vậy, các phương pháp đánh giá KQHT tại Trường đã được xây dựng tương đối đầy đủ và triển khai đồng bộ thông qua kế hoạch đánh giá học phần, đề cương chi tiết, ngân hàng đề thi, rubrics, thang điểm chi tiết và các quy định liên quan. Hoạt động đánh giá cơ bản bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, đồng thời có sự tham gia của các bên liên quan và được cải tiến thông qua cơ chế phản hồi.

2. Điểm mạnh

Hệ thống quy định và kế hoạch đánh giá của Nhà trường được xây dựng đồng bộ, gắn chặt với CĐR. Công cụ và phương pháp đánh giá được chuẩn hóa, góp phần nâng cao độ tin cậy và tính công bằng

Đội ngũ GV và hệ thống công nghệ hỗ trợ hiệu quả hoạt động đánh giá

3. Điểm tồn tại

Đánh giá trực tuyến còn phụ thuộc nhiều vào giải pháp kỹ thuật hiện có. Mặc dù đã áp dụng LMS và các công cụ hỗ trợ chống gian lận, nhưng các hình thức giám sát thi trực tuyến nâng cao (proctoring chuyên sâu, phân tích hành vi) chưa được triển khai rộng rãi cho tất cả các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cao hiệu quả kiểm soát gian lận trong đánh giá trực tuyến. Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật hỗ trợ giám sát thi trực tuyến; từng bước triển khai các hình thức giám sát nâng cao phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường.	P. KT&ĐBCL Khoa Công nghệ	Từ HK I năm học 2026–2027, thực hiện định kỳ hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy hiệu quả hệ thống quy định và kế hoạch đánh giá học phần Tiếp tục rà soát, cập nhật và triển khai thống nhất hệ thống văn bản, quy định và quy trình về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; đồng thời duy trì việc xây dựng và công khai kế hoạch đánh giá học phần gắn với CĐRvà đề cương chi tiết, bảo đảm tính minh bạch, nhất quán và phù hợp với yêu cầu đảm bảo chất lượng.	P. KT&ĐBCL Khoa Công nghệ	Theo kế hoạch hằng năm	
		Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng công cụ, phương pháp đánh giá.Tiếp tục chuẩn hóa, hoàn thiện và mở rộng việc sử dụng bảng	P. KT&ĐBCL Khoa Công nghệ	Theo kế hoạch hằng năm	

		tiêu chí đánh giá (rubrics), thang điểm chi tiết và các phương pháp đánh giá đa dạng; đồng thời khuyến khích GV tham gia xây dựng, cải tiến công cụ đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm trong thiết kế ma trận đề và phương pháp đánh giá theo CĐRnhằm nâng cao độ tin cậy và tính nhất quán trong đánh giá.			
		Tăng cường hiệu quả đánh giá và kiểm soát chất lượng trong môi trường số.Tiếp tục khai thác hiệu quả hệ thống LMS – Canvas và phần mềm Turnitin trong tổ chức đánh giá; duy trì các biện pháp bảo mật, kiểm soát truy cập và lưu vết hoạt động, đồng thời sử dụng dữ liệu đánh giá để theo dõi, phân tích và phục vụ cải tiến chất lượng đào tạo.	P. KT&ĐBCL Khoa Công nghệ	Theo kế hoạch hằng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Đánh dấu* (x) *vào ô tương ứng dưới đây:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 4.5: [Tiêu chí điều kiện]: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Các phương pháp đánh giá KQHT tại Trường được xây dựng và triển khai một cách có hệ thống, bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của từng học phần đối với các phương thức đào tạo.

Nhà trường đã ban hành CĐR và CTĐT trình độ đại học làm cơ sở cho việc thiết kế hoạt động dạy học và đánh giá [H4.04.05.01], đồng thời quy định quy trình xây dựng, cải tiến, thẩm định và ban hành CĐR [H4.04.05.02]. Trên cơ sở đó, các học phần trong CTĐT được thiết kế

với mục tiêu cụ thể, gắn với CĐR học phần, làm căn cứ để lựa chọn phương pháp và nội dung đánh giá phù hợp.

Các phương pháp đánh giá được quy định trong quy chế tổ chức thi và kiểm tra học phần [H4.04.05.03] và được cụ thể hóa trong ĐCCTHP [H4.04.05.04], bao gồm đánh giá chuyên cần, kiểm tra điều kiện và thi kết thúc học phần với nhiều hình thức đa dạng như (bài tập cá nhân/nhóm, Thực hành, Trắc nghiệm, Tự luận, Vấn đáp, Thuyết trình, Báo cáo/Tiểu luận, Đồ án/Dự án …). Các phương pháp này được thiết kế phù hợp với nội dung học phần và các mức độ nhận thức, góp phần đo lường các thành phần năng lực của người học (kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm).

Để bảo đảm tính khoa học và độ tin cậy của công cụ đánh giá, Nhà trường đã xây dựng Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Intracom [H4.04.05.05], quy định việc xây dựng đề thi theo ma trận gắn với CĐR, kèm đáp án và thang điểm chi tiết. Các đề thi được thẩm định thông qua Hội đồng thẩm định ngân hàng đề, ngân hàng câu hỏi thi [H4.04.05.06] và nghiệm thu trước khi sử dụng [H4.04.05.07]. Đồng thời, việc công nhận học phần tương đương nằm trong quy chế đào tạo đại học được Trường Đại học Intracom ban hành [H4.04.05.08] cũng góp phần bảo đảm tính nhất quán trong đánh giá.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã triển khai các hoạt động phân tích kết quả đánh giá nhằm kiểm soát chất lượng đề thi và mức độ đo lường CĐR. Thông qua hoạt động thẩm định đề, nghiệm thu đề và vận hành hệ thống thi (bao gồm phần mềm tổ chức thi và đề thi đánh giá) [H4.04.05.09], các đề thi được rà soát về độ phù hợp với CĐR, mức độ phân hóa và khả năng đánh giá năng lực người học. Các dữ liệu này bước đầu được sử dụng để phân tích mức độ tương thích giữa phương pháp đánh giá và CĐR học phần.

Ngoài ra, Nhà trường đã triển khai kế hoạch thí điểm đo lường và đánh giá CĐR học phần [H4.04.05.10] và thông báo triển khai thực hiện, qua đó thu thập dữ liệu KQHT của người học theo từng CĐR. Các hoạt động này góp phần hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích kết quả đánh giá và từng bước cải tiến phương pháp đánh giá, đúng như nhận định trong báo cáo.

Như vậy, các phương pháp đánh giá học phần tại Trường không chỉ đa dạng mà còn được kiểm soát thông qua quy trình, công cụ và hoạt động phân tích, bảo đảm đo lường mức độ đạt CĐR của từng học phần.

Việc đo lường mức độ đạt CĐR của CTĐT được triển khai trên cơ sở hệ thống CĐR và cấu trúc CTĐT đã được ban hành [H4.04.05.11], được cụ thể hóa trong bản mô tả CTĐT ngành

Kỹ thuật điện [H4.04.05.12]. Các CĐR chương trình được phân bổ cho các học phần, tạo thành cơ sở để tổng hợp và đánh giá mức độ đạt CĐR ở cấp độ chương trình.

Nhà trường đã triển khai kế hoạch thí điểm đo lường và đánh giá CĐR CTĐT [H4.04.05.13], sử dụng kết quả đánh giá từ các học phần làm dữ liệu đầu vào để phân tích mức độ đạt CĐR chương trình [H4.04.05.14]. Việc triển khai được thông báo chính thức và thực hiện theo lộ trình cụ thể, thể hiện sự chuyển đổi từ đánh giá học phần sang đánh giá tổng thể chương trình.

Bên cạnh đó, các hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT được thực hiện thông qua các tổ chuyên môn [H4.04.05.15] và kế hoạch rà soát CTĐT [H4.04.05.16], trong đó có nội dung phân tích mức độ đạt CĐR chương trình. Kết quả phân tích được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá, phù hợp với nhận định trong báo cáo.

Các hoạt động tự đánh giá CTĐT [H4.04.05.17] cũng tích hợp nội dung đánh giá mức độ đạt CĐR chương trình, dựa trên dữ liệu kết quả học tập, kết quả đồ án tốt nghiệp và các minh chứng liên quan. Hội đồng đánh giá đồ án tốt nghiệp [H4.04.05.18] góp phần đánh giá năng lực tổng hợp của người học ở giai đoạn cuối, phản ánh mức độ đạt CĐR chương trình.

Ngoài ra, hội đồng đảm bảo chất lượng của Nhà trường [H4.04.01.19] đóng vai trò giám sát, tổng hợp và phân tích dữ liệu đánh giá, từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến CTĐT. Đồng thời, việc ban hành hướng dẫn sử dụng kết quả khảo sát phản hồi các bên liên quan [H4.04.05.15] cho thấy Nhà trường đã từng bước sử dụng dữ liệu phản hồi để cải tiến hoạt động đánh giá và đào tạo.

Như vậy, hoạt động đo lường CĐR CTĐT tại Trường đã được triển khai thông qua việc liên kết dữ liệu đánh giá học phần, tổ chức đo lường thí điểm, phân tích kết quả và sử dụng cho cải tiến chương trình. Tuy nhiên, mức độ triển khai vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện và chuẩn hóa.

2. Điểm mạnh

Hệ thống văn bản và quy định về đánh giá KQHT của Nhà trường được ban hành đầy đủ, đồng bộ, tạo nền tảng pháp lý vững chắc. Các phương pháp đánh giá được thiết kế đa dạng, gắn với CĐR và từng bước được sử dụng để cải tiến chất lượng đào tạo

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường đã triển khai các hoạt động đo lường và phân tích kết quả học tập, tuy nhiên việc lượng hóa mức độ đạt CĐR (theo từng tiêu chí, từng học phần và ở cấp độ chương

trình) chưa được thực hiện một cách đồng bộ và chưa hình thành hệ thống báo cáo phân tích định lượng hoàn chỉnh. Do đó, việc sử dụng dữ liệu đánh giá để theo dõi mức độ đạt CĐR và phục vụ cải tiến CTĐT còn chưa thực sự rõ nét.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng và ban hành hướng dẫn về đo lường, định lượng mức độ đạt CĐR học phần và CTĐT: quy định phương pháp xác định chỉ số đo lường, cách tổng hợp dữ liệu, xây dựng báo cáo phân tích mức độ đạt CĐR theo từng học phần và toàn CTĐT. Triển khai đồng bộ việc thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu KQHT theo CĐR: thực hiện phân tích mức độ đạt CĐR, phổ điểm, mức độ phân hóa đề thi và mức độ tương thích giữa đề thi với CĐR	P. QLĐT P. KT& ĐBCL	HK I năm học 2026–2027	
		Xây dựng hệ thống báo cáo định lượng về mức độ đạt CĐR ở cấp học phần và CTĐT; sử dụng kết quả phân tích làm căn cứ cải tiến phương pháp đánh giá và CTĐT	P. QLĐT P. KT& ĐBCL - Khoa Công nghệ	Năm học 2027–2028	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy hiệu quả hệ thống văn bản quản lý và quy định về đánh giá KQHT: Tiếp tục rà soát, cập nhật và triển khai thống nhất hệ thống văn bản, quy định và hướng dẫn về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá KQHT; bảo đảm các quy định được phổ biến đầy đủ đến GV và NH	P. QLĐT P. KT& ĐBCL	Theo kế hoạch hằng năm	

		Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương học phần: Tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT, ĐCCTHP và phương pháp đánh giá theo kế hoạch tự đánh giá và cải tiến CTĐT của Nhà trường, bảo đảm phù hợp với CĐR và yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn.	Khoa Công nghệ	Theo chu kỳ rà soát CTĐT	
		Phát huy tính đa dạng và phù hợp của phương pháp đánh giá: Duy trì và phát huy việc áp dụng các phương pháp đánh giá đa dạng (bài tập, thuyết trình, tiểu luận, dự án, kiểm tra viết, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành), bảo đảm đánh giá được nhiều mức độ nhận thức và năng lực của người học	Khoa Công nghệ	Theo kế hoạch năm học	
		Tăng cường khai thác hiệu quả dữ liệu đánh giá phục vụ quản lý chất lượng: Tiếp tục sử dụng dữ liệu điểm học phần được lưu trữ trên hệ thống quản lý đào tạo để theo dõi, tổng hợp và đánh giá chất lượng đào tạo, phục vụ công tác quản lý và cải tiến chương trình	P. KT& ĐBCL - Khoa Công nghệ	Theo kế hoạch năm học	
		Phát huy kết quả bước đầu trong phân tích sự phù hợp giữa đánh giá và CĐR CTĐT: Tiếp tục triển khai hoạt động phân tích mức độ phù hợp giữa phương pháp đánh giá của các học phần với CĐR CTĐT trong các đợt tự đánh giá và rà soát chương trình, làm cơ sở cho cải tiến chất lượng đào tạo	P. QLĐT P. KT& ĐBCL - Khoa Công nghệ	Theo kế hoạch tự đánh giá CTĐT	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả đánh giá học tập được phản hồi kịp thời cho NH. Nhà trường đã ban hành và triển khai các quy định cụ thể nhằm bảo đảm việc nhập điểm, công bố điểm học phần và phản hồi kết quả đánh giá được thực hiện đúng quy trình, chính xác, minh bạch và kịp thời. Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học [H4.04.06.01], GV dạy lớp học phần chấm và công bố điểm chuyên cần, điểm quá trình công khai với lớp chậm nhất tại buổi học cuối của lớp học phần. Trường hợp có từ hai GV trở lên giảng dạy một lớp học phần, các GV phải trao đổi thống nhất để cho điểm đối với SV. GV nộp bản gốc bảng điểm quá trình có đầy đủ điểm đánh giá SV, điểm kiểm tra, chữ ký cho Phòng QLĐT và bản sao về khoa/ bộ môn quản lý học phần sau khi kết thúc buổi học cuối cùng trong vòng 03 ngày làm việc. Quy chế đào tạo cũng chỉ rõ, đối với các môn thi: sau ngày thi 03 ngày, Trưởng khoa/ bộ môn phân công GV chấm thi - đảm bảo tiến độ chấm thi và sau 05 ngày làm việc kể từ khi nhận túi bài thi, khoa/ bộ môn sau đó GV vào điểm và chuyển cho Phòng QLĐT thông báo điểm tới SV. Đối với những học phần tổ chức thi vấn đáp, báo cáo, cán bộ coi - chấm thi thông báo điểm trực tiếp tới SV ngay tại cuối buổi thi và nộp ngay Bảng điểm thi kết thúc học phần về Phòng KT&ĐBCL và Phòng QLĐT.

Theo quy định về nhập điểm và công bố điểm học phần, trợ lý hoặc người được Trưởng khoa quản lý học phần ủy quyền có trách nhiệm nhập điểm đánh giá quá trình và điểm thi học phần theo đúng biểu mẫu lên phần mềm quản lý đào tạo. Phòng QLĐT căn cứ vào cách tính điểm để tổng hợp điểm học phần, thực hiện kiểm tra, đối soát dữ liệu và bảo đảm tính chính xác của kết quả trước khi công bố. Kết quả đánh giá học phần của NH được công bố thông qua tài khoản cá nhân của mỗi NH trên hệ thống quản lý đào tạo, giúp NH tiếp cận thông tin KQHT một cách kịp thời và thuận tiện. Bên cạnh đó, Nhà trường quy định rõ việc quản lý và điều chỉnh điểm sau khi đã công bố. Mọi trường hợp sửa chữa điểm đều phải lập biên bản, có minh chứng kèm theo, được cấp có thẩm quyền phê duyệt và lưu vết đầy đủ về người kiểm dò, người sửa và thời gian sửa. Dữ liệu điểm học phần được sao lưu và lưu trữ theo quy định tại các đơn vị chức năng, bảo

đảm tính toàn vẹn và minh bạch của thông tin đánh giá. Các quy định này được thể hiện trong Quy trình khảo thí thi kết thúc học phần bậc đào tạo đại học của Trường Đại học Intracom. [H4.04.06.02].

Kết quả học tập được công bố qua tài khoản cá nhân của NH trên hệ thống quản lý đào tạo. SV có thể dễ dàng và nhanh chóng tra cứu kết quả học tập ngay trên cổng SV [H4.04.06.03].

Bên cạnh việc công bố điểm học phần, hoạt động phản hồi kết quả đánh giá còn được thực hiện trực tiếp thông qua quá trình giảng dạy của GV. Cụ thể, trong các học phần thuộc CTĐT Kỹ thuật điện, GV thực hiện nhận xét bài làm của NH (bài tập cá nhân/nhóm, Thực hành, Trắc nghiệm, Tự luận, Vấn đáp, Thuyết trình, Báo cáo/Tiểu luận, Đồ án/Dự án …) thông qua các hình thức như chữa bài trên lớp, nhận xét trực tiếp trên bài làm [H4.04.06.04]. Nội dung phản hồi tập trung vào việc chỉ ra điểm mạnh, hạn chế và hướng dẫn NH điều chỉnh về nội dung và kỹ năng học tập. Thông qua các phản hồi này, NH có cơ sở nhận diện những nội dung chưa đạt, từ đó điều chỉnh phương pháp học tập, cải thiện kỹ năng và nâng cao kết quả học tập trong các lần đánh giá tiếp theo. Việc phản hồi không chỉ dừng ở việc cung cấp điểm số mà còn hướng tới hỗ trợ NH phát triển năng lực học tập một cách liên tục và có định hướng.

Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến NH về học phần và hoạt động giảng dạy của GV theo quy trình đã ban hành [H4.04.06.05] Hoạt động khảo sát do Phòng KT&ĐBCL chủ trì, được thực hiện định kỳ vào cuối mỗi học kỳ đối với NH các bậc đào tạo. Phiếu khảo sát được triển khai trực tuyến thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, gắn với từng học phần mà NH đã đăng ký.

Nội dung khảo sát được xây dựng có cấu trúc, tập trung vào các tiêu chí liên quan đến hoạt động giảng dạy, kiểm tra – đánh giá và mức độ phản hồi của giảng viên. Việc khảo sát có thể được thực hiện qua nhiều hình thức như email, phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn… [H4.04.06.06].

Sau khảo sát, kết quả khảo sát được gửi tới Khoa làm cơ sở nâng cao chất lượng giảng dạy [H4.04.06.07]. Trên cơ sở kết quả đánh giá học tập của NH và các dữ liệu phản hồi đã được thu thập, các Khoa chuyên môn tiến hành phân tích nhằm xác định những nội dung NH còn hạn chế cũng như mức độ phù hợp của các hình thức kiểm tra – đánh giá. Bên cạnh đó, GV cũng có thể trực tiếp tra cứu kết quả khảo sát của những học phần mình trực tiếp giảng dạy, đọc những phản hồi của học viên (nếu có) thông qua cổng GV. GV cũng có thể tải kết quả khảo sát để xem có bao nhiêu phần trăm SV hoàn toàn đồng ý/ đồng ý/ phân vân/ không đồng ý/ hoàn toàn không

đồng ý về các nhận định về phương pháp giảng dạy. Qua đó, GV có cơ sở điều chỉnh phương pháp giảng dạy, cách thức giao nhiệm vụ và hình thức phản hồi, giúp NH tiếp cận phản hồi một cách rõ ràng hơn và có định hướng cải thiện cụ thể.

Bên cạnh đó, những phản hồi của NH còn được tham khảo trong quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCTHP theo quy trình đã ban hành. Do vậy, các học phần kỹ năng trong CTĐT Kỹ thuật điện được điều chỉnh theo hướng tăng cường các hoạt động thực hành và đánh giá liên tục, tạo điều kiện để NH nhận được phản hồi thường xuyên trong quá trình học tập và từng bước cải thiện năng lực [H4.04.06.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về nhập điểm, công bố điểm và quản lý dữ liệu điểm học phần, bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch và thống nhất trong phản hồi kết quả đánh giá cho NH.

Kết quả đánh giá học phần được công bố kịp thời thông qua hệ thống quản lý đào tạo, giúp NH dễ dàng tiếp cận và theo dõi KQHT.

Hoạt động khảo sát ý kiến NH về học phần và hoạt động giảng dạy của GV được triển khai định kỳ theo quy trình rõ ràng, là kênh phản hồi chính thức hỗ trợ việc cải tiến hoạt động giảng dạy và đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi của GV, NH, NH đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý chương trình về việc triển khai các tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá KQHT chưa được thực hiện một cách đồng bộ ở tất cả các nhóm đối tượng qua các năm học.

Việc thu thập ý kiến phản hồi từ cựu NH còn hạn chế về mức độ tham gia và tính tương tác, dẫn đến thông tin phản hồi chưa thật sự sâu sắc và chưa phản ánh đầy đủ trải nghiệm học tập cũng như hiệu quả của hoạt động đánh giá sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi định kỳ của GV, NH, cựu SV và CBQL về việc triển	P. KT&ĐBCL P. TS&CTSV Các Khoa	Hằng năm, từ năm học 2026-2027	

		khai các tiêu chuẩn, quy trình đánh giá KQHT - Khuyến khích NH tích cực tham gia khảo sát, đóng góp nhiều ý kiến cá nhân hơn nữa trong các đợt khảo sát.			
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì và phát huy cơ chế phản hồi từ NH thông qua khảo sát ý kiến NH về học phần và hoạt động giảng dạy của GV theo quy trình đã ban hành; bảo đảm kết quả khảo sát được công bố tới các đơn vị liên quan để làm căn cứ cải tiến hoạt động giảng dạy và đánh giá. -Thực hiện kế hoạch cải tiến sau khảo sát theo đúng quy định: các Khoa chuyên môn tổ chức họp thảo luận về kết quả đánh giá và lập kế hoạch khắc phục, bổ sung, chỉnh sửa các vấn đề tồn tại; đồng thời đề ra lộ trình cải tiến phù hợp. -Hoàn thiện hồ sơ minh chứng cải tiến: các Khoa chuyên môn gửi file scan “Biên bản họp thảo luận và kế hoạch cải tiến” (BM.ĐBCL.28.04) có chữ ký của lãnh đạo Khoa/Đơn vị cho Phòng KT&ĐBCL để tổng hợp, theo dõi và đôn đốc thực hiện theo đúng kế hoạch.Thời gian thực hiện: trong vòng 07 ngày làm việc sau khi công bố kết quả khảo sát.	P. KT&ĐBCL P. TS&CTSV Các Khoa	Theo kế hoạch năm học mới, từ năm học 2026-2027	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành và triển khai hệ thống quy định, quy trình nhằm đảm bảo việc đo lường, đánh giá KQHT của NH gắn với CĐR của CTĐT, đồng thời phục vụ cho hoạt động rà soát, cải tiến CTĐT.

Cụ thể, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 58A/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026 về việc ban hành Quy định đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT trình độ đại học của Trường [H4.04.07.01] Quy định này xác định rõ phạm vi áp dụng, nguyên tắc, quy trình và phương thức đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT thông qua các học phần, trên cơ sở ma trận liên kết giữa học phần và CĐR, các học phần cốt lõi và kế hoạch đo lường theo khóa học. Quy định nêu rõ việc sử dụng các công cụ và biểu mẫu thống nhất trong toàn Trường, bao gồm: ma trận kỹ năng – liên kết học phần với CĐR CTĐT, kế hoạch đo lường – đánh giá mức độ đạt CĐR theo khóa, bảng tổng hợp dữ liệu đánh giá CĐR và báo cáo kết quả đánh giá CĐR hằng năm. Kết quả đánh giá mức độ NH đạt CĐR được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm căn cứ để rà soát, điều chỉnh CTĐT và cải tiến hoạt động dạy – học, kiểm tra – đánh giá.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành Quy trình khảo sát NH về chất lượng đào tạo toàn khóa học (QT.ĐBCL.29) [H4.04.07.02]. Quy trình này quy định rõ việc khảo sát ý kiến SV cuối khóa về CTĐT, hoạt động giảng dạy, phương pháp đánh giá, điều kiện đảm bảo chất lượng và mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo. Quy trình khảo sát được thực hiện theo các bước: lập kế hoạch khảo sát, tổ chức khảo sát, xử lý và phân tích dữ liệu, báo cáo kết quả, công bố kết quả và xây dựng kế hoạch cải tiến trên cơ sở phản hồi của người học.

Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm mục đích điều chỉnh nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra - đánh giá gắn với CĐR của CTĐT. [H4.04.07.03]. Trong đó, việc rà soát CTĐT bao gồm việc khảo sát, lấy ý kiến của các BLQ để làm căn cứ điều chỉnh CTĐT hiện tại. Các đối tượng được khảo sát bao gồm các đơn vị tuyển dụng lao động,

chuyên gia, GV, SV chuẩn bị tốt nghiệp, cựu SV. Với từng CĐR, bảng câu hỏi mức độ cần thiết sẽ cho thấy CĐR nào là rất cần thiết/ cần thiết hay ít cần thiết. Từ kết quả khảo sát các bên liên quan, Nhà trường có cơ sở điều chỉnh nội dung đào tạo, các CĐR cũng như phương pháp đánh giá của từng học phần [H4.04.07.04].

Nhà trường có quy định và quy trình về việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ trong việc thiết kế và phát triển CTĐT [H4.04.07.05]. Trong đó bao gồm cả việc khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng lao động về năng lực việc làm của cựu SV sau khi tốt nghiệp và nhu cầu tuyển dụng nhân lực, từ đó điều chỉnh các hoạt động đào tạo cho phù hợp. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về các hoạt động của Nhà trường [H4.04.07.06]. Theo đó, các bên được lấy ý kiến bao gồm các cán bộ, GV, NH, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có cựu NH của Nhà trường đang làm việc, các đơn vị ngoài trường… Trong Quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, các biểu mẫu khảo sát ý kiến của các BLQ về CĐR CTĐT, khung CTĐT cũng được quy định cụ thể [H4.04.07.07]

Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành Quy định thực hiện công khai thông tin trong hoạt động của Trường theo [H4.04.07.08]. Theo đó, các thông tin liên quan đến CTĐT, CĐR, quy định đào tạo, quy định kiểm tra – đánh giá và kết quả hoạt động đảm bảo chất lượng được công khai trên các kênh thông tin chính thức của Trường, tạo điều kiện để các bên liên quan tiếp cận, theo dõi và phản hồi. Việc công khai thông tin còn được thể hiện qua Thông báo thực hiện quy chế về công khai thông tin [H4.04.07.09] và Báo cáo công khai năm học về công khai thông tin [H4.04.07.10].

Nhà trường công bố công khai, cập nhật các quy định về đánh giá KQHT trên trang thông tin điện tử của trường [H4.04.07.11].

Như vậy, việc đánh giá KQHT và các quy định về đánh giá KQHT tại Nhà trường được triển khai trên cơ sở hệ thống văn bản quy định, quy trình khảo sát và cơ chế công khai thông tin, góp phần đảm bảo đo lường mức độ đạt CĐR của CTĐT và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy định riêng về đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT với phạm vi, nguyên tắc, quy trình và biểu mẫu cụ thể, làm cơ sở thống nhất cho hoạt động đánh giá KQHT trong toàn Trường.

Hoạt động đánh giá KQHT được thiết kế gắn với CĐR CTĐT thông qua ma trận liên kết học phần – CĐR, kế hoạch đo lường theo khóa học và các học phần cốt lõi, đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt CĐR của người học.

Trường có quy trình khảo sát ý kiến SV cuối khóa về chất lượng đào tạo, với các bước triển khai, xử lý dữ liệu, báo cáo và sử dụng kết quả khảo sát để phục vụ cải tiến.

Các quy định và thông tin liên quan đến CTĐT, đánh giá KQHT và đảm bảo chất lượng được công khai theo quy định, góp phần nâng cao tính minh bạch và tạo điều kiện cho các bên liên quan tiếp cận, giám sát và phản hồi.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi của GV, NH, NH đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý chương trình về việc triển khai các tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá KQHT còn chưa được triển khai đều qua các năm.

Việc thu thập ý kiến phản hồi từ cựu SV về CTĐT còn hạn chế về mức độ tham gia và tính tương tác, dẫn đến thông tin phản hồi chưa thật sự sâu sắc và chưa phản ánh đầy đủ trải nghiệm học tập cũng như hiệu quả của hoạt động đánh giá sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi định kỳ của GV, NH, cựu SV và CBQL về việc triển khai các tiêu chuẩn, quy trình đánh giá KQHT - Khuyến khích SV và cựu SV tích cực tham gia khảo sát, đóng góp nhiều ý kiến cá nhân hơn nữa trong các đợt khảo sát.	P. KT&ĐBCL P. CTSV Các Khoa	Hằng năm, từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì thực hiện thống nhất Quy định đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐRCTĐT.	P. KT&ĐBCL P. TS&CTSV Các Khoa	Theo kế hoạch năm học mới, từ	

		- Thực hiện công khai đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến CTĐT và hoạt động đánh giá KQHT theo quy định. - Tổ chức rà soát định kỳ các phương thức đánh giá KQHT nhằm bảo đảm đo lường phù hợp với CĐR của CTĐT.		năm học 2026-2027	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Kết luận chung về tiêu chuẩn 4

Trường ĐH Intracom đã xây dựng hệ thống đánh giá KQHT chặt chẽ, đồng bộ và gắn với CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện. Các quy định, phương pháp và công cụ đánh giá được ban hành đầy đủ, cập nhật định kỳ và triển khai nhất quán, đảm bảo tính khách quan, minh bạch và công bằng. Việc phản hồi KQHT được thực hiện kịp thời, hỗ trợ NH cải thiện quá trình học tập. Tuy nhiên, một số hạn chế vẫn tồn tại như: phương pháp đánh giá còn thiên về lý thuyết, việc ứng dụng rubrics cần đồng bộ hơn nữa, đánh giá trong môi trường trực tuyến cần phân tích hiệu quả hơn về các cải tiến. Để nâng cao chất lượng, chương trình cần tiếp tục đa dạng hóa hình thức đánh giá, hoàn thiện công cụ đánh giá theo hướng phát triển năng lực và tăng cường phân tích dữ liệu đánh giá phục vụ cải tiến.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiêu chí 5.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định phát triển đội ngũ giảng viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Trên cơ sở Chiến lược phát triển của Trường, quy hoạch nguồn nhân lực và định hướng phát triển các chương trình đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên theo từng giai đoạn và hằng năm, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về quy mô đào tạo, cơ cấu ngành nghề, mục tiêu, chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học [H5.05.01.01]; [H5.05.01.02]; [H5.05.01.03].

Căn cứ kế hoạch phát triển chung của Nhà trường, Khoa Công nghệ chủ động rà soát nhu cầu đội ngũ giảng viên tham gia CTĐT trên cơ sở quy mô tuyển sinh, kế hoạch mở lớp, cơ cấu học phần và yêu cầu triển khai chương trình đào tạo. Kết quả rà soát là căn cứ để đề xuất tuyển dụng, bố trí, điều động hoặc mời giảng viên thỉnh giảng nhằm bảo đảm đủ số lượng giảng viên, phù hợp về chuyên môn và đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng [H5.05.01.04].

Nhà trường ban hành hệ thống các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý, phân công và phát triển đội ngũ giảng viên; trong đó quy định rõ tiêu chuẩn tuyển dụng, tiêu chuẩn chức danh, chế độ làm việc, quyền hạn và trách nhiệm của giảng viên. Việc tuyển dụng và sử dụng đội ngũ được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành đào tạo và nhu cầu phát triển của từng chương trình đào tạo [H5.05.01.05]; [H5.05.01.06]; [H5.05.01.07].

Song song với công tác tuyển dụng, Nhà trường quan tâm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học, kỹ năng sư phạm, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giảng dạy. Giảng viên được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo, hội thảo khoa học, tập huấn chuyên môn và các hoạt động kết nối với doanh nghiệp nhằm cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học [H5.05.01.08]; [H5.05.01.09]..

Đối với CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học, công tác phát triển đội ngũ được thực hiện theo hướng bảo đảm cân đối giữa số lượng và chất lượng; kết hợp đội ngũ giảng viên

cơ hữu với giảng viên thỉnh giảng, chuyên gia đến từ doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu nhằm tăng cường tính thực tiễn, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H5.05.01.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên được xây dựng trên cơ sở chiến lược phát triển và nhu cầu thực tế của các chương trình đào tạo.

- Công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ được thực hiện theo hệ thống quy định thống nhất, bảo đảm tính công khai, minh bạch và phù hợp với vị trí việc làm.

- Việc rà soát nhu cầu đội ngũ được thực hiện định kỳ, làm cơ sở xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho từng CTĐT.

- Nhà trường quan tâm đầu tư phát triển năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học và kỹ năng nghề nghiệp cho giảng viên thông qua nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác với doanh nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ theo từng giai đoạn, việc dự báo nhu cầu nhân lực chất lượng cao đối với một số lĩnh vực chuyên môn mới và chuyên sâu còn gặp khó khăn; công tác thu hút giảng viên có học hàm, học vị cao và chuyên gia giàu kinh nghiệm thực tiễn ở một số ngành đào tạo vẫn cần tiếp tục được tăng cường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục rà soát nhu cầu phát triển đội ngũ theo từng CTĐT; xây dựng kế hoạch tuyển dụng và phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ, học hàm cao và chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn nhằm	Ban Giám hiệu; Phòng Tổ chức - Pháp chế; Khoa Công nghệ	Giai đoạn 2026–2030	

		đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình đào tạo.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên; mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu và các trường đại học nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng của đội ngũ giảng viên.	Phòng Tổ chức - Pháp chế; Phòng QLĐT; Khoa Công nghệ	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: **Mức đạt của tiêu chí: Đạt**

Không đạt (K)	**Đạt (Đ)**
	X

Tiêu chí 5.2. Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên tham gia Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học trên cơ sở đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô tuyển sinh, cơ cấu ngành đào tạo và yêu cầu thực hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với từng học phần trong chương trình [H5.05.02.01];

Hằng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo và kế hoạch giảng dạy của từng học kỳ, Khoa Công nghệ rà soát số lượng, cơ cấu, trình độ chuyên môn và khối lượng giảng dạy của đội ngũ giảng

viên để bảo đảm việc phân công giảng dạy phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu triển khai đầy đủ các học phần trong CTĐT. Việc bố trí giảng viên được thực hiện theo nguyên tắc đúng chuyên môn, phù hợp với năng lực, kinh nghiệm giảng dạy và định hướng nghiên cứu của từng giảng viên [H5.05.02.02];

Đội ngũ giảng viên tham gia CTĐT có trình độ chuyên môn đáp ứng quy định hiện hành; cơ cấu về học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo từng bước được nâng cao, bảo đảm tính kế thừa và phát triển. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Nhà trường còn mời các chuyên gia, nhà quản lý và giảng viên thỉnh giảng có nhiều kinh nghiệm thực tiễn tham gia giảng dạy các học phần chuyên ngành, góp phần tăng cường tính thực tiễn của chương trình đào tạo [H5.05.02.03];

Nhà trường thực hiện quản lý khối lượng công việc của giảng viên theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên đại học. Khối lượng công việc được xác định trên cơ sở giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn người học, tham gia xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn học liệu, công tác phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Việc theo dõi, giám sát khối lượng công việc được thực hiện thông qua kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy, báo cáo chuyên môn, kết quả thực hiện nhiệm vụ và đánh giá viên chức hằng năm [H5.05.02.04];[H5.05.02.05]; [H5.05.02.06].

Kết quả theo dõi, đánh giá được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh phân công giảng dạy, bố trí nhân sự, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ, đồng thời là cơ sở xem xét thi đua, khen thưởng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên, góp phần cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H5.05.02.07]; [H5.05.02.08].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cơ cấu chuyên môn cơ bản phù hợp với các học phần trong chương trình.

- Việc phân công giảng dạy được thực hiện trên cơ sở chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của giảng viên, góp phần bảo đảm chất lượng giảng dạy và tính liên tục của CTĐT.

- Nhà trường đã thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát khối lượng công việc của giảng viên thông qua hệ thống kế hoạch, báo cáo, đánh giá hằng năm; kết quả được sử dụng để điều chỉnh phân công nhiệm vụ và cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo.

- Việc kết hợp giữa giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng giúp tăng cường tính thực tiễn, cập nhật kiến thức và kết nối với doanh nghiệp trong quá trình triển khai CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT, song ở một số lĩnh vực chuyên môn đặc thù, số lượng giảng viên có học hàm, học vị cao hoặc có nhiều kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế; việc cân đối khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn khác giữa các giảng viên ở một số thời điểm chưa thật sự đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục rà soát cơ cấu đội ngũ giảng viên theo từng CTĐT; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng nhằm tăng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn ở các lĩnh vực còn thiếu.	Ban Giám hiệu; Phòng Tổ chức - Pháp chế; Khoa Công nghệ	Giai đoạn 2026–2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì việc rà soát, theo dõi và giám sát khối lượng công việc của giảng viên; sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh phân công giảng dạy, nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa	Phòng Tổ chức - Pháp chế; Phòng QLĐT; Khoa Công nghệ	Hằng năm	

		học và phục vụ cộng đồng.			

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: Đạt

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 5.3. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và được thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định năng lực của đội ngũ giảng viên là một trong những yếu tố quyết định chất lượng đào tạo và là cơ sở để tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và phát triển đội ngũ. Việc xác định năng lực giảng viên được thực hiện trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Quy chế quản lý nhân sự, quy định về vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và yêu cầu thực hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học [H5.05.03.01]; [H5.05.03.02]; [H5.05.03.03].

Đối với đội ngũ giảng viên tham gia CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học, năng lực được xác định thông qua các nhóm tiêu chí về trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực hướng dẫn người học, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giảng dạy, khả năng kết nối doanh nghiệp, phục vụ cộng đồng và các năng lực chuyên môn khác phù hợp với đặc thù của chương trình đào tạo. Việc xác định năng lực giúp Nhà trường bố trí, phân công giảng dạy phù hợp, đồng thời làm căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ trong từng giai đoạn [H5.05.03.04].

Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên định kỳ thông qua nhiều kênh khác nhau như: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm; dự giờ giảng; kiểm tra hồ sơ chuyên môn; khảo sát ý kiến người học; kết quả nghiên cứu khoa học; mức độ tham gia xây dựng, cải tiến chương trình đào tạo; tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Kết quả đánh giá được tổng hợp theo quy trình thống nhất, bảo đảm khách quan và là cơ sở để xem xét thi đua, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng đội ngũ [H5.05.03.05]; [H5.05.03.06]; [H5.05.03.07].

Kết quả đánh giá năng lực của giảng viên được thông tin đến các cá nhân và các đơn vị quản lý trực tiếp thông qua hệ thống quản lý nhân sự, các cuộc họp chuyên môn, hội nghị cán bộ, viên chức và các hình thức thông tin nội bộ khác. Trên cơ sở kết quả đánh giá, các đơn vị chuyên môn phối hợp với các phòng chức năng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phân công nhiệm vụ hoặc điều chỉnh khối lượng công việc nhằm phát huy năng lực của từng giảng viên và nâng cao chất lượng triển khai chương trình đào tạo [H5.05.03.08].

Việc xác định, đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá năng lực của giảng viên được thực hiện theo chu trình cải tiến liên tục, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và bảo đảm thực hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT [H5.05.03.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng hệ thống quy định tương đối đầy đủ về tiêu chuẩn năng lực của giảng viên gắn với vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo.

- Năng lực giảng viên được đánh giá thông qua nhiều nguồn thông tin (tự đánh giá, đơn vị quản lý, người học, kết quả thực hiện nhiệm vụ...), góp phần bảo đảm tính khách quan và toàn diện.

- Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ cho công tác phân công giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng và phát triển đội ngũ.

- Thông tin về kết quả đánh giá được phản hồi tới giảng viên và đơn vị quản lý để xây dựng kế hoạch cải tiến năng lực phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Việc xây dựng hồ sơ năng lực điện tử và cơ sở dữ liệu tổng hợp về năng lực của giảng viên phục vụ công tác quản trị, phân tích và dự báo phát triển đội ngũ chưa được đồng bộ; việc khai thác kết quả đánh giá để xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cá nhân cho từng giảng viên còn cần tiếp tục hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu	Phòng Tổ chức - Pháp	Giai đoạn 2026–2028	

		hồ sơ năng lực giảng viên; chuẩn hóa thông tin về trình độ, năng lực, kết quả giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để phục vụ công tác quản trị đội ngũ và phát triển CTĐT.	chế; Văn phòng; Các Khoa		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì việc đánh giá năng lực giảng viên theo nhiều nguồn thông tin; sử dụng hiệu quả kết quả đánh giá trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phân công giảng dạy và phát triển đội ngũ.	Phòng Tổ chức - Pháp chế; Phòng QLĐT; Các Khoa	Hằng năm	

5. Tự đánh giá

Mức đạt của tiêu chí: Đạt

Không đạt (K)	**Đạt (Đ)**
	X

Tiêu chí 5.4. Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện việc phân công nhiệm vụ đối với đội ngũ giảng viên tham gia Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học trên cơ sở trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm giảng dạy, kết quả đánh giá năng lực và yêu cầu thực hiện mục tiêu, chuẩn đầu

ra của chương trình đào tạo. Việc phân công nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định của Nhà trường về tổ chức, quản lý nhân sự, chế độ làm việc của giảng viên và kế hoạch đào tạo hằng năm, bảo đảm mỗi giảng viên được giao nhiệm vụ phù hợp với chuyên ngành đào tạo và năng lực chuyên môn [H5.05.04.01]; [H5.05.04.02];[H5.05.04.03].

Hằng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo và kế hoạch mở lớp, Khoa Công nghệ xây dựng kế hoạch phân công giảng dạy đối với từng học phần trên cơ sở chuyên môn đào tạo, kết quả đánh giá năng lực, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học và khả năng đáp ứng yêu cầu của từng học phần. Đối với các học phần có tính ứng dụng hoặc chuyên sâu, Nhà trường ưu tiên bố trí giảng viên có nhiều kinh nghiệm thực tiễn hoặc mời chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H5.05.04.04].

Trong quá trình phân công nhiệm vụ, Nhà trường và Khoa luôn xem xét ý kiến của giảng viên về chuyên môn, định hướng phát triển nghề nghiệp và điều kiện thực hiện nhiệm vụ nhằm bảo đảm tính phù hợp và phát huy năng lực của từng cá nhân. Trường hợp có sự thay đổi về chương trình đào tạo, học phần mới hoặc yêu cầu chuyên môn mới, Khoa tổ chức trao đổi chuyên môn và điều chỉnh phân công giảng dạy trên cơ sở thống nhất giữa đơn vị quản lý và giảng viên [H5.05.04.05].

Việc phân công nhiệm vụ được thông báo công khai đến giảng viên và các đơn vị có liên quan thông qua kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu, quyết định phân công giảng dạy và các cuộc họp chuyên môn. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường thường xuyên theo dõi, giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên để kịp thời điều chỉnh khi cần thiết, bảo đảm chất lượng triển khai chương trình đào tạo [H5.05.04.06].

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xem xét thi đua, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch phát triển đội ngũ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H5.05.04.07].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ trên cơ sở trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm và kết quả đánh giá của giảng viên, bảo đảm phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo.

- Việc phân công giảng dạy được rà soát định kỳ trước mỗi năm học và học kỳ, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và bảo đảm tính ổn định của hoạt động đào tạo.

- Các quyết định phân công nhiệm vụ được công khai, thông báo đầy đủ đến giảng viên và các đơn vị liên quan, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ được sử dụng làm căn cứ cho công tác đánh giá, thi đua, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù việc phân công nhiệm vụ cơ bản phù hợp với năng lực và chuyên môn của giảng viên, song ở một số thời điểm do yêu cầu điều chỉnh kế hoạch đào tạo, mở thêm lớp học hoặc thay đổi nhân sự, việc cân đối khối lượng công việc giữa các giảng viên chưa thật sự đồng đều; việc khai thác dữ liệu đánh giá năng lực để hỗ trợ phân công nhiệm vụ theo hướng số hóa còn đang trong quá trình hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về năng lực giảng viên; sử dụng kết quả đánh giá năng lực và khối lượng công việc để tối ưu hóa việc phân công nhiệm vụ, bảo đảm cân đối giữa giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn khác.	Phòng Tổ chức - Pháp chế; Phòng QLĐT; Các Khoa	Giai đoạn 2026–2028	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc phân công nhiệm vụ theo đúng chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của giảng viên; tăng cường mời	Phòng QLĐT; Các Khoa	Hằng năm	

		chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng tham gia các học phần chuyên sâu nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.			

5. Tự đánh giá

Mức đạt của tiêu chí: Đạt

Không đạt (K)	**Đạt (Đ)**
	X

Tiêu chí 5.5. Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch và thăng tiến đối với đội ngũ giảng viên theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế quản lý nhân sự và các quy định nội bộ có liên quan. Việc bổ nhiệm được thực hiện trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, nhu cầu phát triển của Nhà trường và kết quả đánh giá năng lực, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ của Trường [H5.05.05.01];[H5.05.05.02]; [H5.05.05.03].

Các tiêu chí xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và quy hoạch cán bộ quản lý được xác định rõ, bao gồm: trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, năng lực quản lý, kết quả thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, uy tín trong tập thể và khả năng đáp ứng yêu cầu của vị trí được giao. Đối với giảng viên tham gia Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học, việc xem xét bổ nhiệm hoặc giao nhiệm vụ quản lý chuyên môn còn căn cứ vào mức độ đóng góp trong phát triển chương trình đào tạo, xây dựng học phần, hướng dẫn người học và các hoạt động bảo đảm chất lượng [H5.05.05.04].

Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá năng lực, kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm, kết quả đánh giá của người học, kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và các hoạt động phục vụ cộng đồng làm căn cứ quan trọng trong việc xem xét bổ nhiệm, quy hoạch và phát triển đội ngũ. Quá trình đánh giá được thực hiện theo quy trình thống nhất, có sự tham gia của đơn vị quản lý trực tiếp và các cấp có thẩm quyền nhằm bảo đảm tính khách quan, công bằng và minh bạch [H5.05.05.05].

Công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên được Nhà trường thực hiện định kỳ trên cơ sở nhu cầu phát triển của từng đơn vị và chiến lược phát triển của Nhà trường. Những giảng viên có năng lực chuyên môn, kết quả công tác tốt và triển vọng phát triển được đưa vào quy hoạch, tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, lãnh đạo và phát triển nghề nghiệp để chuẩn bị nguồn nhân lực kế cận [H5.05.05.06].

Kết quả bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch và thăng tiến được công bố theo quy định và lưu trữ đầy đủ trong hồ sơ cán bộ. Đồng thời, Nhà trường định kỳ rà soát hiệu quả của công tác quy hoạch và bổ nhiệm để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, bảo đảm đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên đáp ứng yêu cầu phát triển của chương trình đào tạo và của Nhà trường [H5.05.05.07].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành tương đối đầy đủ các quy định về công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch và phát triển đội ngũ theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường.

- Việc xem xét bổ nhiệm được thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá năng lực, kết quả thực hiện nhiệm vụ và các tiêu chuẩn của vị trí việc làm, góp phần bảo đảm tính khách quan và minh bạch.

- Công tác quy hoạch đội ngũ được gắn với chiến lược phát triển của Nhà trường và nhu cầu phát triển các chương trình đào tạo, góp phần tạo nguồn cán bộ quản lý và giảng viên kế cận.

- Kết quả bổ nhiệm và quy hoạch được công khai theo quy định, tạo sự đồng thuận và động lực phấn đấu trong đội ngũ giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Việc xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp và kế hoạch quy hoạch cán bộ nguồn cho từng lĩnh vực chuyên môn, đặc biệt đối với các ngành đào tạo mới hoặc chuyên ngành đặc thù, cần tiếp tục được hoàn thiện nhằm bảo đảm tính kế thừa và đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên; xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp và kế hoạch tạo nguồn cán bộ kế cận cho từng đơn vị, từng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả đánh giá năng lực và nhu cầu phát triển của Nhà trường.	Hội đồng trường; Ban Giám hiệu; Phòng Tổ chức - Pháp chế; Các Khoa	Giai đoạn 2026–2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch và phát triển đội ngũ theo đúng quy định; tăng cường sử dụng kết quả đánh giá năng lực, kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu khoa học làm căn cứ cho công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ.	Phòng Tổ chức - Pháp chế; Các đơn vị liên quan	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: **Mức đạt của tiêu chí: Đạt**

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 5.6. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của đội ngũ giảng viên trên cơ sở các quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hệ thống quy định nội bộ của Trường. Các nội dung này được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý nhân sự, Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, Quy định về vị trí việc làm và bản mô tả công việc đối với từng vị trí, bảo đảm giảng viên hiểu rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác [H5.05.06.01]; [H5.05.06.02]; [H5.05.06.03].

Đối với giảng viên tham gia Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học, trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu thực hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Giảng viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, xây dựng và cập nhật đề cương học phần, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học, tham gia nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, tư vấn học tập và các hoạt động bảo đảm chất lượng theo quy định của Nhà trường [H5.05.06.04]; [H5.05.06.05].

Nhà trường thực hiện phổ biến các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên thông qua nhiều hình thức như: hội nghị viên chức và người lao động, hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học, sinh hoạt khoa, tập huấn chuyên môn, hệ thống văn bản điện tử, website và cổng thông tin nội bộ. Khi có văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định, Nhà trường kịp thời phổ biến, hướng dẫn để giảng viên nắm bắt và thực hiện thống nhất [H5.05.06.06].

Việc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên được theo dõi thông qua hoạt động quản lý chuyên môn, kiểm tra hồ sơ giảng dạy, dự giờ, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, khảo sát ý kiến người học và đánh giá viên chức hằng năm. Kết quả đánh giá được sử

dụng để kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhắc nhở, đồng thời làm căn cứ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và cải tiến chất lượng đội ngũ giảng viên [H5.05.06.07]; [H5.05.06.08].

Thông qua việc xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, Nhà trường từng bước xây dựng môi trường làm việc minh bạch, dân chủ và chuyên nghiệp; phát huy tính chủ động, trách nhiệm của đội ngũ giảng viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ của chương trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H5.05.06.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định tương đối đầy đủ về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên theo từng vị trí việc làm và chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Các quy định được phổ biến kịp thời thông qua nhiều hình thức, giúp giảng viên nắm vững và thực hiện thống nhất trong toàn Trường.

- Việc thực hiện trách nhiệm và nhiệm vụ của giảng viên được theo dõi, đánh giá thường xuyên thông qua nhiều kênh khác nhau, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

- Kết quả đánh giá được sử dụng để phục vụ công tác thi đua, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng và cải tiến chất lượng đội ngũ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên đã được ban hành tương đối đầy đủ, việc số hóa và tích hợp các quy định, hướng dẫn thực hiện trên hệ thống quản trị điện tử để hỗ trợ giảng viên tra cứu, cập nhật và theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ còn cần tiếp tục hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, chuẩn hóa và số hóa hệ thống quy định về trách nhiệm,	Phòng Tổ chức - Pháp chế; Phòng	Giai đoạn 2026–2028	

		quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên; tích hợp trên hệ thống quản lý điện tử để thuận lợi cho việc tra cứu, cập nhật và theo dõi quá trình thực hiện nhiệm vụ.	Công nghệ thông tin; Các Khoa		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phổ biến, cập nhật kịp thời các quy định mới; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của giảng viên gắn với công tác đánh giá, thi đua và cải tiến chất lượng đội ngũ.	Phòng Tổ chức - Pháp chế; Phòng QLĐT; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Các Khoa	Hằng năm	

5. Tự đánh giá

Mức đạt của tiêu chí: Đạt

Không đạt (K)	**Đạt (Đ)**
	X

Tiêu chí 5.7. Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện trên cơ sở Chiến lược phát triển Nhà trường, kế hoạch phát triển đội ngũ, yêu cầu của chương trình đào tạo, kết quả đánh giá năng lực giảng viên và nhu cầu phát triển nghề nghiệp của từng

cá nhân, bảo đảm phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường và của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học [H5.05.07.01]; [H5.05.07.02]; [H5.05.07.03].

Hằng năm, các Khoa và đơn vị chuyên môn thực hiện rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên thông qua kết quả đánh giá viên chức, đánh giá năng lực chuyên môn, yêu cầu cập nhật chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học và yêu cầu thực tiễn của từng ngành đào tạo. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn, ưu tiên các nội dung về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy hiện đại, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học, bảo đảm chất lượng và kỹ năng phục vụ cộng đồng [H5.05.07.04].

Nhà trường triển khai nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp như cử giảng viên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn trong và ngoài Trường; tổ chức hội thảo, tọa đàm chuyên môn; sinh hoạt học thuật; tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học và các lĩnh vực chuyên môn khác. Đồng thời, Nhà trường khuyến khích giảng viên tự học, tự nghiên cứu, tham gia các chương trình đào tạo nâng cao trình độ, các mạng lưới học thuật và hợp tác với doanh nghiệp nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp [H5.05.07.05].

Sau mỗi đợt đào tạo, bồi dưỡng, các đơn vị quản lý chuyên môn và giảng viên thực hiện đánh giá kết quả, mức độ vận dụng kiến thức, kỹ năng vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Kết quả đánh giá được sử dụng để điều chỉnh nội dung, hình thức đào tạo, đồng thời làm căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ trong các năm tiếp theo, góp phần nâng cao chất lượng triển khai chương trình đào tạo.

Thông qua việc xác định nhu cầu đào tạo có hệ thống và tổ chức các hoạt động bồi dưỡng phù hợp, đội ngũ giảng viên từng bước được nâng cao về trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học và khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục đại học, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo *(*[H5.05.07.06].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường xây dựng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trên cơ sở chiến lược phát triển, kết quả đánh giá năng lực và yêu cầu của từng chương trình đào tạo.

- Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai thường xuyên với nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên.

- Nhà trường quan tâm tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa đào tạo, hội thảo, tập huấn và các hoạt động học thuật nhằm cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực nghề nghiệp.

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ và cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai thường xuyên, việc đánh giá hiệu quả sau đào tạo theo hướng đo lường mức độ vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng chưa được thực hiện đồng bộ; việc xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp dài hạn cho từng giảng viên cần tiếp tục được hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hoàn thiện quy trình đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ vận dụng kiến thức, kỹ năng sau đào tạo vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho giảng viên theo từng giai đoạn.	Phòng Tổ chức - Pháp chế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Các Khoa	Khắc phục điểm tồn tại	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và mở rộng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường hợp tác với các	Ban Giám hiệu; Phòng Tổ chức -	Phát huy điểm mạnh	

		cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và tổ chức nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ giảng viên.	Pháp chế; Các Khoa		

5. Tự đánh giá

Mức đạt của tiêu chí: Đạt

Không đạt (K)	**Đạt (Đ)**
	X

Tiêu chí 5.8. Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng và triển khai hệ thống quản lý, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm. Nội dung đánh giá bao gồm kết quả thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, tham gia xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo, chấp hành quy định của Nhà trường và các nhiệm vụ chuyên môn khác được giao [H5.05.08.01].

Việc đánh giá giảng viên được thực hiện định kỳ theo năm học và theo quy định của Nhà trường thông qua nhiều nguồn thông tin như: tự đánh giá của giảng viên, đánh giá của đơn vị quản lý trực tiếp, kết quả khảo sát ý kiến người học, kết quả dự giờ, kiểm tra hồ sơ giảng dạy, kết quả nghiên cứu khoa học, mức độ tham gia các hoạt động chuyên môn và phục vụ cộng đồng. Quá trình đánh giá được thực hiện theo quy trình thống nhất, có sự tham gia của các cấp quản lý và bảo đảm tính khách quan, công bằng [H5.05.08.02]; [H5.05.08.03].

Kết quả đánh giá là căn cứ để xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng, xem xét nâng lương, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên. Đồng thời, Nhà trường ghi nhận, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành

tích xuất sắc trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và các hoạt động phục vụ cộng đồng, góp phần tạo động lực phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo [H5.05.08.04].

Bên cạnh việc ghi nhận và khen thưởng, Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá để phân tích những mặt mạnh, hạn chế của đội ngũ giảng viên; xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; điều chỉnh việc phân công nhiệm vụ; hoàn thiện cơ chế quản lý và xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng. Những nội dung cần cải tiến được đưa vào kế hoạch công tác của các đơn vị và được theo dõi, đánh giá trong các chu kỳ tiếp theo nhằm bảo đảm việc cải tiến được thực hiện liên tục (MC: Báo cáo tổng kết năm học của Trường Đại học Intracom các năm học 2020-2025; Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2020-2025 [05.01.04]; Minh chứng hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của giảng viên ngành (đề tài, bài báo, hội thảo) [05.08.09 - đặc thù ngành, cần bổ sung]).

Thông qua việc quản lý và đánh giá thường xuyên, Nhà trường từng bước xây dựng văn hóa chất lượng trong đội ngũ giảng viên, khuyến khích tinh thần đổi mới, sáng tạo, nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp và không ngừng cải tiến chất lượng hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học [H5.05.08.05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng hệ thống đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên tương đối đầy đủ, bảo đảm tính khách quan, công khai và minh bạch.

- Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ cho công tác thi đua, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và phát triển đội ngũ, góp phần nâng cao chất lượng quản trị nguồn nhân lực.

- Hoạt động thi đua, khen thưởng được triển khai thường xuyên, tạo động lực để giảng viên nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường đã bước đầu hình thành cơ chế sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ theo chu trình cải tiến liên tục.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích dữ liệu đánh giá giảng viên theo xu hướng dài hạn và sử dụng các chỉ số đánh giá để hỗ trợ ra quyết định trong quản trị đội ngũ còn cần tiếp tục được hoàn thiện; việc số

hóa toàn diện dữ liệu đánh giá và kết nối với hệ thống quản trị chất lượng của Nhà trường đang trong quá trình triển khai.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hoàn thiện hệ thống quản lý và phân tích dữ liệu đánh giá giảng viên; xây dựng các chỉ số theo dõi hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đánh giá và khai thác kết quả nhằm phục vụ công tác phát triển đội ngũ và cải tiến chất lượng.	Phòng Tổ chức - Pháp chế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Công nghệ thông tin	Khắc phục điểm tồn tại	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì việc đánh giá, ghi nhận và khen thưởng kịp thời đối với giảng viên có thành tích xuất sắc; tăng cường sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và xây dựng kế hoạch phát	Ban Giám hiệu; Phòng Tổ chức - Pháp chế; Các Khoa	Phát huy điểm mạnh	

		triển đội ngũ theo chu trình cải tiến liên tục.			

5. Tự đánh giá: **Mức đạt của tiêu chí: Đạt**

Không đạt (K)	**Đạt (Đ)**
	X

Kết luận tiêu chuẩn 5

Qua tự đánh giá cho thấy, Trường Đại học Intracom đã xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý, phát triển đội ngũ giảng viên tham gia Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học theo hướng đồng bộ, đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm chất lượng đào tạo. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, phân công nhiệm vụ, đánh giá năng lực, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ được thực hiện trên cơ sở các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Nhà trường; gắn với mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chiến lược phát triển của Trường.

Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn và năng lực giảng dạy; được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã thiết lập cơ chế đánh giá, ghi nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ và sử dụng kết quả đánh giá để phục vụ công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và cải tiến liên tục chương trình đào tạo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Nhà trường tiếp tục rà soát, hoàn thiện công tác phát triển đội ngũ theo hướng nâng cao tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, tăng cường thu hút chuyên gia có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý đội ngũ, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về năng lực giảng viên và nâng cao hiệu quả đánh giá sau đào tạo, bồi dưỡng nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và phát triển chương trình đào tạo trong giai đoạn tới.

Kết quả tự đánh giá Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học đạt yêu cầu của Tiêu chuẩn 5, với 08/08 tiêu chí đạt**.**

Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học

1. Mở đầu

Các dịch vụ hỗ trợ NH của CTĐT ngành Kỹ thuật điện (KTĐ) được xây dựng theo cách tiếp cận hệ thống, bao gồm các nội dung từ tuyển sinh, tổ chức đội ngũ hỗ trợ, lập kế hoạch và triển khai dịch vụ, quản lý quá trình học tập, đến tổ chức các hoạt động phát triển KN và đánh giá, cải tiến chất lượng dịch vụ. Nhà trường đã ban hành tương đối đầy đủ các chính sách, quy định và quy trình liên quan; đồng thời phân công rõ trách nhiệm cho các đơn vị và cá nhân trong cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Các dịch vụ hỗ trợ NH CTĐT ngành KTĐ được triển khai theo hai nhóm chính là học thuật và phi học thuật, với sự hỗ trợ của hệ thống CNTT như hệ thống QLĐT và hệ thống quản lý học tập. Cơ chế thu thập phản hồi và đánh giá định kỳ được duy trì, góp phần tạo cơ sở cho cải tiến liên tục chất lượng dịch vụ hỗ trợ NH.

Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của CTĐT; được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành KTĐ được tuyển sinh theo Đề án tuyển sinh của Trường. Đề án tuyển sinh hằng năm được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời rà soát và cập nhật theo các văn bản pháp lý liên quan nhằm bảo đảm tính minh bạch và phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường và CTĐT. Đề án tuyển sinh được ban hành được công bố công khai, trong đó quy định rõ phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh, chính sách ưu tiên và các tiêu chí điều kiện tham gia xét tuyển [H6.06.01.01].

Nhà trường triển khai 03 phương thức tuyển sinh đối với tất cả các ngành ĐT, trong đó có ngành KTĐ: xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, xét tuyển kết hợp KQHT bậc THPT với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc các thành tích khác theo quy định của Trường và xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo tổ hợp xét tuyển: A00, A01, A0C, D0C, C01, D01. Các chính sách ưu tiên và quy định xét tuyển được cụ thể hóa trong các văn bản quy định về xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển kết hợp; các quy định này được cập nhật theo từng năm tuyển sinh nhằm bảo đảm phù hợp với văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, bối cảnh tuyển sinh và đặc thù của các CTĐT [H6.06.01.02].

Chỉ tiêu tuyển sinh và các chính sách tuyển sinh ngành KTĐ được xây dựng thông qua kế hoạch tuyển sinh chung hằng năm của Trường, trên cơ sở năng lực ĐT của Khoa Công nghệ, nhu cầu xã hội và định hướng phát triển của các ngành ĐT. Quá trình xây dựng chỉ tiêu và chính sách

tuyển sinh được thảo luận trong Hội đồng tuyển sinh của Trường và ban hành thông qua các kế hoạch tuyển sinh chính thức của Nhà trường [H6.06.01.03].

Quy trình tuyển sinh ngành KTĐ được triển khai thống nhất, đồng bộ với các ngành ĐT khác của Trường từ khâu đăng ký xét tuyển, xét tuyển/thi tuyển (nếu có), công bố kết quả, xác nhận nhập học và quản lý danh sách thí sinh trúng tuyển. Đề án tuyển sinh được Hội đồng Trường phê duyệt. Hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh Nhà trường được thành lập hằng năm để tổ chức, giám sát toàn bộ quá trình tuyển sinh, bảo đảm tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường [H6.06.01.04]. Ban Thư kí Hội đồng tuyển sinh thực hiện các nhiệm vụ từ xét duyệt hồ sơ đăng kí, tổng hợp số liệu xét tuyển, lập danh sách thí sinh trúng tuyển trình Hội đồng tuyển sinh phê duyệt. Kết quả tuyển sinh ngành KTĐ được công bố thông qua các QĐ xác định điểm trúng tuyển, QĐ công nhận trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển [H6.06.01.05]. Kết quả tuyển sinh được cập nhật và đăng tải công khai trên website của Trường nhằm tăng cường việc giám sát của xã hội.

Thông tin tuyển sinh của CTĐT được công bố rộng rãi thông qua nhiều kênh truyền thông chính thức của Trường như website tuyển sinh, tài liệu tư vấn tuyển sinh, các bài viết và video truyền thông, cũng như các hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tiếp và trực tuyến. Công tác truyền thông tuyển sinh được tổ chức có hệ thống thông qua Ban truyền thông tuyển sinh của Trường, của Khoa và các kế hoạch truyền thông hằng năm nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác; hỗ trợ và giải đáp thắc mắc cho thí sinh và các BLQ trong quá trình tìm hiểu thông tin tuyển sinh của CTĐT [H6.06.01.06].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả tuyển sinh nhằm xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu, hiệu quả của các phương thức tuyển sinh và những vấn đề cần điều chỉnh trong chính sách và quy trình tuyển sinh. Các bên tham gia vào quá trình này là thành viên Hội đồng tuyển sinh. Kết quả đánh giá được thể hiện trong các báo cáo thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh và các biên bản hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, làm cơ sở cho việc cải tiến các kỳ tuyển sinh tiếp theo [H6.06.01.07].

2. Điểm mạnh

Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh của Trường được xây dựng đầy đủ, rõ ràng và cập nhật định kỳ, phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và định hướng phát triển của Nhà trường.

Nhà trường tổ chức Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh và Ban kiểm tra tuyển sinh chuyên trách, bảo đảm quá trình tuyển sinh được quản lý, giám sát chặt chẽ, minh bạch và đúng quy định.

Thông tin tuyển sinh được công bố rộng rãi qua nhiều kênh truyền thông, giúp thí sinh và các BLQ dễ dàng tiếp cận thông tin về CTĐT và các điều kiện xét tuyển.

3. Điểm tồn tại

Một số nội dung trong báo cáo đánh giá hiệu quả của từng phương thức tuyển sinh đối với từng CTĐT chưa được phân tích sâu theo dữ liệu dài hạn, dẫn đến việc đánh giá mức độ phù hợp của từng phương thức tuyển sinh đối với CTĐT ngành KTĐ chưa thật sự toàn diện. **4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường sẽ tăng cường phân tích dữ liệu tuyển sinh theo từng CTĐT, bao gồm chất lượng đầu vào, tỷ lệ nhập học, mức độ phù hợp giữa phương thức tuyển sinh với yêu cầu của CTĐT ngành KTĐ và mối tương quan giữa phương thức xét tuyển với KQHT của SV, nhằm hoàn thiện chính sách và tiêu chí tuyển sinh	Nhà trường Phòng Tuyển sinh	Từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa Công nghệ tiếp tục mở rộng các kênh truyền thông và tư vấn tuyển sinh, nâng cao	Nhà trường Phòng Tuyển sinh;	Hằng năm	

		hiệu quả cung cấp thông tin và hỗ trợ thí sinh trong quá trình tìm hiểu và đăng ký xét tuyển	Phòng Truyền thông&MKT Khoa Công nghệ		

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 6.2: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và triển khai hệ thống xác định năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ thông qua Đề án VTVL, danh mục VTVL và các quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động. Các văn bản này quy định rõ tiêu chuẩn năng lực theo từng nhóm VTVL, bao gồm yêu cầu về trình độ chuyên môn, KN nghề nghiệp, năng lực công nghệ và phẩm chất nghề nghiệp, làm cơ sở cho tuyển dụng, sử dụng và đánh giá đội ngũ [H6.06.02.01]. Từ đó, Trường ban hành định mức số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, góp phần bảo đảm sự phù hợp giữa nguồn nhân lực và yêu cầu công việc [H6.06.02.02].

Hoạt động tuyển dụng được công khai thông qua các thông báo kèm các phụ lục quy định chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng cho từng VTVL, thể hiện các yêu cầu cụ thể về năng lực chuyên môn và KN ứng viên cần có đáp ứng yêu cầu của các vị trí hỗ trợ ĐT, hành chính và dịch vụ NH [H6.06.02.03]. Các kế hoạch đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021 - 2026 về nhân sự định hướng rõ yêu cầu đối với đội ngũ và nâng cao nhận thức của cán bộ, viên chức [H6.06.02.04]. Việc phân công nhiệm vụ cho đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được thực hiện dựa trên chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, danh mục VTVL và năng lực thực tế của cán bộ, bảo đảm nguyên tắc phù hợp chuyên môn, cân đối khối lượng công việc và đáp ứng yêu cầu hoạt động của Trường [H6.06.02.05]. Trong thực tế, phần lớn các vị trí được phân công hợp lý.

Công tác đánh giá năng lực đội ngũ được thực hiện định kỳ theo quy chế và hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động. Quy trình đánh giá được triển khai theo chu kỳ năm học/năm tài chính với các tiêu chí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm, kết hợp giữa TĐG và đánh giá của đơn vị quản lý [H6.06.02.06]. Kết quả đánh giá được công bố thông qua các thông báo và QĐ công nhận kết quả xếp loại hằng năm, đồng thời là căn cứ cho công tác thi đua, khen thưởng và quản lý đội ngũ [H6.06.02.07]. Nhà trường cũng đã ban hành và triển khai các quy chế, hướng dẫn về thi đua, khen thưởng nhằm khuyến khích nâng cao năng lực và hiệu quả công việc của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ [H6.06.02.08]. Kết quả thể hiện qua các QĐ về việc công nhận danh hiệu thi đua hằng năm [H6.06.02.09].

Theo đó, hằng năm, đội ngũ hỗ trợ của CTĐT ngành KTĐ được Nhà trường khảo sát nhu cầu và ĐT, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ đối với yêu cầu công việc [H6.06.02.10]. Các hoạt động ĐT, BD nâng cao năng lực cho đội ngũ hỗ trợ CTĐT ngành KTĐ trong giai đoạn đánh giá bồi dưỡng lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn và KN ứng dụng công nghệ, trong đó có các CT liên quan đến ứng dụng AI và chuyển đổi số [H6.06.02.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được hệ thống văn bản đầy đủ và đồng bộ về VTVL, tiêu chuẩn năng lực và quy định tuyển dụng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc quản lý đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Công tác tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch, với các tiêu chí tương đối cụ thể và phù hợp với từng VTVL. Hoạt động phổ biến quy định, triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng và khảo sát nhu cầu đã góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ về yêu cầu công việc.

Quy trình phân công nhiệm vụ và đánh giá năng lực được thực hiện rõ ràng, có hệ thống, gắn với các quy định về đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng. Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả trong quản lý và phát triển đội ngũ. Đồng thời, nhà trường đã quan tâm đến công tác ĐT, BD, từng bước nâng cao năng lực chuyên môn và KN công nghệ cho đội ngũ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số.

3. Điểm tồn tại

Công tác đánh giá năng lực chủ yếu vẫn dựa trên phương pháp định tính, thiếu các công cụ đo lường định lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đổi mới công tác đánh giá theo hướng kết hợp giữa định tính và định lượng, từng bước xây dựng hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả công việc và ứng dụng công nghệ trong quản lý, đánh giá đội ngũ	Phòng TC-PC; Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026-2027	
		Nhà trường hoàn thiện quy trình thu thập, phân tích và sử dụng phản hồi của các BLQ theo hướng khép kín, bảo đảm thông tin phản hồi được khai thác hiệu quả trong cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ	Phòng KT&ĐBCL Phòng TC-PC; Khoa Công nghệ		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản đầy đủ và đồng bộ về VTVL; công tác tuyển dụng; công tác đánh giá; đào tạo, bồi dưỡng từng bước nâng cao năng lực chuyên môn và KN công nghệ cho đội ngũ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số.	Nhà trường Phòng TC-PC; Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026-2027	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 6.3: Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học (học thuật và phi học thuật) được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành KTĐ xây dựng và thực hiện hệ thống dịch vụ hỗ trợ NH theo quy định của Trường. Hệ thống dịch vụ hỗ trợ NH nhằm phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH và kết nối PVCĐ. Các dịch vụ hỗ trợ được tổ chức thành hai nhóm chính gồm dịch vụ học thuật và dịch vụ phi học thuật.

Nhóm dịch vụ học thuật bao gồm hoạt động CVHT, hỗ trợ học tập và nghiên cứu tại thư viện, hệ thống quản lý học tập và tư vấn học tập cho SV; trong khi đó nhóm dịch vụ phi học thuật bao gồm công tác SV, tham vấn tâm lý, hỗ trợ SV nội trú, hướng nghiệp và kết nối doanh nghiệp. Việc định hướng phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ NH được xác định trong Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến 2045; Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến 2045 và Chiến lược phát triển Khoa Công nghệ [H6.06.03.01]. Trên cơ sở chiến lược phát triển của Nhà trường, Khoa Công nghệ xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động hỗ trợ NH thông qua kế hoạch công tác năm học [H6.06.03.02] và kế hoạch công tác cá nhân của GV, trong đó có các nội dung liên quan đến tư vấn học tập và hỗ trợ SV [H6.06.03.03]. Các kế hoạch này được rà soát, thảo luận trong các cuộc họp đầu năm và cuối năm học của đơn vị nhằm bảo đảm việc triển khai hiệu quả [H6.06.03.04].

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, hệ thống giám sát và đánh giá NH theo hướng dẫn chung của Bộ GD&ĐT và giao nhiệm vụ cho các đơn vị chuyên trách triển khai dịch vụ hỗ trợ NH như Phòng CTSV, trung tâm Thông tin-Thư viện, Phòng CTSV. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị này được quy định rõ trong hệ thống văn bản quản lý của Nhà trường [H6.06.03.05].

Hoạt động CVHT của Khoa Công nghệ được tổ chức theo quy định của Nhà trường và được hỗ trợ bởi phân hệ CVHT trên phần mềm CVHT, nhằm tăng cường tương tác giữa GV và SV, đồng thời theo dõi quá trình học tập của SV [H6.06.03.06].

Đội ngũ GV của Khoa Công nghệ làm nhiệm vụ CVHT hằng năm đều được tập huấn công tác CVHT, cập nhật các quy chế, quy định mới của Trường và được hướng dẫn các cách xử lí

công việc liên quan, nhằm hỗ trợ SV hiệu quả, chất lượng. Mỗi CVHT được giao nhiệm vụ phụ trách một khóa SV trong suốt khóa ĐT 4 năm. CVHT sẽ hỗ trợ, tư vấn cho SV các vấn đề liên quan đến học tập, như: lựa chọn học phần, đăng ký tín chỉ, xây dựng lộ trình học tập, phương pháp học tập bậc ĐH, định hướng nghề nghiệp, làm NCKH, lựa chọn cơ sở thực tập; hướng dẫn, hỗ trợ SV giải quyết các thủ tục hành chính trong Trường. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên thực hiện các hoạt động khảo sát để thu thập ý kiến phản hồi của SV và các BLQ về chất lượng dịch vụ hỗ trợ, bao gồm khảo sát SV trước tốt nghiệp, khảo sát việc làm, khảo sát CSVC và khảo sát chất lượng phục vụ của Trung tâm-Thư viện, khảo sát chất lượng của đội ngũ hỗ trợ… [H6.06.03.07]. Nguồn lực tài chính và CSVC phục vụ các dịch vụ hỗ trợ NH được đảm bảo thông qua quy chế chi tiêu nội bộ và các kế hoạch đầu tư, nâng cấp CSVC hằng năm của Nhà trường [H6.06.03.08]. Ngoài ra, hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ NH được theo dõi thông qua các số liệu về KQHT, kết quả rèn luyện, tỷ lệ SV tốt nghiệp và tình trạng học tập của SV trong quá trình ĐT [H6.06.03.09]. Đội ngũ hỗ trợ được đào tạo bồi dưỡng hằng năm, nội dung đào tạo được xây dựng gắn với yêu cầu của từng vị trí việc làm và nhu cầu thực tiễn trong triển khai dịch vụ hỗ trợ NH, đặc biệt trong bối cảnh tăng cường ứng dụng công nghệ và đào tạo trực tuyến. Các đợt tập huấn này giúp nhân viên nắm vững quy trình chuyên môn, từ đó hỗ trợ NH một cách chuyên nghiệp và hiệu quả hơn [H6.06.03.10].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng định hướng phát triển rõ ràng đối với hệ thống dịch vụ hỗ trợ NH, được thể hiện trong chiến lược phát triển và các kế hoạch công tác hằng năm của các đơn vị. Hệ thống quy định và văn bản quản lý liên quan đến công tác hỗ trợ NH được ban hành tương đối đầy đủ, giúp xác định rõ chức năng và trách nhiệm của các đơn vị trong việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ SV. Nhà trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ SV, đặc biệt thông qua hệ thống phần mềm CVHT, giúp nâng cao hiệu quả tư vấn học tập và theo dõi quá trình học tập của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ, đặc biệt là SV và nhà tuyển dụng, làm cơ sở cho việc đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ NH.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các dịch vụ hỗ trợ NH đã được triển khai tương đối đầy đủ, một số kế hoạch ở cấp đơn vị chưa thể hiện rõ các chỉ tiêu định lượng hoặc các tiêu chí đánh giá hiệu quả của từng dịch vụ hỗ trợ, do đó việc theo dõi và đánh giá mức độ đạt được của các kế hoạch đôi khi còn hạn chế. Việc tích hợp và khai thác dữ liệu từ các nguồn khác nhau như hệ thống CVHT, KQHT

và kết quả khảo sát để phục vụ phân tích và cải tiến dịch vụ hỗ trợ NH vẫn chưa được thực hiện một cách đồng bộ. Ngoài ra, mức độ tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hỗ trợ của một bộ phận SV chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường tiếp tục hoàn thiện hệ thống kế hoạch phát triển dịch vụ hỗ trợ NH, trong đó xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá và tiến độ thực hiện đối với từng loại dịch vụ hỗ trợ trong kế hoạch năm học của các đơn vị.	Nhà trường Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026-2027	
		Tăng cường ứng dụng CNTT và khai thác dữ liệu trong quản lý và hỗ trợ NH, bao gồm việc nâng cấp hệ thống phần mềm CVHT và tích hợp dữ liệu từ các nguồn khác nhau để phục vụ việc theo dõi và hỗ trợ SV hiệu quả hơn.	Nhà trường Văn phòng QL phần mềm Khoa Công nghệ		
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh hoạt động truyền thông và hướng dẫn SV sử dụng các dịch vụ hỗ trợ, đồng thời tiếp tục thực hiện các khảo sát định kỳ để thu thập ý kiến phản hồi của SV và các	Phòng truyền thông; Phòng KT&ĐBCL Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026-2027	

		BLQ nhằm cải tiến chất lượng dịch vụ.			
		Tăng cường hơn nữa các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ CVHT và CBHT SV nhằm nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ SV trong quá trình học tập tại Trường.	Nhà trường Phòng TC-PC Khoa Công nghệ		

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 6.4: Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành KTĐ được quản lý trên hệ thống QLĐT của Trường nhằm giám sát, ghi nhận tiến độ học tập, KQHT và khối lượng học tập của NH trong suốt quá trình ĐT. Hệ thống này cho phép quản lý, giám sát tiến độ học tập của NH được triển khai từ khi SV nhập học đến khi hoàn thành CTĐT, bao gồm đăng ký học phần từng học kỳ, điểm học phần, số tín chỉ tích lũy, nghỉ học tạm thời, đi học trao đổi, miễn học và chuyển đổi KQHT, xét cảnh báo học tập và xét tốt nghiệp theo quy định của Trường. Các quy trình liên quan được quy định trong Quy chế ĐT ĐH hình thức chính quy và các quy định về tổ chức thi, đánh giá KQHT của SV [H6.06.04.01]. Nhà trường đã triển khai mô hình quản lý lớp học trực tuyến trên nền tảng LMS, cho phép GV tổ chức lớp học, giao bài tập, KTĐG và theo dõi mức độ tham gia học tập của SV trong môi trường trực tuyến. Điều này hỗ trợ hiệu quả cho các học phần được tổ chức theo hình thức ĐT trực tuyến hoặc ĐT kết hợp, đồng thời giúp ghi nhận dữ liệu học tập một cách đầy đủ và kịp thời [H6.06.04.02].

Công tác giám sát tiến độ học tập của SV được thực hiện thông qua sự phối hợp giữa Khoa Công nghệ và Phòng QLĐT. Trong đó, Phòng QLĐT chịu trách nhiệm quản lý chung hoạt động ĐT và theo dõi tiến độ học tập của SV; Khoa Công nghệ trực tiếp quản lý SV thuộc CTĐT. Dữ liệu về tiến độ và KQHT của SV được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau như kết quả thi đánh giá học phần, báo cáo tổng hợp điểm học tập và điểm rèn luyện, dữ liệu về tình trạng học tập của SV và các báo cáo thống kê định kỳ [H6.06.04.03].

Nhà trường cũng triển khai nhiều kênh phản hồi thông tin học tập cho SV, bao gồm thông báo trên hệ thống QLĐT, email và trao đổi trực tiếp thông qua CVHT. Hệ thống cảnh báo học tập định kỳ theo từng học kỳ được áp dụng để phát hiện sớm các SV có KQHT chưa đạt yêu cầu, từ đó triển khai các hoạt động hỗ trợ phù hợp [H6.06.04.04]. Đồng thời, Nhà trường tổ chức đội ngũ CVHT tại các khoa nhằm hỗ trợ SV trong quá trình học tập. Hoạt động CVHT được thực hiện theo quy định của Nhà trường và được hỗ trợ thông qua các công cụ quản lý trên hệ thống thông tin của Nhà trường [H6.06.04.05]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên thu thập và phân tích ý kiến phản hồi của SV về chất lượng GD bằng cách sử dụng kết hợp nhiều hình thức thu thập thông tin đánh giá chất lượng của hệ thống QLĐT như khảo sát trực tuyến, khảo sát trực tiếp, đối thoại giữa lãnh đạo với NH... Trong giai đoạn 2021-2026, Nhà trường đã thực hiện các khảo sát về đội ngũ hỗ trợ CTĐT NNA vào các năm 2022, 2025; Khảo sát chất lượng học phần để giám sát chất lượng giảng dạy thông qua giám sát hoạt động của GV, mức độ tuân thủ quy chế của từng học phần. Ngoài ra, Trường còn khảo sát NH trước tốt nghiệp để đánh giá về cả quá trình học tập và trải nghiệm CTĐT [H6.06.04.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng hệ thống QLĐT tương đối đồng bộ, cho phép giám sát toàn diện tiến độ học tập, KQHT và khối lượng học tập của NH trong suốt quá trình ĐT. Hệ thống này được hỗ trợ bởi các quy định và quy trình QLĐT rõ ràng, tạo cơ sở cho việc theo dõi và đánh giá KQHT của SV một cách minh bạch và nhất quán. Cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ giữa các đơn vị trong Nhà trường được quy định rõ ràng, góp phần đảm bảo sự phối hợp hiệu quả trong việc giám sát và hỗ trợ NH. Việc triển khai hệ thống CVHT tại các khoa giúp tăng cường sự hỗ trợ trực tiếp cho SV trong quá trình học tập. Bên cạnh đó, việc ứng dụng nền tảng LMS và các công cụ quản lý lớp học trực tuyến giúp nâng cao khả năng theo dõi hoạt động học tập của SV trong bối cảnh ĐT trực tuyến và ĐT kết hợp ngày càng phát triển. Nhà trường cũng triển khai

cơ chế cảnh báo học tập định kỳ, qua đó giúp phát hiện sớm các SV có nguy cơ không hoàn thành CTĐT đúng tiến độ và hỗ trợ NH cải thiện KQHT.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù hệ thống QLĐT của Nhà trường đã hỗ trợ hiệu quả việc giám sát tiến độ học tập của SV, việc tích hợp dữ liệu từ nhiều hệ thống khác nhau (hệ thống QLĐT, LMS, hệ thống khảo sát phản hồi) vẫn còn hạn chế, dẫn đến việc khai thác dữ liệu phục vụ phân tích và dự báo học tập chưa được thực hiện đầy đủ. Bên cạnh đó, việc khai thác dữ liệu học tập để phát triển các hệ thống cảnh báo sớm mang tính dự báo vẫn còn ở mức cơ bản, chủ yếu dựa trên KQHT sau mỗi học kỳ thay vì phân tích dữ liệu học tập theo thời gian thực. Ngoài ra, tần suất và hình thức tương tác giữa CVHT và SV ở một số thời điểm vẫn chưa đồng đều, dẫn đến hiệu quả hỗ trợ SV trong một số trường hợp chưa đạt như kỳ vọng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện hệ thống QLĐT và hệ thống LMS, hướng tới tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau nhằm nâng cao khả năng theo dõi và phân tích tiến độ học tập của SV	Nhà trường Ban QL phần mềm ĐT	Từ năm học 2026-2027	
		Trường cũng phát triển hệ thống phân tích dữ liệu học tập (learning analytics) nhằm hỗ trợ xây dựng các mô hình cảnh báo sớm và dự báo nguy cơ học tập của SV, từ đó triển khai các biện	Nhà trường Ban QL phần mềm ĐT		

		pháp hỗ trợ phù hợp và kịp thời			
	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường bồi dưỡng KN tư vấn và hỗ trợ học tập cho đội ngũ CVHT của Khoa, đồng thời tổ chức các hoạt động tư vấn học tập định kỳ nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ SV;	Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026-2027	
		Phối hợp với Phòng QLĐT mở rộng các kênh phản hồi và hỗ trợ NH, đồng thời tăng cường phân tích dữ liệu phản hồi của SV nhằm cải tiến chất lượng GD và các dịch vụ hỗ trợ học tập.	Ban QL phần mềm ĐT Phòng QLĐT		

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 6.5: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Công nghệ đã triển khai nhiều hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ SV nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV ngành KTĐ. Các hoạt động này được thực hiện thông qua sự phối hợp giữa Khoa, Phòng QLĐT, Phòng CTSV, Đoàn Thanh niên và các đơn vị chức năng của Nhà trường.

Về cơ sở quản lý, Nhà trường ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trong đó có việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ SV [H6.06.05.01]. Hệ thống CVHT

được triển khai theo từng lớp và khóa học, trong đó GV được phân công làm CVHT CVHT hỗ trợ SV lựa chọn học phần, điều chỉnh kế hoạch học tập, xử lý vướng mắc học vụ và theo dõi tiến độ học tập trong quá trình đào tạo [H6.06.05.02]. Nhà trường áp dụng cơ chế một cửa và một cửa liên thông nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ học tập và giải quyết các thủ tục học vụ nhanh chóng và hiệu quả [H6.06.05.03]. Các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ đời sống, hoạt động ngoại khóa, kết nối việc làm được triển khai đầy đủ, rõ ràng thông qua nhiều kênh thông tin như website của Nhà trường, website/fanpage Khoa Công nghệ, Cổng thông tin đào tạo, hệ thống LMS/eHANU, email học vụ và các nhóm lớp chính thức được sử dụng để cung cấp thông tin học vụ, hướng dẫn đăng ký học phần, thông báo lịch học, lịch thi, hoạt động ngoại khóa, thực tập và tuyển dụng [H6.06.05.04]. SV của Nhà trường cũng như SV ngành KTĐ được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia NCKH và các cuộc thi học thuật nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và KN nghề nghiệp thông qua các quy định và hoạt động NCKH SV cũng như hội nghị khoa học SV các cấp. Các hoạt động này góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ, tư duy phản biện, năng lực trình bày và KN nghề nghiệp cho SV ngành KTĐ [H6.06.05.05]. Nhà trường đã thành lập Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp và sáng tạo của SV nhà trường [H6.06.05.06].

Khoa Công nghệ tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, seminar học thuật, sinh hoạt câu lạc bộ và các hoạt động phát triển KN nhằm tạo môi trường học tập năng động và hỗ trợ SV phát triển năng lực chuyên môn cũng như KN mềm. Các hoạt động này hỗ trợ SV phát triển KN mềm, năng lực thích ứng nghề nghiệp [H6.06.05.07]. Nhằm tăng cường khả năng có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, nhà trường tổ chức các chương trình kết nối SV với doanh nghiệp và cựu SV như Ngày hội việc làm, các chương trình giao lưu với doanh nghiệp và chuyên gia nhằm cung cấp thông tin nghề nghiệp và cơ hội thực tập cho SV. Thông tin thực tập, tuyển dụng và cơ hội nghề nghiệp được cập nhật qua website của Phòng CTSV, website/fanpage của Khoa, email học vụ và các kênh thông tin chính thức, giúp SV tiếp cận thị trường lao động ngay trong quá trình học tập và cơ hội cho NH tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp [H6.06.05.08]. Nhà trường thiết lập mạng lưới hợp tác với các doanh nghiệp để hỗ trợ SV trong hoạt động thực tập và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [H6.06.05.09].

Nhà trường cung cấp nhiều dịch vụ hỗ trợ SV như tham vấn tâm lý và hỗ trợ tinh thần NH. Dịch vụ góp phần hỗ trợ SV khi gặp khó khăn về học tập, tâm lý, quan hệ xã hội và thích nghi với môi trường ĐH [H6.06.05.10]. Ngoài ra, nhà trường có học bổng khuyến khích học tập,

học bổng tài trợ và hỗ trợ khó khăn cho SV khó khăn [H6.06.05.11], hoạt động đánh giá rèn luyện SV [H6.06.05.12] và các chương trình khám sức khỏe định kỳ cho SV [H6.06.05.13]. Đoàn Thanh niên cũng tổ chức nhiều hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ, hoạt động văn hóa-văn nghệ- thể thao và hoạt động phong trào nhằm hỗ trợ đời sống học tập và phát triển các KN cho SV [H6.06.05.14]. SV ngành KTĐ còn có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi SV và các hoạt động giao lưu học thuật quốc tế nhằm mở rộng trải nghiệm học tập và nâng cao năng lực liên văn hóa. Các hoạt động này giúp SV mở rộng trải nghiệm học tập, nâng cao năng lực liên văn hóa và khả năng thích ứng nghề nghiệp trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa [H6.06.05.15]. Nhà trường tổ chức các hoạt động tuần SHCD đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa nhằm phổ biến, cung cấp những thông tin, KN cần thiết và hỗ trợ hướng dẫn SV thích nghi với môi trường học tập ĐH cũng như việc giúp SV vững vàng bước vào thị trường lao động [H6.06.05.16].

Hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ SV ngành KTĐ được theo dõi thông qua kết quả học tập, các hoạt động hỗ trợ góp phần giúp SV chủ động hơn trong đăng ký học phần, tiếp cận tài liệu, nắm bắt lịch học, lịch thi và hoàn thành học phần theo kế hoạch. Khoa tiếp tục theo dõi hiệu quả thông qua các chỉ báo như kết quả học tập theo học kỳ, tỷ lệ cảnh báo học vụ, tỷ lệ hoàn thành học phần đúng tiến độ và tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn [H6.06.05.17], các hoạt động hướng nghiệp, kết nối doanh nghiệp, thông tin thực tập và tuyển dụng giúp SV ngành KTĐ nhận diện yêu cầu thị trường lao động, chuẩn bị hồ sơ nghề nghiệp và mở rộng cơ hội thực tập, việc làm. Hiệu quả được theo dõi thông qua khảo sát việc làm sau tốt nghiệp, gồm tỷ lệ có việc làm, thời gian có việc làm và mức độ phù hợp của việc làm với ngành đào tạo [H6.06.05.18], Các kênh tư vấn qua website, fanpage, email học vụ, LMS/eHANU và nhóm lớp chính thức giúp SV ngành KTĐ tiếp cận thông tin học tập, học vụ, ngoại khóa và việc làm thuận lợi hơn. Hiệu quả hoạt động hỗ trợ đã bước đầu được theo dõi thông qua khảo sát SV, khảo sát việc làm sau tốt nghiệp và phản hồi tại các hội nghị đối thoại SV. [H6.06.05.19].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng hệ thống và thực hiện tư vấn học tập và hỗ trợ SV tương đối đầy đủ và hiệu quả như công tác CVHT, hệ thống thông tin học vụ và cơ chế hỗ trợ một cửa. Các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ SV và các chương trình học thuật được tổ chức thường xuyên, góp phần phát triển năng lực chuyên môn và KN mềm cho SV

Nhà trường duy trì mối quan hệ hợp tác với nhiều doanh nghiệp, tạo điều kiện cho SV tham gia thực tập, giao lưu nghề nghiệp và tìm kiếm cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Các kênh tư vấn qua website, fanpage, email học vụ, LMS/eHANU và nhóm lớp chính thức giúp SV ngành KTĐ tiếp cận thông tin học tập, học vụ, ngoại khóa và việc làm thuận lợi hơn. Hiệu quả hoạt động hỗ trợ đã được theo dõi thông qua khảo sát SV, khảo sát việc làm sau tốt nghiệp và phản hồi tại các hội nghị đối thoại SV.

3. Điểm tồn tại

Việc theo dõi, phân tích tác động dài hạn của các hoạt động hỗ trợ SV đối với khả năng có việc làm sau tốt nghiệp cần được thực hiện một cách hệ thống hơn. Một số hoạt động hướng nghiệp cần được thiết kế theo lộ trình xuyên suốt trong CTĐT.

Việc lượng hóa tác động của các hoạt động hỗ trợ đối với điểm số, kết quả học tập, tỷ lệ cảnh báo học vụ, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và việc làm của SV ngành KTĐcần được thực hiện hệ thống hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cao hiệu quả hoạt động CVHT và tăng cường các hoạt động hướng nghiệp cho SV và chú trọng hỗ trợ SV có khó khăn trong học tập, SV có nguy cơ chậm tiến độ và SV chuẩn bị tốt nghiệp. Phối hợp với các đơn vị chức năng theo dõi hiệu quả hỗ trợ SV thông qua các chỉ báo như kết quả học tập, cảnh báo học vụ, tiến độ tích lũy tín chỉ, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và tình trạng việc làm sau tốt nghiệp.	Khoa Công nghệ,	Từ năm học 2026-2027	

2	Phát Huy điểm mạnh	Mở rộng mạng lưới hợp tác với doanh nghiệp và tăng cường các chương trình thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp và khởi nghiệp cho SV. Các hoạt động ngoại khóa và phát triển KN nghề nghiệp sẽ được tổ chức theo hướng gắn kết chặt chẽ với mục tiêu ĐT và nhu cầu của thị trường lao động	Nhà trường Khoa Công nghệ.	Từ năm học 2026-2027	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí: 6.6. Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng.

Nhà trường đã thiết lập hệ thống đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH trên cơ sở các quy định và kế hoạch đảm bảo chất lượng được ban hành đồng bộ. Các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị liên quan đã xác định rõ trách nhiệm trong việc tổ chức cung cấp và đánh giá các dịch vụ hỗ trợ NH, bao gồm các đơn vị như: Phòng QLĐT, Phòng KT&ĐBCL, Phòng CTSV, Trung tâm Thông tin-Thư viện và các đơn vị hỗ trợ khác [H6.06.06.01]. Theo đó, hoạt động đánh giá dịch vụ hỗ trợ NH CTĐT ngành KTĐ được triển khai theo kế hoạch đảm bảo chất lượng theo năm học [H6.06.06.02].

Nhà trường sử dụng kết hợp nhiều hình thức thu thập thông tin như khảo sát trực tuyến, khảo sát trực tiếp, đối thoại giữa lãnh đạo với NH và phân tích dữ liệu sử dụng dịch vụ. Bộ công cụ khảo sát được chuẩn hóa và áp dụng thống nhất, đồng thời tham chiếu hướng dẫn của Bộ GD& ĐT về đo lường mức độ hài lòng nhằm đảm bảo tính khoa học và độ tin cậy của dữ liệu [H6.06.06.03]. Các hoạt động khảo sát được triển khai thường xuyên, bao phủ nhiều lĩnh vực

dịch vụ như hỗ trợ học tập, thư viện, CSVC, ký túc xá, tư vấn tâm lý, hoạt động khởi nghiệp và kết nối doanh nghiệp [H6.06.06.04].

Quy trình đánh giá được thực hiện theo các bước từ lập kế hoạch, tổ chức thu thập dữ liệu, phân tích kết quả đến tổng hợp và báo cáo. Dữ liệu thu thập với sự tham gia của NH đang học, NH tốt nghiệp và các đối tượng sử dụng dịch vụ khác; tỷ lệ phản hồi đạt mức khá, góp phần đảm bảo độ tin cậy của kết quả phân tích [H6.06.06.05].

Kết quả đánh giá cho thấy mức độ hài lòng của NH CTĐT ngành KTĐ đối với các dịch vụ hỗ trợ nhìn chung đạt mức khá đến tốt và có xu hướng cải thiện qua các năm, đặc biệt ở các lĩnh vực như thư viện, CSVC và hỗ trợ học tập. Các kết quả đánh giá được bàn giao đến Khoa Công nghệ để thông tin đến NH và các BLQ [H6.06.06.06]. Đồng thời, các dịch vụ mới như hỗ trợ tâm lý, khởi nghiệp và kết nối doanh nghiệp được chú trọng phát triển, phản ánh sự thích ứng của Nhà trường với nhu cầu ngày càng đa dạng của NH [H6.06.06.07]. Từ kết quả đánh giá, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động cải tiến như đầu tư nâng cấp CSVC, mở rộng dịch vụ hỗ trợ tâm lý, tăng cường kết nối doanh nghiệp và cải thiện điều kiện học tập, sinh hoạt cho NH, trong đó có NH CTĐT ngành KTĐ.

Cơ chế giám sát việc thực hiện cải tiến được thực hiện thông qua các báo cáo định kỳ và theo dõi kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, hình thành vòng tròn cải tiến liên tục trong quản lý chất lượng [H6.06.06.08].

Hoạt động đối sánh nội bộ nhằm thông qua phân tích xu hướng về mức độ hài lòng của NH giữa các khóa học theo thời gian cho thấy NH duy trì mức độ hài lòng cao từ trên 95% trở lên ở cả 4 tiêu chí [H6.06.06.09] *(xem bảng dưới đây).*

Bảng 6.6.1. Đối sánh mức độ hài lòng của người học về chất lượng dịch vụ chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện

Mức độ hài lòng của NH về CSVC, trang thiết bị (%)					
Năm học	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Mức độ hài lòng	90,3	92,1	93,2	94,2	94,5
Mức độ hài lòng của NH về chế độ chính sách (%)					
Năm học	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Mức độ hài lòng	91,3	92,6	93,5	94,4	94,6

Mức độ hài lòng của NH về chất lượng phục vụ (%)					
Năm học	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Mức độ hài lòng	92,3	92,5	93,7	94,8	95,5
Mức độ hài lòng của NH về môi trường, cảnh quan, tâm lý (%)					
Năm học	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Mức độ hài lòng	92,7	92,6	93,5	94,6	95,7

2. Điểm mạnh

Hệ thống đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ NH của Nhà trường có khung pháp lý và kế hoạch triển khai được xây dựng đầy đủ và đồng bộ, đảm bảo hoạt động đánh giá được thực hiện có hệ thống và theo chu kỳ rõ ràng. Bên cạnh đó, phương pháp thu thập dữ liệu đa dạng, kết hợp giữa định lượng và định tính, giúp phản ánh toàn diện trải nghiệm của NH. Việc duy trì khảo sát liên tục qua nhiều năm tạo điều kiện thuận lợi cho phân tích xu hướng và đánh giá hiệu quả cải tiến CTĐT ngành KTĐ. Nhà trường đã bước đầu thực hiện đối sánh và sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ cho các QĐ quản lý, thể hiện sự gắn kết giữa đánh giá và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ phản hồi khảo sát chưa đồng đều giữa các nhóm đối tượng, có thể ảnh hưởng đến tính đại diện của dữ liệu trong một số trường hợp. Hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả (KPI) cho từng dịch vụ hỗ trợ chưa được chuẩn hóa đầy đủ, dẫn đến khó khăn trong việc theo dõi và so sánh hiệu quả theo thời gian. Hoạt động đối sánh chủ yếu tập trung trong phạm vi nội bộ, chưa mở rộng. Cơ chế theo dõi hiệu quả sau cải tiến cũng chưa thực sự hoàn chỉnh, khiến hoạt đánh giá tác động của các biện pháp cải tiến còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	**Mục tiêu**	**Nội dung**	**Đơn vị, người thực hiện**	**Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành**	**Ghi chú**
1	Khắc phục điểm	Nhà trường định hướng hoàn thiện hệ thống đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ	Phòng KT&ĐBCL Khoa Công nghệ	Từ năm học 2026-2027	

	tồn tại	NH theo hướng xây dựng và áp dụng hệ thống KPI cụ thể cho từng loại dịch vụ, làm cơ sở cho việc đo lường, giám sát và đối sánh.			
		Mở rộng đối sánh với các cơ sở ĐT trong khu vực nhằm xác định rõ hơn năng lực hỗ trợ NH CTĐT NNA và có giải pháp cải tiến tích cực hơn	Phòng QLĐT Phòng KT&ĐBCL Khoa Công nghệ		
2	Phát Huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và kế hoạch triển khai đầy đủ và đồng bộ, đảm bảo hoạt động đánh giá được thực hiện có hệ thống và theo chu kỳ đánh giá.	Phòng KT&ĐBCL Khoa Công nghệ	Hằng năm	
		Duy trì khảo sát hằng năm; phân tích đối sánh kết quả đánh giá làm căn cứ cho các QĐ quản lý, trên cơ sở đó cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.	Phòng KT&ĐBCL Khoa Công nghệ	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Đánh dấu (x) ***vào ô tương ứng dưới đây:***

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Kết luận chung về tiêu chuẩn 6

Nhà trường đã thiết lập được khung chính sách, quy trình và cơ cấu tổ chức rõ ràng cho hoạt động hỗ trợ NH; đội ngũ cán bộ được xác định tiêu chuẩn năng lực, được tuyển dụng, phân công và đánh giá theo quy định. Các dịch vụ hỗ trợ được triển khai đa dạng, kết hợp giữa hỗ trợ

học thuật và phi học thuật, có sự hỗ trợ của CNTT, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và trải nghiệm học tập của NH. Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hỗ trợ tâm lý và kết nối doanh nghiệp được tổ chức thường xuyên, góp phần phát triển năng lực toàn diện và nâng cao khả năng có việc làm của NH. Công tác đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ được thực hiện theo chu kỳ, với dữ liệu phản hồi từ các BLQ, cho thấy mức độ hài lòng của NH duy trì ở mức cao và có xu hướng cải thiện. Tuy nhiên, việc xây dựng hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả dịch vụ chưa đồng bộ; mức độ tích hợp và khai thác dữ liệu còn hạn chế; hoạt động đối sánh bên ngoài và đánh giá tác động dài hạn chưa được thực hiện đầy đủ.

Trong thời gian tới, CTĐT ngành KTĐ sẽ hoàn thiện hệ thống chỉ số đánh giá, tăng cường ứng dụng phân tích dữ liệu học tập, mở rộng đối sánh và nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ hỗ trợ của NH.

Tiêu chuẩn 6 có 6/6 tiêu chí được tự đánh giá Đạt.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 6 ĐẠT.

Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Trường Đại học Intracom đã xây dựng và không ngừng cải tiến hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị một cách đồng bộ, hiện đại nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu đào tạo ngành **Kỹ thuật điện**. Nhà trường sở hữu hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng thực hành – thí nghiệm phục vụ đào tạo ngành Kỹ thuật điện và các phòng chức năng đa dạng. Thư viện được phát triển theo hướng hiện đại, kết hợp kho học liệu truyền thống phong phú và hệ thống thư viện số với nhiều giáo trình, tài liệu tham khảo chuyên ngành Kỹ thuật điện. Hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng, máy tính cấu hình cao và các phần mềm mô phỏng chuyên ngành Điện (MATLAB/Simulink, ETAP, AutoCAD Electrical, PSpice,...) được triển khai rộng khắp, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học (NCKH). Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên được quan tâm xây dựng nhằm tạo không gian học tập thân thiện, an toàn. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và an toàn điện được xác định, triển khai nghiêm túc. Chất lượng CSVC được định kỳ đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát cán bộ liên quan (CBLQ), giảng viên (GV) và sinh viên (SV).

Nhờ những nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô cơ sở vật chất, góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên, Nhà trường tự đánh giá đạt 8 tiêu chí về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị. Trong thời gian tới, nhà trường cần tiếp tục phát huy những điểm mạnh, đồng thời khắc phục các hạn chế còn tồn tại nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng gia tăng khi quy mô sinh viên không ngừng mở rộng.

Tiêu chí 7.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược phát triển Trường Đại học Intracom giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định phát triển hệ thống cơ sở vật chất là một trong những trụ cột đột phá hàng đầu, trong đó trọng tâm là xây dựng không gian học tập và nghiên cứu chuẩn quốc tế, đầu tư chiều sâu cho hạ tầng thực hành – nghiên cứu và chuyển đổi số toàn diện hạ tầng kỹ thuật. Hiện nay tổng diện tích đất đai Trường quản lý sử dụng là 62.425 m², diện tích xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH là 7.800 m². [H7.07.01.01] Hồ sơ diện tích, hồ sơ về khuôn viên nhà ở, sơ đồ phân các phòng chức năng. Khuôn viên toàn Trường hiện nay có 02 tòa nhà chính. Diện tích dành cho các

phòng học là 5.850 m², với gần 90 phòng học, 07 phòng họp, 08 hội trường rộng từ 200 m²; 02 phòng thực hành máy tính tập trung với gần 200 máy tính cấu hình cao phục vụ đào tạo tin học, ngoại ngữ và các học phần chuyên ngành của Khoa Công nghệ; 28 phòng thực hành và phòng thí nghiệm (bao gồm các phòng thực hành chuyên ngành Y khoa, Công nghệ và Kỹ thuật điện) .

Khuôn viên của Trường còn có các sân vận động, thể thao với diện tích khoảng 6.000 m² (gồm 02 sân bóng đá, 01 sân bóng rổ). Diện tích phòng học trên một SV là 4,3 m², diện tích phòng làm việc trên một cán bộ (CB) viên chức là 7 m². Các giảng đường (bao gồm phòng học, hội trường, phòng máy tính, phòng thực hành,...) có diện tích khác nhau đáp ứng từ 30 chỗ đến gần 200 chỗ ngồi. Số lượng giảng đường tại các tòa nhà đã đáp ứng đủ cho học tập, giảng dạy theo yêu cầu thiết kế của CTĐT ngành Kỹ thuật điện (bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập thực hành, thảo luận). Trong các giảng đường đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng, loa, micro, máy chiếu/màn hình tương tác, đèn điện, quạt, điều hòa, wifi [H7.07.01.02] - Hồ sơ quản lý CSVC của Trường], [H7.07.01.03] – Danh mục trang thiết bị nội thất, đồ dùng dạy học bàn ghế, bảng, loa, micro, máy chiếu, đèn điện, quạt, điều hòa, wifi…. Tổng hợp các tiêu chí về diện tích, chỗ ngồi làm việc của Đại học theo yêu cầu của Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT được trình bày tại Bảng 7.1.1:

Bảng 7.1.1: Tổng hợp các tiêu chí về diện tích, chỗ làm việc theo yêu cầu của Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT

TT	Các chỉ số	Yêu cầu	Kết quả đến 31/08/2026	Tình trạng
3.1	Diện tích đất/người học (m2)	≥25	78,03	Đạt
3.2	1. Diện tích sàn/người học (m2) (NHTTQĐ)	≥2,8	4,33	Đạt
3.3	2. Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	≥70	87,4%	Đạt

Hội trường lớn với sức chứa lên đến 300 người được trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng, nghe nhìn hiện đại chuyên phục vụ cho các hội nghị, hội thảo khoa học, sự kiện chào tân sinh viên, tọa đàm kết nối giữa Nhà trường, Khoa với các doanh nghiệp ngành Điện – Năng lượng. Phòng tự học đạt tiêu chuẩn bố trí tại tầng 24 của Trung tâm Thông tin – Thư viện (TTTV).

Hệ thống giảng đường mở cửa tất cả các ngày trong tuần phục vụ nhu cầu tự học và NCKH của sinh viên.

Nhà trường cũng trang bị phòng nghỉ cho CB, GV tại các tòa Giảng đường đảm bảo CB,GV có không gian riêng trong giờ nghỉ sau lịch giảng dạy và làm việc tại trường. Hằng năm để đảm bảo CSVC của Trường luôn duy trì và phát triển đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng tăng. Nhà trường Ban hành các Quyết định và Kế hoạch bảo trì, nâng cấp CSVC định kỳ được thực hiện theo đúng quy định [H7.07.01.05].

Nhà trường cũng đã ban hành quy định quản lý và sử dụng giảng đường, trong đó quy định rõ mục đích sử dụng giảng đường, trách nhiệm của đơn vị đầu mối quản lý – Văn phòng Trường. GV, SV, nội quy sử dụng giảng đường, và các chế tài xử lý vi phạm. Ngoài ra, nội quy sử dụng giảng đường cũng được in thành bảng và treo ở các phòng học [H7.07.01.04].

Hằng năm Nhà trường tiến hành khảo sát phản hồi của của CB, GV và sinh viên về CSVC hỗ trợ đào tạo. Kết quả khảo sát phản hồi năm 2025 cho thấy: Đa số cán bộ, GV đánh giá cao về CSVC hỗ trợ đào tạo và NCKH (đạt 4,22/5 điểm đối với CSVC chung và 4,24/5 điểm đối với điều kiện NCKH), Sinh viên tốt nghiệp khảo sát năm 2025 đánh giá phòng học, giảng đường đạt 4,38/5 điểm và phòng thực hành/thí nghiệm đạt 4,30/5 điểm [H7.07.01.06].

Khoa Công nghệ có hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng bố trí tại tầng 18, Tòa nhà A và tầng 06 tòa Giảng đường cơ sở chính: bao gồm phòng Lãnh đạo Khoa, phòng họp Khoa, Văn phòng Khoa, phòng tiếp SV và các phòng làm việc của Bộ môn/Giảng viên với tổng diện tích khoảng 280 m², trang bị đầy đủ máy tính kết nối mạng nội bộ/internet, máy in, mạng wifi, máy điều hòa, phục vụ hiệu quả công tác quản lý đào tạo và hỗ trợ SV ngành Kỹ thuật điện.[H7.07.01.07]**.**

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và kết nối cộng đồng của ngành Kỹ thuật điện. Kế hoạch bảo dưỡng, nâng cấp thiết bị được duy trì định kỳ và bổ sung kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi chuyên sâu từ các bên liên quan (đặc biệt là doanh nghiệp ngành điện và cựu sinh viên ngành Kỹ thuật điện) về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng chức năng và trang thiết bị đào tạo chuyên ngành chưa được triển khai định kỳ thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của doanh nghiệp đối tác, cựu SV ngành Kỹ thuật điện về mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị đào tạo chuyên ngành.	Văn phòng Khoa Công nghệ Phòng KT&ĐBCL	Từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì công tác kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống phòng học, phòng chức năng và thiết bị giảng dạy định kỳ.	Phòng CSVC, Khoa Công nghệ	Định kỳ hàng tháng/quý /năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 7.2: Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên

1. Mô tả hiện trạng

Đáp ứng đặc thù của CTĐT ngành Kỹ thuật điện, hoạt động thực hành, thí nghiệm đóng vai trò cốt lõi nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, khả năng vận hành, thiết kế, phân tích và xử lý sự cố hệ thống điện, thiết bị điện - điện tử và hệ thống điều khiển tự động. Điều này bám sát tuyên bố Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Intracom: "Đổi mới sáng tạo giá trị thực – Chuyển đổi để thích ứng và phát triển – Thành công cùng hệ sinh thái".

Nhà trường đang lên kế hoạch đầu tư hệ thống phòng thí nghiệm (PTN) và phòng thực hành (PTH) chuyên ngành Kỹ thuật điện đặt tại cơ sở chính và Phân hiệu của Trường, bao gồm:

- PTN Mạch điện – Đo lường điện: Trang bị các bộ thí nghiệm mạch điện AC/DC, oscillo, đồng hồ đo vạn năng chuẩn, biến áp đo lường, tải giả lập…
- PTN Kỹ thuật Điện tử – Điện tử công suất: Trang bị các modul thí nghiệm mạch điện tử tương tự, điện tử số, bộ biến đổi AC/DC, DC/DC, Inverter và các bộ ghi sóng hiện đại.
- PTN Máy điện – Khí cụ điện: Trang bị mô hình máy điện một chiều, máy điện đồng bộ, động cơ không đồng bộ, máy biến áp 3 pha, các bộ khởi động mềm, biến tần và hệ thống khí cụ điện đóng cắt bảo vệ.
- PTN Trang bị điện – Điều khiển Tự động: Trang bị bàn thực hành PLC (Siemens S7-1200/1500), màn hình HMI, cảm biến công nghiệp, hệ thống thực hành điều khiển khí nén – thủy lực.
- PTN Hệ thống điện & Relay bảo vệ: Trang bị mô hình mô phỏng lưới điện truyền tải và phân phối, các loại Relay số bảo vệ quá dòng, khoảng cách, vi sai và bộ tạo dòng/áp thử nghiệm Relay.
- PTH Máy tính chuyên ngành Kỹ thuật điện: Trang bị các máy tính cấu hình cao (Core i7, RAM 16GB, GPU rời) cài đặt đầy đủ phần mềm bản quyền/chuyên dụng: MATLAB/Simulink, ETAP (Phân tích hệ thống điện), AutoCAD Electrical, PSpice, Siemens TIA Portal, Altium Designer [H7.07.02.01] - Danh mục phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị ngành Kỹ thuật điện.

Nhà trường ban hành đầy đủ Quy chế/Quy định quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành, trong đó quy định rõ quy trình an toàn điện, nội quy phòng máy, quy trình mượn/trả thiết bị vật tư [H7.07.02.02] - Quy định quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành ngành Kỹ thuật điện. Sổ nhật ký vận hành PTN/PTH, sổ theo dõi bảo trì thiết bị điện được ghi chép đầy đủ, chính xác [H7.07.02.03] - Sổ nhật ký sử dụng và sổ theo dõi bảo trì PTN/PTH Kỹ thuật điện.

Hàng năm, Khoa Công nghệ lập đề xuất mua sắm bổ sung vật tư tiêu hao (dây dẫn, linh kiện điện tử, khí cụ điện, linh kiện thay thế) và nâng cấp mô hình thí nghiệm gửi Văn phòng Trường và Ban Giám hiệu duyệt [H7.07.02.04] - Kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị PTN/PTH ngành Kỹ thuật điện.

Để đáp ứng nhu cầu về Cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm phục vụ đào tạo sinh viên ngành Kỹ thuật điện, hằng năm Nhà trường tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của SV và GV ngành Kỹ thuật điện đối với CSVC thực hành giai đoạn 2022–2026 đạt 4,25/5,0 điểm [H7.07.02.05] - Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học và GV về PTN/PTH Kỹ thuật điện.

2. Điểm mạnh

Hệ thống các phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành Kỹ thuật điện và phòng máy tính cài đặt các phần mềm mô phỏng chuyên sâu được đầu tư đồng bộ, hiện đại, vận hành an toàn và khai thác hiệu quả, đáp ứng tốt mục tiêu đào tạo thực hành và NCKH cho SV và GV

3. Điểm tồn tại

Chưa có mô hình mô phỏng quy mô lớn về Hệ thống năng lượng tái tạo thông minh (Smart Grid & Microgrid) tích hợp nguồn điện mặt trời/điện gió tích hợp lưu trữ năng lượng (BESS) để SV thực hành các công nghệ điện đạm tiên tiến hiện nay.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập dự án đầu tư bổ sung Module thực hành Mô phỏng Hệ thống Năng lượng tái tạo & Lưới điện thông minh (Smart Grid).	Văn phòng Khoa Công nghệ Phòng KT&ĐBCL	Từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì công tác kiểm tra an toàn điện, hiệu chuẩn thiết bị đo lường và cập nhật các phần mềm mô phỏng chuyên ngành bản mới.	Phòng CSVC, Khoa Công nghệ	Định kỳ hàng tháng/quý /năm	

5. Tự đánh giá:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 7.3: Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông.

1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Thông tin-Thư viện (TTTV) được thành lập theo Quyết định số 231/QĐ-ĐHCVA ngày 07/12/2022 của Trường Đại học Chu Văn An (Nay là Trường Đại học Intracom). Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm TTTV được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Chu Văn An. Chức năng nhiệm vụ có được điều chỉnh theo từng giai đoạn đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, chiến lược phát triển chung của Nhà trường [H7.07.03.01]..

Trung tâm TTTV có tổng diện tích phục vụ tại Hưng Yên là 300 m² và tại cơ sở Hà Nội là 1.500 m², Không gian thư viện được thiết kế đa dạng, linh hoạt, bao gồm khu vực đọc tham khảo nhanh, phòng đọc yên tĩnh phục vụ nghiên cứu cá nhân, không gian học nhóm và thảo luận, khu vực truy cập tài nguyên số và phòng phục vụ khóa luận, luận văn. Trung tâm được đầu tư thiết kế đảm bảo các tiêu chuẩn về diện tích phòng đọc, chỗ ngồi, ánh sáng, PCCC tiêu chuẩn. Các không gian được thiết kế linh hoạt với phòng đọc chung, phòng đọc Khóa luận, luận văn, Phòng học nhóm, khu vực đa phương tiện, quầy thông tin, khu trưng bày, ... Nội thất được thiết kế hiện đại, thân thiện với môi trường, sức khỏe. Hệ thống chiếu sáng được thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn về độ sáng trong phòng đọc và phòng làm việc kết hợp ánh sáng tự nhiên và ánh sáng nhân tạo, chiếu sáng hỗn hợp. Hệ thống cửa sổ, cửa ra vào, trần, tường, sàn được thiết kế đảm bảo vệ sinh, chống ẩm mốc, thoáng khí, lưu thông, đảm bảo môi trường trong sạch. Hệ thống điều hòa không khí đảm bảo điều kiện nhiệt độ, độ ẩm thích hợp với không gian đọc và không gian lưu trữ. Trung tâm được trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy đảm bảo cả bình chữa cháy di động, bộ vòi cứu hỏa gắn tường, báo khói,... [H7.07.03.02]

Nhà trường tổ chức hệ thống thư viện kết hợp tài liệu in, tài liệu điện tử và thư viện số, có hệ thống tra cứu, phần mềm quản lý thư viện và các nguồn cơ sở dữ liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Các danh mục học liệu hiện có cho thấy thư viện đã hình thành nguồn tài liệu thuộc nhiều lĩnh vực kỹ thuật nói chung và ngành Kỹ thuật điện nói riêng như mạch điện, máy điện, khí cụ điện, trang bị điện, hệ thống cung cấp điện, mạng điện, bảo vệ rơ le, tự động hóa trong hệ thống điện, kỹ thuật điện cao áp... Bên cạnh tài liệu bản cứng, một số giáo trình và tài liệu chuyên ngành kỹ thuật điện đã có bản điện tử để người học khai thác. [H7.07.03.03];

[H7.07.03.04]; [H7.07.03.05]; [H7.07.03.06]

Đối với CTĐT Kỹ thuật điện, các nguồn học liệu hiện có có thể hỗ trợ các nhóm nội dung cốt lõi của chương trình như lý thuyết mạch điện, máy điện, cơ sở truyền động điện, cung cấp điện, Hệ thống cung cấp điện cho xí nghiệp công nghiệp và đô thị, Bảo vệ rơ le, Khí cụ điện, Trang bị điện, Quy hoạch hệ thống điện, Điện tử công suất... Giảng viên lựa chọn tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo trong đề cương học phần; Khoa Công nghệ phối hợp với Trung tâm Thông tin – Thư viện rà soát nhu cầu bổ sung, cập nhật tài liệu theo từng học phần và định hướng phát triển CTĐT. [H7.07.03.03]; [H7.07.03.04]; [H7.07.03.07]

Bảng 7.3.2. Kết quả khảo sát dịch vụ thư viện và nhu cầu khai thác học liệu năm 2026

Nội dung đánh giá thư viện năm 2026	**Kết quả**	**Ý nghĩa đối với CTĐT KTĐ**
Mức hài lòng về không gian tự học (Hài lòng + Rất hài lòng)	79,5%	Điều kiện không gian học tập được đánh giá tích cực, hỗ trợ tự học và học nhóm.
Mức hài lòng về hệ thống thư viện số (Hài lòng + Rất hài lòng)	69,7%	Là cơ sở để tiếp tục phát triển học liệu số và trải nghiệm tra cứu trực tuyến.
Mức hài lòng về thư viện điện tử (Hài lòng + Rất hài lòng)	68,8%	Cho thấy cần tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng nguồn tài liệu điện tử.
Giảng viên/nghiên cứu viên truy cập CSDL thường xuyên	98,8%	CSDL trực tuyến có vai trò rõ đối với hoạt động nghiên cứu và giảng dạy.
Giảng viên đánh giá CSDL quốc tế từ “Cần thiết” đến “Rất cần thiết”	100%	Là căn cứ để ưu tiên phát triển CSDL chuyên ngành và tài liệu quốc tế.
Sinh viên sử dụng CSDL thường xuyên	50%	Cần tăng cường hướng dẫn và khuyến khích sinh viên khai thác CSDL.
Sinh viên đánh giá khai thác dữ liệu trực tuyến là quan trọng	98,3%	Phù hợp với định hướng tăng cường năng lực số và tự học của CTĐT QTKD.

Bảng 7.3.3. Nội dung theo dõi nguồn học liệu phục vụ CTĐT Kỹ thuật điện

Nội dung theo dõi	Đơn vị tính	Mục đích sử dụng
Giáo trình/tài liệu bắt buộc theo học phần	đầu tài liệu	Bảo đảm học liệu cốt lõi cho từng học phần.
Tài liệu tham khảo chuyên ngành	đầu tài liệu	Mở rộng kiến thức và phục vụ tự học.
Cơ sở dữ liệu điện tử	CSDL	Phục vụ nghiên cứu khoa học và cập nhật kiến thức.
Học liệu điện tử trên nền tảng số	học liệu	Hỗ trợ học tập ngoài lớp và học tập kết hợp.
Lượt khai thác học liệu	lượt	Đánh giá nhu cầu và hiệu quả sử dụng.
Mức độ hài lòng về thư viện/học liệu	% hoặc điểm	Làm căn cứ cải tiến nguồn học liệu.

Học liệu số được khai thác thông qua hệ thống thư viện điện tử, thư viện số và các nền tảng học tập của Nhà trường. Dữ liệu sử dụng và phản hồi của người học, giảng viên là cơ sở để bổ sung tài liệu có nhu cầu cao và điều chỉnh danh mục học liệu theo từng học phần. [H7.07.03.08]; [H7.07.03.02]; [H7.07.03.03]; [H7.07.03.09]

2. Điểm mạnh

Trung tâm TTTV có nguồn học liệu in và số hóa đa dạng, cập nhật đầy đủ 100% giáo trình và tài liệu tham khảo theo yêu cầu CTĐT ngành Kỹ thuật điện; hạ tầng CNTT thư viện hiện đại ứng dụng RFID và Chatbot AI phục vụ bạn đọc 24/7.

3. Điểm tồn tại

Số lượng tài liệu tham khảo chuyên ngành Kỹ thuật điện bằng tiếng Anh (đặc biệt là các chuẩn IEEE, IEC và sách chuyên khảo quốc tế xuất bản trong 3 năm gần đây) còn hạn chế.

4. **Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng liên kết, chia sẻ học liệu với các thư viện ĐH trong và ngoài nước; phát triển	Trung tâm TTTV chủ trì; Trung tâm CNTT, các đơn vị	Từ năm học 2026–2027

		nguồn học liệu tiếng nước ngoài; từng bước hoàn thiện liên thông dữ liệu thư viện với hệ thống ERP; triển khai sớm các hạng mục trang thiết bị tự động theo kế hoạch đầu tư dài hạn	đào tạo phối hợp	
2	Phát huy thế mạnh	Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng nguồn học liệu đa dạng; cập nhật định kỳ tài nguyên in và số phục vụ CTĐT và NCKH; duy trì khảo sát mức độ hài lòng người dùng hằng năm để cải tiến dịch vụ; phát huy hiệu quả không gian học tập, thư viện số và các nền tảng hỗ trợ trực tuyến	Trung tâm TTTV; các khoa, bộ môn phối hợp	Thường xuyên, hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 7.4: Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường duy trì hạ tầng công nghệ thông tin, mạng Internet, máy tính và các nền tảng số phục vụ quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Hệ thống được vận hành bởi đầu

mối chuyên trách, có hỗ trợ kỹ thuật và các quy định hướng dẫn sử dụng. Hạ tầng mạng được triển khai tại các khu vực học tập và làm việc, tạo điều kiện để người học và giảng viên tiếp cận các nguồn học liệu và dịch vụ số. [H7.07.04.01]; [H7.07.04.02]; [H7.07.04.03]; [H7.07.04.04]

Đối với CTĐT Kỹ thuật điện, hạ tầng số được sử dụng để quản lý đào tạo, cung cấp học liệu, giao nhận bài tập, tổ chức hoạt động học tập kết hợp, xử lý dữ liệu, trình bày kết quả, thực hiện nghiên cứu khoa học và hỗ trợ các hoạt động kết nối doanh nghiệp. Các học phần có nội dung phân tích dữ liệu, đổi mới sáng tạo có nhu cầu khai thác trực tiếp các công cụ công nghệ. Phòng máy tính thực hành chuyên ngành Kỹ thuật điện tại Tòa nhà A6 và I8 với 04 phòng máy (200 máy tính cấu hình Core i7, RAM 16GB, SSD 512GB) được cài đặt sẵn phần mềm AutoCAD Electrical, MATLAB, ETAP, TIA Portal, Proteus,... đáp ứng 100% thời khóa biểu thực hành và thi máy tính của ngành [H1.01.01.01]; [H7.07.04.05]; [H7.07.04.06]

Bảng 7.4.1. Nội dung theo dõi hạ tầng CNTT và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ CTĐT Kỹ thuật điện

Chỉ số	Đơn vị tính	Nội dung theo dõi
Hệ thống quản lý học tập/nền tảng số	hệ thống	Khả năng cung cấp học liệu và hoạt động học tập.
Học phần sử dụng nền tảng số	học phần	Mức độ tích hợp công nghệ vào dạy học.
Học phần có học liệu/hoạt động trên nền tảng số	%	Mức độ bao phủ của học tập số.
Yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật	yêu cầu	Khối lượng và loại sự cố.
Tỷ lệ yêu cầu được xử lý đúng hạn	%	Hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật.
Mức độ hài lòng của người học về CNTT	% hoặc điểm	Căn cứ cải tiến trải nghiệm số.

2. Điểm mạnh

Hạ tầng CNTT được đầu tư đồng bộ, băng thông lớn, có phòng tính toán hiệu năng cao (HPC, AI) và phòng máy trang bị đầy đủ các phần mềm thiết kế/mô phỏng chuyên ngành Kỹ thuật điện hiện đại, phục vụ hiệu quả công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Tích hợp dữ liệu giữa phần mềm quản lý phòng thí nghiệm/thực hành Kỹ thuật điện với hệ thống ERP trung tâm đôi khi còn độ trễ, chưa đạt trạng thái đồng bộ thời gian thực 100%.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ban hành/cập nhật chiến lược và kiến trúc tổng thể chuyển đổi số; xây dựng lộ trình đồng bộ hạ tầng – phần mềm – dữ liệu; tăng cường phối hợp giữa Trung tâm CNTT và các đơn vị để triển khai theo kế hoạch.	Trung tâm TTTV chủ trì; Trung tâm CNTT, các đơn vị đào tạo phối hợp	Từ năm học 2026–2027
2	Phát huy thế mạnh	Rà soát định kỳ hiện trạng hạ tầng/dịch vụ; nghiên cứu công nghệ mới; đề xuất nâng cấp (băng thông, bảo mật, máy chủ); tiếp tục cập nhật phần mềm phòng máy theo nhu cầu CTĐT và hỗ trợ người dùng.	Trung tâm TTTV; các khoa, bộ môn phối hợp	Thường xuyên, hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 7.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học.

1. Mô tả hiện trạng

A, Nhà trường và Khoa Kỹ thuật điện chú trọng xây dựng văn hóa học đường cởi mở, tôn trọng, an toàn và hỗ trợ lẫn nhau. Nhà trường đã ban hành Quy tắc ứng xử và văn hóa học đường [H7.07.05.02] - Quy tắc ứng xử của Trường ĐH Intracom, [H7.07.05.03] - Quy định văn hóa

học đường. Giảng viên ngành Kỹ thuật điện luôn duy trì kênh tư vấn, hỗ trợ sinh viên qua Cố vấn học tập (CVHT), các buổi giao lưu định kỳ giữa Lãnh đạo Khoa với sinh viên.

Sinh viên Kỹ thuật điện sôi nổi tham gia các Câu lạc bộ chuyên ngành và kỹ năng: CLB Nghiên cứu khoa học & Sáng tạo Robot (Intracom Robotics & Automation Club), CLB Tiếng Anh Kỹ thuật, cũng như các hoạt động do Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên tổ chức [H7.07.05.04] - Báo cáo hoạt động CLB SV và phong trào NCKH].

B, Môi trường tương tác ảo (trực tuyến) phục vụ hiệu quả hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH

SV và GV ngành Kỹ thuật điện sử dụng thống nhất hệ thống Email công vụ, Microsoft Teams, Cổng thông tin SV (ERP) và LMS để trao đổi bài giảng, tài liệu thực hành, tư vấn đồ án môn học/khóa luận tốt nghiệp mọi lúc mọi nơi [H7.07.05.06]- Hệ thống giao tiếp trực tuyến và học tập LMS.

C, Cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của người học

Khuôn viên Nhà trường được quy hoạch xanh - sạch - đẹp với hệ thống cây xanh, ghế đá sân trường, khu vực sinh hoạt chung thoáng mát. Các phòng học, phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện được trang bị đầy đủ hệ thống thông gió, chiếu sáng đạt tiêu chuẩn, đảm bảo quy định an toàn lao động và an toàn điện [H7.07.05.01] - Sơ đồ quy hoạch cảnh quan và môi trường học tập]. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trường học đạt 4,35/5,0 điểm [H7.07.05.07] - Kết quả khảo sát mức độ hài lòng về môi trường học tập và cảnh quan năm 2025–2026.

2. Điểm mạnh

Môi trường tâm lý học đường cởi mở; cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp; các CLB học thuật chuyên ngành Kỹ thuật điện hoạt động tích cực, tạo môi trường rèn luyện toàn diện cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Góc không gian trải nghiệm sáng tạo (Maker Space / Innovation Corner) dành riêng cho SV Kỹ thuật điện lắp ráp, thử nghiệm các đồ án ý tưởng cá nhân ngoài giờ học chính khóa diện tích còn tương đối hẹp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bố trí mở rộng không gian "Intracom Electrical Maker Space" tại Tòa I8 trang bị thêm dụng cụ gia công/lắp ráp mạch phục vụ SV NCKH	Khoa công nghệ., phòng CSVC	Từ năm học 2026–2027
2	Phát huy thế mạnh	Duy trì và mở rộng quy mô các hội thi Sáng tạo Kỹ thuật Robot, Ý tưởng Năng lượng xanh trong sinh viên.	Khoa công nghệ, Đoàn thanh niên	Thường xuyên, hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 7.6: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có)

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định và triển khai các yêu cầu về vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, an ninh, an toàn sử dụng cơ sở vật chất, chăm sóc sức khỏe và các điều kiện liên quan. Công tác kiểm tra, bảo trì, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường được thực hiện định kỳ; trách nhiệm của các đơn vị được phân công rõ ràng. [H7.07.06.01]; [H7.07.06.02]

Trong tổ chức đào tạo CTĐT Kỹ thuật điện, phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm, thực hành, thiết bị và nền tảng số được sử dụng theo yêu cầu an toàn. Nhà trường chú trọng an toàn điện, phòng cháy chữa cháy, lối thoát hiểm, điều kiện ánh sáng, điều hòa và an toàn khi sử dụng thiết bị công nghệ. Đối với người học có nhu cầu hỗ trợ đặc thù, Khoa Công nghệ phối hợp với đơn vị chức năng xem xét điều kiện tiếp cận cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ phù hợp. [H7.07.06.03]; [H7.07.06.04]; [H7.07.06.05]

Bảng 7.6.1. Nội dung theo dõi môi trường, sức khỏe và an toàn

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả cần theo dõi
Kiểm tra an toàn/PCCC	đợt/năm	Số đợt và nội dung kiểm tra.
Vấn đề phát hiện và đã xử lý	vấn đề	Số lượng, nguyên nhân và kết quả xử lý.
Phản ánh về môi trường học tập được xử lý đúng hạn	%	Mức độ đáp ứng.
Mức độ hài lòng về môi trường học tập	% hoặc điểm	Phản hồi của người học.
Trường hợp hỗ trợ nhu cầu đặc thù	trường hợp	Số trường hợp và phương án hỗ trợ.

2. Điểm mạnh

- Có hệ thống quy định và phân công trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn.
- Công tác kiểm tra, bảo trì và phòng cháy chữa cháy được tổ chức định kỳ.
- Có khả năng xem xét và hỗ trợ nhu cầu đặc thù của người học theo từng trường hợp.

3. Điểm tồn tại

- Việc tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý và hỗ trợ theo từng năm học cần được chuẩn hóa hơn để phục vụ theo dõi cải tiến.
- Cần tăng cường truyền thông để người học chủ động tiếp cận các dịch vụ y tế, hỗ trợ sức khỏe và hướng dẫn an toàn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát chất lượng vệ sinh tại các khu vực sử dụng cao; tăng cường cơ chế giám sát, nghiệm thu dịch vụ trong thời điểm cao điểm (mùa mưa, cao điểm học tập) nhằm bảo đảm tiến độ xử lý phát sinh đồng đều trong toàn khuôn viên	Nhà trường Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2026–2027

2	Phát huy thế mạnh	-Tăng cường truyền thông về dịch vụ khám và sàng lọc sức khỏe tâm thần cho SV giữa các đợt khảo sát thông qua website, email SV, cố vấn học tập và hoạt động hỗ trợ SV. - Duy trì cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý môi trường – an toàn – sức khỏe, bảo đảm vận hành thống nhất theo chu trình PDCA	Phòng Truyền thông và các đơn vị liên quan	Thường xuyên, hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 7.7: Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng kế hoạch, bảo trì, đánh giá CSVC, cơ sở hạ tầng cho Văn phòng [H7.07.07.01]. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H7.07.07.01].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định về năng lực, vị trí việc làm, tiêu chuẩn tuyển dụng và tiêu chí đánh giá đối với đội ngũ hỗ trợ CSVC và trang thiết bị [H7.07.07.02].

Đội ngũ hỗ trợ được phân nhóm theo chức năng, nhiệm vụ và đặc thù công việc; mỗi vị trí đều có bản mô tả công việc chi tiết, xác định rõ yêu cầu về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, năng lực kỹ thuật, năng lực ứng dụng CNTT và năng lực hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH; nhóm kỹ thuật hạ tầng phụ trách vận hành hệ thống điện, nước, PCCC; nhóm hỗ trợ giảng dạy số, phụ trách quản trị hệ thống LMS, phần mềm dạy học trực tuyến, hỗ trợ kỹ thuật Studio/phòng học đa phương tiện (02 người); nhóm hỗ trợ về hạ tầng CNTT (02 người). Nhà

trường cụ thể hóa việc vận hành CSVC bằng các quy trình làm việc khoa học và thống nhất giữa các bộ phận chức năng như quy trình quản lý giảng đường, quy trình công tác an toàn, vệ sing lao động, PCCC, quy trình quản lý thiết bị,....

Nguồn nhân lực để thực hiện việc xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC chủ yếu tập trung ở Văn phòng; luôn duy trì đội ngũ kỹ sư, NV kỹ thuật, NV quản lý giảng đường trực tiếp thực hiện công tác quản lý, duy trì, điều phối hệ thống cấp điện, nước, âm thanh, ánh sáng, camera giám sát, thang máy, hệ thống xử lý nước thải, PCCC và cứu nạn cứu hộ, hệ thống BMS của tòa nhà, giảng đường… đảm bảo vận hành hiệu quả, ổn định và an toàn.

Bảng 7.7.4: Tổng hợp nhân sự Văn phòng giai đoạn 2022 – 2026

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026
Tổng số nhân sự	5	5	5	5	14
CBQL	3	3	2	2	1
Kỹ sư	1	1	1	1	5
NV kỹ thuật, NV giảng đường, nhân sự về hạ tầng CNTT, quản trị hệ thống LMS. Elearning	1	1	1	1	5
Nhân viên HCQT, quản trị tài sản-thiết bị	1	1	1	1	2

Bảng trên cho thấy, theo quy mô phát triển của Nhà trường, đội ngũ nhân sự hỗ trợ về CSVC và tranh thiết bị không ngừng được bổ sung về số lượng và chất lượng; đội ngũ nhân viên kỹ thuật đều có trình độ từ Cao đẳng trở lên và kỹ sư được ưu tiên tuyển dụng bổ sung để đáp ứng yêu cầu về hệ thống trang thiết bị hiện đại (năm 2026 bổ sung 2 kỹ sư vận hành).

Nhà trường đã thiết lập quy trình đánh giá năng lực định kỳ hàng năm đối với đội ngũ hỗ trợ CSVC và trang thiết bị thông qua đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc theo vị trí việc làm và phản hồi của CBLQ. [H7.07.07.03]. Kết quả đánh giá được

sử dụng làm căn cứ cho công tác thi đua, khen thưởng, bố trí nhân sự và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

Thời gian phản hồi sự vụ/xử lý sự cố kỹ thuật nhanh, kịp thời; nhận được sự đánh giá phản hồi tích cực và sự hài lòng của CB, GV, SV về công tác hỗ trợ kỹ thuật và vận hành CSVC của Nhà trường. Quá trình ghi nhận phản hồi được phân loại theo dõi giữa đánh giá của CB, GV đối với thiết bị giảng dạy và phản hồi của SV về chất lượng giảng đường, phòng tự học, thư viện,.. qua đây có đánh giá chính xác về hiệu quả sử dụng và năng lực đáp ứng của đội ngũ hỗ trợ vận hành CSVC. Hệ thống tiếp nhận phản hồi linh hoạt, hiện đại qua các kênh tiếp nhận (Hotline, Email,...). Báo cáo khảo sát sự hài lòng của SV các khóa K15 – K18 cho thấy nhìn chung SV đều đánh giá ở mức độ hài lòng và rất hài lòng đối với CSVC.

Quản lý việc thực hiện nhiệm vụ là một quá trình gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được thực hiện thành công, đóng góp vào mục tiêu chung của Trường. Nhà trường có quy định về quản lý nhân sự; quy định, quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CBQL, GV, NV căn cứ từ các quy định pháp luật về đánh giá xếp loại người lao động và các văn bản nội bộ của Nhà trường [H6.07.07.04]. Trường quy định nguyên tắc đánh giá công việc của NLĐ phải đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác.

2. Điểm mạnh

- Xác định rõ yêu cầu năng lực đối với từng vị trí.
- Đội ngũ có trình độ và kinh nghiệm phù hợp.
- Quy trình đánh giá được thực hiện định kỳ, minh bạch
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm

3. Điểm tồn tại

- Một số vị trí kỹ thuật chuyên sâu cần tiếp tục được đào tạo để đáp ứng yêu cầu công nghệ mới.
- Nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường đào tạo chuyên sâu; thu hút nhân lực chất lượng cao; cải thiện chất lượng dịch vụ hỗ trợ dựa trên phản hồi của CBLQ.	Phòng TC-PC Văn phòng	Từ năm học 2026–2027
2	Phát huy thế mạnh	Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật khung năng lực	Phòng TC-PC	Thường xuyên, hằng năm

5. ***Tự đánh giá:*** **Mức đạt được của tiêu chí:**

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 7.8: Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá chất lượng CSVC phục vụ đào tạo theo hướng định kỳ, có sự tham gia của CBLQ, nhằm bảo đảm CSVC đáp ứng yêu cầu tổ chức và triển khai CTĐT ngành…. Việc đánh giá tập trung vào các hạng mục trọng yếu như thư viện, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, ký túc xá, sân bãi thể thao và các dịch vụ hỗ trợ người học. Báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CSVC được thực hiện hàng năm [H7.07.08.01].

Hằng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV và GV về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và các đơn vị liên quan đến CSVC phục vụ đào tạo. Các kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm căn cứ cho việc cải tiến CSVC, trong đó có các nội dung liên quan trực tiếp đến nhu cầu học tập và thực hành của SV ngành Kỹ thuật điện [H7.07.08.02], [H7.07.08.03].

Bên cạnh đó, Trường thực hiện khảo sát, lấy ý kiến CBLQ (người học, GV, CBQL, NV) về điều kiện CSVC và môi trường phục vụ đào tạo theo kế hoạch ĐBCL hằng năm. Các báo cáo khảo sát này phản ánh mức độ đáp ứng của CSVC đối với hoạt động giảng dạy, học tập và

NCKH, là cơ sở quan trọng cho công tác quản lý và cải tiến chất lượng [H7.07.08.02], [H7.07.08.03].

Đối với thư viện – một hạng mục CSVC đặc biệt quan trọng trong đào tạo ngành Kỹ thuật điện, Trung tâm TTTV thực hiện khảo sát chuyên sâu về chất lượng phục vụ, khả năng đáp ứng tài liệu, CSDL và dịch vụ hỗ trợ học tập. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và báo cáo định kỳ, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác CSVC thư viện phục vụ CTĐT [H7.07.08.04].

Trên cơ sở kết quả đánh giá và khảo sát ý kiến CBLQ, Nhà trường triển khai các hoạt động cải tiến và nâng cấp CSVC theo chu kỳ nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện. Các nội dung cải tiến được tổng hợp trong Báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng và được theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành qua từng năm học [H7.07.08.07].

Nhà trường đồng thời xây dựng và triển khai các kế hoạch cải tiến chất lượng tổng thể, trong đó xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên, bao gồm CSVC, hạ tầng CNTT, thư viện và dịch vụ hỗ trợ đào tạo. Các kế hoạch này thể hiện cam kết của Trường trong việc đầu tư, nâng cấp CSVC phục vụ người học và GV, đảm bảo sự phù hợp với định hướng phát triển CTĐT. Bên cạnh đó, Nhà trường đầu tư và mở rộng hệ thống CSDL học thuật trực tuyến, phục vụ đào tạo và NCKH. Việc ký kết hợp đồng sử dụng CSDL ProQuest Central và kết nối, khai thác tài nguyên thư viện số của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng yên, thông qua tài khoản … giúp GV và SV ngành Kỹ thuật điện tiếp cận nguồn tài liệu học thuật chất lượng cao, hỗ trợ hiệu quả cho đào tạo trực tuyến và NCKH [H7.07.08.08], [H7.07.08.09].

Phản hồi của CBQL, GV và NV là căn cứ để Nhà trường triển khai các hoạt động cải thiện môi trường làm việc tốt hơn [H7.07.08.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ CB tham gia công tác phục vụ, hỗ trợ SV và GV, thông qua các kế hoạch cải tiến hoạt động phục vụ và bồi dưỡng năng lực chuyên môn. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả khai thác CSVC trong đào tạo [H7.07.08.11].

2. Điểm mạnh

Có hệ thống khảo sát, đánh giá CSVC định kỳ với sự tham gia của nhiều bên liên quan.

Các kết quả đánh giá được sử dụng thực chất cho hoạt động cải tiến chất lượng.

Thư viện và hạ tầng học liệu số được quan tâm đầu tư, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo ngành Kỹ thuật điện

Chủ động nghiên cứu và tích hợp công nghệ mới trong đào tạo trực tuyến và đảm bảo liêm chính học thuật.

3. Điểm tồn tại

Việc liên kết kết quả khảo sát CSVC với từng học phần hoặc nhóm học phần đặc thù của CTĐT ngành Kỹ thuật điện chưa được thể hiện rõ trong một số báo cáo.

Một số hoạt động đánh giá hiệu quả CSVC mới dừng ở mức toàn trường, chưa có báo cáo chuyên sâu cho từng CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hằng năm, cần khảo sát CSVC với từng học phần hoặc nhóm học phần đặc thù của CTĐT ngành Kỹ thuật điện	Văn phòng	Từ năm học 2026–2027
2	Phát huy thế mạnh	Hoàn thiện hệ thống đánh giá CSVC theo hướng gắn chặt hơn với nhu cầu của từng CTĐT; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong đào tạo trực tuyến; đồng thời theo dõi, đánh giá hiệu quả các hoạt động cải tiến CSVC nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành	Văn phòng	Thường xuyên, hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Kết luận về tiêu chuẩn 7:

Tiêu chuẩn 7 về cơ sở hạ tầng, CSVC và trang thiết bị cho thấy Nhà trường đã đầu tư khá đồng bộ, hiện đại và có định hướng phát triển lâu dài nhằm phục vụ tốt hoạt động đào tạo, NCKH và hỗ trợ người học. Trước hết, nhà trường có hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng, phòng thực hành và khu thể thao tương đối phong phú, được trang bị cơ bản đầy đủ các thiết bị cần thiết như máy chiếu, âm thanh, điều hòa, wifi và hệ thống quản lý, bảo trì định kỳ. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai CTĐT cũng như các hoạt động học tập và nghiên cứu. Đối với phòng thực hành, PTN và thư viện, Trường đã có hệ thống phòng máy dùng chung với cấu hình phù hợp, phần mềm chuyên ngành đáp ứng nhu cầu đào tạo, cùng với thư viện hiện đại kết hợp giữa tài liệu in và thư viện số. Trung tâm TTTV được tổ chức bài bản, có diện tích lớn, không gian học tập đa dạng, nguồn học liệu phong phú bằng nhiều ngôn ngữ và được hỗ trợ bởi các nền tảng số. Môi trường học tập, cảnh quan và điều kiện an toàn, sức khỏe cũng được chú trọng xây dựng thông qua không gian xanh, môi trường giao tiếp thân thiện, các hoạt động hỗ trợ tâm lý – xã hội, cùng hệ thống quản lý môi trường, y tế, an ninh, an toàn lao động và PCCC theo hướng bài bản, có cải tiến liên tục.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm cần hoàn thiện như: một số hoạt động khảo sát phản hồi chưa đều đặn ở tất cả hạng mục; chưa có đầy đủ không gian thực hành chuyên biệt cho từng đơn vị; liên thông dữ liệu và mức độ đồng bộ giữa các hệ thống còn cần nâng cao.

Nhìn chung, Trường đã xây dựng được hệ thống cơ sở hạ tầng, CSVC và trang thiết bị tương đối hiện đại, đầy đủ và phù hợp với yêu cầu đào tạo, NCKH và hỗ trợ người học. Mặc dù vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục khắc phục để tăng tính chuyên sâu và đồng bộ, nhưng xét tổng thể cả 8/8 tiêu chí của Tiêu chuẩn 7 đều đạt yêu cầu, phản ánh năng lực bảo đảm điều kiện vật chất khá tốt cho việc triển khai CTĐT và nâng cao chất lượng giáo dục.

Số tiêu chí được đánh giá Đạt: 8/8

Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đầu ra

Mở đầu

Việc xác lập, giám sát, đối sánh kết quả đầu ra để cải tiến chất lượng được Nhà trường và Khoa luôn chú trọng. Đây là một tiêu chuẩn quan trọng phục vụ cho việc xem xét đạt mục tiêu chương trình, tiến hành điều chỉnh và cải tiến CTĐT. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện các công việc nhằm giám sát việc đạt được CĐR, tổ chức theo dõi, thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ thôi học, lượng NH có thăng tiến trong công việc cũng như các kết nối chặt chẽ với học viên sau tốt nghiệp.

Các hoạt động NCKH của người học được quy định với các trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của CTĐT, hướng nghiên cứu của Nhà trường được lên kế hoạch hằng năm và khuyến khích thực hiện.

Tiêu chí 8.1. Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của NH được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Intracom, CTĐT đã xác lập các chỉ số kết quả đào tạo cốt lõi bao gồm: tỷ lệ SVtốt nghiệp, tỷ lệ SVthôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, làm cơ sở cho công tác theo dõi, giám sát và cải tiến chất lượng đào tạo [H8.08.01.01], [H8.08.01.02].

Theo quy định hiện hành, tỷ lệ tốt nghiệp được xác định là tỷ lệ người học hoàn thành chương trình trong khoảng thời gian không chậm quá 02 năm so với thời gian đào tạo chuẩn, phù hợp với cách tính được quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; đồng thời, tỷ lệ tốt nghiệp trước hạn được xác định là tỷ lệ người học tốt nghiệp sớm hơn so với thời gian đào tạo chuẩn của chương trình. Việc áp dụng thống nhất cách tính này bảo đảm tính minh bạch, khả năng so sánh và đối sánh các chỉ số kết quả đào tạo của từng CTĐT.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong việc quản lý và giám sát các chỉ số kết quả đào tạo. Trong đó, Phòng QLĐTđược phân công là đơn vị đầu mối xây dựng và tham mưu kế hoạch đào tạo năm học, quản lý hệ thống dữ liệu đào tạo và theo dõi tỷ lệ SVtốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các

CTĐT; Phòng CTSV phối hợp theo dõi tình hình học tập của sinh viên; Khoa chuyên môn và cố vấn học tập trực tiếp theo dõi tiến độ học tập và kết quả học tập của SVthuộc các CTĐT do Khoa quản lý [H8.08.01.03], [H8.08.01.04].

Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng QLĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi tới các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý. Trong đó, Khoa chuyên môn được yêu cầu phân tích dữ liệu học tập của SVcác khóa đang đào tạo và dự báo tỷ lệ SVtốt nghiệp, tỷ lệ SVthôi học của các CTĐT. Trên cơ sở thống nhất với bộ môn, giảng viên và cố vấn học tập, khoa gửi báo cáo dự báo về Phòng CTSV và Phòng QLĐT để tổng hợp, trình Ban Giám hiệu xem xét, phê duyệt. Kế hoạch đào tạo năm học được ban hành chính thức, niêm yết công khai và đăng tải trên website của Trường, làm căn cứ để tổ chức thực hiện và giám sát [H8.08.01.05], [H8.08.01.06].

Để bảo đảm việc triển khai kế hoạch đào tạo năm học đúng tiến độ, Nhà trường ban hành các quy định về theo dõi, giám sát hoạt động đào tạo. Bộ phận kiểm tra nội bộ Phòng TC-NS thực hiện giám sát hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên, định kỳ báo cáo kết quả giám sát; đồng thời tổ chức thanh tra theo kế hoạch hoặc đột xuất khi cần thiết [H8.08.01.07]. Phòng QLĐT quản lý hệ thống phần mềm đào tạo, cập nhật đầy đủ thông tin người học, kết quả học tập, đăng ký học phần, cảnh báo học vụ, SVđủ điều kiện xét tốt nghiệp và SVthôi học [H08.08.01.08].

Hệ thống cơ sở dữ liệu đào tạo cho phép trích xuất, tổng hợp và phân tích dữ liệu theo năm học, theo khóa và theo các CTĐT, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi xu hướng biến động của tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình [H8.08.01.08]. Định kỳ từng học kỳ, Phòng QLĐT tổng hợp và báo cáo số liệu về kết quả học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của SVtới Ban Giám hiệu và các đơn vị liên quan để kịp thời điều chỉnh kế hoạch đào tạo và biện pháp hỗ trợ người học [H8.08.01.09]. Phòng CTSV thông qua đội ngũ CBQL lớp tổ chức triển khai công tác đánh giá kết quả rèn luyện của SVtheo quy định; đồng thời thiết lập các kênh thông tin của lớp và định kỳ tổ chức sinh hoạt lớp nhằm theo dõi tình hình học tập, rèn luyện, kịp thời nắm bắt diễn biến của từng lớp và hỗ trợ SVgiải quyết các khó khăn phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện. Định kỳ từng học kỳ, Phòng CTSV phối hợp với các khoa chuyên môn tổ chức chấm điểm rèn luyện, tổng hợp và báo cáo kết quả rèn luyện của SVtoàn Trường, làm căn cứ phục vụ công tác quản lý người học và hỗ trợ theo dõi, đánh giá các chỉ số kết quả đào tạo của CTĐT [H8.08.01.10], [H8.08.01.11], [H8.08.01.12].

Căn cứ số liệu tại Phụ lục 35.1, tình hình tốt nghiệp và thôi học của SV ngành KTĐ được thể hiện theo các khóa tuyển sinh như đối với khóa tuyển sinh năm 2021, có 27 SV nhập học, trong đó 0 SV thôi học (chiếm 0%). Số SV tốt nghiệp là 0, trong đó 0% tốt nghiệp. Đối với khóa tuyển sinh năm 2022, có 16 SV nhập học, 02 SV thôi học (12,5%). Có 0 SV tốt nghiệp. Đối với khóa tuyển sinh năm 2023, có 13 SV nhập học, trong đó có 03 SV thôi học (chiếm 23,1%). Số SV tốt nghiệp là 36, trong đó 100% tốt nghiệp đúng hạn, không ghi nhận trường hợp tốt nghiệp muộn; thời gian tốt nghiệp trung bình là 4 năm, tương đương với thời gian đào tạo chuẩn. Đối với khóa tuyển sinh năm 2024, có 12 SV nhập học, trong đó có 03 SV thôi học (chiếm 25%). Số SV tốt nghiệp là 31, trong đó 100% tốt nghiệp đúng hạn, không ghi nhận trường hợp tốt nghiệp muộn; thời gian tốt nghiệp trung bình là 4 năm, tương đương với thời gian đào tạo chuẩn. Đối với khóa tuyển sinh năm 2025, có 16 SV nhập học, trong đó có 01 SV thôi học (chiếm 6,3%). Số SV tốt nghiệp là 10, trong đó 100% tốt nghiệp đúng hạn, không ghi nhận trường hợp tốt nghiệp muộn; thời gian tốt nghiệp trung bình là 4 năm, tương đương với thời gian đào tạo chuẩn. Đối với khóa tuyển sinh năm 2026, có 6 SV nhập học, trong đó có 01 SV thôi học (chiếm 16,67%). Số SV tốt nghiệp là 12, trong đó 100% tốt nghiệp đúng hạn, không ghi nhận trường hợp tốt nghiệp muộn; thời gian tốt nghiệp trung bình là 4 năm, tương đương với thời gian đào tạo chuẩn.

Tỷ lệ thôi học trong các năm dao động từ 0% đến 25%. Phân tích từ dữ liệu cố vấn học tập và hệ thống quản lý đào tạo cho biết một vài SV thôi học do học lực chưa đáp ứng yêu cầu (nợ học phần, GPA thấp), lý do nguyên nhân cá nhân (tài chính, hoàn cảnh gia đình, định hướng nghề nghiệp thay đổi…), chuyển ngành/chuyển trường, hoặc các nguyên nhân khác về sức khỏe, tâm lý.

Công tác tư vấn học tập và theo dõi tiến độ học tập của SV được thực hiện thông qua đội ngũ cố vấn học tập thuộc các khoa chuyên môn. Cố vấn học tập có trách nhiệm tư vấn lựa chọn và đăng ký học phần, theo dõi, giám sát tiến độ học tập của sinh viên; phối hợp với các đơn vị chức năng triển khai cảnh báo học vụ và hỗ trợ SVcó nguy cơ học tập yếu kém hoặc thôi học [H8.08.01.13].

Đối với thời gian tốt nghiệp trung bình, trong nội dung CTĐT của Khoa đã được phê duyệt đều xác định rõ thời gian đào tạo chuẩn và thời gian học tập tối đa. Các khoa chuyên môn xây dựng tiến trình đào tạo của từng CTĐT, CBQL lớp hướng dẫn SV chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân nhằm hoàn thành chương trình theo đúng thời gian quy định

[H8.08.01.14], [H8.08.01.15]. Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì theo dõi, giám sát và đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình thực tế với thời gian đào tạo chuẩn, với kết quả của các năm học trước và với các CTĐT tương đồng của các cơ sở giáo dục đại học khác [H8.08.01.16].

Khi thực hiện đối sánh nội bộ, CTĐT ngành KTĐ có xu hướng cải thiện nhanh hơn so với một số ngành khác trong giai đoạn gần đây, đặc biệt về tỷ lệ tốt nghiệ đúng hạn và thời gian tốt nghiệp trung bình. Đối sánh với các CTĐT ngành KTĐ tại một số cơ sở giáo dục đại học trong nước cho thấy: Thời gian tốt nghiệp trung bình phổ biến từ 4,0 – 5,0 năm, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn dao động từ 80–90%. Kết quả của CTĐT ngành KTĐ tại Trường trong các khóa gần đạt mức tương đương hoặc tốt hơn.

Kết quả theo dõi, giám sát và đối sánh trong giai đoạn đánh giá cho thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp của các CTĐT nhìn chung duy trì ở mức ổn định, tỷ lệ thôi học được kiểm soát và có xu hướng cải thiện; thời gian tốt nghiệp trung bình cơ bản phù hợp với thời gian đào tạo chuẩn của chương trình. Trên cơ sở đó, Nhà trường và khoa chuyên môn tổ chức các cuộc họp giao ban, hội nghị tổng kết và sinh hoạt chuyên môn để phân tích nguyên nhân các biến động liên quan đến kết quả đào tạo và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp nhằm nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của NH [H8.08.01.17].

Trong giai đoạn 2021-2026, Nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp cải tiến, trọng tâm là rà soát, điều chỉnh các CTĐT theo yêu cầu xã hội và tăng cường hỗ trợ học tập cho sinh viên. Theo quy định của từng CTĐT, SV phải đáp ứng đầy đủ CĐR, bao gồm chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ và Kỹ năng mềm để được xét tốt nghiệp [H08.08.01.18], [H8.08.01.19].

Việc áp dụng các biện pháp cải tiến đã góp phần nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT; tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV toàn Trường duy trì trên 90%. Tuy nhiên, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn ở một số CTĐT, đặc biệt là KTĐ, vẫn chưa đạt kỳ vọng, trong khi tỷ lệ tốt nghiệp sau thời hạn một năm có xu hướng cải thiện rõ rệt [H08.08.01.20].

Tóm lại, trong giai đoạn 2021–2026, số liệu của các khóa có sinh viên tốt nghiệp cho thấy xu hướng cải thiện về tiến độ học tập (tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn tăng, thời gian tốt nghiệp giảm), tuy nhiên tỷ lệ thôi học vẫn cần tiếp tục kiểm soát, đặc biệt ở các khóa có quy mô tuyển sinh lớn.

2. Điểm mạnh

- Các chỉ số đầu ra được xác lập rõ ràng và theo dõi bằng hệ thống dữ liệu tập trung.
- Có số liệu cụ thể riêng cho CTĐT ngành KTĐ và được phân tích theo từng khóa.

- Có hoạt động đối sánh và sử dụng kết quả để cải tiến.
- Có sự phối hợp giữa các đơn vị và cố vấn học tập trong giám sát người học.

3. Điểm tồn tại

- Phân tích nguyên nhân thôi học chưa đi sâu theo từng nhóm đối tượng cụ thể.
- Hoạt động đối sánh ngoài chưa được thực hiện thường xuyên và hệ thống.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phân tích nguyên nhân SV thôi học và đề xuất giải pháp cụ thể trong các cuộc họp giao ban, hội nghị và hội thảo chuyên môn	Phòng QLĐT (chủ trì); Phòng CTSV; Khoa CN	Từ năm học 2026-2027
		Thực hiện thường xuyên và hệ thống hoạt động đối sánh ngoài để rút ra điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó tìm giải pháp khắc phục	Khoa CN	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì, cập nhật hệ thống CSDL đào tạo tập trung phục vụ theo dõi, giám sát các chỉ số kết quả đào tạo	Phòng QLĐT (chủ trì); Phòng CTSV; Khoa CN	Hằng năm
		Phát huy vai trò phối hợp giữa các đơn vị trong công tác theo dõi tiến độ học tập và hỗ trợ SV		

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 8.2 (Tiêu chí điều kiện): Tỷ lệ việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, học nâng cao trình độ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT và hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, khả năng có việc làm của người học sau tốt nghiệp được xác định là một trong những chỉ số kết quả đầu ra quan trọng của CTĐT ngành KTĐ. Các chỉ số này được tiếp cận theo hướng đa chiều, bao gồm: tỷ lệ có việc làm, tỷ lệ việc làm phù hợp với ngành đào tạo, tỷ lệ tự tạo việc làm, tham gia khởi nghiệp và tỷ lệ học nâng cao trình độ, qua đó phản ánh mức độ đáp ứng của CTĐT đối với yêu cầu của thị trường lao động [H08.08.02.01].

Việc xây dựng và phê duyệt các chỉ tiêu được thực hiện trong quá trình lập kế hoạch đào tạo hằng năm với sự tham gia của Phòng QLĐT, Phòng CTSV và Khoa Công nghệ. Các chỉ tiêu được xác lập trên cơ sở dữ liệu khảo sát các khóa trước, nhu cầu thị trường lao động và kết quả đối sánh với các CTĐT tương đồng. Trong đó, các mục tiêu được xác định gồm tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng đạt từ 85% trở lên; tỷ lệ việc làm đúng ngành đạt từ 70% trở lên [H08.08.02.02], [H08.08.02.03].

Quy trình thu thập thông tin việc làm được triển khai theo hệ thống quản lý chất lượng của Nhà trường, bảo đảm tính chuẩn hóa và kiểm soát chất lượng dữ liệu. Quy trình bao gồm các bước: lập kế hoạch khảo sát, cập nhật dữ liệu người học tốt nghiệp, triển khai khảo sát đa kênh (trực tuyến, điện thoại, mạng xã hội), kiểm tra và chuẩn hóa dữ liệu, phân tích và báo cáo. Thời điểm khảo sát chính được thực hiện sau 12 tháng tốt nghiệp, với tần suất hằng năm và có khảo sát bổ sung sau 6 tháng khi cần thiết. Công cụ hỗ trợ bao gồm hệ thống quản lý sinh viên, các nền tảng khảo sát trực tuyến và các phần mềm phân tích dữ liệu, cho phép theo dõi diễn biến việc làm theo từng năm và từng khóa. Trong đó, Phòng CTSV là đơn vị đầu mối tổ chức khảo sát, phối hợp với các đơn vị Khoa chuyên môn trong đó có Khoa Công nghệ trong việc cập nhật thông tin người học, triển khai khảo sát bằng nhiều phương thức nhằm nâng cao tỷ lệ phản hồi [H08.08.02.04], [H08.08.02.05].

Dữ liệu việc làm của người học được xây dựng theo cấu trúc hệ thống, bao gồm thông tin cá nhân, tình trạng việc làm, đặc điểm công việc, mức độ phù hợp với ngành đào tạo, thu nhập và nhu cầu học nâng cao. Dữ liệu khảo sát được phân tích nhằm phản ánh xu hướng phát triển nghề nghiệp của người học sau khi ra trường; kết quả được tổng hợp, báo cáo Ban Giám hiệu, và công bố công khai trên website của Trường [H08.08.02.06], [H08.08.02.07]. Dữ liệu được lưu

trữ tập trung trên hệ thống thông tin của Nhà trường, có phân quyền truy cập theo cấp quản lý và chức năng sử dụng, đồng thời áp dụng các biện pháp bảo mật, sao lưu định kỳ và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định hiện hành.

Căn cứ số liệu tại Phụ lục 35.2, tình trạng việc làm của người học tốt nghiệp ngành KTĐ trong giai đoạn đánh giá cho thấy tỷ lệ tham gia khảo sát đạt 100% ở năm 2025 có dữ liệu. Trong số người học phản hồi, tỷ lệ có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn đạt mức cao, đạt 74,4%, cho thấy người học có khả năng tiếp cận việc làm đúng ngành đào tạo hiệu quả. Xét về thời gian tìm việc, phần lớn người học có việc làm trong thời gian ngắn sau tốt nghiệp, trong đó khoảng 87% có việc làm trong vòng dưới 6 tháng và chỉ khoảng 16,7% tìm được việc trong khoảng 6–12 tháng. Điều này phản ánh khả năng thích ứng nhanh của người học với thị trường lao động. Năm 2024, tỷ lệ người học làm việc trong khu vực tư nhân chiếm 93,1%, trong khi khu vực có yếu tố nước ngoài chiếm khoảng 3,8% và không có người học làm việc trong khu vực nhà nước. Xu hướng này phù hợp với đặc điểm phát triển của ngành KTĐ trong bối cảnh thị trường lao động hiện nay. Về chất lượng việc làm, thu nhập bình quân của người học đạt khoảng 8,36 triệu đồng/tháng vào năm 2024. Tuy nhiên, dữ liệu khảo sát chưa ghi nhận trường hợp người học tự tạo việc làm hoặc tham gia khởi nghiệp, trong khi tỷ lệ học nâng cao trình độ còn ở mức thấp (khoảng 11,1%).

Trên cơ sở dữ liệu khảo sát, Phòng CTSV thực hiện đối sánh tỷ lệ người học có việc làm thực tế với chỉ tiêu đã xác lập trong kế hoạch đào tạo năm học, đồng thời đối sánh với tỷ lệ việc làm của các CTĐT tương đồng trong đó có ngành KTĐ tại một số cơ sở giáo dục đại học khác. Kết quả đối sánh được báo cáo tại các cuộc họp giao ban giữa Ban Giám hiệu với lãnh đạo các đơn vị và được sử dụng làm căn cứ đề xuất các biện pháp cải tiến [H08.08.02.08].

Kết quả đối sánh tỷ lệ việc làm và việc làm đúng ngành của CTĐT ngành KTĐ đạt mức tương đương hoặc cao hơn so với mặt bằng chung (80–85%), trong khi mức thu nhập khởi điểm nằm trong khoảng trung bình của ngành. Kết quả đối sánh được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh CTĐT, tăng cường học phần thực hành và hoạt động kết nối doanh nghiệp.

Các kết quả giám sát và đối sánh được báo cáo định kỳ và sử dụng làm căn cứ triển khai các hoạt động cải tiến. Trên cơ sở đó, Khoa đã tăng cường kết nối doanh nghiệp, mở rộng cơ hội thực tập, bổ sung nội dung đào tạo về kỹ năng hành nghề, kinh doanh và định hướng học tập nâng cao. Đồng thời, Nhà trường, Phòng CTSV triển khai các hoạt động hỗ trợ bao gồm tổ chức Ngày hội việc làm, và hệ thống "Bản tin tuyển dụng" trên fanpage "Tư vấn và Hỗ trợ sinh viên",

tổ chức các chương trình tư vấn hướng doanh nghiệp và hỗ trợ thực tập. Đồng thời, Nhà trường chú trọng phát triển các chương trình hỗ trợ tự tạo việc làm và khởi nghiệp thông qua đào tạo kỹ năng đổi mới sáng tạo, ươm tạo ý tưởng khởi nghiệp, kết nối quỹ đầu tư và doanh nghiệp, cũng như tư vấn lộ trình học tập nâng cao trình độ cho người học có định hướng học thuật [H08.08.02.09], [H08.08.02.10].

Ngoài ra, kết quả khảo sát liên quan đến việc khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của người học sau tốt nghiệp được Phòng CTSV chia sẻ với Khoa để phục vụ công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành KTĐ. Trên cơ sở đó, Khoa tăng cường các học phần về kỹ năng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, phương pháp học tập suốt đời và định hướng học tập ở bậc cao hơn, góp phần nâng cao năng lực thích ứng nghề nghiệp và phát triển bền vững của người học sau tốt nghiệp [H08.08.02.11].

Mối quan hệ giữa cựu người học và nhà sử dụng lao động được duy trì và phát triển như một cấu phần quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường. Định kỳ, Phòng CTSV xây dựng và kế hoạch tổ chức chương trình gặp mặt nhằm tăng cường sự gắn kết của cựu SVvới Nhà trường, tạo không gian trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp và định hướng phát triển cho người học hiện tại. Hệ thống Ban liên lạc cựu SVđược thành lập và duy trì ở cấp Khoa, cấp Trường từ đó mạng lưới cựu SVngành KTĐ đang được duy trì và phát triển, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin phản hồi, hỗ trợ khảo sát và kết nối việc làm. Các hoạt động giao lưu, tọa đàm nghề nghiệp và kết nối doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ người học và cải tiến CTĐT [H08.08.02.12].

2. Điểm mạnh

- Các chỉ tiêu việc làm được xác lập theo cách tiếp cận đa chiều, phù hợp với đặc thù ngành KTĐ.
- Quy trình thu thập, giám sát và phân tích dữ liệu được triển khai bài bản, có hệ thống.

3. Điểm tồn tại

- Tỷ lệ học nâng cao trình độ và khởi nghiệp quy mô lớn còn thấp.
- Việc khai thác dữ liệu khảo sát phục vụ điều chỉnh CTĐT ở một số nội dung chưa thực sự sâu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, bổ sung và lượng hóa các chỉ tiêu về tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ của NH	Phòng QLĐT; Phòng CTSV; Khoa CN	Từ năm 2026-2027
		Tăng cường phân tích sâu dữ liệu việc làm theo từng lĩnh vực chuyên môn trong ngành KTĐ	Phòng CTSV Khoa CN	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường kết nối với các doanh nghiệp, chú trọng đào tạo khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và định hướng nghề nghiệp cho SV ngành KTĐ	Phòng CTSV Khoa CN	Hằng năm
		Quy trình thu thập, giám sát và phân tích dữ liệu được triển khai bài bản, có hệ thống.	Trường Khoa CN	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Không đạt (K)	Đạt (Đ)
	X

Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, GV và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành KTĐ quản lý và triển khai hoạt động NCKH theo hệ thống của Trường. Hệ thống được Phòng QLĐT vận hành với chức năng tham mưu, tổ chức và giám sát các hoạt động KH&CN trong toàn trường [H8.08.03.01]. Hoạt động NCKH được quy định rõ trong các văn bản quản lý KH&CN của Trường, bao gồm quy định về tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học,

đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và cơ chế quản lý các đề tài nghiên cứu [H8.08.03.02]. Căn cứ Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Trường Đại học Chu Văn An giai đoạn 2022-2030 nhằm định hướng phát triển hoạt động NCKH gắn với chiến lược phát triển chung của trường [H8.08.03.03], các kế hoạch hoạt động khoa học hằng năm được xây dựng và triển khai thông qua kế hoạch năm học của các đơn vị trong toàn Trường [H8.08.03.04]. Theo đó, hoạt động NCKH của GV và NH ngành KTĐ được xác lập thông qua hệ thống đề tài, nhiệm vụ khoa học được phê duyệt hằng năm, cùng với cơ chế ghi nhận, đánh giá và công nhận kết quả nghiên cứu [H8.08.03.05]. Nhà trường cũng ban hành các QĐ công nhận giờ NCKH và khen thưởng đối với GV hoàn thành hoặc vượt định mức nghiên cứu, cũng như các đề tài được nghiệm thu xếp loại xuất sắc [H8.08.03.06]. Kết quả hoạt động NCKH được theo dõi thông qua hệ thống thống kê giờ NCKH hằng năm của CTĐT và các đơn vị [H8.08.03.07]. Đồng thời, GV CTĐT KTĐ tham gia công bố kết quả nghiên cứu thông qua hội thảo khoa học của trường và các hội thảo trong nước, quốc tế [H8.08.03.08]. Khoa Công nghệ thực hiện hoạt động đối sánh kết quả nghiên cứu và sản phẩm khoa học của GV trong CTĐT với các giai đoạn trước và với các CTĐT khác trong trường nhằm phục vụ hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT [H8.08.03.09]. Các kết quả NCKH của NH, GV và định hướng phát triển hoạt động khoa học công nghệ của các đơn vị trong đó có CTĐT ngành KTĐ được tổng hợp, báo cáo và thảo luận trong các hội nghị giao ban đầu năm học và hội nghị viên chức, người lao động hằng năm của nhà trường và được đối sánh trong giai đoạn từ 2021-2026 [H8.08.03.10]. Kết quả hoạt động NCKH của GV là căn cứ đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hằng năm [H8.08.03.11].

2. Điểm mạnh

Hệ thống văn bản quy định và chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường đã tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và quản lý hoạt động NCKH của CTĐT ngành KTĐ. Hoạt động NCKH của CTĐT ngành KTĐ được giám sát thông qua hệ thống kế hoạch, thống kê kết quả nghiên cứu và cơ chế công nhận, khen thưởng, góp phần khuyến khích GV tham gia nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đối sánh kết quả NCKH của CTĐT ngành KTĐ chủ yếu tập trung trong phạm vi nội bộ nhà trường, chưa mở rộng nhiều đến các cơ sở ĐT ngoài trường hoặc chuẩn quốc tế để nâng cao mức độ tham chiếu và cải tiến chất lượng. Ngoài ra, việc khai thác kết quả nghiên cứu

để phục vụ trực tiếp cho cải tiến CTĐT ngành KTĐ và hoạt động GD chưa được thể hiện rõ ràng và hệ thống trong các báo cáo tổng hợp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trong giai đoạn tới, CTĐT KTĐ và nhà trường sẽ tăng cường hoạt động đối sánh kết quả NCKH với các cơ sở ĐT trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu và mức độ hội nhập học thuật. Đồng thời, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hệ thống theo dõi và đánh giá hiệu quả hoạt động NCKH, gắn kết chặt chẽ hơn giữa kết quả nghiên cứu với cải tiến CTĐT, hoạt động GD và phát triển học thuật của GV và NH.	Nhà trường Khoa	Năm học 2026-2027
2	Phát huy điểm mạnh	Hệ thống văn bản quy định và chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường phải được thường xuyên cập nhật tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và quản lý hoạt động NCKH của CTĐT ngành KTĐ	Khoa Bộ môn	Hằng năm

Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ NH đạt CĐR của CTĐT được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành Quyết định công bố CĐR CTĐT ngành KTĐ theo đúng thẩm quyền và quy định [H8.08.04.01]. CĐR được xây dựng rõ ràng, cụ thể, bao quát các yêu cầu về kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. Nội dung các CĐR được thiết kế theo hướng có thể đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR CTĐT ngành KTĐ được cụ thể hóa thành các

CĐR học phần và thể hiện mối liên kết thông qua ma trận có trong Bản mô tả CTĐT ngành KTĐ [H8.08.04.02]. Trên cơ sở đó, CTĐT triển khai các hoạt động đánh giá mức độ NH đạt CĐR một cách đồng bộ và có hệ thống. Việc đánh giá được thực hiện theo lộ trình và được tổng hợp theo từng khóa học nhằm theo dõi mức độ đạt chuẩn theo chu kỳ đào tạo.

Việc xác lập, quản lý và giám sát dữ liệu về mức độ NH đạt CĐR CTĐT được thực hiện thông qua sự phân công trách nhiệm rõ ràng. Phòng KT&ĐBCL chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện đo lường, đánh giá CĐR [H8.08.04.03]. Đồng thời, Phòng KT&ĐBCL phối hợp với Khoa Công nghệ thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, tạo cơ sở dữ liệu minh bạch và đầy đủ để giám sát và cải tiến chất lượng.

Phương pháp đo lường mức độ NH đạt CĐR được xây dựng theo phương pháp đánh giá trực tiếp, thông qua kết quả học tập các học phần cốt lõi, trong đó CĐR CTĐT và phương thức đánh giá CĐR học phần được thể hiện rõ trong ĐCCTHP cốt lõi [H8.08.04.04]. Các công cụ đánh giá được thiết kế trên cơ sở các tiêu chí cụ thể, bảo đảm tính khoa học, khách quan và phù hợp. Các học phần đánh giá tập trung vào năng lực trong lĩnh vực KTĐ, kỹ năng giảng dạy và khả năng vận dụng ngôn ngữ trong bối cảnh thực tiễn.

Hệ thống cơ sở dữ liệu về mức độ NH đạt CĐR CTĐT được thiết lập và quản lý chặt chẽ. Dữ liệu bao gồm Kế hoạch đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR toàn khóa học, kết quả học tập, kết quả đánh giá thực tập, khóa luận tốt nghiệp. Dữ liệu được thu thập, cập nhật định kỳ theo học kỳ, năm học và khóa học; có phân công rõ trách nhiệm lưu trữ, cập nhật và khai thác, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và nhất quán [H8.08.04.05], [H8.08.04.06], [H8.08.04.07].

Báo cáo kết quả đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT cho thấy phần lớn NH ngành KTĐ đạt CĐR theo yêu cầu của CTĐT. Các kết quả này được phân tích để xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp cải tiến liên tục [H8.08.04.08]. Kết quả này được duy trì tương đối ổn định qua các khóa, tuy nhiên một số CĐR liên quan đến kỹ năng vận dụng và nghiên cứu còn có sự biến động nhất định.

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng kế hoạch đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR, đồng thời định kỳ rà soát và cải tiến phương pháp đánh giá để đảm bảo tính chính xác, tin cậy và công bằng.

Có sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các đơn vị chuyên môn như Phòng KT&ĐBCL, Khoa Công nghệ, Phòng QLĐT, đảm bảo quy trình giám sát và xử lý dữ liệu được minh bạch và khoa học.

Các hoạt động đánh giá kết quả học tập được điều chỉnh chặt chẽ theo quy định.

3. Điểm tồn tại

Dữ liệu đánh giá CĐR chưa được tích hợp với phần mềm quản lý đào tạo nên khối lượng xử lý công việc lớn.

2. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tích hợp hệ thống quản lý dữ liệu đánh giá CĐR CTĐT	Phòng QLĐT	Từ năm 2027
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và nâng cao hệ thống đánh giá CĐR.	Phòng QLĐT	Những năm tiếp theo

Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường thiết lập hệ thống thu thập và sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ nhằm giám sát và cải tiến chất lượng CTĐT. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng được triển khai trong khuôn khổ hệ thống ĐBCLGD nội bộ của nhà trường.

Trường đã ban hành quy định về hoạt động ĐBCLGD nhằm thiết lập các nguyên tắc và quy trình triển khai các hoạt động đánh giá và cải tiến chất lượng trong toàn trường [H8.08.05.01]. Đồng thời, ban hành quy định khảo sát chất lượng phục vụ công tác ĐBCLGD và quy trình thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi nhằm đảm bảo việc khảo sát được thực hiện thống nhất và có hệ thống [H8.08.05.02].

Hệ thống tổ chức đảm bảo chất lượng được thiết lập thông qua việc thành lập Phòng KT&ĐBCL [H8.08.05.03] và các tổ đảm bảo chất lượng tại các đơn vị nhằm triển khai và giám sát các hoạt động khảo sát và đánh giá CLĐT [H8.08.05.04]. Bên cạnh đó, chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong hoạt động ĐBCL được quy định rõ trong quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trong trường [H8.08.05.05].

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động ĐBCLGD và triển khai các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ đối với CTĐT [H8.08.05.06]. Đối với CTĐT ngành KTĐ, nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ và triển khai các hoạt động khảo sát theo định kỳ [H8.08.05.07]. Để thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ, nhà trường xây dựng bộ phiếu khảo sát dành cho các nhóm đối tượng khác nhau như SV đang học, SV trước khi tốt nghiệp, cựu SV, và nhà tuyển dụng nhằm đánh giá mức độ hài lòng đối với CTĐT và các hoạt động hỗ trợ NH [H8.08.05.08]. Kết quả khảo sát được tổng hợp và phân tích trong các báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ đối với CTĐT ngành KTĐ [H8.08.05.09].

Trường cũng thực hiện khảo sát tình trạng việc làm và mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với SV tốt nghiệp nhằm đánh giá mức độ đáp ứng của CTĐT đối với nhu cầu của thị trường lao động [H8.08.05.10]. Trên cơ sở kết quả khảo sát hằng năm, CTĐT ngành KTĐ tổng hợp mức độ hài lòng của các BLQ theo từng năm trong giai đoạn đánh giá để theo dõi xu hướng thay đổi và xác định nội dung cần cải tiến. Khoa thực hiện đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của CTĐT ngành KTĐ với các CTĐT tương đương để có thêm căn cứ cải tiến chất lượng [H8.08.05.11].

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ được thảo luận tại các cuộc họp của khoa và hội đồng CTĐT nhằm phân tích các điểm mạnh và các vấn đề cần cải tiến của CTĐT [H8.08.05.12]. Trên cơ sở đó, khoa xây dựng kế hoạch cải tiến và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng CTĐT, đồng thời đánh giá lại mức độ hài lòng của các BLQ sau khi thực hiện các cải tiến [H8.08.05.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng hệ thống khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ tương đối đầy đủ với các quy định, quy trình và công cụ khảo sát rõ ràng.

Các hoạt động khảo sát được triển khai định kỳ đối với nhiều nhóm đối tượng khác nhau như SV, cựu SV, GV và nhà tuyển dụng, giúp thu thập thông tin phản hồi đa chiều về chất lượng CTĐT.

Kết quả khảo sát được phân tích và sử dụng trong các cuộc họp của khoa và hội đồng CTĐT nhằm phục vụ cho việc cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng với các CTĐT tương đương ở các CSGD khác chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng các CTĐT tương đương ở các CSGD khác trên cơ đó để để cải tiến chất lượng đào tạo.	Khoa CN	Năm học 2026-2027
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì hoạt động khảo sát với nhiều nhóm đối tượng khác nhau như SV, cựu SV, GV và nhà tuyển dụng, để thu thập thông tin phản hồi đa chiều về chất lượng CTĐT. Trên cơ sở đó để cải tiến chất lượng đào tạo ngành KTĐ	Phòng KT&ĐBCL Khoa CN	Hằng năm

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 8:

CTĐT ngành KTĐ đã thiết lập được hệ thống quản lý, theo dõi và cải tiến các kết quả đầu ra của NH tương đối đầy đủ. Các chỉ số quan trọng như tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ việc làm, mức độ đạt CĐR và mức độ hài lòng của các BLQ đã được xác lập, giám sát và sử dụng làm căn cứ cho hoạt động cải tiến chất lượng. Công tác thu thập và quản lý dữ liệu được thực hiện có hệ thống thông qua các phần mềm QLĐT và các hoạt động khảo sát định kỳ. Hoạt động đối sánh chất lượng bước đầu được triển khai, đặc biệt trong phạm vi nội bộ Trường, góp phần xác định vị thế và định hướng cải tiến CTĐT. Tuy nhiên, việc phân tích chuyên sâu các chỉ số đầu ra chưa đồng bộ. Dữ liệu về nguyên nhân thôi học, thời gian tốt nghiệp và mức độ đạt CĐR chưa được khai thác đầy đủ. Hoạt động đối sánh với các cơ sở ĐT bên ngoài còn hạn chế. Việc sử dụng kết quả khảo sát và đối sánh trong điều chỉnh CTĐT chưa thực sự rõ nét.

Trong thời gian tới, CTĐT ngành KTĐ định hướng tăng cường phân tích dữ liệu về tỉ lệ đạt CĐR CTĐT, tốt nghiệp, thôi học, có việc làm,... Mở rộng hoạt động đối sánh với các cơ sở ĐT trong và ngoài nước; đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ trong cải tiến CTĐT.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí được đánh giá Đạt.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 8 ĐẠT.

Phần III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo

Mục tiêu và CĐR rõ ràng, phù hợp chiến lược phát triển và nhu cầu xã hội, có sự tham gia của các BLQ và được rà soát định kỳ.

CTĐT ngành KTĐ được thiết kế logic, khối lượng hợp lý (150–154 tín chỉ), có tham chiếu thị trường lao động, và được công khai.

Phương pháp dạy học đa dạng, lấy NH làm trung tâm, thúc đẩy học tập chủ động, sáng tạo.

Phương pháp đánh giá đa dạng, phù hợp CĐR. Quy trình đánh giá và xét tốt nghiệp rõ ràng, công khai.

Đội ngũ GV đảm bảo số lượng, chất lượng; được ĐT, bồi dưỡng và đánh giá định kỳ.

Hệ thống hỗ trợ NH tương đối đầy đủ, bao gồm cả học thuật và phi học thuật, trong đó có hỗ trợ học tập và nghề nghiệp.

CSVC, thư viện, hạ tầng CNTT đáp ứng tốt yêu cầu ĐT ngành KTĐ.

Hệ thống theo dõi việc làm bài bản. Dữ liệu bước đầu được đối sánh, phục vụ cải tiến CTĐT ngành KTĐ.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

Biểu mẫu về đánh giá đạt CĐR CTĐT chưa hoàn thiện, đầy đủ.

Hướng dẫn phân tích nhu cầu thị trường trong văn bản Hướng dẫn phát triển CTĐT còn chưa cụ thể.

Cơ chế giám sát sử dụng phản hồi BLQ về hoạt động dạy học chưa rõ ràng.

Chưa có hướng dẫn chi tiết thiết kế đề thi gắn với CĐR; Chưa phân tích mức độ tương thích đề thi – CĐR.

Chưa có đánh giá hiệu quả bồi dưỡng để phục vụ cải tiến CTĐT ngành KTĐ.

Chưa có bộ chỉ số đánh giá, đối sánh hiệu quả dịch vụ hỗ trợ NH một cách hệ thống.

Việc đánh giá sử dụng CSVC để nâng cao hiệu quả khai thác chưa thường xuyên.

Việc khai thác hệ thống dữ liệu: tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, có việc làm chưa sâu…. Kết quả phân tích chưa được sử dụng tối đa vào điều chỉnh CTĐT.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Kiến nghị Trường bổ sung các biểu mẫu đánh giá CĐR CTĐT.

Hoàn thiện văn bản hướng dẫn phát triển CTĐT: bổ sung công cụ phân tích nhu cầu thị trường.

Tăng cường phân tích phản hồi và giám sát kết quả phản hồi để cải tiến hoạt động dạy học.

Kiến nghị trường ban hành hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra, đánh giá theo CĐR; tăng cường phân tích đề thi. Hướng dẫn việc xây dựng đề thi phù hợp và tương thích với CĐR; Xây dựng cơ chế giám sát việc triển khai đánh giá KQHT và phúc khảo KQHT của NH; Xây dựng hướng dẫn về việc xác định độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng khi áp dụng các phương pháp đánh giá KQHT; Xây dựng quy trình/quy định việc định kỳ rà soát hoạt động đánh giá KQHT đảm bảo đánh giá được mức độ đạt CĐR của HP.

Xây dựng kế hoạch trung hạn về phát triển đội ngũ GV CTĐT ngành KTĐ; Định kỳ thu thập ý kiến phản hồi từ GV về mức độ hài lòng với việc phân công nhiệm vụ GD, NCKH và PVCĐ, về mức độ hài lòng với việc bổ nhiệm/thăng tiến và công nhận danh hiệu thi đua khen thưởng, về quy định quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của GV. Kiến nghị Nhà trường thực hiện đánh giá hiệu quả thực hiện ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn để sử dụng vào việc cải tiến CLĐT bồi dưỡng. Kiến nghị Nhà trường cử GV ngành KTĐ trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát quy trình, quy định và các chính sách nhân sự liên quan của Trường.

Xây dựng bộ chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ. Ứng dụng CNTT và dữ liệu trong quản lý, hỗ trợ NH.

Tăng cường quản lý, đánh giá định kỳ: tiếp tục hoàn thiện CSVC, trang thiết bị đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của cán bộ, GV và NH

Tăng cường phân tích dữ liệu về tỉ lệ đạt CĐR CTĐT, tốt nghiệp, thôi học, có việc làm… sử dụng để cải tiến CTĐT.

Hưng Yên, ngày 12 tháng 9 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

TS. Trần Ái Cầm

Phần IV. PHỤ LỤC

Phụ lục I

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Thông tin chung về CSGD

1. Tên CSGD (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Intracom

Tiếng Anh: INTRACOM UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của CSGD:

Tiếng Việt: ĐHI

Tiếng Anh: INU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Chu Văn An

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ:

- Cơ sở 1: Khu Đại học phố Hiến, đường Tô Hiệu, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 02213. 515.587; 1900638882.

E-mail: info@Intracom Group .edu.vn Website: https://intracomuni.edu.vn/

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 2006 (Theo Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 06 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: tháng 10/2006

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Tháng 10 năm 2010

10. Loại hình CSGD:

Công lập ☐ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☑

II. Thông tin chung về CTĐT

2.1. Thông tin chung về Khoa Công nghệ

- Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

+ Tiếng Việt: Khoa Công Nghệ

+ Tiếng Anh: Faculty of Technology

Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Khu Đại học phố Hiến, đường Tô Hiệu, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên

Số điện thoại liên hệ: 02213. 515.587; 1900638882. ; Email: info@Intracom Group .edu.vn

Website: https://intracomuni.edu.vn/

Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): 2022 được thành lập theo Quyết định số: 63 /HDT-ĐHCVA ngày 05 tháng 04 năm 2022

2.2. Thông tin chung Ngành Kỹ thuật điện

- Tên ngành: Kỹ thuật điện

+ Tiếng Việt: Kỹ thuật điện

+ Tiếng Anh: Electrical Engineering

Mã CTĐT:7520201

Thời gian bắt đầu đào tạo khóa đầu tiên của CTĐT: 2008

Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa đầu tiên của CTĐT: 2013

2.3. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

- Đội ngũ nhân sự: Tính đến 9/2026, tổng số nhân sự của Khoa là 23 nhân sự, trong đó:

+ Giảng viên cơ hữu: 16 giảng viên, gồm 03 giảng viên kiêm nhiệm

+ Giảng viên ngành Kỹ thuật điện có: 11 giảng viên

+ Nhân viên văn phòng: 01 trợ lý khoa

+ Giảng viên thỉnh giảng: 06 người; giảng viên thỉnh giảng ngành Kỹ thuật điện 03 người

2.4. Cán bộ quản lý, giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT (tính đến 09/2026)

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
1.	Đội ngũ hợp đồng dài hạn	11	0	11
2.	Đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (Dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)	2	1	3
	Tổng số	13	1	14

2.5. Thống kê, phân loại giảng viên

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng
1	Giáo sư, Viện vĩ	0	0	0	0	0

2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ	7	5	0	1	1
4	Thạc sĩ	7	4	0	1	2
5	Trình độ khác	0	0	0	0	0
	Tổng số	14	9	0	2	3

Trong đó:

- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (6/11 giảng viên) : 54,54%
- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (5/11 giảng viên): 45,46%

2.6. Thống kê số lượng sinh viên ngành Kỹ thuật điện giai đoạn 2020-2025

Năm học	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Khóa …..	49	65	45	32	32
….					
….					
Tổng số					

2.7. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Chỉ tiêu	Năm học				
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Số lượng (người)					
Tỷ lệ % trên tổng số SV					

2.8. Số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp qua các năm

Chỉ tiêu	Năm học				
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Số lượng (người)		36	31	10	12
Tỷ lệ % trên tổng số SV khóa cuối		73%	69%	71%	70%

2.9. Tỷ lệ việc làm sau khi tốt nghiệp của SV trong 5 năm

Năm	Tỷ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp	Tỷ lệ làm việc đúng chuyên ngành và ngành gần	Thu nhập bình quân hàng tháng của SV (triệu đồng)
2021	-	-	-
2022	-	-	-
2023	100	100	Trên 7 triệu
2024	100	100	Trên 7 triệu
2025	100	100	Trên 8 triệu

2.10. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại sách	Năm học				
		2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Sách chuyên khảo					
2	Sách tham khảo					
3	Sách giáo trình					
4	Sách hướng dẫn					
Tổng						

2.11. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong giai đoạn 2021-2026

Số lượng sách	Phân loại sách			
	Sách chuyên khảo	Sách tham khảo	Sách giáo trình	Sách hướng dẫn
Từ 1-2 quyển				
Từ 3-4 quyển				
Trên 4 quyển				
Tổng số cán bộ tham gia				

2.12. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Năm	Số lượng đề tài

	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp tỉnh	Đề tài cấp trường	Ghi chú
2021-2022					
2022-2023					
2023-2024					
2024-2025					
2025-2026				01	
Tổng					

Phụ lục II

CÁC TƯ LIỆU, TÀI LIỆU LIÊN QUAN

I. Các quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban chuyên trách, Ban thư ký

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 59/QĐ-ĐHI

Hưng Yên, ngày 02 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

Căn cứ Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Chu Văn An; Quyết định số 2445/QĐ-TTg ngày 05/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Chu Văn An thành Trường Đại học Intracom;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-ĐHI ngày 05 tháng 1 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Intracom về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Intracom;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành **Kỹ thuật điện** trình độ đại học của Trường Đại học Intracom, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành **Kỹ thuật điện** trình độ đại học theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Chủ tịch HĐT (để báo cáo);
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu VP, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

TS. Trần Ái Cầm

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(kèm theo Quyết định số: 59 /QĐ–ĐHI, ngày 02 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ trong Hội đồng
1	TS. Trần Ái Cầm	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	ThS. Nguyễn Thanh Việt	Chủ tịch HĐT	Ủy viên
3	GS.TS. Ngô Xuân Bình	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch
4	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa Công nghệ	Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban thư ký
5	ThS. Dương Văn Bá	Phó hiệu trưởng - Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Ủy viên
6	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Ủy viên
7	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo – Nghiên cứu khoa học	Ủy viên
9	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	Ủy viên
10	TS. Phạm Ngọc Cường	Chánh Văn phòng	Ủy viên
11	ThS. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Ủy viên
12	ThS. Lê Ngọc Tú	Phó phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính	Ủy viên
13	ThS. Hà Đình Bốn	Trưởng phòng Phòng Kiểm tra nội bộ	Ủy viên
14	ThS. Nguyễn Công Tuấn	Phó trưởng khoa Công nghệ	Ủy viên
15	ThS. Phạm Văn Ba	Giảng viên cơ hữu	Ủy viên
16	ThS. Vũ Quang Hậu	Giảng viên cơ hữu	Ủy viên
17	TS. Nguyễn Kim Cương	Giảng viên cơ hữu	Ủy viên
18	Nguyễn Hương Giang	Sinh viên lớp K19KĐ01	Ủy viên
19	CN. Phạm Thị Ngọc	Trợ lý khoa Công nghệ	Ủy viên

Danh sách gồm: 19 người./.

DANH SÁCH BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 59/QĐ - ĐHI, ngày 02 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa Công nghệ	Trưởng ban
2	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và ĐBCL	Phó trưởng ban
3	ThS. Nguyễn Công Tuấn	Phó trưởng khoa Công nghệ	Ủy viên
4	ThS. Phạm Văn Ba	Phó Chánh Văn phòng	Ủy viên
5	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo – NCKH	Ủy viên
6	ThS. Lê Ngọc Loan	Nhân viên phòng Tổ chức – Pháp chế	Ủy viên
7	CN. Phạm Thị Ngọc	Trợ lý khoa Công nghệ	Ủy viên
8	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên phòng Khảo thí và ĐBCL	Ủy viên
9	CN. Vũ Đào Ánh Linh	Nhân viên phòng Tuyển sinh và CTSV	Ủy viên
10	CN. Trần Thị Ngọc Anh	Nhân viên phòng Tuyển sinh và CTSV	Ủy viên

Danh sách gồm: 10 người./.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(kèm theo Quyết định số: 57 /QĐ - ĐHI, ngày 02 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** **Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo**			
1	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa Công nghệ	Nhóm trưởng
2	ThS. Vũ Quang Hậu	Giảng viên	Thư ký
3	ThS. Nguyễn Công Tuấn	Phó trưởng khoa Công nghệ	Thành viên
4	ThS. Phạm Văn Ba	Phó Chánh văn phòng - Giảng viên	Thành viên
5	TS. Nguyễn Kim Cương	Giảng viên	Thành viên
6	CN. Phạm Thị Ngọc	Trợ lý khoa Công nghệ	Thành viên
Nhóm 2: **Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học**			
1	TS. Trịnh Đình Vĩnh	Trưởng phòng phòng QLĐT-NCKH	Nhóm trưởng
2	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng QLĐT-NCKH	Thư ký
3	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4	ThS. Đoàn Thị Thảo	Phó phòng QLĐT-NCKH	Thành viên
5	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6	ThS. Trần Văn Hiệp	Nhân viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập			
1	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nhóm trưởng
2	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thư ký
3	ThS. Trần Văn Hiệp	Nhân viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng QLĐT-NCKH	Thành viên
5	ThS. Đoàn Thị Thảo	Phó phòng QLĐT-NCKH	Thành viên

Nhóm 3: **Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**			
1	ThS. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Tổ chức – Pháp chế	Nhóm trưởng
2	ThS. Trần Thị Phương Thúy	Nhân viên phòng Tổ chức – Pháp chế - Giảng viên	Thư ký
3	CN. Nguyễn Thùy Dung	Phó phòng Tổ chức – Pháp chế	Thành viên
3	ThS. Lê Ngọc Loan	Nhân viên phòng Tổ chức – Pháp chế	Thành viên
4	CN. Đỗ Thu Hà	Nhân viên phòng Tổ chức – Pháp chế	Thành viên
5	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa Công nghệ	Thành viên
Nhóm 4: **Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học**			
1	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	Nhóm trưởng
2	CN. Vũ Đào Ánh Linh	Nhân viên phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	Thư ký
3	CN. Trần Thị Ngọc Anh	Nhân viên phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	Thành viên
4	CN. Lê Phương Thảo	Bí thư Đoàn thanh niên – Nhân viên phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
Nhóm 5: **Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị**			
1	TS. Phạm Ngọc Cường	Chánh văn phòng	Nhóm trưởng
2	CN. Hoàng Năng Nam	Nhân viên Văn phòng trường	Thư ký
3	ThS. Phạm Văn Ba	Phó Chánh văn phòng	Thành viên
4	ThS. Phạm Ngọc Chương	Nhân viên Văn phòng trường	Thành viên
5	ThS. Vũ Quang Hậu	Giảng viên	Thành viên
6	CN. Phạm Thị Ngọc	Trợ lý khoa Công nghệ	Thành viên
Nhóm 6: **Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra**			
1	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Quản lý đào tạo – nghiên cứu khoa học	Nhóm trưởng
2	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Quản lý đào tạo – Nghiên cứu khoa học	Thư ký

3	ThS. Đoàn Thị Thảo	Phó phòng Quản lý đào tạo – Nghiên cứu khoa học	Thành viên
4	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa Công nghệ	Thành viên
5	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng TS&CTSV	Thành viên
6	CN. Vũ Đào Ánh Linh	Nhân viên phòng TS&CTSV	Thành viên

Danh sách gồm 06 nhóm./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 489 /QĐ-ĐHI

Hưng Yên, ngày 04 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

Căn cứ Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Chu Văn An; Quyết định số 2445/QĐ-TTg ngày 05/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Chu Văn An thành Trường Đại học Intracom;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 05/01/2026 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Intracom về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Intracom;

Căn cứ Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-ĐHI ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học của Trường Đại học Intracom, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1 (để thực hiện);
- Chủ tịch HĐT (để báo cáo);
- Ban giám hiệu (để chỉ đạo);
- Lưu VT, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

TS. Trần Ái Cầm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỆN, BỔ SUNG TOÀN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 118/QĐ-ĐHI ngày 31 / 03 /2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ
1	TS. Trần Ái Cầm	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	ThS. Nguyễn Thanh Việt	Chủ tịch HĐT	Ủy viên
3	TS. Nguyễn Quốc Tư	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch
4	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa Công nghệ	Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban thư ký
5	ThS. Nguyễn Công Tuấn	Phó trưởng khoa Công nghệ	Ủy viên
6	ThS. Dương Văn Bá	Phó hiệu trưởng - Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Ủy viên
7	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Ủy viên
8	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
9	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Công tác sinh viên	Ủy viên
10	CN. Lê Huy Hùng	Phó chánh Văn phòng	Ủy viên
11	ThS. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Ủy viên
12	TS. Vũ Thị Sao Chi	Phó Giám đốc	Ủy viên

		Trung tâm Thông tin – Thư viện	
13	ThS. Mạc Thị Hằng	Phó trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính	Ủy viên
14	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng Phòng Tuyển sinh 1	Ủy viên
15	TS. Nguyễn Kim Cương	Giảng viên	Ủy viên
16	ThS. Phạm Văn Ba	Giảng viên	Ủy viên
17	ThS. Vũ Quang Hậu	Giảng viên	Ủy viên
18	Nguyễn Hương Giang	Sinh viên lớp K19KĐ01	Ủy viên
19	CN. Phạm Thị Ngọc	Trợ lý Khoa Công nghệ	Ủy viên

Danh sách gồm 19 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỆN TOÀN BAN THƯ KÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 412 /QĐ-ĐHI ngày 04/ 09/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ
1	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa	Trưởng ban
2	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Khảo thí và ĐBCL	Phó trưởng ban
3	ThS. Phạm Văn Ba	Giảng viên	Thành viên
4	CN. Lê Huy Hùng	Phó Chánh Văn phòng	Thành viên
5	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
6	CN. Nguyễn Thùy Dung	Phó phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Thành viên
7	CN. Phạm Thị Ngọc	Trợ lý Khoa Công nghệ	Thành viên
8	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng Phòng Tuyển sinh 1	Thành viên
9	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
10	CN. Trần Thị Ngọc Anh	Nhân viên phòng Công tác sinh viên	Thành viên
11	CN. Phạm Vũ Phương Thảo	Nhân viên Trung tâm Thông tin – Thư viện	Thành viên

Danh sách gồm 11 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỆN TOÀN THÀNH VIÊN CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 129.../QĐ-ĐHI ngày 04/05/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo			
1	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa	Nhóm trưởng
2	ThS. Phạm Văn Ba	Giảng viên	Thư ký
3	TS. Nguyễn Kim Cương	Giảng viên	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Công Tuấn	Phó trưởng khoa	Thành viên
5	ThS. Vũ Quang Hậu	Giảng viên	Thành viên
6	Cn. Phạm Thị Ngọc	Trợ lý khoa Công nghệ	Thành viên
Nhóm 2: Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học			
1	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Nhóm trưởng
2	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thư ký
3	ThS. Nguyễn Thị Thu	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
4	ThS. Trần Quốc Bảo	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên

5	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
7	ThS. Trần Văn Hiệp	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập			
1	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nhóm trưởng
2	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thư ký
3	ThS. Trần Văn Hiệp	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Thị Thu	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
6	ThS. Trần Quốc Bảo	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 3: Tiêu chuẩn 5: Độ ngũ giảng viên, nghiên cứu viên			
1	ThS. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Nhóm trưởng
2	CN. Nguyễn Thùy Dung	Phó phòng Phòng TC-PC	Thư ký
3	CN. Đỗ Thu Hà	Nhân viên Phòng TC-PC	Thành viên
4	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa Công nghệ	Thành viên
5	ThS. Phạm Văn Ba	Giảng viên	Thành viên
Nhóm 4: Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học			

1	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên	Nhóm trưởng
2	CN. Trần Thị Ngọc Anh	Nhân viên Phòng CTSV	Thư ký
3	CN. Nguyễn Thu Trang	Nhân viên Phòng CTSV	Thành viên
4	CN. Lê Phương Thảo	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
Nhóm 5: Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị			
1	CN. Lê Huy Hùng	Phó Chánh Văn phòng	Nhóm trưởng
2	CN. Vũ Thị Việt Lan	Nhân viên Văn phòng	Thư ký
3	ThS. Phạm Ngọc Chương	Nhân viên Văn phòng	Thành viên
4	TS. Vũ Thị Sao Chi	Phó Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thành viên
5	CN. Phạm Vũ Phương Thảo	Nhân viên Trung tâm TT-TV	Thành viên
Nhóm 6: Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra			
1	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Nhóm trưởng
2	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thư ký
3	ThS. Trần Quốc Bảo	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
4	TS. Ngô Hoàng Huy	Trưởng khoa Công nghệ	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên	Thành viên
6	CN. Nguyễn Thu Trang	Nhân viên Phòng CTSV	Thành viên

Danh sách gồm 06 nhóm./.

2.2. Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KỸ THUẬT ĐIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Giai đoạn đánh giá 03/9/2021 – 01/8/2026
(kèm theo Quyết định số 59/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD, giai đoạn đánh giá: từ 2021 đến 2026.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số: 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học được thành lập theo Quyết định số 59/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học, Hội đồng gồm có 21 thành viên *(Danh sách kèm theo)*.

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách *(Danh sách kèm theo)*

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học là Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách *(Danh sách kèm theo tại Quyết định số59/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026)*.

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký:

b) Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT bao gồm: thu thập thông tin minh chứng, tổng hợp cơ sở dữ liệu, viết báo cáo tự đánh giá

STT	Tiêu chuẩn	Thực hiện các công việc do Hội đồng TĐG phân công Nhóm công tác/cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung CTĐT	Nhóm 1	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Phiếu thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng
2	Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập	Nhóm 2	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
3	Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 3	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
4	Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học	Nhóm 4	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
5	Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 5	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
6	Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra	Nhóm 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
7	Phần I: Khái quát	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Đặt vấn đề và tổng quan chung
8	Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Mô tả; Điểm mạnh; Điểm tồn tại và Kế hoạch hành động
9	Rà soát và viết báo cáo	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Phiếu tự đánh giá tiêu chí
10	Phần III: Kết luận	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 5 đến	- Tóm tắt những

			tháng 7/2026	điểm mạnh và những điểm cần phát huy. - Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng. - Kế hoạch cải tiến chất lượng của CTĐT. Tổng hợp Kết quả TĐG CTĐT.
11	Phần IV: Phụ lục	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 6 đến tháng 7/2026	- Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT. - Các tài liệu liên quan: + Quyết định thành lập HĐ TĐG, Ban thư ký, Nhóm CTCT, Kế hoạch TĐG, bảng biểu, tổng hợp thống kê, ... + Danh mục MC.
12	Tổng hợp thành Báo cáo tự đánh giá hoàn chỉnh	Ban thư ký	Tháng 6- 8/2026	
13	Cập nhật thông tin minh chứng lên cổng thông tin minh chứng Trường đại học Intracom	Ban thư ký	Tháng 6- 8/2026	

V. TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Thời gian: Từ ngày 23/4/2026 đến ngày 12/5/2026

2. Thành phần:

- Người chủ trì: TS. Trần Ái Cầm

- Người thực hiện tập huấn: TS. Trần Ái Cầm

- Người được tập huấn: Tất cả các thành viên Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Hướng dẫn tự đánh giá, viết báo cáo, thu thập thông tin minh chứng TĐG CTĐT theo bộ tiêu chuẩn MOET.

VI. DỰ KIẾN CÁC NGUỒN LỰC (NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH, ...) VÀ THỜI ĐIỂM CẦN HUY ĐỘNG/CUNG CẤP

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động
1	Tiêu chuẩn 1, 2	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Công nghệ; - Phòng QLĐT-NCKH; - Giảng viên; - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026
2	Tiêu chuẩn 3, 4	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Công nghệ; - Phòng QLĐT-NCKH; Phòng Khảo thí và ĐBCL - Giảng viên; - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026
3	Tiêu chuẩn 5	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Công nghệ; - Phòng Tổ chức – Pháp chế - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026

4	Tiêu chuẩn 6, 7	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Công nghệ; - Văn phòng Trường, Phòng Tuyển sinh và CTSV - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026
4	Tiêu chuẩn 8	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Công nghệ; - Phòng QLĐT-NCKH, Phòng Tuyển sinh và CTSV - Giảng viên; - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026

VII. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bằng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

VIII. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian và nội dung hoạt động triển khai thực hiện hoạt động TĐG được cụ thể hoá theo bảng bên dưới:

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 – 2 (từ ngày 4/3-15/3/2026)	1. Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 3 – 4 (từ ngày 16/3 – 29/3/2026)	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 5 – 8 (từ ngày 30/3 – 26/4/2026)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 15 (từ ngày 4/5 – 21/6/2026)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 (Từ ngày 22/6-27/6/2026)	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17-18 (từ ngày 29/6 – 4/7/2026)	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, … để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 (Từ ngày 6/7 – 25/7/2026)	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, …) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, …. đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 22-23 (từ 27/6 - 8/8/2026)	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 24 (từ 10/8-15/8/2026)	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ GDĐT. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

***Nơi nhận*:**
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng TĐG (để t/h);
- Các đơn vị hỗ trợ (để t/h);
- Lưu: VT, Khoa, P. KT&ĐBCL

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

TS. Trần Ái Cầm

Phụ lục III

DANH MỤC MINH CHỨNG

STT	Minh chứng Mã MC	Tên minh chứng	Sốngày/tháng/ năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học.					
1	H1.01.01.01	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021	176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHCVA	
2		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021	176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHCVA	
3	H1.01.01.02	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023;	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHCVA	
4		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHCVA	
5	H1.01.01.03	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
6		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
7	H1.01.01.04	Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, Quyết định phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật CTĐT trình độ đại học, Các kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT 2021, 2023, 2026	KH số 02/KH-ĐHCVA ngày 20/08/2021; QĐ số 24 ngày 1/3/2022; KH số 11 ngày 8/2/2023; QĐ số 44 ngày 6/2/2026	Trường ĐHCVA; Trường ĐHI	
8	H1.01.01.05	Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, Luật GDĐH 2025	Luật Số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 Luật số 125/2025/QH15	Quốc hội	
9	H1.01.01.06	Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Chính phủ	
10	H1.01.01.07	Các kết quả khảo sát từ các bên liên quan về xây dựng CTĐT và rà soát điều chỉnh CTĐT ngành KTĐ	Tập BB khảo sát	Khoa Công nghệ	

11	H1.01.01.08	1. Biên bản họp hằng năm có sự tham dự của GV; 2. Báo cáo khảo sát định kỳ của Khoa Công nghệ; 3.Kết quả khảo sát/phỏng vấn cựu NH về việc làm; 4.Ýkiến khảo sát của Nhà trường phục vụ Buổi đối thoại giữa Nhà trường với NH 5.Kết quả khảo sát NSDLĐ	2021-2026	Khoa Công nghệ	
12	H1.01.01.09	Quyết định về việc Ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Chu Văn An giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045	QĐ số 77/QĐ-ĐHCVA ngày 19/04/2023	Trường ĐHCVA	
13	H1.01.01.10	Nghị quyết ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Intracom giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	18-NQ-HĐT ngày 26/01/2026	Trường ĐHI	
14	H1.01.01.11	Bảng đối sánh phân tích mức độ phù hợp gắn kết giữa mục tiêu của CTĐT với mục tiêu của giáo dục đại học tại Luật Giáo dục đại học	2021, 2023; 2026	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan.					
15	H1.01.02.01	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	Số: 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021	Bộ GD&ĐT	
16	H1.01.02.02	Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Chính phủ	
17	H1.01.02.03	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT (áp dụng tuyển sinh từ năm 2026)	số 44/KH-ĐHI ngày 06 tháng 02 năm 2026	Trường ĐHI	
18	H1.01.02.04	Kế hoạch về rà soát, điều chỉnh khung chương trình về đào tạo và đề cương chi tiết học phần	số 24/QĐ-ĐHCVA ngày 01/03/2022	Trường ĐHCVA	

19	H1.01.02.05	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023;	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHI	
20	H1.01.02.06	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT (áp dụng tuyển sinh từ năm 2026)	số 44/KH-ĐHI ngày 06 tháng 02 năm 2026	Trường ĐHI	
21	H1.01.02.07	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
22	H1.01.02.08	Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 925/06/2026	Trường ĐHI	
23	H1.01.02.09	Nghị quyết ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Intracom giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	18-NQ-HĐT ngày 26/01/2026	Trường ĐHI	
24	H1.01.02.10	Ma trận đối sánh CĐR CTĐT 2026 với sứ mạng và tầm nhìn 2045 của Trường Đại học Intracom	Ma trận đối sánh	Khoa Công nghệ	
25	H1.01.02.11	Bảng đối sánh, phân tích mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT 2026	Bảng đối sánh	Khoa Công nghệ	
26	H1.01.02.12	Danh sách minh chứng điện tử về công khai CTĐT và CĐR ngành Kỹ thuật điện	Tập minh chứng	Trường ĐHI	
Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt.					
27	H1.01.03.01	Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Chính phủ	
28	H1.01.03.02	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	Số: 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021	Bộ GD&ĐT	
29	H1.01.03.03	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
30	H1.01.03.04	Bảng phân loại CĐR CTĐT ngành Kỹ thuật điện thành CĐR chung và CĐR chuyên biệt	Bảng phân loại	Khoa Công nghệ	
31	H1.01.03.05	Biên bản thẩm định CTĐT ngành Kỹ Kỹ thuật điện phiên bản 2026	Tập hồ sơ	Khoa Công nghệ	

32	H1.01.03.06	Hồ sơ họp chuyên môn, hội thảo rà soát và điều chỉnh CTĐT về sự phù hợp của CĐR với Khung trình độ quốc gia, chuẩn lĩnh vực Kỹ thuật điện và yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp	Tập hồ sơ	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.					
33	H1.01.04.01	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021	176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHI	
34	H1.01.04.02	QĐ biên soạn đề cương chi tiết học phần trong CTĐT	Số 159/QĐ-ĐHCVA ngày 21/10/2021	Trường ĐHI	
35	H1.01.04.03	Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
36	H1.01.04.04	Tài liệu hướng dẫn, tập huấn xây dựng và đo lường CĐR; hồ sơ lựa chọn giảng viên, tổ chức tập huấn và hỗ trợ cập nhật đề cương	Tập tài liệu	Trường ĐHI	
37	H1.01.04.05	Hồ sơ xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra học phần; góp ý, thông qua tại các cuộc họp chuyên môn cấp bộ môn và cấp khoa	Tập hồ sơ	Khoa Công nghệ	
38	H1.01.04.06	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
39	H1.01.04.07	Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá với CĐR CTĐT ngành Kỹ thuật điện		Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài					
40	H1.01.05.01	Quyết định về phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐH Chu Văn	Số 164/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHI	
41	H1.01.05.02	Kế hoạch về rà soát, điều chỉnh khung chương trình về đào tạo và đề cương chi tiết học phần	Số 11/KH-ĐHCVA ngày 08/02/2023	Trường ĐHI	

42	H1.01.05.03	Kế hoạch thí điểm đo lường, đánh giá CĐR học phần/CTĐT; cơ sở dữ liệu vị trí việc làm và người học tốt nghiệp		Trường ĐHI	
43	H1.01.05.04	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT (áp dụng tuyển sinh từ năm 2026)	Số 44/KH-ĐHI ngày 06 tháng 02 năm 2026	Trường ĐHI	
44	H1.01.05.05	Hồ sơ khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan bên trong và bên ngoài để rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện; quy trình thu thập, phân tích, sử dụng ý kiến và phân công trách nhiệm	Tập hồ sơ	Khoa Công nghệ	
45	H1.01.05.06	Hội nghị về rà soát mục tiêu, CĐR và khung CTĐT ngành KTĐ	Biên bản Hội nghị	Khoa Công nghệ	
46	H1.01.05.07	Tổng hợp ý kiến các bên liên quan về rà soát CĐR và khung CTĐT ngành KTĐ	Bảng tổng hợp	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 1.6: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.					
47	H1.01.06.01	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	Số: 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021	Bộ GD&ĐT	
48	H1.01.06.02	Kế hoạch về rà soát, điều chỉnh khung chương trình về đào tạo và đề cương chi tiết học phần	số 24/QĐ-ĐHCVA ngày 01/03/2022	Trường ĐHCVA	
49	H1.01.06.03	QĐ biên soạn đề cương chi tiết học phần trong CTĐT	Số 159/QĐ-ĐHCVA ngày 21/10/2021	Trường ĐHI	
50	H1.01.06.04	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021	Số 176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHI	
51	H1.01.06.05	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	Số 294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
52	H1.01.06.06	Ma trận IPM thể hiện CĐR các học phần trong CTĐT	Bảng ma trận	Trường ĐHI	
53	H1.01.06.07	Quyết định ban hành Quy định đo lường, đánh giá mức độ người học	Tập quy định	Trường ĐHI	

		đạt CĐR CTĐT trình độ ĐH của Trường ĐH Intracom			
54	H01.06.01.08	Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường	QĐ 173/QĐ-ĐHCVA ngày 26/10/2021	Trường ĐHI	
55	H01.06.01.09	Hồ sơ tổng hợp dữ liệu, báo cáo phân tích và đánh giá mức độ đạt CĐR CTĐT 2021 của SV K16 tại thời điểm tốt nghiệp	Tập hồ sơ	Khoa Công nghệ	
56	H01.06.01.10	Báo cáo rà soát đánh giá CTĐT và đề xuất cải tiến, điều chỉnh	Tập báo cáo	Khoa Công nghệ	
Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo					
Tiêu chí 2.1:Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, được phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.					
57	H2.02.01.01	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	Số: 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021	Bộ GD&ĐT	
58	H2.02.01.02	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.	số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024	Bộ GD&ĐT	
59	H2.02.01.03	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Intracom (đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ)	Quyết định số 109/QĐ-ĐHI ngày 23/03/2026	Trường ĐHI	
60	H2.02.01.04	Quy chế đào tạo trình độ đại học 2021	Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021	Bộ GD&ĐT	
61	H2.02.01.05	Hồ sơ thẩm định và phê duyệt CTĐT ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	Tập hồ sơ	Khoa Công nghệ	
62	H2.02.01.06	Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	

63	H2.02.01.07	Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, Quyết định phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật CTĐT trình độ đại học, Các kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT 2021, 2023, 2026	KH số 02/KH-ĐHCVA ngày 20/08/2021; QĐ số 24 ngày 1/3/2022; KH số 11 ngày 8/2/2023; QĐ số 44 ngày 6/2/2026	Trường ĐHCVA; Trường ĐHI	
64	H2.02.01.08	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHI	
65	H2.02.01.09	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
66	H2.02.01.10	Tập đề cương chi tiết học phần thuộc CTĐT Kỹ thuật điện năm 2023	Tập đề cương	Khoa Công nghệ	
67	H2.02.01.11	Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023,2026	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023; 294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
68	H2.02.01.12	Website Trường Intracom đăng tải ĐCCTHP	https://intracomuni.edu.vn	Trường ĐHI	
Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.					
69	H2.02.02.01	Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, Quyết định phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật CTĐT trình độ đại học, Các kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT 2021, 2023, 2026	KH số 02/KH-ĐHCVA ngày 20/08/2021; QĐ số 24 ngày 1/3/2022; KH số 11 ngày 8/2/2023; QĐ số 44 ngày 6/2/2026	Trường ĐHCVA; Trường ĐHI	
70	H2.02.02.02	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021	176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHI	
71		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021	176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHI	
72	H2.02.02.03	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023;	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHI	
73		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHI	
74	H2.02.02.04	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	

75		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
76	H2.02.02.05	Quyết định về phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐH Chu Văn	Số 164/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHI	
77	H2.02.02.06	Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
78	H2.02.02.07	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Intracom (đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ)	Quyết định số 109/QĐ-ĐHI ngày 23/03/2026	Trường ĐHI	
79	H2.02.02.08	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	Số: 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021	Bộ GD&ĐT	
80	H2.02.02.09	QĐ biên soạn đề cương chi tiết học phần trong CTĐT	Số 159/QĐ-ĐHCVA ngày 21/10/2021	Trường ĐHI	
81	H2.02.02.10	Kế hoạch tập huấn về công tác rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT	KH số 45/KH-ĐHI ngày 10/02/2026	Trường ĐHI	
82	H2.02.02.11	Biên bản họp bộ môn về xây dựng CTĐT	Tập biên bản	Khoa Công nghệ	
83	H2.02.02.12	CTĐT ngành KTĐ của trường ĐH Hải Dương, Cần Thơ, và trường ĐH Cáp Nhĩ Tân (TQ)	Tập CTĐT	Khoa Công nghệ	
84	H2.02.02.13	Phiếu khảo sát người học, nhà tuyển dụng, cựu SV	Tập phiếu khảo sát	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 2.3:Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.					
85	H2.02.03.01	Kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm	Tập kế hoạch	Phòng KT&ĐBCL	
86	H2.02.03.02	Các quy định cụ thể về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về xây dựng, điều chỉnh CTĐT	Tập quy định	Phòng KT&ĐBCL	

87	H2.02.03.03	Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng và chuyên gia/GV/SV về xây dựng, điều chỉnh CTĐT	Tập phiếu khảo sát	Khoa Công nghệ	
88	H2.02.03.04	Quyết định thành lập Hội đồng Khoa học khoa Công nghệ	Số 295A/QĐ-ĐHI ngày 25/11/2025	Trường ĐHI	
89	H2.02.03.05	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
90		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
91	H2.02.03.06	Bảng đối sánh với CTĐT ngành KTĐ của trường ĐH Hải Dương, Cần Thơ, và trường ĐH Cáp Nhĩ Tân (TQ)	Bảng đối sánh	Khoa Công nghệ	
92	H2.02.03.07	Khung CTĐT ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023,2026	Khung CTĐT	Khoa Công nghệ	
93	H2.02.03.08	Hồ sơ thẩm định và phê duyệt CTĐT ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	Tập hồ sơ	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.					
94	H2.02.04.01	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021	176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHI	
95		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021	176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHI	
96	H2.02.04.02	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023;	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHI	
97		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHI	
98	H2.02.04.03	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
99		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
100	H2.02.04.04	Ma trận tích hợp các HP vào CĐR của CTĐT	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
101	H2.02.04.05	Mô tả tóm tắt nội dung các học phần trong CTĐT năm 2026	Phần mô tả tóm tắt	Khoa Công nghệ	
102	H2.02.04.06	QĐ biên soạn đề cương chi tiết học phần trong CTĐT	Số 159/QĐ-ĐHCVA ngày 21/10/2021	Trường ĐHI	

103	H2.02.04.07	Ý kiến các bên liên quan về sự phù hợp và đóng góp của từng học phần đối với CĐR của CTĐT	Tập hồ sơ khảo sát các bên liên quan	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 2.5: Chương trình đàotạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.					
104	H2.02.05.01	Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
105	H2.02.05.02	Khung CTĐT ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023,2026	Khung CTĐT	Khoa Công nghệ	
106	H2.02.05.03	Kế hoạch đào tạo của CTĐT ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	Bảng 8. Chi tiết kế hoạch đào tạo dự kiến	Khoa Công nghệ	
107	H2.02.05.04	Đề cương HP Phần mềm ứng dụng trong Hệ thống điện	Tập đề cương	Khoa Công nghệ	
108	H2.02.05.05	Quyết định phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật CTĐT trình độ đại học 2023	QĐ số 24 ngày 1/3/2022	Trường ĐHI	
109	H2.02.05.06	Quyết định phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật CTĐT trình độ đại học 2026	QĐ số 44 ngày 6/2/2026	Trường ĐHI	
110	H2.02.05.07	Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.					
111	H2.02.06.01	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
112		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
113	H2.02.06.02	Mô tả tóm tắt nội dung các học phần trong CTĐT năm 2026: học phần thực tập tốt nghiệp, tham quan công trình điện	Phần mô tả tóm tắt	Khoa Công nghệ	
114	H2.02.06.03	Mô tả tóm tắt nội dung các học phần trong CTĐT năm 2026: học phần Đồ án tốt nghiệp	Phần mô tả tóm tắt	Khoa Công nghệ	
115	H2.02.06.04	Tư vấn định hướng nghề nghiệp định kỳ		Khoa Công nghệ	

116	H2.02.06.05	Thống kê tỷ lệ SV lựa chọn các định hướng và khảo sát mức độ hài lòng để cải tiến cấu trúc chương trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động	Tập thống kê	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.					
117	H2.02.07.01	Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, Quyết định phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật CTĐT trình độ đại học, Các kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT 2021, 2023, 2026	KH số 02/KH-ĐHCVA ngày 20/08/2021; QĐ số 24 ngày 1/3/2022; KH số 11 ngày 8/2/2023; QĐ số 44 ngày 6/2/2026	Trường ĐHCVA; Trường ĐHI	
118	H2.02.07.02	Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	Số: 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021	Bộ GD&ĐT	
119	H2.02.07.03	Phiếu khảo sát thường xuyên về phản hồi Giảng viên về rà soát CTĐT	Tập phiếu khảo sát	Khoa Công nghệ	
120	H2.02.07.04	Phiếu khảo sát thường xuyên về phản hồi người học về rà soát CTĐT	Tập phiếu khảo sát	Khoa Công nghệ	
121	H2.02.07.05	Phiếu khảo sát của cựu sinh viên về CTĐT ngành Kỹ thuật điện	Tập phiếu khảo sát	Khoa Công nghệ	
122	H2.02.07.06	Quyết định 44/QĐ-ĐHI về việc ban hành danh mục Chương trình đào tạo và Kế hoạch rà soát, cập nhật các chương trình đào tạo	Quyết định số 44/QĐ-ĐHI ngày 06/02/2026	Trường ĐHI	
123	H2.02.07.07	Bảng đối sánh CTĐT qua các năm 2021, 2023, 2026	Bảng đối sánh	Khoa Công nghệ	
124	H2.02.07.08	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
125		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
126	H2.02.07.09	Phiếu khảo sát của cựu sinh viên về chất lượng giảng dạy và sự phù hợp nội dung học tập	Tập phiếu khảo sát	Khoa Công nghệ	

127	H2.02.07.10	Phiếu Đánh giá từ nhà tuyển dụng về năng lực thực tế của người tốt nghiệp	Tập phiếu khảo sát	Khoa Công nghệ	
128	H2.02.07.11	Bảng đối sánh CTĐT 2021, 2023, 2026	Bảng đối sánh	Khoa Công nghệ	
Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học					
Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học.					
129	H3.03.01.01	Hình ảnh chụp Triết lý giáo dục của Nhà trường		Trường ĐHI	
130	H3.03.01.02	Hình ảnh triết lý giáo dục được giới thiệu tới NH thông qua Lễ khai giảng và Tuần SHCD đầu khóa dành cho SV hệ chính quy		Trường ĐHI	
131	H3.03.01.03	Ảnh chụp Tài liệu "Chiến lược phát triển Trường Đại học Intracom giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045" gửi các đơn vị		Trường ĐHI	
132	H3.03.01.04	(https://intracomuni.edu.vn/) TAM-NHIN-SU MENH-GIA TRI COT LOI		Trường ĐHI	
133	H3.03.01.05	Tài liệu phổ biến triết lý giáo dục tới Giảng viên trong các cuộc họp	Tập tài liệu	Khoa Công nghệ	
134	H3.03.01.06	Quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học điều chỉnh Ngành Kỹ thuật điện (Bản mô tả chương trình đào tạo đại học năm 2026) – phù hợp Triết lý giáo dục	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
135	H3.03.01.07	Hình ảnh Triết lý giáo dục được thể hiện thông qua các pano, áp phích đặt tại khuôn viên Nhà trường	Tập hình ảnh	Khoa Công nghệ	
136	H3.03.01.08	Nội dung triết lý giáo dục được giới thiệu trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa dành cho tân sinh viên thông qua các bài trình bày	Slide bài giảng	Trường ĐHI	
Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					

137	H3.03.02.01	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Intracom (đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ)	Quyết định số 109/QĐ-ĐHI ngày 23/03/2026	Trường ĐHI	
138	H3.03.02.02	Quyết định về phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐH Chu Văn	Số 164/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHI	
139	H3.03.02.03	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021	176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHI	
140		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021	176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHI	
141	H3.03.02.04	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023;	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHI	
142		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2023	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHI	
143	H3.03.02.05	Quyết định ban hành CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
144		Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
145	H3.03.02.06	ĐCHP thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021	Tập đề cương chi tiết HP	Khoa Công nghệ	
146					
147	H3.03.02.07	ĐCHP thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023	Tập đề cương chi tiết HP	Khoa Công nghệ	
148					
149	H3.03.02.08	ĐCHP thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026	Tập đề cương chi tiết HP	Khoa Công nghệ	
150					
151	H3.03.02.09 H3.03.02.10 H3.03.02.11	Quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học điều chỉnh Ngành Kỹ thuật điện (Bản mô tả chương trình đào tạo đại học năm 2026) – Ma trận phương	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	

		pháp giảng dạy – CĐR; Ma trận học phần với CĐR; Hình thức giảng dạy, phương pháp đánh giá			
152	H3.03.02.12	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên	Tập kế hoạch	Trường ĐHI	
153	H3.03.02.13	Thông báo về kế hoạch thí điểm đo lường đánh giá CĐR học phần của CTĐT	Thông báo số 10/TB-ĐHI ngày 09/01/2026	Trường ĐHI	
154	H3.03.02.14 H3.03.02.15	Kế hoạch tập huấn GV về kỹ năng đo lường, đánh CĐR	Tập kế hoạch	Trường ĐHI	
155	H3.03.02.16	Ảnh chụp Hệ thống giảng dạy ClassIn	Ảnh chụp	Trường ĐHI	
156	H3.03.02.17	Minh chứng bài giảng của GV	Tập bài giảng	Khoa Công nghệ	
157	H3.03.02.18	Quyết định thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng	Tập Quyết định	Trường ĐHI	
158	H3.03.02.19	Quyết định ban hành Quy trình hoạt động khảo thí	Tập Quyết định	Trường ĐHI	
159	H3.03.02.20	Quyết định ban hành Quy trình công nhận kết quả học tập	Tập Quyết định	Trường ĐHI	
160	H3.03.02.21	Kế hoạch thí điểm đo lường và đánh giá CĐR học phần và CTĐT	Tập kế hoạch	Trường ĐHI	
161	H3.03.02.22	Biên bản tổng kết thí điểm đánh giá mức độ đạt CĐR	Tập biên bản	Khoa Công nghệ	
162	H3.03.02.23	Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về học phần, hoạt động giảng dạy và điều kiện giáo dục	Tập báo cáo	Khoa Công nghệ	
163	H3.03.02.24	Báo cáo tổng kết của Khoa năm 2025	Báo cáo	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.					
164	H3.03.03.01	Quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học điều chỉnh Ngành Kỹ thuật điện (Bản mô tả chương trình đào tạo đại học năm 2026)	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	

165	H3.03.03.02	Quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học điều chỉnh Ngành Kỹ thuật điện (Bản mô tả chương trình đào tạo đại học năm 2026)	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
166	H3.03.03.03	Báo cáo tổng kết của Khoa Công nghệ hàng năm	Tập báo cáo tổng kết	Khoa Công nghệ	
167	H3.03.03.04	Hình ảnh phần mềm học trực tuyến	Hình ảnh	Khoa Công nghệ	
168	H3.03.03.05	Sổ giảng của GV	Tập sổ giảng GV	Khoa Công nghệ	
169	H3.03.03.06	Biên bản họp chuyên môn đánh giá hoạt động dạy học trực tuyến	Tập biên bản	Khoa Công nghệ	
170	H3.03.03.07	Biên bản họp tổng kết năm học đánh giá hoạt động dạy học trực tuyến	Tập biên bản	Khoa Công nghệ	
171	H3.03.03.08	Phiếu thu thập ý kiến GV và NH về cải tiến chất lượng dạy và học	Tập phiếu khảo sát	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.					
172	H3.03.04.01	Quy định về nghiên cứu khoa học của sinh viên	Tập quy định	Trường ĐHI	
173	H3.03.04.02	Quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học điều chỉnh Ngành Kỹ thuật điện (Bản mô tả chương trình đào tạo đại học năm 2026) – Ma trận Phương pháp giảng dạy	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
174	H3.03.04.03	Quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học điều chỉnh Ngành Kỹ thuật điện (Bản mô tả chương trình đào tạo đại học năm 2026)– Ma trận Phương pháp đánh giá học phần	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
175	H3.03.04.04	ĐCHP thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026	Tập đề cương chi tiết HP	Khoa Công nghệ	
176	H3.03.04.03	Quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học điều chỉnh Ngành Kỹ thuật điện (Bản mô tả chương trình đào tạo	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	

		đại học năm 2026) – Ma trận Phương pháp giảng dạy – **Rubric đánh giá**			
177	H3.03.04.05	Quyết định thành lập Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Đổi mới sáng tạo sinh viên	QĐ 255/QĐ-ĐHI-ĐT ngày 1/6/2026	Trường ĐHI	
178	H3.03.04.06	Thống kê các đề tài khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	Tập thống kê	Trường ĐHI	
179	H3.03.04.07	Kế hoạch tổ chức trải nghiệm công cụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	Tập kế hoạch	Trường ĐHI	
180	H3.03.04.08	Quy định về nghiên cứu khoa học của sinh viên	Quy định số 261/QĐ-ĐHCVA ngày 30/12/2022	Trường ĐHI	
181	H3.03.04.09	NCKH sinh viên Ngành Kỹ thuật điện năm 2024		Khoa Công nghệ	
182	H3.03.04.10	NCKH sinh viên Ngành Kỹ thuật điện năm 2025		Khoa Công nghệ	
183	H3.03.04.11	Danh sách đăng ký đề tài NCKH 2026	Danh sách		
184	H3.03.04.12	Báo cáo tổng kết hằng năm của Phòng QLĐT-NCKH trong giai đoạn 2021-2026 cùng CSDL về đề tài SV NCKH	Tập báo cáo tổng kết	Phòng QLĐT	
185	H3.03.04.13	Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ Trường	Quy định số 13/QĐ- ĐHCVA ngày 09/02/2023	Trường ĐHCVA	
Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
186	H3.03.05.01	Quyết định số 164/QĐ-ĐHCVA ban hành Quy định phát triển, đánh giá, rà soát và cập nhật chương trình đào tạo của Trường Đại học Chu Văn An	QĐ số 164/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHI	
187	H3.03.05.02	Báo cáo rà soát định kỳ hoạt động dạy và học của CTĐT Kỹ thuật điện được ban hành qua các năm 2023, 2026	Tập báo cáo	Khoa Công nghệ	
188	H3.03.05.03	Báo cáo kết quả phân tích đánh giá kết quả học tập của SV năm 1	Tập báo cáo	Khoa Công nghệ	

189	H3.03.05.04	Báo cáo đánh giá mức độ đạt CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện	Tập báo cáo	Khoa Công nghệ	
190	H3.03.05.05	Báo cáo khảo sát ý kiến SV về học phần, phương pháp giảng dạy và điều kiện học tập	Tập báo cáo	Khoa Công nghệ	
191	H3.03.05.06	Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV	Tập báo cáo về dự giờ, sinh hoạt chuyên môn, phản hồi đồng nghiệp	Khoa Công nghệ	
192	H3.03.05.07	Kế hoạch và báo cáo khảo sát ý kiến cựu SV và nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng của CTĐT	Tập hồ sơ	Khoa Công nghệ	
193	H3.03.05.08	Kế hoạch, chương trình và biên bản hội thảo định hướng nghề nghiệp, kết nối với các tổ chức/doanh nghiệp cho SV (Ngày hội việc làm, tọa đàm,…)	Tập hồ sơ	Khoa Công nghệ	
194	H3.03.05.09	Đánh giá của các đơn vị tiếp nhận SV thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan/ doanh nghiệp	Tập phiếu đánh giá	Khoa Công nghệ	
195	H3.03.05.10	Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo về điều chỉnh nội dung dạy và học, phương pháp giảng dạy…	Ngày 25/06/2026	Khoa Công nghệ	
196	H3.03.05.11	QĐ biên soạn đề cương chi tiết học phần trong CTĐT	Số 159/QĐ-ĐHCVA ngày 21/10/2021	Trường ĐHI	
197	H3.03.05.12	ĐCCTHP ngành Kỹ thuật điện Trường Intracom	Tập ĐCCTHP	Trường ĐHI	
198	H3.03.05.13	Kế hoạch và báo cáo tập huấn, seminar, bồi dưỡng GV về phương pháp dạy học và đánh giá theo CĐR	Tập hồ sơ	Trường ĐHI	
199	H3.03.05.14	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Intracom (đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ)	Trường ĐH ĐHI	Trường ĐHI	
200	H3.03.02.15	Thông báo Tập huấn " Phát triển năng lực giảng viên và Mentor trong hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo Intracom	Thông báo ngày 24/09/2026	Trường ĐHI	

201	H3.03.02.16	Màn hình giao diện thực tế trên hệ thống Classin	Ảnh màn hình	Khoa Công nghệ	
202	H3.03.02.17	Quy định hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp		Trường ĐHI	
Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập					
Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
203	H4.04.01.01	Đánh giá KQHT của NH Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026	Thông tư 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026	Bộ GD&ĐT	
204	H4.04.01.02	Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 về chuẩn CTĐT và xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học	Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021	Bộ GD&ĐT	
205	H4.04.01.03	Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 ban hành Khung năng lực số cho NH	Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025	Bộ GD&ĐT	
206	H4.04.01.04	Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Trường ĐHI	
207		Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Quyết định số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026 thay thế Quyết định 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Quyết định số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026	Trường ĐHI	
208	H4.04.01.05	Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHI	
209		Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Trường ĐHI	
210	H4.04.01.06	Quy định đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT trình độ đại học	Quyết định số 58A/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026	Trường ĐHI	
211	H4.04.01.07	Quy trình quản lý điểm tại Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 228/QĐ-ĐHCVA ngày 06/12/2022	Trường ĐHCVA	
212		Quy trình quản lý điểm tại Trường ĐH ĐHI	Quyết định số Số: 124 /QĐ - ĐHI ngày 24/3/2026	Trường ĐHI	

213	H4.04.01.08	Quy trình đánh giá kết quả học tập của SV	Ký hiệu ĐHI/KTĐBCL/QT.ĐGKQHT 02	Trường ĐHI	
214	H4.04.01.09	Mẫu thiết kế đề cương chi tiết học phần thống nhất của Nhà trường được ban hành theo Quyết định ban hành Hướng dẫn ban hành danh mục CTĐT và Kế hoạch rà soát, cập nhật các CTĐT	Số 02/KH-ĐHCVA ngày 20/8/2022	Trường ĐHCVA	
215		Mẫu thiết kế đề cương chi tiết học phần thống nhất của Nhà trường được ban hành theo Quyết định ban hành Hướng dẫn ban hành danh mục CTĐT và Kế hoạch rà soát, cập nhật các CTĐT	QĐ số 44/QĐ-ĐHI ngày 06/02/2026	Trường ĐHI	
216	H4.04.01.10	Ma trận liên kết giữa học phần – CĐR– phương pháp đánh giá được mô tả trong CTĐT	Chương trình đào tạo phiên bản 2026	Trường ĐHI	
217	H4.04.01.11	Hướng dẫn đo lường CĐR CTĐT theo Thông tư 04/2025/TT-BGDDT	Slide Hướng dẫn đo lường CĐR CTĐT theo Thông tư 04/2025/TT-BGDDT	Trường ĐHI	
218	H4.04.01.12	Kết quả đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT trình độ đại học năm học 2025-2026	Báo cáo kết quả	Trường ĐHI	
219	H4.04.01.13	Ban hành bộ đề cương học phần thuộc CTĐT trình độ ĐH áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022	Quyết định số 225/QĐ-ĐHCVA ngày 01/11/2021	Trường ĐHCVA	
220		Ban hành bộ đề cương học phần thuộc CTĐT trình độ ĐH áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024	Quyết định số 82/QĐ-ĐHCVA ngày 28/04/2023	Trường ĐHCVA	
221	H4.04.01.14	Quy định về đánh giá học phần thực tập và tốt nghiệp	Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 19/9/2022	Trường ĐHI	
222	H4.04.01.15	Slide bài giảng của GV phổ biến đến NH về kiểm tra, đánh giá học phần.			
Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.					

223	H4.04.02.01	Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Trường ĐHI	H4.04.01.04
224		Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Quyết định số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026 thay thế Quyết định 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Quyết định số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026	Trường ĐHI	
225		Quy trình phúc khảo bài thi	Ký hiệu ĐHI/KTĐBCL/QT.PKBT 04	Trường ĐHI	
226	H4.04.02.02	Quy trình quản lý điểm tại Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 228/QĐ-ĐHCVA ngày 06/12/2022	Trường ĐHCVA	H4.04.01.07
227		Quy trình quản lý điểm tại Trường ĐH ĐHI	Quyết định số Số: 124 /QĐ - ĐHI ngày 24/3/2026	Trường ĐHI	
228	H4.04.02.03	Quy trình đánh giá kết quả học tập của SV	Ký hiệu ĐHI/KTĐBCL/QT.ĐGKQHT 02	Phòng KT&ĐBCL	H4.04.01.08
229	H4.04.02.04	Quy trình chấm thi Qui định tại Điều 22 Qui định về công tác Khảo thí	QĐ Số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Trường ĐHI	
230	H4.04.02.05	Quy trình giao nhận đề thi, bài thi	Ký hiệu ĐHI/KTĐBCL/QT.ĐNĐT-BT 04	Phòng KT&ĐBCL	
231	H4.04.02.06	Quy định làm tiểu luận, bài tập lớn, bài tập, báo cáo chuyên đề kết thúc học phần bậc Đại học, Thạc sĩ	Quyết định số Số: 125 /QĐ - ĐHI ngày 24/3/2026	Trường ĐHI	
232	H4.04.02.07	Quy trình phúc khảo bài thi	Ký hiệu ĐHI/KTĐBCL/QT.PKBT 04	Trường ĐHI	
233	H4.04.02.08	Quyết định ban hành hướng dẫn thực hiện Quy trình làm phách. Chấm thi, ráp phách, lưu trữ điểm học phần .	Quyết định số 222/QĐ-ĐHCVA ngày 02/12/2022	Trường ĐHCVA	
234	H4.04.02.09	Quy định biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần của Trường ĐH ĐHI	Quyết định số 225/QĐ-ĐHI ngày 28/5/2026	Trường ĐHI	
235	H4.04.02.10	Quy trình đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp	Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 19/9/2022	Trường ĐHCVA	

236	H4.04.02.11	Sổ tay SV	Từ năm 2021 đến 2026	Trường ĐHCVA; Trường ĐHI	
237	H4.04.02.12	Sổ tay cán bộ quản lý lớp			
238	H4.04.02.13	Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2023-2024	KH số 234/KH-ĐHCVA ngày 31/08/2023	Trường ĐHCVA	
239		Tờ trình phê duyệt Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2023-2024	Tờ trình số 24/TTr-QLSV&VL ngày 31/08/2023	Trường ĐHCVA	
240		Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2024-2025	KH số 189/KH-ĐHCVA ngày 16/09/2024	Trường ĐHCVA	
241		Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2025-2026	KH số 156/KH-ĐHCVA ngày 14/08/2025	Trường ĐHCVA	
242		Kế hoạch về sinh hoạt đầu khóa; Slide bài giảng của GV phổ biến đến NH về kiểm tra, đánh giá học phần.	KH số 287 ngày 21/8/2026	Trường ĐHI	
243	H4.04.02.14	Hồ sơ phúc khảo bài thi	Tập hồ sơ phúc khảo bài thi	Phòng KT&ĐBCL	
244	H4.04.02.15	Kết quả ý kiến phản hồi của SV về rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các quy định, quy trình đánh giá KQHT và phúc khảo	Tập phiếu khảo sát	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.					
245	H4.04.03.01	Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021	Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021	Bộ GD&ĐT	
246		Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Thông tư Số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/ 2026	Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026	Bộ GD&ĐT	
247	H4.04.03.02	Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 về chuẩn CTĐT và xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học	Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021	Bộ GD&ĐT	

248	H4.04.03.03	Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Trường ĐHI	
249		Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Quyết định số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026 thay thế Quyết định 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Quyết định số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026	Trường ĐHI	
250	H4.04.03.04	Quy trình quản lý điểm tại Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 228/QĐ-ĐHCVA ngày 06/12/2022	Trường ĐHCVA	
251		Quy trình quản lý điểm tại Trường ĐH ĐHI	Quyết định số Số: 124 /QĐ - ĐHI ngày 24/3/2026	Trường ĐHI	
252	H4.04.03.05	Quy trình đánh giá kết quả học tập của SV	Ký hiệu ĐHI/KTĐBCL/QT.ĐGKQHT 02	Trường ĐHI	
253	H4.04.03.06	Quy trình chấm thi Qui định tại Điều 22 Qui định về công tác Khảo thí	QĐ Số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Trường ĐHI	
254	H4.04.03.07	Quy trình giao nhận đề thi, bài thi	Ký hiệu ĐHI/KTĐBCL/QT.ĐNĐT-BT 04	Phòng KT&ĐBCL	
255	H4.04.03.08	Quy định làm tiểu luận, bài tập lớn, bài tập, báo cáo chuyên đề kết thúc học phần bậc Đại học, Thạc sĩ	Quyết định Số: 125 /QĐ - ĐHI ngày 24/3/2026	Trường ĐHI	
256	H4.04.03.09	Quy trình phúc khảo bài thi Qui định tại Điều 24 Qui định về công tác Khảo thí	QĐ Số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Trường ĐHI	
257	H4.04.03.10	Quyết định ban hành hướng dẫn thực hiện Quy trình làm phách. Chấm thi, ráp phách, lưu trữ điểm học phần .	Quyết định số 222/QĐ-ĐHCVA ngày 02/12/2022	Trường ĐHCVA	
258	H4.04.03.11	Quyết định ban hành Quy định biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần của Trường ĐH ĐHI	Quyết định số 225/QĐ-ĐHI ngày 28/5/2026	Trường ĐHI	
259	H4.04.03.12	Quy trình đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp	Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 19/9/2022		

260	H4.04.03.13	Quyết định Hội đồng xét tốt nghiệp hằng năm	Quyết định số 167 ngày 05/05/2026 Xét TN chính quy; Quyết định số 168 ngày 05/05/2026 Xét TN liên thông VLVH	Trường ĐHI	
261	H4.04.03.14	Phổ biến Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận KQHT và xét tốt nghiệp đến NH			
262	H4.04.03.15	Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2023-2024	KH số 234/KH-ĐHCVA ngày 31/08/2023	Trường ĐHCVA	
263		Tờ trình phê duyệt Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2023-2024	Tờ trình số 24/TTr-QLSV&VL ngày 31/08/2023	Trường ĐHCVA	
264		Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2024-2025	KH số 189/KH-ĐHCVA ngày 16/09/2024	Trường ĐHCVA	
265		Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2025-2026	KH số 156/KH-ĐHCVA ngày 14/08/2025	Trường ĐHCVA	
266		Kế hoạch về sinh hoạt đầu khóa; Slide bài giảng của GV phổ biến đến NH về kiểm tra, đánh giá học phần.	KH số 287 ngày 21/8/2026	Trường ĐHI	
267	H4.04.03.16	Kế hoạch đào tạo trình độ đại học năm học 2026-2027 của Trường ĐH ĐHI	Quyết định số 476/QĐ-ĐHI, ngày 18/09/2026 Vv ban hành	Trường ĐHI	
268	H4.04.03.17	Bảng tổng hợp xếp loại học tập năm học 2020-2021	Tập tài liệu	Phòng QLĐT-NCKH-HTQT	
269		Bảng tổng hợp xếp loại học tập năm học 2021-2022	Tập tài liệu	Phòng QLĐT-NCKH-HTQT	
270		Bảng tổng hợp xếp loại học tập năm học 2022-2023	Tập tài liệu	Phòng QLĐT-	

				NCKH-HTQT	
271		Bảng tổng hợp xếp loại học tập năm học 2023-2024	Tập tài liệu	Phòng QLĐT-NCKH-HTQT	
272		Tổng hợp kết quả rèn luyện năm học 2020-2021	Tập tài liệu	Phòng TS và CTSV	
273		Tổng hợp kết quả rèn luyện năm học 2021-2022	Tập tài liệu	Phòng TS và CTSV	
274		Tổng hợp kết quả rèn luyện năm học 2022-2023	Tập tài liệu	Phòng TS và CTSV	
275		Tổng hợp kết quả rèn luyện năm học 2023-2024	Tập tài liệu	Phòng TS và CTSV	
276		Tổng hợp kết quả rèn luyện năm học 2024-2025	Tập tài liệu	Phòng TS và CTSV	
Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.					
277	H4.04.04.01	Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHCVA	
278		Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Trường ĐHI	
279	H4.04.02.02	Ban hành bộ đề cương học phần thuộc CTĐT trình độ ĐH áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022	Quyết định số 225/QĐ-ĐHCVA ngày 01/11/2021	Trường ĐHCVA	H4.04.01.13
280		Ban hành bộ đề cương học phần thuộc CTĐT trình độ ĐH áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024	Quyết định số 82/QĐ-ĐHCVA ngày 28/04/2023	Trường ĐHCVA	
281	H4.04.04.03	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện phiên bản năm 2021	176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHCVA	
282		Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện phiên bản năm 2023	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHCVA	
283		Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện phiên bản năm 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	

284	H4.04.04.04	Kế hoạch đảm bảo chất lượng 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2030 ĐH Chu Văn An	154B/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Trường ĐHCVA	
285		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 51/KH-ĐHCVA ngày 22/4/2021	Trường ĐHCVA	
286		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2022- 2023 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 218 ngày 10/10/2023	Trường ĐHCVA	
287		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2024-2025 Trường ĐHCVA	Kế hoạch số 87 ngày 17/8/2024	Trường ĐHCVA	
288	H4.04.04.05	Quy định CĐR điều kiện tốt nghiệp về ngoại ngữ, Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm trình độ ĐH đối với SV	Quyết định số 442/QĐ-ĐHI ngày 03/9/2026	Trường ĐHI	
289	H4.04.04.06	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện phiên bản năm 2023	177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHCVA	
290	H4.04.04.07	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện phiên bản năm 2026	294/QĐ-ĐHI ngày 25/06/2026	Trường ĐHI	
291	H4.04.04.08	Quyết định ban hành Quy định công nhận, chuyển đổi KQHT trong trình độ ĐH, SĐH của Trường ĐH ĐHI	Quyết định số 410/QĐ-ĐHCVA ngày 12/8/2026	Trường ĐHI	
292	H4.04.04.09	Quy định về công nhận học phần tương đương	Quyết định số 410/QĐ-ĐHCVA ngày 12/8/2026	Trường ĐHI	
294	H4.04.02.10	Qui định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi Quyết định số 166/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Quyết định số 166/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHI	
295	H4.04.04.11	Qui định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi Quyết định số 225/QĐ-ĐHI ngày 28/5/2026	Quyết định số 225/QĐ-ĐHI ngày 28/5/2026	Trường ĐHI	
297		Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHCVA	
298		Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Trường ĐHI	

299	H4.04.04.12	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định ngân hàng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi	Quyết định số 102/QĐ-ĐHI ngày 28/8/2026	Trường ĐHI	
301	H4.04.04.13	Quyết định nghiệm thu về ngân hàng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi.	Quyết định số 103/QĐ-ĐHI ngày 28/8/2026	Trường ĐHI	
303	H4.04.04.14	Rubrics đánh giá cuối kỳ ngành Luật Kỹ thuật điện	Bảng tổng hợp	Khoa Công nghệ	
304	H4.04.04.15	Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng đề cương chi tiết học phần ngành Kỹ thuật điện	QĐ số 295/QĐ-ĐHI ngày 26/06/2026	Trường ĐHI	
305	H4.04.04.16	KH xây dựng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần năm học 2026-2027 (trong đó có ngành Kỹ thuật điện)	Số 169/KH-ĐHI ngày 29/5/2026	Trường ĐHI	
306	H4.04.04.17	Tập huấn bồi dưỡng chuyên môn về đánh giá theo CĐR CTĐT	Phòng KT&ĐBCL	Phòng KT&ĐBCL	
307	H4.04.04.18	Quy định tổ chức thi kết thúc học phần trực tuyến của Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 229/QĐ-CVA ngày 12/11/2021	Trường ĐHCVA	
308	H4.04.04.19	Quy định về đào tạo trực tuyến, từ xa	Quyết định số 163/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/ 2021	Trường ĐHCVA	
309	H4.04.04.20	Kế hoạch khảo sát phản hồi của NH và cựu người học về hoạt động giảng dạy	KH Số: 61/KH-ĐHI ngày 11/3/2026;	Trường ĐHI	
310	H4.04.04.21	Kết quả khảo sát phản hồi của NH và cựu người học về hoạt động giảng dạy	Tập kế hoạch	Trường ĐHI	
311	H4.04.04.22	Kế hoạch đánh giá về CTĐT	Tập kế hoạch	Trường ĐHI	
312	H4.04.04.23	Quy trình tự đánh giá và đánh giá ngoài Chương trình đào tạo của Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 113/QĐ-ĐHCVA ngày 16/6/2022	Trường ĐHCVA	
Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
313	H4.04.05.01	Hướng dẫn sửa đổi, cập nhật CĐR của CTĐT trình độ đại học	Số 321/HD-ĐHCVA ngày15/11/2023	Trường ĐHCVA	

314		Quyết định ban hành Hướng dẫn ban hành danh mục CTĐT và Kế hoạch rà soát, cập nhật các CTĐT	QĐ số 44/QĐ-ĐHI ngày 06/02/2026	Trường ĐHI	
315	H4.04.05.02	Quyết định ban hành Hướng dẫn ban hành danh mục CTĐT và Kế hoạch rà soát, cập nhật các CTĐT	Số 02/KH-ĐHCVA ngày 20/8/2022	Trường ĐHCVA	
316		Quyết định ban hành Hướng dẫn ban hành danh mục CTĐT và Kế hoạch rà soát, cập nhật các CTĐT	QĐ số 44/QĐ-ĐHI ngày 06/02/2026	Trường ĐHI	
317	H4.04.05.03	Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHI	
318		Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Trường ĐHI	
319	H4.04.05.04	Ban hành bộ đề cương học phần thuộc CTĐT trình độ ĐH áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022	Quyết định số 225/QĐ-ĐHCVA ngày 01/11/2021	Trường ĐHCVA	
320		Ban hành bộ đề cương học phần thuộc CTĐT trình độ ĐH áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024	Quyết định số 82/QĐ-ĐHCVA ngày 28/04/2023	Trường ĐHCVA	
321	H4.04.05.05	Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHI	
322		Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Trường ĐHI	
323	H4.04.05.06	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định ngân hàng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi	Quyết định số 102/QĐ-ĐHI ngày 28/8/2026	Trường ĐHI	
324	H4.04.05.07	Quyết định nghiệm thu về ngân hàng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi.	Quyết định số 103/QĐ-ĐHI ngày 28/8/2026	Trường ĐHI	
325	H4.04.05.08	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Intracom (đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ)	Quyết định số 109/QĐ-ĐHI ngày 23/03/2026	Trường ĐHI	
326	H4.04.05.09	Phân tích kết quả đánh giá đề thi	Báo cáo phân tích	Phòng KT&ĐBCL	

327	H4.04.05.10	Kế hoạch thí điểm đo lường và đánh giá CĐR học phần	Tập kế hoạch	Trường ĐHI	
328	H4.04.05.11	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện (Phiên bản 2021, 2023, 2026)	QĐ Số 176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021; QĐ Số 177/QĐ-ĐHCVA ngày 25/4/2023; QĐ Số 294/QĐ-ĐHCVA ngày 25/6/2026	Trường ĐHCVA, ĐHI	
329	H4.04.05.12	Bản mô tả CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện phiên bản 2021, 2023, 2026	QĐ Số 176/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021; QĐ Số 177/QĐ-ĐHCVA ngày 25/4/2023; QĐ Số 294/QĐ-ĐHCVA ngày 25/6/2026	Trường ĐHCVA, ĐHI	
330	H4.04.05.13	Hướng dẫn đo lường CĐR CTĐT theo Thông tư 04/2025/TT-BGDDT	Slide Hướng dẫn đo lường CĐR CTĐT theo Thông tư 04/2025/TT-BGDDT	Phòng KT&ĐBCL	
332	H4.04.05.14	Kết quả đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học năm học 2025-2026	Báo cáo kết quả	Trường ĐHI	
333	H4.04.05.15	Biên bản họp rà soát, điều chỉnh CTĐT tổ chuyên môn	Tập biên bản	Khoa Công nghệ	
334	H4.04.05.16	Kế hoạch rà soát CTĐT ngành Kỹ thuật điện	Quyết định số 44/QĐ-ĐHI ngày 06/02/2026	Trường ĐHI	
335	H4.04.05.17	Quy trình tự đánh giá và đánh giá ngoài Chương trình đào tạo của Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 113/QĐ-ĐHCVA ngày 16/6/2022	Trường ĐHCVA	
336	H4.04.05.18	Quy định về thực hiện và đánh giá khóa luận, đồ án tốt nghiệp bậc đào tạo đại học của Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 19/9/2022	Trường ĐHCVA	
337		Các QĐ thành lập hội đồng chấm Đồ án tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện	Tập QĐ	Khoa Công nghệ	
338	H4.04.05.19	Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 221/QĐ-ĐHCVA ngày 02/12/2022	Trường ĐHCVA	

339		Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng Trường Đại học Intracom	Quyết định số 29/QĐ-ĐHI ngày 26/01/2026	Trường ĐHI	
340	H4.04.05.20	Báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo, hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát sinh viên và phục vụ cộng đồng từ 2020-2025	BC số 107 ngày 15/01/2022 ; BC số 567 ngày 01/01/2023; BC số 619 ngày 25/01/2024; BC số 619 ngày 25/01/2024; BC số 332 ngày 19/01/2025; BC số 332 ngày 19/01/2025; BC số 697 ngày 5/02/2026	Phòng KT&ĐBCL	
Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.					
341	H4.04.06.01	Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Trường ĐHI	
342		Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Quyết định số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026 thay thế Quyết định 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Quyết định số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026	Trường ĐHI	
343	H4.04.06.02	Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHI	
344		Quy định về công tác khảo thí Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Trường ĐHI	
345	H4.04.06.03	Công bố kết quả học tập của SV trên phần mềm Quản lý đào tạo	Bảng công bố	Phòng QLĐT	
346	H4.04.06.04	Công bố điểm học phần được qui định công tác khảo thí Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Quyết định số 165/QĐ-ĐHCVA ngày 23/10/2021	Trường ĐHI	
347		Công bố điểm học phần được qui định công tác khảo thí Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Quyết định số 75/QĐ-ĐHI ngày 13/3/2026	Trường ĐHI	
348	H4.04.06.05	Kế hoạch khảo sát ý kiến NH về học phần và hoạt động giảng dạy của GV	Tập kế hoạch	Phòng KT&ĐBCL	

349	H4.04.06.06	Phiếu khảo sát về hoạt động kiểm tra, đánh giá người học	Tập mẫu phiếu	Phòng KT&ĐBCL	
350	H4.04.06.07	Kết quả khảo sát ý kiến NH về học phần và hoạt động giảng dạy của GV	Báo cáo kết quả khảo sát	Phòng KT&ĐBCL	
351	H4.04.06.08	Quyết định điều chỉnh về ĐCCTHP	Quyết định số 43/QĐ-ĐHI ngày 06/02/2026	Trường ĐHI	
Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.					
352	H4.04.07.01	Quy định đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT trình độ đại học	Quyết định số 58A/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026	Trường ĐHI	
353	H4.04.07.02	Quy trình khảo sát NH về chất lượng đào tạo toàn khóa học	297/QĐ-ĐHI ngày 28./06/2026	Trường ĐHI	
354	H4.04.07.03	Kế hoạch rà soát CTĐT ngành Kỹ thuật điện	Quyết định số 44/QĐ-ĐHI ngày 06/02/2026	Trường ĐHI	
355	H4.04.07.04	Kế hoạch khảo sát, đánh giá phản hồi từ các bên liên quan phục vụ công tác tự đánh giá chương trình đào tạo năm học 2021-2022	Số: 30/KH-ĐHCVA ngày 11/3/2022	Trường ĐHCVA	
356		Kế hoạch khảo sát, đánh giá phản hồi từ các bên liên quan phục vụ công tác tự đánh giá chương trình đào tạo năm học 2022-2023	Số: 28/KH-ĐHCVA ngày 20/02/2023	Trường ĐHCVA	
357		Kế hoạch khảo sát, đánh giá phản hồi từ các bên liên quan phục vụ công tác tự đánh giá chương trình đào tạo năm học 2023-2024	Số: 32/KH-ĐHCVA ngày 04/03/2024	Trường ĐHCVA	
358		Kế hoạch khảo sát, đánh giá phản hồi từ các bên liên quan phục vụ công tác tự đánh giá chương trình đào tạo năm học 2024-2025	Số: 52/KH-ĐHCVA ngày 20/03/2025	Trường ĐHCVA	
359		Kế hoạch khảo sát, đánh giá phản hồi từ các bên liên quan phục vụ công tác tự đánh giá chương trình đào tạo năm học 2025-2026	Số: 63/KH-ĐHI ngày 20/02/2026	Trường ĐHI	
360	H4.04.07.05	Quy Định về thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan		Trường ĐHI	

361	H4.04.07.06	Quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về các hoạt động của Nhà trường		Trường ĐHI	
362	H4.04.07.07	Các biểu mẫu khảo sát ý kiến của các BLQ về CĐR CTĐT, khung CTĐT	Tập mẫu phiếu khảo sát	Trường ĐHI	
363	H4.04.07.08	Quy định thực hiện công khai thông tin trong hoạt động của Trường		Trường ĐHI	
364	H4.04.07.09	Thông báo thực hiện quy chế về công khai thông tin	Tập thông báo	Trường ĐHI	
365	H4.04.07.10	Báo cáo công khai thông tin năm 2024, 2025	Tập Báo cáo	Trường ĐHI	
366	H4.04.07.11	Nhà trường công bố công khai, cập nhật các quy định về đánh giá KQHT trên trang thông tin điện tử của trường	Trang Web trường	Trường ĐHI	
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên					
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng					
367	H5.05.01.01	Chiến lược phát triển Trường Đại học Intracom (ECOUNI CVA) giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045	Quyết định số 77/QĐ-HĐT ngày 19/4/2023	Trường ĐHCVA	
368	H5.05.01.02	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2022- 2030	Số: 94A/QĐ-ĐHCVA ngày 18/05/2023	Trường ĐHCVA	
369	H5.05.01.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Intracom	Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-ĐHCVA ngày 05/01/2026).	Trường ĐHI	
370	H5.05.01.04	Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên riêng của ngành Kỹ thuật điện	Bản kế hoạch	Khoa Công nghệ	
371		Thông báo tuyển dụng giảng viên cơ hữu ngành Kỹ thuật điện	Tập thông báo	Trường ĐHI	
372	H5.05.01.05	Quy định tuyển dụng cán bộ, giảng viên, nhân viên và người lao động của Trường	Số 35/QĐ-ĐHCVA ngày 11/3/2022	Trường ĐHCVA	
373		Báo cáo rà soát nhu cầu tuyển dụng giảng viên theo ngành Kỹ thuật điện	Báo cáo	Khoa Công nghệ	

374	H5.05.01.06	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Intracom	Số 72/QĐ-ĐHCVA ngày 12/4/2022	Trường ĐHCVA	
375	H5.05.01.07	Đề án vị trí việc làm (Danh mục VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực)	Số 40A/QĐ-ĐHCVA ngày 15/3/2022	Trường ĐHI	
376	H5.05.01.08	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên các năm học 2021-2025	Số: 52b/ KH-ĐHI 2021, Số: 107b/KH-/2022, Số: 238b/KH-ĐHI/2023, Số:162/KH-ĐHI-/2024;	Trường ĐHCVA	
377	H5.05.01.09	1. Quyết định cử cán bộ, giảng viên tham gia tập huấn, kiểm định chất lượng	Số 231/QĐ-ĐHCVA ngày 17/11/2021	Trường ĐHCVA	
378		2. Danh sách giảng viên ngành được cử đi đào tạo, bồi dưỡng và văn bằng/chứng chỉ đạt được	Số 239/QĐ-ĐHCVA ngày 13/12/2022 Bảng Danh sách cử CB,GV đi bồi dưỡng		
379	H5.05.01.10	Bảng thống kê giảng viên, nghiên cứu viên của CTĐT (thâm niên, cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ, học hàm/học vị)	Bảng thống kê từ 2021-2025	Trường ĐHI	
380		Hồ sơ giảng viên, nghiên cứu viên ngành (lý lịch khoa học, hợp đồng lao động, văn bằng/chứng chỉ)	Tập hồ sơ từ 2021-2025	Trường ĐHI	
381		Danh sách giảng viên thỉnh giảng và hợp đồng thỉnh giảng theo ngành	Bảng danh sách 2021-2025	Phòng Tổ chức - Pháp chế	
Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.					
382	H5.05.02.01	1. Bảng thống kê giảng viên, nghiên cứu viên của CTĐT (thâm niên, cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ, học hàm/học vị)	2021-2025	Trường ĐHI	
383		Hồ sơ giảng viên, nghiên cứu viên ngành (lý lịch khoa học, hợp đồng lao động, văn bằng/chứng chỉ)	2021-2025	Trường ĐHI	

384		Đề án vị trí việc làm (Danh mục VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực)	Số 40A/QĐ-ĐHCVA ngày 15/3/2022	Trường ĐHCVA	
385	H5.05.02.02	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Intracom	Số 72/QĐ-ĐHCVA ngày 12/4/2022	Trường ĐHCVA	
386		Bảng phân công giảng dạy, KPI của giảng viên theo học kỳ/năm học của ngành	Bảng phân công giảng dạy	Ngành KTĐ	
387	H5.05.02.03	Danh sách giảng viên thỉnh giảng và hợp đồng thỉnh giảng theo ngành	Bảng danh sách 2021-2025	Ngành KTĐ	
388	H5.05.02.04	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Intracom.	Số 72/QĐ-ĐHCVA ngày 12/4/2022	Trường ĐHCVA	
389	H5.05.02.05	Báo cáo thống kê cán bộ, giảng viên, nhân viên theo các năm học	Bảng thống kê từ 2021-2025	Trường ĐHI	
390	H5.05.02.06	Bảng đánh giá KPI/hiệu quả công việc của giảng viên ngành theo năm	Bảng đánh giá	Ngành KTĐ	
391	H5.05.02.07	Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường	Số 34/QĐ-ĐHCVA ngày 11/3/2022	Trường ĐHCVA	
392	H5.05.02.08	Báo cáo khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên ngành theo học kỳ	Tập Báo cáo	Trường ĐHI	
Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp.					
393	H5.05.03.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Intracom	Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-ĐHI ngày 05/01/2025	TrườngĐHI	
394	H5.05.03.02	Đề án vị trí việc làm (khung năng lực theo từng vị trí)	Số 40A/QĐ-ĐHCVA ngày 15/3/2022	Trường ĐHCVA	
395	H5.05.03.03	Quyết định ban hành Quy định chuẩn năng lực giảng viên	Số 235/QĐ-ĐHCVA ngày 08/12/2022	Trường ĐHCVA	
396	H5.05.03.04	1. Bảng đánh giá KPI/hiệu quả công việc của giảng viên ngành theo năm	Bảng đánh giá GV	Ngành KTĐ	
397		2. Hồ sơ giảng viên, nghiên cứu viên ngành (lý lịch khoa học, hồ sơ chuyên môn)	Danh sách GV,NCV 2021-2025	Ngành KTĐ	

398	H5.05.03.05	Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm việc tại Trường (bao gồm quy trình đánh giá hiệu quả công việc)	Số 34/QĐ-ĐHCVA ngày 27/02/2023	Trường ĐHCVA	
399	H5.05.03.06	Biên bản dự giờ giảng của giảng viên ngành luật	Tập biên bản	Ngành KTĐ	
400	H5.05.03.07	Báo cáo khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên ngành theo học kỳ	Báo cáo	Phòng CTSV	
401	H5.05.03.08	1. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên các năm học 2021-2025, 2. Bảng đánh giá KPI/hiệu quả công việc của giảng viên ngành theo năm	Tập kế hoạch Danh Sách Đánh giá	Trường ĐHI	
402	H5.05.03.09	1. Báo cáo tổng kết năm học của Trường Đại học Intracom các năm học 2020-2025; 2. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025	Báo cáo Từ 2021-2025 Tập kế hoạch	Trường ĐHI	
Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.					
403	H5.05.04.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Intracom	Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-ĐHCVA ngày 05/01/2025	Trường ĐHCVA	
404	H5.05.04.02	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên	Số 72/QĐ-ĐHCVA ngày 12/4/2022	Trường ĐHCVA	
405					
406	H5.05.04.03	Quy định công tác chuyên môn, hồ sơ chuyên môn đối với các khoa, bộ môn và cán bộ giảng viên	Tập Quyết định	Trường ĐHI	
407	H5.05.04.04	1. Bảng phân công giảng dạy, hướng dẫn khóa luận/đồ án theo học kỳ ngành Kỹ thuật Điện 2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng theo ngành	Bảng danh sách	Ngành KTĐ	
408	H5.05.04.05	Biên bản họp Khoa/Bộ môn về phân công chuyên môn	Tập biên bản 2021-2025	Ngành KTĐ	
409	H5.05.04.06	1. Kế hoạch năm học, thời khóa biểu của ngành theo học kỳ	Tập kế hoạch Báo cáo Từ 2021-2025	Trường ĐHI	

		2. Báo cáo tổng kết năm học của Trường Đại học Intracom)			
410	H5.05.04.07	1. Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường	Số 34/QĐ-ĐHCVA ngày 11/3/2022	Trường ĐHCVA	
411		2. Bảng đánh giá KPI/hiệu quả công việc của giảng viên ngành theo năm	Kết Quả đánh giá	Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng					
412	H5.05.05.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Intracom	Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-ĐHCVA ngày 05/01/2025..	Trường ĐHCVA	
413	H5.05.05.02	Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo thuộc Trường quản lý	Số 08A/QĐ-ĐHCVA ngày 10/01/2022	Trường ĐHCVA	
414	H5.05.05.03	Đề án vị trí việc làm	Số 40A/QĐ-ĐHCVA ngày 15/3/2022	Trường ĐHCVA	
415	H5.05.05.04	Quyết định ban hành Quy định chuẩn năng lực giảng viên	Số 235/QĐ-ĐHCVA ngày 08/12/2022	Trường ĐHCVA	
416		Hồ sơ đề xuất bổ nhiệm/thăng tiến giảng viên ngành (nếu có phát sinh trong giai đoạn đánh giá)	Tập Hồ sơ	Trường ĐHI	
417	H5.05.05.05	1. Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm việc tại Trường (bao gồm quy trình đánh giá hiệu quả công việc)	Số 34/QĐ-ĐHCVA ngày 27/02/2023	Trường ĐHCVA	
418		2. Bảng đánh giá KPI/hiệu quả công việc của giảng viên ngành theo năm	Bảng đánh giá GV	Khoa Công nghệ	
419	H5.05.05.06	1. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch từ	Trường ĐHI	
420		2. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên các năm học 2021-2025	2021-2025	Trường ĐHCVA	
421	H5.05.05.07	Quyết định bổ nhiệm/điều chuyển giảng viên, nghiên cứu viên thuộc ngành (nếu có)	Tập Quyết định	Trường ĐHI	
Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.					

422	H5.05.06.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Intracom	Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-ĐHCVA ngày 05/01/2025	Trường Đại học Chu Văn An	
423	H5.05.06.02	. Đề án vị trí việc làm	Số 40A/QĐ-ĐHCVA ngày 15/3/2022	Trường ĐHCVA	
424	H5.05.06.03	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên	Số 72/QĐ-ĐHCVA ngày 12/4/2022	Trường ĐHCVA	
425	H5.05.06.04	Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên	Số 72/QĐ-ĐHCVA ngày 12/4/2022, Số 261/QĐ-ĐHCVA ngày 30/12/2022	Trường ĐHCVA	
426	H5.05.06.05	Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường	Số 223/QĐ-ĐHCVA ngày 05/12/2022	Trường ĐHCVA	
427	H5.05.06.06	1. Biên bản họp khoa/bộ môn phổ biến quy định, trách nhiệm giảng viên ngành	Tập biên bản	Ngành KTĐ	
428		2. Minh chứng phổ biến qua website/email/họp giao ban của Khoa quản lý	Hình ảnh Webz khoa	Khoa Công nghệ	
429	H5.05.06.07	Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (bao gồm quy trình đánh giá hiệu quả công việc)	Số 34/QĐ-ĐHCVA ngày 27/02/2023	Trường ĐHCVA	
430	H5.05.06.08	Biên bản dự giờ giảng của giảng viên ngành KTĐ	Tập biên bản từ 2021-2025	Ngành KTĐ	
431	H5.05.06.09	Báo cáo tổng kết năm học của Trường Đại học Intracom các năm học 2020-2025).	2021-2025	Trường ĐHI	
Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.					
432	H5.05.07.01	Chiến lược phát triển Trường Đại học Intracom giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045	Số 77/QĐ-HĐT ngày 19/4/2023	Trường ĐHI	
433	H5.05.07.02	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực.	Số 94A/QĐ-ĐHCVA ngày 18/5/2023	Trường ĐHCVA	

434	H5.05.07.03	Quyết định ban hành Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	Số 34/QĐ-ĐHCVA ngày 27/02/2023	Trường ĐHCVA	
435	H5.05.07.04	1. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên các năm học 2021-2025	Số: 52b/ KH-ĐHI 2021, Số: 107b/KH-/2022,	Trường ĐHI	
436		2. Bảng phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên ngành theo năm	Số: 238b/KH-ĐHI/2023, Số:162/KH-ĐHI-/2024;	Trường ĐHI	
437	H5.05.07.05	1. Quyết định cử cán bộ, giảng viên tham gia tập huấn nghiệp vụ, kiểm định chất lượng giáo dục.	- Số 231/QĐ-ĐHCVA ngày 17/11/2021,	Trường ĐHCVA	
438		2. Danh sách giảng viên ngành được cử đi đào tạo, bồi dưỡng và văn bằng/chứng chỉ đạt được	Số 239/QĐ-ĐHCVA ngày 13/12/2022	Trường ĐHCVA	
439	H5.05.07.06	1. Thống kê kinh phí đào tạo, bồi dưỡng phân bổ riêng cho giảng viên ngành 2. Báo cáo tổng kết năm học của Trường Đại học Intracom).	2021-2025	Trường ĐHI	
Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.					
440	H5.05.08.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Intracom	Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-ĐHI ngày 05/01/2025	Đảng Bộ trường	
441	H5.05.08.02	Báo cáo khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên ngành theo năm học;	Báo cáo	Phòng CTSV	
442	H5.05.08.03	Biên bản dự giờ giảng của giảng viên	Tập biên bản 2021-2025	Ngành Kỹ TĐ	
443	H5.05.08.04	1 Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường	- Số 34/QĐ-ĐHCVA ngày 11/3/2022	Trường ĐHCVA	
444		2. Quyết định công nhận tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng năm	Tập quyết định	Trường ĐHCVA	

445		3 Danh sách giảng viên ngành được khen thưởng, công nhận danh hiệu thi đua	Danh sách kèm theo QĐ	Trường ĐHCVA	
446	H5.05.08.05	1. Báo cáo tổng kết năm học của Trường Đại học Intracom các năm học 2021-2025; 2. Kế hoạch giảng dạy, dự giờ của Khoa quản lý	2021-2025	Trường ĐHI	
Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học					
Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của chương trình đào tạo; được công bố công khai và được cập nhật.					
447	H6.06.01.01	Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 1/6/2021	Bộ GD&ĐT	
448		Thông tư Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022	Bộ GD&ĐT	
449		Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	TT số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025	Bộ GD&ĐT	
450		Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng	TT số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/2/2026	Bộ GD&ĐT	
451	H6.06.01.02	Đề án tuyển sinh đại học năm 2022	QĐ số 39B ngày 15/3/2022	Trường ĐHCVA	

452		Đề án tuyển sinh đại học năm 2023	QĐ số 15 ngày 10/02/2023	Trường ĐHCVA	
453		Đề án tuyển sinh đại học năm 2024	QĐ số 261 ngày 25/12/2023	Trường ĐHCVA	
454		Thông tin tuyển sinh năm học 2025-2026	TT số 97A ngày 18/6/2025	Trường ĐHCVA	
455		Thông tin tuyển sinh năm ĐH 2026-2027	257/QĐ-ĐHI ngày 15 tháng 06 năm 2026	Trường ĐHI	
456	H6.06.01.03	Kế hoạch tuyển sinh 2022	113A/KH-TTTS&LKĐT ngày 19 tháng 09 năm 2022	Trường ĐHCVA	
457		Kế hoạch tuyển sinh 2023	288/BC-ĐHCVA ngày 08 tháng 11 năm 2023	Trường ĐHCVA	
458		Kế hoạch tuyển sinh 2024	Ngày 28 tháng 03 năm 2024	Trường ĐHCVA	
459		Kế hoạch tuyển sinh 2025	03/KH-TS&CTSV ngày 20 tháng 02 năm 2025	Trường ĐHCVA	
460	H6.06.01.04	QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ ĐH năm 2021	14a/QĐ-ĐHCVA ngày 25/5/2021; 137/QĐ-ĐHCVA ngày 9/9/2021	Trường ĐHI	
461		QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ ĐH năm 2022	15A/QĐ-ĐHCVA ngày 1/2/2022; 15B/QĐ-ĐHCVA ngày 1/2/2022	Trường ĐHI	
462		QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ ĐH năm 2023	10/QĐ-ĐHCVA Ngày 07 tháng 02 năm 2023	Bộ GD&Đào tạo	
463		QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ ĐH năm 2024	QĐ số 228/QĐ-ĐHCVA ngày 15/11/2023	Trường ĐHI	
464		QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ ĐH năm 2025	14/QĐ-ĐHCVA Ngày 25 tháng 02 năm 2025	Trường ĐHI	
465		QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ ĐH năm 2026	QĐ số 141/QĐ-ĐHI ngày 09/04/2026	Trường ĐHI	
466	H6.06.01.05	Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy năm 2022 (đợt xét bổ sung) theo phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	QĐ số 255/QĐ-ĐHCVA ngày 29/12/2022	Trường ĐHCVA	

467		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy năm 2022 theo phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	QĐ số 150/QĐ-ĐHCVA ngày 16/09/2022	Trường ĐHCVA	
468		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy năm 2022 theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT	QĐ số 149/QĐ-ĐHCVA ngày 16/09/2022	Trường ĐHCVA	
469		Quyết định tiếp nhận sinh viên chuyển trường	QĐ 146/QĐ-ĐHCVA ngày 11/8/2023	Trường ĐHCVA	
470		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy năm 2023 theo phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	159/QĐ-ĐHCVA ngày 25 tháng 08 năm 2023	Trường ĐHCVA	
471		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy năm 2023 theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT	160/QĐ-ĐHCVA ngày 25 tháng 08 năm 2023	Trường ĐHCVA	
472		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy năm 2023 (đợt 2) theo phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	166/QĐ-ĐHCVA ngày 13 tháng 09 năm 2023	Trường ĐHCVA	
473		Quyết định tiếp nhận sinh viên chuyển trường	QĐ 165/QĐ-ĐHCVA ngày 10/10/2024	Trường ĐHCVA	
474		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy bổ sung năm 2024 theo phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (Đợt bổ sung)	QĐ 141/QĐ-ĐHCVA ngày 05/09/2024	Trường ĐHCVA	
475		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học	QĐ 142/QĐ-ĐHCVA ngày 05/09/2024	Trường ĐHCVA	

		chính quy bổ sung năm 2024 theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT (Đợt bổ sung)			
476		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy bổ sung năm 2024 theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT	QĐ 125/QĐ-ĐHCVA ngày 19/08/2024	Trường ĐHCVA	
477		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy bổ sung năm 2024 theo phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	QĐ 126/QĐ-ĐHCVA ngày 19/08/2024	Trường ĐHI	
478		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy bổ sung năm 2025 (đợt 1) theo phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	158A/QĐ-ĐHCVA ngày 29 tháng 09 năm 2025	Trường ĐHCVA	
479		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy năm 2025 theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT	130/QĐ-ĐHCVA ngày 28 tháng 08 năm 2025	Trường ĐHCVA	
480		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy năm 2025 theo phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	129/QĐ-ĐHCVA ngày 28 tháng 08 năm 2025	Trường ĐHCVA	
481		Quyết định về việc tiếp nhận sinh viên chuyển trường	145/QĐ-ĐHCVA ngày 17 tháng 09 năm 2025	Trường ĐHCVA	
482		Quyết định về việc tiếp nhận sinh viên chuyển trường	146/QĐ-ĐHCVA ngày 17 tháng 09 năm 2025	Trường ĐHCVA	
483		Quyết định về việc tiếp nhận sinh viên chuyển trường	147/QĐ-ĐHCVA ngày 17 tháng 09 năm 2025	Trường ĐHCVA	
484		Quyết định về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học	158A/QĐ-ĐHCVA ngày 29 tháng 09 năm 2025	Trường ĐHCVA	

		chính quy bổ sung năm 2025 (đợt 1) theo phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)			
485		QĐ về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển đại học chính quy bổ sung năm 2025 (đợt 2) theo phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	306A/QĐ-ĐHI ngày 05 tháng 12 năm 2025	Trường ĐHI	
486	H6.06.01.06	Ảnh chụp trang website có đăng Đề án /Thông tin tuyển sinh; các thông báo ngưỡng ĐBCL đầu vào các năm	Ảnh chụp	Trường ĐHI	
487		Các trang thông tin chính thống của trường	Link		
488		Kế hoạch truyền thông tuyển sinh 2022- 2023;	08/KH-ĐHI ngày 04/01/2021	Trường ĐHCVA	
489		Kế hoạch truyền thông tuyển sinh 2023- 2024;	08/KH-ĐHI ngày 04/01/2022	Trường ĐHCVA	
490		Kế hoạch truyền thông tuyển sinh 2024- 2024;	08/KH-ĐHI ngày 03/01/2023	Trường ĐHCVA	
491		Kế hoạch truyền thông tuyển sinh 2024- 2025;	08/KH-ĐHI ngày 02/01/2024	Trường ĐHCVA	
492	H6.06.01.07	Biên bản Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, nhập học đại học, cao đẳng chính qui 2021	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	Trường ĐHCVA	
493		Biên bản Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, nhập học đại học chính qui 2022	Ngày 05 tháng 12 năm 2022	Trường ĐHCVA	
494		Biên bản Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, nhập học đại học chính qui 2023	Ngày 05 tháng 12 năm 2023	Trường ĐHCVA	
495		Biên bản Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, nhập học đại học chính qui 2024	05 tháng 12 năm 2024	Trường ĐHCVA	
496		Biên bản Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, nhập học đại học chính qui 2025	Ngày 12 tháng 12 năm 2025	Trường ĐHCVA	

Tiêu chí 6.2: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chuẩn của vị trí việc làm, tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.					
497	H6.06.02.01	Nghị quyết của Hội đồng trường về việc ban hành Sơ đồ tổ chức, Danh mục vị trí việc làm, Chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của Trường Đại học Intracom;	20/NĐ-HĐI ngày 27/02/2026	Trường ĐHI	
498		Quyết định về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong Trường	QĐ số 40A/QĐ-ĐHCVA ngày 15/03/2022	Trường ĐHCVA	
499		Quy chế tuyển dụng của Trường Đại học Intracom	48/QĐ-ĐHI ngày 26/02/2026	Trường ĐHI	
500		Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên trường Đại học Chu Văn An	72/QĐ-ĐHCVA, ngày 12/04/2022	Trường ĐHCVA	
501		Quyết định về việc ban hành quy định tuyển dụng cán bộ, giảng viên, nhân viên và người lao động của Trường	35/QĐ-ĐHCVA, ngày 11/3/2022	Trường ĐHCVA	
502	H6.06.02.02	Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Trường giai đoạn 2020-2025	Tập KH	Trường ĐHCVA	
503		Thông báo tuyển giảng viên năm học 2025-2026	214/TB-ĐHI ngày 03/12/2025	Trường ĐHI	
504		Thông báo tuyển dụng nhân viên thanh tra, pháp chế	223/TB-ĐHI ngày 05/12/2025	Trường ĐHI	
505		Thông báo về việc tuyển dụng nhân viên Phòng Quản lý cơ sở vật chất và Phòng thí nghiệm	224/TB-ĐHI ngày 05/12/2025	Trường ĐHI	
506		Thông báo về việc tuyển dụng nhân viên Công nghệ thông tin	226/TB-ĐHI ngày 05/12/2025	Trường ĐHI	
507		Ảnh chụp màn hình đăng tải thông tin tuyển dụng.	2021-2025	Trường ĐHI	
508	H6.06.02.03	Kế hoạch đảm bảo chất lượng 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2030 ĐH Chu Văn An	154B/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Trường ĐHI	

509		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022 Trường Đại học Chu Văn An	51/KH-ĐHCVA ngày 22/4/2021	Trường ĐHCVA	
510		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2022- 2023 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 27 ngày 20 /02/2023	Trường ĐHCVA	
511		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2023-2024 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 218 ngày 10/10/2023	Trường ĐHCVA	
512		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2024-2025 Trường ĐHCVA	Kế hoạch số 87 ngày 17/8/2024	Trường ĐHCVA	
513	H6.06.02.04	Các quyết định tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm đội ngũ GV (2020-2025)	Tập QĐ	Trường ĐHCVA	
514	H6.06.02.05	Thông báo về việc Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên, nhân viên cuối năm học	TB số 35f/TB-ĐHCVA ngày 09/09/2021	Trường ĐHCVA	
515		Thông báo về việc Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên, nhân viên cuối năm học	TB số 62b/TB-ĐHCVA ngày 08/06/2022	Trường ĐHCVA	
516		Thông báo về việc Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên, nhân viên cuối năm học	TB số 156b/TB-ĐHCVA ngày 06/06/2023	Trường ĐHCVA	
517		Thông báo về việc Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên, nhân viên cuối năm học	TB số 104b/TB-ĐHCVA ngày 10/06/2024	Trường ĐHCVA	
518		Biên bản họp xét, đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng năm học 2020-2021	BB số 23 ngày 13/8/2021	Trường ĐHCVA	
519		Biên bản họp xét, đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng năm học 2021-2022	BB số 01 ngày 13/07/2022	Trường ĐHCVA	
520		Biên bản họp xét, đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng năm học 2022-2023	BB số 11 ngày 05/8/2023	Trường ĐHCVA	

521		Biên bản họp xét, đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng năm học 2023-2024	BB số 131 ngày 25/8/2024	Trường ĐHCVA	
522		Biên bản họp xét, đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng năm học 2024-2025	BB số 63 ngày 12/8/2025	Trường ĐHCVA	
523		Quyết định về việc công nhận Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021	QĐ số 13 ngày 23/08/2021	Trường ĐHCVA	
524		Quyết định về việc công nhận Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021-2022	QĐ số 135A ngày 13/07/2022	Trường ĐHCVA	
525		Quyết định về việc công nhận Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023	QĐ số 216 ngày 31/10/2023	Trường ĐHCVA	
526		Quyết định về việc công nhận Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2023-2024	QĐ số 168 ngày 14/10/2024	Trường ĐHCVA	
527		Quyết định về việc công nhận Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025	QĐ số 198 ngày 24/8/2025	Trường ĐHCVA	
528	H6.06.02.06	Quy chế thi đua khen thưởng của Trường Đại học Intracom;	35/QĐ-ĐHI ngày 30/01/2026	Trường ĐHI	
529		Quy chế thi đua khen thưởng của Trường Đại học Intracom;	34/QĐ-ĐHI ngày 11/03/2022	Trường ĐHI	
530		Thông báo về việc Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên, nhân viên cuối năm học	TB số 35f/TB-ĐHCVA ngày 09/09/2021	Trường ĐHI	
531		Thông báo về việc Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên, nhân viên cuối năm học	TB số 62b/TB-ĐHCVA ngày 08/06/2022	Trường ĐHI	
532		Thông báo về việc Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên, nhân viên cuối năm học	TB số 156b/TB-ĐHCVA ngày 06/06/2023	Trường ĐHI	

533		Thông báo về việc Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, giảng viên, nhân viên cuối năm học 2025;	TB số 104b/TB-ĐHCVA ngày 10/06/2024	Trường ĐHI	
534		Hướng dẫn đánh giá tổng kết năm học về hoạt động của cán bộ giang viên năm học 2021-2022	65A/HD-ĐHCVA ngày 15/06/2022	Trường ĐHCVA	
535		Hướng dẫn đánh giá tổng kết năm học về hoạt động của cán bộ giang viên năm học 2022-2023	214A/HD-ĐHCVA ngày 11/08/2023	Trường ĐHCVA	
536		Hướng dẫn đánh giá tổng kết năm học về hoạt động của cán bộ giang viên năm học 2023-2024	157/HD-ĐHCVA ngày 5/09/2024	Trường ĐHCVA	
537		Hướng dẫn đánh giá tổng kết năm học về hoạt động của cán bộ giang viên năm học 2024-2025	135/HD-ĐHCVA ngày 19/09/2025	Trường ĐHCVA	
538	H6.06.02.07	Quyết định về việc công nhận Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021	QĐ số 13 ngày 23/08/2021	Trường ĐHCVA	
539		Quyết định về việc công nhận Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021-2022	QĐ số 135A ngày 13/07/2022	Trường ĐHCVA	
540		Quyết định về việc công nhận Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023	QĐ số 216 ngày 31/10/2023	Trường ĐHCVA	
541		Quyết định về việc công nhận Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2023-2024	QĐ số 168 ngày 14/10/2024	Trường ĐHCVA	
542		Quyết định về việc công nhận Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025	QĐ số 198 ngày 24/8/2025	Trường ĐHCVA	
543	H6.06.02.08	Thông báo Khảo sát nhu cầu các đơn vị năm học 2023-2024;	Tập thông báo	Trường ĐHI	
544		Thông báo Khảo sát nhu cầu các đơn vị năm học 2025-2026.	Tập thông báo	Trường ĐHI	

545	H6.06.02.09	Tổ chức tập huấn cho giảng viên về cách thức xây dựng chuẩn đầu ra (CĐR), ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp đánh giá, cấp độ nhận thức và kỹ năng	11/01/2022	Trường ĐHCVA	
546		Đề án tổ chức tập huấn về kĩ năng hòa giải thương mại quốc tế	61.ĐHCVA-HTQT, ngày 07/6/2022	Trường ĐHCVA	
547		Lớp tập huấn sử dụng bộ Microsoft Office 365 cho giảng viên;	Tập hồ sơ	Trường ĐHCVA	
548		Các lớp tập huấn về công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục	Tập biên bản	Trường ĐHCVA	
549		Tập huấn phần mềm quản lý ĐBCL của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Năm 2021	Trường ĐHCVA	
550		Quyết định cử nhân sự đi học lớp kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp	231/QĐ-CVA ngày17/11/2021	Trường ĐHCVA	
551		QĐ về việc cử cán bộ, giảng viên tham gia tập huấn phục vụ công tác kiểm định chất lượng	239/QĐ-ĐHCVA ngày 13/12/2022	Trường ĐHCVA	
552		Quyết định cử cán bộ, giảng viên và người lao động đi đào tạo bồi dưỡng quản lý cấp phòng và tương đương.	Tập Quyết định	Trường ĐHI	
553		Quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên, người lao động đi đào tạo bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính;	Tập Quyết định	Trường ĐHI	
554		Quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên, người lao động tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng AI;	Tập Quyết định	Trường ĐHI	
555		Hợp đồng lao động của cán bộ hỗ trợ được tuyển mới trong giai đoạn đánh giá.	2021-2025	Trường ĐHI	

Tiêu chí 6.3: Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học (học thuật và phi học thuật) được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

556	H6.06.03.01	Nghị quyết ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Intracom giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	18-NQ-HĐT ngày 26/01/2026	Trường ĐHI	
557		Quyết định về việc ban hành Chiến lược phát triển trường Đại học Chu Văn An giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045	77/QĐ-ĐHCVA ngày 19/4/2023	Trường ĐHCVA	
558		Chiến lược phát triển Khoa Công nghệ		Trường ĐHCVA	
559	H6.06.03.02	Kế hoạch năm học 2021-2022 của Khoa Công nghệ		Khoa CN	
560		Kế hoạch năm học 2022-2023 của Khoa Công nghệ		Khoa CN	
561		Kế hoạch năm học 2023-2024 của Khoa Công nghệ		Khoa CN	
562		Kế hoạch năm học 2024-2025 của Khoa Công nghệ		Khoa CN	
563	H6.06.03.03	Kế hoạch công tác cá nhân năm học 2021–2025 (có nội dung hỗ trợ NCS, CVHT)		Khoa CN	
564	H6.06.03.04	Biên bản họp đầu năm/cuối năm học 2021-2022 Khoa Công nghệ		Khoa CN	
565		Biên bản họp đầu năm/cuối năm học 2022-2023 Khoa Công nghệ		Khoa CN	
566		Biên bản họp đầu năm/cuối năm học 2023-2024 Khoa Công nghệ		Khoa CN	
567		Biên bản họp đầu năm/cuối năm học 2024-2025 Khoa Công nghệ		Khoa CN	
568		Biên bản họp đầu năm/cuối năm học 2025-20256 Khoa Công nghệ		Khoa CN	
569	H6.06.03.05	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐHCVA	173/QĐ-ĐHCVA ngày 26/10/2021	Trường ĐHCVA	
570		Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường ĐH Intracom	45/QĐ-ĐHI ngày 26/02/2026	Trường ĐHI	

571		Quyết định thành lập các phòng chức năng thuộc Trường ĐHCVA	120/QĐ-ĐHCVA ngày 7/9/2021	Trường ĐHCVA	
572		Quyết định thành lập các Khoa chuyên môn thuộc Trường ĐHCVA	121/QĐ-ĐHCVA ngày 7/9/2021	Trường ĐHCVA	
573		Quyết định đổi tên Khoa Công nghệ	63/HGGT-ĐHCVA ngày 05/4/2022	Trường ĐHCVA	
574	H6.06.03.06	Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm	QĐ số 44/QĐ-ĐHCVA ngày 03/03/2023	Trường ĐHCVA	
575		Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm	85/QĐ-ĐHI ngày 18/03/2026	Trường ĐHI	
576		Hình ảnh phần mềm Quản lý đào tạo	Hình ảnh	Trường ĐHI	
577	H6.06.03.07	Kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ và sửa đổi nội dung Quy chế CTSV (Kế hoạch tập huấn nghiệp vụ cho CVHT)	KH số 05/KH-ĐHCVA ngày 01/10/2021	Trường ĐHCVA	
578			KH số 04/KH-ĐHCVA ngày 01/7/2022	Trường ĐHCVA	
579			KH số 07/KH-ĐHCVA ngày 28/7/2023	Trường ĐHCVA	
580			KH số 35/KH-ĐHCVA ngày 29/7/2024	Trường ĐHCVA	
581			KH số 80/KH-ĐHCVA ngày 05/9/2025	Trường ĐHCVA	
582		Báo cáo tổng kết công tác CVHT 2021-2022	BC số 12/BC-QLSV&VL ngày 31/10/2022	Trường ĐHCVA	
583		Báo cáo tổng kết công tác CVHT 2022-2023	BC số 15/BC-QLSV&VL ngày 23/10/2023	Trường ĐHCVA	
584		Báo cáo tổng kết công tác CVHT 2023-2024	BC số 18/BC-TS&CTSV ngày 29/10/2024	Trường ĐHCVA	
585		Báo cáo tổng kết công tác CVHT 2024-2025	BC số 21/BC-TS&CTSV ngày 31/10/2025	Trường ĐHCVA	
586		QĐ phân công GVCN các lớp	Tập QĐ	Trường ĐHCVA	
587		Kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp trong vòng 1 năm	Số 111/KH-ĐHCVA ngày 15/12/2022	Trường ĐHCVA	

		sau tốt nghiệp và đánh giá CTĐT của sinh viên sau tốt nghiệp			
588			Số 275/KH-ĐHCVA ngày 15/12/2023	Trường ĐHCVA	
589			Số 248/KH-ĐHCVA ngày 16/12/2024	Trường ĐHCVA	
590			Số 285/KH-ĐHCVA ngày 17/12/2025	Trường ĐHCVA	
591		Bảng thống kê tỷ lệ việc làm của các ngành đào tạo của Trường	Bảng thống kê tỷ lệ việc làm từ 2022-2024	Trường ĐHCVA	
592		Báo cáo tổng kết tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2020-2025	BC số 102/BC-ĐHCVA ngày 31/12/2021	Trường ĐHCVA	
593			BC số 55/BC-ĐHCVA ngày 19/5/2022	Trường ĐHCVA	
594			BC số 195/BC-ĐHCVA ngày 31/12/2023	Trường ĐHCVA	
595			BC số 180/BC-ĐHCVA ngày 31/12/2024	Trường ĐHCVA	
596		Phản hồi của NH về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát	Phiếu khảo sát mẫu 08		
597		Báo cáo khảo sát các bên liên quan với dịch vụ hỗ trợ của trường các năm từ 2020-2025	Tập báo cáo		
598	H6.06.03.08	Quy chế chi tiêu nội bộ;	QĐ Số 105/QĐ-HĐT ngày 6 tháng 9 năm 2021	Trường ĐHI	
599		Quyết định về Kế hoạch mua sắm, cải tạo hàng năm;	Tập quyết định và kế hoạch các năm	Trường ĐHI	
600		Quyết định quy hoạch đầu tư sửa chữa nâng cấp cơ sở I tại thành phố Hưng Yên và cơ sở II tại Ecopark, Rừng cọ	QĐ số 16A ngày 14/02/2022	Trường ĐHCVA	
601		Quyết định phê duyệt và cấp bổ sung kinh phí của Trường Đại học Chu	QĐ số 16B ngày 14/02/2022	Trường ĐHCVA	

		Văn An đầu tư nâng cấp cơ sở tại thành phố hưng yên			
602		Quyết định chọn nhà thầu sửa chữa nâng cấp cơ sở I tại thành phố Hưng Yên và cơ sở II tại Ecopark, Rừng cọ	Tập thông báo	Trường ĐHCVA	
603		Tài liệu quyết toán hồ sơ gói thầu nâng cấp cơ sở vật chất	Tập tài liệu	Trường ĐHCVA	
604		Quyết định thành lập ban nghiệm thu gói thầu nâng cấp sửa chữa Trường ĐHCVA tại thành phố Hưng Yên	64/QĐ-ĐHCVA, ngày 5/4/2022	Trường ĐHCVA	
605		Biên bản nghiệm thu gói thầu nâng cấp sửa chữa Trường ĐHCVA tại thành phố hưng yên	Tập biên bản	Trường ĐHCVA	
606		Bảng chi ngân sách cho việc nâng cấp cơ sở I tại thành phố Hưng Yên và cơ sở II tại Ecopark, Rừng cọ	Báo cáo số 182 ngày 04/04/2023	Trường ĐHCVA	
607		QĐ đầu tư cơ sở vật chất của Intracom		Trường ĐHI	
608	H6.06.03.09	Phần mềm quản lý đào tạo	Hình ảnh	Phong QLĐT-NCKH	
609		Phần mềm thư viện	Hình ảnh	TTTV	
610		Kết luận hội nghị giao ban	Tập TB kết luận Giao ban	Trường ĐHI	
611		Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả học tập của SV các năm từ 2021-2022	BB số 10a/BB-CVA ngày 20/9/2022	Phòng QLĐT-NCKH-HTQT	
612		Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả học tập của SV các năm từ 2022-2023	BB số 11/BB-CVA ngày 15/9/2023	Phòng QLĐT-NCKH-HTQT	
613		Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả học tập của SV các năm từ 2023-2024	BB số 40/BB-CVA ngày 12/9/2024	Phòng QLĐT-NCKH-HTQT	

614		Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả học tập của SV các năm từ 2024-2025	BB số 26/BB-CVA ngày 30/9/2025	Phòng QLĐT-NCKH-HTQT	
615		Báo cáo tỷ lệ SV thi lại, tỉ lệ thôi học, bỏ học từ năm 2020-2025	Tập tài liệu	Phòng QLĐT-NCKH-HTQT	
616		Thông báo kết quả học tập và rèn luyện, thi đua từ năm 2020-2025	Tập thông báo	Phòng QLĐT-NCKH-HTQT	
617		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17 Học kỳ 1 năm học 2022-2023	QĐ số 56A/QĐ-ĐHCVA ngày 23/3/2023	Trường ĐHCVA	
618		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17 Học kỳ II năm học 2022-2023	QĐ số 212/QĐ-ĐHCVA ngày 26/10/2023	Trường ĐHCVA	
619		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17, 18 Học kỳ 1 năm học 2023-2024	QĐ số 01/QĐ-ĐHCVA ngày 04/01/2024	Trường ĐHCVA	
620		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17, 18 Học kỳ II năm học 2023-2024	QĐ số 163A/QĐ-ĐHCVA ngày 08/07/2024	Trường ĐHCVA	
621		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17, 18, 19 Học kỳ 1 năm học 2024-2025	QĐ số 01A/QĐ-ĐHCVA ngày 06/01/2025	Trường ĐHCVA	
622		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17, 18 ,19 Học kỳ II năm học 2024-2025	QĐ số 101A/QĐ-ĐHCVA ngày 04/07/2025	Trường ĐHCVA	

623		Thông báo v/v xét cảnh báo học tập trong các học kỳ các năm học từ 2020-2025	Tập thông báo	Trường ĐHCVA	
624		Quyết định thôi học cho sinh viên 2020-2025	Tập QĐ	Trường ĐHCVA	
625		Báo cáo tổng hợp thống kê điểm tổng kết của sinh viên	2021 - 2025	Khoa Công nghệ	
626	H6.06.03.10	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, người lao động hằng năm	Tập kế hoạch	Trường ĐHI	
627		Quyết định/thông báo cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn	Tập Quyết định, thông báo	Trường ĐHI	
Tiêu chí 6.4: **Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập.**					
628	H6.06.04.01	Phần mềm QLĐT	Hình ảnh	Trường ĐHI	
629		Quy chế đào tạo đại học hình thức chính quy	156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Trường ĐHI	
630		Quy định công tác khảo thí của Trường Đại học Intracom	75/QĐ-ĐHI ngày 13/03/2026	Trường ĐHI	
631	H6.06.04.02	Hướng dẫn sử dụng hệ thống lớp học thông minh		Trường ĐHI	
632		Hình ảnh thực tế lớp học thông minh	Hình ảnh		
633		Danh sách các phòng học sử dụng hệ thống lớp học thông minh	Danh sách		
634		Danh sách các lớp học/học phần được triển khai trên lớp học thông minh	Danh sách		
635	H6.06.04.03	Bảng phân công nhiệm vụ của Phòng Quản lý đào tạo từ 2019-2025;	Bảng phân công	Phòng QLĐT	
636		Bảng phân công nhiệm vụ của Khoa Công nghệ	Bảng phân công	Khoa Công nghệ	
637		QĐ phân công GVCN các lớp	Tập QĐ	Trường ĐHI	
638	H6.06.04.04	Hồ sơ cảnh báo học vụ	Tập hồ sơ	Trường ĐHI	

639	H6.06.04.05	Báo cáo tổng hợp thống kê điểm tổng kết, rèn luyện của học viên;	2021-2025		
640		Danh sách số liệu học viên bảo lưu, thôi học của Khoa.	2021-2025	Phòng CTSV	
641		Danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp và không đủ điều kiện tốt nghiệp Khoa Công nghệ	2021-2025	Phòng QLĐT	
642	H6.06.04.06	Kế hoạch khảo sát khảo sát mức độ hài lòng của người học về CTĐT, CSVC, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động phục vụ khác năm học 2021-2022		Trường ĐHCVA	
643		Kế hoạch khảo sát khảo sát mức độ hài lòng của người học về CTĐT, CSVC, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động phục vụ khác năm học 2022-2023		Trường ĐHCVA	
644		Kế hoạch khảo sát khảo sát mức độ hài lòng của người học về CTĐT, CSVC, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động phục vụ khác năm học 2023-2024		Trường ĐHCVA	
645		Kế hoạch khảo sát khảo sát mức độ hài lòng của người học về CTĐT, CSVC, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động phục vụ khác năm học 2025-2026		Trường ĐHCVA	
646		Bác báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học về CTĐT, CSVC, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động phục vụ khác năm học 2020-2021		Khoa Công nghệ	
647		Bác báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học về CTĐT, CSVC, về hoạt động giảng dạy của		Khoa Công nghệ	

		giảng viên và các hoạt động phục vụ khác năm học 2021-2022			
648		Bác báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học về CTĐT, CSVC, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động phục vụ khác năm học 2022-2023		Khoa Công nghệ	
649		Bác báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học về CTĐT, CSVC, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động phục vụ khác năm học 2023-2024		Khoa Công nghệ	
650		Bác báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học về CTĐT, CSVC, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động phục vụ khác năm học 2024-2025		Khoa Công nghệ	
Tiêu chí 6.5: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học.					
651	H6.06.05.01	Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm	QĐ số 44/QĐ-ĐHCVA ngày 03/03/2023	Trường ĐHCVA	
652		Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm	85/QĐ-ĐHI ngày 18/03/2026	Trường ĐHI	
653		Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐHCVA	173/QĐ-ĐHCVA ngày 26/10/2021	Trường ĐHCVA	
654		Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường ĐH Intracom	45/QĐ-ĐHI ngày 26/02/2026	Trường ĐHI	
655	H6.06.05.02	Hệ thống kênh thông tin tư vấn học tập và hỗ trợ học viên - Website	Hình ảnh	Khoa Công nghệ	
656		Fanpage, nhóm mạng xã hội chính thức của Khoa	2020-2025	Khoa Công nghệ	
657		Hệ thống quản lý đào tạo(EduEdusoft) - Giao diện thông tin học vụ;	Hình ảnh	Trường ĐHI	

658	H6.06.05.03	Quyết định ban hành quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường	261/QĐ-ĐHCVA, ngày 30/12/2022	Trường ĐHCVA	
659		Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Intracom	105/QĐ-ĐHI ngày 23/03/2026	Trường ĐHI	
660		Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Intracom	107/QĐ-ĐHI ngày 23/03/2026	Trường ĐHI	
661		Quyết định giao đề tài NCKH hoặc danh sách GV hướng dẫn từ 2021-2026	Tập QĐ	Trường ĐHI	
662		Danh sách sinh viên Ngành KTĐ tham gia NCKH từ 2021-2026	Danh sách	Khoa Công nghệ	
663		Kế hoạch nghiên cứu khoa học của GV và SV từ 2021-2022	Số 59A/KH-ĐHCVA, ngày 27/9/2021	Trường ĐHCVA	
664		Kế hoạch nghiên cứu khoa học của GV và SV từ 2022-2023	Số 132A/KH-ĐHCVA, ngày 13/7/2022	Trường ĐHCVA	
665		Kế hoạch nghiên cứu khoa học của GV và SV từ 2023-2024	Số 234/QĐ-ĐHCVA, ngày 27/11/2023	Trường ĐHCVA	
666		Kế hoạch nghiên cứu khoa học của GV và SV từ 2024-2025	Số 106A/QĐ-ĐHCVA, ngày 6/9/2024	Trường ĐHCVA	
667		Kế hoạch nghiên cứu khoa học của GV và SV từ 2025-2026	Số 96A/KH-ĐHCVA, ngày 18/8/2025	Trường ĐHCVA	
668	H6.06.05.04	Thành lập Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo	07/NQ-HĐT-ĐHI ngày 06/01/2026 08/QĐ-HĐT-ĐHI ngày 06/01/2026	Trường ĐHI	
669	H6.06.05.05	Kế hoạch hoạt động ngoại khóa của Khoa Công nghệ			
670		Kế hoạch hoạt động CLB.			
671		Kế hoạch các chương trình phát triển kỹ năng cho SV.			
672	H6.06.05.06	Kế hoạch ngày hội việc làm cho HSSV năm học 2021-2022	KH số 38 ngày 26/12/2021	Trường ĐHCVA	

673		Kế hoạch ngày hội việc làm cho HSSV năm học 2022-2023	KH số 185 ngày 18/12/2022	Trường ĐHCVA	
674		Kế hoạch ngày hội việc làm cho HSSV năm học 2023-2024	KH số 258 ngày 17/12/2023	Trường ĐHCVA	
675		Kế hoạch ngày hội việc làm cho HSSV năm học 2024-2025	KH số 295 ngày 22/12/2024	Trường ĐHCVA	
676	H6.06.05.07	Danh sách, biên bản ghi nhớ, hợp đồng hợp tác với các doanh nghiệp			
677	H6.06.05.08	Quy chế công tác sinh viên	199/QĐ-ĐHCVA, ngày 29/11/2022	Trường ĐHCVA	
678		Quy chế công tác sinh viên	QĐ số 14QĐ/ĐHI ngày 12/01/2026	Trường ĐHI	
679		Quy định Công tác sinh viên	497/QĐ-ĐHI ngày 25/09/2026	Trường ĐHI	
680	H6.06.05.09	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên học năm học 2022-2023	188/QĐ-ĐHCVA, ngày 29/11/2022	Trường ĐHCVA	
681		Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên học năm học 2023-2024	QĐ số 69/QĐ-ĐHCVA ngày 16/05/2024	Trường ĐHCVA	
682		Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên học năm học 2024-2025	QĐ số 140/QĐ-DDHCVA ngày 12/09/2025	Trường ĐHCVA	
683	H6.06.05.10	Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện kỳ 1 của SV năm 2022-2023	BB số 15/BB-CVA ngày 21/3/2023	Trường ĐHCVA	
684		Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện kỳ II của SV năm 2022-2023	BB số 47/BB-CVA ngày 23/10/2023	Trường ĐHCVA	
685		Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện kỳ I của SV năm 2023-2024	BB số 01/BB-CVA ngày 04/01/2024	Trường ĐHCVA	
686		Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện kỳ II của SV năm 2023-2024	BB số 31/BB-CVA ngày 07/07/2024	Trường ĐHCVA	

687		Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện kỳ I của SV năm 2024-2025	BB số 01/BB-CVA ngày 06/01/2025	Trường ĐHCVA	
688		Biên bản họp hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện kỳ II của SV năm 2024-2025	BB số 18/BB-CVA ngày 04/07/2025	Trường ĐHCVA	
689		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17 Học kỳ 1 năm học 2022-2023	QĐ số 56A/QĐ-ĐHCVA ngày 23/3/2023	Trường ĐHCVA	
690		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17 Học kỳ II năm học 2022-2023	QĐ số 212/QĐ-ĐHCVA ngày 26/10/2023	Trường ĐHCVA	
691		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17, 18 Học kỳ 1 năm học 2023-2024	QĐ số 01/QĐ-ĐHCVA ngày 04/01/2024	Trường ĐHCVA	
692		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17, 18 Học kỳ II năm học 2023-2024	QĐ số 163A/QĐ-ĐHCVA ngày 08/07/2024	Trường ĐHCVA	
693		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17, 18, 19 Học kỳ 1 năm học 2024-2025	QĐ số 01A/QĐ-ĐHCVA ngày 06/01/2025	Trường ĐHCVA	
694		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên chính quy Khóa K17, 18 ,19 Học kỳ II năm học 2024-2025	QĐ số 101A/QĐ-ĐHCVA ngày 04/07/2025	Trường ĐHCVA	
695	H6.06.05.11	Kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên năm thứ nhất nhập học năm 2022-2023	KH số 248/KH-ĐHCVA ngày 18/10/2022	Trường ĐHCVA	
696		Kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên năm thứ nhất nhập học năm 2023-2024	KH số 236/KH-ĐHCVA ngày 12/10/2023	Trường ĐHCVA	

697		Kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên năm thứ nhất nhập học năm 2024-2025	KH số 194/KH-ĐHCVA ngày 18/10/2024	Trường ĐHCVA	
698		Kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên năm thứ nhất nhập học năm 2025-2026	KH số 168/KH-ĐHCVA ngày 18/09/2025	Trường ĐHCVA	
699		Thông báo về việc tổ chức ngày hội khám phá cơ sở thực hành Tổ hợp y tế Phương Đông và cuộc thi"Khám sức khỏe khỏe - Khoe trải nghiệm	04/TB-CTSV ngày 10/9/2026	Trường ĐHI	
700	H6.06.05.12	Quyết định thành lập các Câu lạc bộ sinh viên	482/QĐ-ĐHI ngày 18/09/2026	Trường ĐHI	
701		Kế hoạch công tác đoàn & PT Đoàn thanh niên 2021-2022	KH Số 04/KH-ĐTN-ĐHCVA ngày 25/11/2021	Trường ĐHCVA	
702		Kế hoạch công tác đoàn & PT Đoàn thanh niên 2022-2023	KH Số 04/KH-ĐTN-ĐHCVA ngày 03/10/2022	Trường ĐHCVA	
703		Kế hoạch công tác đoàn & PT Đoàn thanh niên 2023-2024	KH Số 07/KH-ĐTN-ĐHCVA ngày 06/10/2023	Trường ĐHCVA	
704		Kế hoạch công tác đoàn & PT Đoàn thanh niên 2024-2025	KH Số 09/KH-ĐTN-ĐHCVA ngày 16/10/2024	Trường ĐHCVA	
705		Kế hoạch công tác đoàn & PT Đoàn thanh niên 2025-2026	KH Số 09/KH-ĐTN-ĐHCVA ngày 15/10/2025	Trường ĐHCVA	
706	H6.06.05.13	Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2022-2023	KH số 238/KH-ĐHCVA ngày 25/09/2022	Trường ĐHCVA	
707		Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2023-2024	KH số 234/KH-ĐHCVA ngày 31/08/2023	Trường ĐHCVA	
708		Tờ trình phê duyệt Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2023-2024	Tờ trình số 24/TTr-QLSV&VL ngày 31/08/2023	Trường ĐHCVA	
709		Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2024-2025	KH số 189/KH-ĐHCVA ngày 16/09/2024	Trường ĐHCVA	
710		Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2025-2026	KH số 156/KH-ĐHCVA ngày 14/08/2025	Trường ĐHCVA	
711		Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm 2026-2027	287/KH-ĐHI ngày 21/8/2026	Trường ĐHI	

712		Tập tài liệu Tuần sinh hoạt công dân - HSSV	Tập tài liệu	Trường ĐHI	
713	H6.06.05.14	Hồ sơ cảnh báo học vụ	Tập hồ sơ	Trường ĐHI	
714		Báo cáo thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT qua các khóa học	-Số 14/BC-ĐHCVA ngày 20/9/2022	Trường ĐHCVA	
715			- Số 58/BC-ĐHCVA ngày 22/8/2023	Trường ĐHCVA	
716			- Số 64/BC-ĐHCVA ngày 17/9/2024	Trường ĐHCVA	
717			- Số 59/BC-ĐHCVA ngày 26/8/2025	Trường ĐHCVA	
718		Báo cáo thống kê thời gian tốt nghiệp nghiệp của từng sinh viên và thời gian tốt nghiệp trung bình của từng CTĐT, từng người học	số 188/BC-ĐHCVA, ngày 30/12/2022		
719			số 328/BC-ĐHCVA, ngày 29/12/2023	Trường ĐHCVA	
720			số 220/BC-ĐHCVA, ngày 31/12/2024	Trường ĐHCVA	
721			số 89/BC-ĐHCVA, ngày 31/12/2025	Trường ĐHCVA	
722	H6.06.05.15	Bảng thống kê tỷ lệ việc làm của các ngành đào tạo của Trường	Bảng thống kê tỷ lệ việc làm từ 2022-2024	Trường ĐHCVA	
723		Báo cáo tổng kết tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2020-2025	BC số 102/BC-ĐHCVA ngày 31/12/2021	Trường ĐHCVA	
724			BC số 55/BC-ĐHCVA ngày 19/5/2022	Trường ĐHCVA	
725			BC số 195/BC-ĐHCVA ngày 31/12/2023	Trường ĐHCVA	
726			BC số 180/BC-ĐHCVA ngày 31/12/2024	Trường ĐHCVA	
727		Phiếu khảo sát tình hinh việc làm	Mẫu phiếu		

728	H6.06.05.16	Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên Khóa 15	KH số 46/KH-ĐHCVA ngày 30/12/2020	Trường ĐHCVA	
729		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên Khóa 16	KH số 92A/KH-ĐHCVA ngày 14/12/2021	Trường ĐHCVA	
730		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên Khóa 17	KH số 187/KH-ĐHCVA ngày 29/12/2022	Trường ĐHCVA	
731		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên năm học 2023-2024	KH số 98A/KH-ĐHCVA ngày 10/12/2023	Trường ĐHCVA	
732		Kế hoạch tổ chức tọa đàm khoa học cấp Trường	KH số 110/KH-ĐHCVA ngày 29/08/2025	Trường ĐHCVA	
733		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên năm học 2025-2026	KH số 10/KH-ĐHI ngày 15/01/2026	Trường ĐHI	
734		Biên bản đối thoại giữa SV và Hiệu trưởng hằng năm từ 2021-2022	BB số 16/BB-ĐHCVA ngày 26/12/2021	Trường ĐHCVA	
735		Biên bản đối thoại giữa SV và Hiệu trưởng hằng năm từ 2022-2023	BB số 98 ngày 06/01/2023	Trường ĐHCVA	
736		Biên bản đối thoại giữa SV và Hiệu trưởng hằng năm từ 2023-2024	BB ngày 22/12/2023	Trường ĐHCVA	
737		Biên bản đối thoại giữa SV và Hiệu trưởng hằng năm từ 2024-2025	BB số 118/BB- ĐHCVA ngày 23/09/2025	Trường ĐHCVA	
738		Biên bản đối thoại giữa SV và Hiệu trưởng hằng năm từ 2025-2026	BB ngày 23/01/2026	Trường ĐHI	
Tiêu chí 6.6: Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.					
739	H6.06.06.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐHCVA	173/QĐ-ĐHCVA ngày 26/10/2021	Trường ĐHCVA	
740		Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường ĐH Intracom	45/QĐ-ĐHI ngày 26/02/2026	Trường ĐHI	
741		Quyết định thành lập các phòng chức năng thuộc Trường ĐHCVA	120/QĐ-ĐHCVA ngày 7/9/2021	Trường ĐHCVA	
742		Thành lập Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo	07/NQ-HĐT-ĐHI ngày 06/01/2026	Trường ĐHI	
743			08/QĐ-HĐT-ĐHI ngày 06/01/2026	Trường ĐHI	

744	H6.06.06.02	Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022 Trường Đại học Chu Văn An	51/KH-ĐHCVA ngày 22/4/2021	Trường ĐHCVA	
745		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2022- 2023 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 27 ngày 20 /02/2023	Trường ĐHCVA	
746		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2025-2026 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 218 ngày 10/10/2023	Trường ĐHCVA	
747		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2024-2025 Trường ĐHCVA	Kế hoạch số 87 ngày 17/8/2024	Trường ĐHCVA	
748	H6.06.06.03	Kế hoạch khảo sát, đánh giá phản hồi các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường 2021-2022	KH số 79A/KH-ĐHCVA ngày 16/11/2021	Trường ĐHCVA	
749		Kế hoạch khảo sát, đánh giá phản hồi các bên liên quan phục vu công tác tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2021-2022	KH số 30A/KH-ĐHCVA ngày 11/03/2022	Trường ĐHCVA	
750		Kế hoạch khảo sát, đánh giá phản hồi các bên liên quan phục vu công tác tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2022-2023	KH số 28/KH-ĐHCVA ngày 20/02/2023	Trường ĐHCVA	
751		Kế hoạch khảo sát, đánh giá phản hồi các bên liên quan phục vu công tác tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2025-2026	KH số 61/KH-ĐHI ngày 11/3/2026	Trường ĐHI	
752	H6.06.06.04	Công văn của Bộ GD&ĐT hướng dẫn phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công;	1550/BGDDT-VP ngày 04/04/2025	BGDĐT	
753		Quy định khảo sát cán bộ, giảng viên, người học về các điều kiện hỗ trợ và dịch vụ tiện ích cho hoạt động dạy học tại Trường ĐHCVA	227/QĐ-ĐHCVA, ngày 6/12/2022	Trường ĐHCVA	

754		Quy định về thực hiện khảo sát các bên liên quan của Trường Đại học Intracom	225/QĐ-ĐHI, ngày 28/5/2026	Trường ĐHI	
755		Phiếu khảo sát các loại hình khảo sát.	2021-2025	Trường ĐHCVA	
756	H6.06.06.05	Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng của SV đối với đội ngũ CB, NV phục vụ, hỗ trợ (bao gồm CVHT)	Tập báo cáo	Trường ĐHI	
757		Kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học hằng năm (từ 2020-2025)	Tập kế hoạch	Trường ĐHCVA	
758	H6.06.06.06	Báo cáo khảo sát trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo;	Tập báo cáo	Khoa Công nghệ	
759		Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ tại Trường Đại học Intracom năm học 2021-2022;	Tập báo cáo	Khoa Công nghệ	
760		Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ hỗ trợ tại Trường Đại học Intracom	Tập báo cáo	Khoa Công nghệ	
761	H6.06.06. 07	Bảng đối sánh các kết quả thực hiện một số dịch vụ từ năm 2021-2026 thông qua kết quả khảo sát người học tốt nghiệp.	Bảng đối sánh	Trường ĐHI	
762		Quyết định phê duyệt kế hoạch, danh mục và kinh phí đầu tư, mua sắm trang thiết bị và cải tạo sửa chữa hằng năm	Tập QĐ	Trường ĐHI	
763	H6.06.06.08	Bảng đối sánh các kết quả thực hiện một số dịch vụ từ năm 2021-2025 thông qua kết quả khảo sát người học tốt nghiệp.	Bảng đối sánh	Trường ĐHI	
Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị					

Tiêu chí 7.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.					
764	H7.07.01.01	Nghị quyết ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Intracom giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	18-NQ-HĐT ngày 26/01/2026	Trường ĐHI	
765		Quyết định về hình thức sử dụng đất tại Cơ sở chính của Trường;	Tháng 02/2010	Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên	
766		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Trường;	Tháng 02/2010	Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên	
767	H7.07.01.02	Sơ đồ phòng làm việc, phòng thực hành, phòng chức năng, phònghọc.	Tháng 3/2026	Văn phòng trường	
768	H7.07.01.03	Danh mục trang thiết bị, nội thất phòng làm việc, phòng chức năng.	Tháng 3/2026	Văn phòng trường	
769	H7.07.01.04	Quy định quản lý và sử dụng giảng đường	Tháng 3/2026	Văn phòng trường	
770	H7.07.01.05	Quyết định và Kế hoạch mua sắm, cải tạo hàng năm	Tập quyết định, kế hoạch	Trường ĐHI	
771	H7.07.01.06	Báo cáo khảo sát, đánh giá chất lượng hạ tầng, CSVC, trang thiết bị và đội ngũ hỗ trợ.	Tháng 02/2026	Trường ĐHI	
772	H7.07.01.07	Sổ theo dõi của Văn phòng Trường (đối với các phòng làm việc, phòng học)	Từ năm 2022 - 2026	Văn phòng trường	
Tiêu chí 7.2: Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên.					
773	H7.07.02.01	Danh mục, sơ đồ và hình ảnh chụp thực tế phòng máy, phòng thực hành.	Tháng 4/2026	Văn phòng trường	
774		Sơ đồ bố trí hệ thống camera giám sát và danh mục trang thiết bị tại các phòng máy, phòng thực hành.	Tháng 4/2026	Văn phòng trường	

775	H7.07.02.02	Quy định quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành	Tháng 4/2026	Văn phòng trường	
776	H7.07.02.03	Sổ theo dõi tình trạng trang thiết bị phòng máy, phòng thực hành.	Năm 2021-2025	Văn phòng trường	
777	H7.07.02.04	Quyết định việc phê duyệt kế hoạch, danh mục và kinh phí đầu tư, mua sắm trang thiết bị và cải tạo sửa chữa hàng năm.	Tập quyết định và kế hoạch các năm	TrườngĐHI	
778	H7.07.02.05	Báo cáo khảo sát về CSVC, trang thiết bị và công nghệ của đội ngũ hỗ trợ.	Tập báo cáo	TrườngĐHI	
Tiêu chí 7.3: Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông.					
779	H7.07.03.01	Quyết định số 231/QĐ-ĐHCVA ngày 07/12/2022; chức năng, nhiệm vụ TTTV; nội quy thư viện	Số 231/QĐ-ĐHCVA ngày 07/12/2022	Trường ĐHI	
780	H7.07.03.02	Danh mục quản lý tài sản và diện tích Trung tâm TTTV; sơ đồ thư viện	Tháng 3/2026	Thư viện	
781	H7.07.03.03	Danh mục học liệu (bản điện tử) của Trung tâm Thông tin – Thư viện	Bảng danh mục	Thư viện	
782	H7.07.03.04	Danh mục học liệu (tài liệu tham khảo) của Trung tâm Thông tin – Thư viện	Bảng danh mục	Thư viện	
783	H7.07.03.05	Hồ sơ thư viện và thư viện số	Tập hồ sơ	Thư viện	
784	H7.07.03.06	Hồ sơ bổ sung tài liệu	Tập hồ sơ	Thư viện/Khoa CN	
785	H7.07.03.07	Hồ sơ đề xuất bổ sung học liệu	Tập hồ sơ	Thư viện/Khoa CN	
786	H7.07.03.08	Báo cáo kết quả khảo sát chất lượng dịch vụ thư viện và đề xuất giải pháp cải tiến năm 2026	Báo cáo năm 2026	Thư viện	
787	H7.07.03.09	Kết quả khảo sát bạn đọc các năm 2021–2025	Tập hồ sơ	Thư viện	

Tiêu chí 7.4: Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.					
788	H7.07.04.01	Hồ sơ quản lý hạ tầng CNTT	Tập hồ sơ	Văn phòng trường	
789	H7.07.04.02	Hồ sơ mạng Internet và Wi-Fi	Tập hồ sơ	Văn phòng trường	
790	H7.07.04.03	Quy định sử dụng hệ thống CNTT	Tập hồ sơ	Trường ĐHI	
791	H7.07.04.04	Hồ sơ hỗ trợ kỹ thuật	Tập hồ sơ	Văn phòng trường	
792	H7.07.04.05	Đề cương các học phần có sử dụng nền tảng số	Tập hồ sơ	Khoa Công nghệ	
793	H7.07.04.06	Hồ sơ vận hành LMS/hệ thống quản lý đào tạo	Tập hồ sơ	Phòng QLĐT	
Tiêu chí 7.5 : Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học.					
794	H7.07.05.01	Sơ đồ quy hoạch cảnh quan và môi trường học tập	2025-2026	Trường ĐHI	
795	H7.07.05.02	Quy tắc ứng xử của Trường ĐH Intracom	Tháng 06/2021	Trường ĐHI	
796	H7.07.05.03	Quy định văn hóa học đường	Theo hồ sơ hiện hành	Trường ĐHI	
797	H7.07.05.04	Báo cáo hoạt động CLB SV và phong trào NCKH	Hằng năm	Trường ĐHI/Khoa KTĐ	
798	H7.07.05.05	Hồ sơ cảnh quan, an ninh và dịch vụ vệ sinh môi trường	2025-2026	Trường ĐHI	
799	H7.07.05.06	Hệ thống giao tiếp trực tuyến và học tập LMS	2025-2026	Trường ĐHI/CNTT	
800	H7.07.05.07	Kết quả khảo sát mức độ hài lòng về môi trường học tập và cảnh quan năm 2025-2026	2025-2026	Trường ĐHI	
Tiêu chí 7.6: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt					

801	H7.07.06.01	Quy định và hồ sơ về phòng cháy chữa cháy, an toàn, vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe	Tập hồ sơ	Trường ĐHI/Văn phòng	
802	H7.07.06.02	Biên bản kiểm tra và bảo trì thiết bị	Tập biên bản	Trường ĐHI/Văn phòng	
803	H7.07.06.03	Hồ sơ kiểm tra, bảo trì và xử lý các vấn đề an toàn	Tập hồ sơ	Trường ĐHI/Văn phòng	
804	H7.07.06.04	Hướng dẫn sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị	Các bản hướng dẫn	Trường ĐHI/Văn phòng	
805	H7.07.06.05	Hồ sơ hỗ trợ người học có nhu cầu đặc thù, nếu phát sinh	Tập hồ sơ	Trường ĐHI/Văn phòng	
Tiêu chí 7.7: **Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.**					
806	H7.07.07.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường	Tập quy chế	Trường ĐHI/CVA	
807	H7.07.07.02	Đề án vị trí việc làm; quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động	Tháng 9/2022; Tháng 5/2023	Trường ĐHI/CVA	
808	H7.07.07.03	Quy trình đánh giá năng lực định kỳ hàng năm đối với đội ngũ hỗ trợ CSVC và trang thiết bị	Tập hồ sơ	Trường ĐHI/CVA	
809	H7.07.07.04	Thông báo, hướng dẫn, kết quả đánh giá CB,GV,NV, người lao động hằng năm	2021-2025	Trường ĐHI/CVA	
Tiêu chí 7.8: Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến.					
810	H7.07.08.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các đơn vị; Quy định về hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục	Tháng 12/2021	Trường ĐHI	
811	H7.07.08.02	Báo cáo khảo sát đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng, CSVC, trang thiết bị và đội ngũ hỗ trợ của GV, SV	Tháng 02/2026	Trường ĐHI	

812	H7.07.08.03	Bảng thống kê lượt sử dụng CSVC, thiết bị; biên bản hội nghị viên chức-NLĐ; kết luận đối thoại sinh viên	2021-2026	Trường ĐHI	
813	H7.07.08.04	Thông báo khảo sát nhu cầu đơn vị; kế hoạch công tác CSVC; quyết định phê duyệt kế hoạch, danh mục và kinh phí đầu tư, mua sắm, cải tạo sửa chữa	2021-2026	Trường ĐHI	
814	H7.07.08.05	Đề án chuyển đổi số; ảnh chụp phòng multimedia, phòng máy, máy chủ	Tháng 5/2023; Tháng 3/2026	Trường ĐHI	
815	H7.07.08.06	Ảnh chụp giao diện các kênh thông tin của các đơn vị; báo cáo khảo sát CSVC và đội ngũ hỗ trợ	Tháng 2-3/2026	Trường ĐHI	
816	H7.07.08.07	Kế hoạch cải tiến chất lượng CSVC và hạ tầng CNTT phục vụ CTĐT KTĐ	2026-2027	Trường ĐHI	
817	H7.07.08.08	Hồ sơ theo dõi việc thực hiện các hoạt động cải tiến CSVC sau khảo sát	2026-2027	Trường ĐHI	
818	H7.07.08.09	Hồ sơ phản hồi của CBQL, GV và NV về môi trường làm việc và CSVC	2025-2026	Trường ĐHI	
819	H7.07.08.10	Kế hoạch cải tiến hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học và bồi dưỡng năng lực đội ngũ hỗ trợ	2026-2027	Trường ĐHI	
820	H7.07.08.11	Báo cáo tổng hợp kết quả cải tiến chất lượng CSVC phục vụ CTĐT Kỹ thuật điện	Hằng năm	Khoa CN	
Tiêu chuẩn 8:Đầu ra và kết quả đầu ra					
Tiêu chí 8.1: Tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.					
821	H8.08.01.01	Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021	Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021	Bộ GD&ĐT	

822		Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Thông tư Số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/ 2026	Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026	Bộ GD&ĐT	
823	H8.08.01.02	Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Quyết định số 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Trường ĐHCVA	
824		Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành Quyết định số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026 thay thế Quyết định 156/QĐ-ĐHCVA ngày 20/10/2021	Quyết định số 423/QĐ-ĐHI ngày 24/8/2026	Trường ĐHI	
825	H8.08.01.03	Quyết định ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Phòng QLĐT-NCKH;	Quyết định 2656/QĐ-ĐHCVA ngày 25/8/2021	Trường ĐHCVA	
826		Quyết định ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Phòng QLĐT	Quyết định 45/QĐ-ĐHI, ngày 22/02/2026	Trường ĐHI	
827	H8.08.01.04	Quyết định ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Phòng CTSV	Quyết định 45/QĐ-ĐHI, ngày 22/02/2026	Trường ĐHI	
828	H8.08.01.05	Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2021-2022	KH số 99 ngày 13/9/2021	Trường ĐHCVA	
829		Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022-2023	KH số 128 ngày 12/10/2022	Trường ĐHCVA	
830		Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2023-2024	KH số 269 ngày 23109/2023	Trường ĐHCVA	
831		Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2024-2025	KH số 177 ngày 11/10/2024	Trường ĐHCVA	
832		Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2025-2026	KH số 216 ngày 02/12/2025	Trường ĐHI	
833	H8.08.01.06	Đăng tải trên website của Trường về KHĐT		Trường ĐHI	
834	H8.08.01.07	Báo cáo kết quả giám sát của Phòng Kiểm tra nội bộ về hoạt động đào tạo	2021-2025	Trường ĐHI	
835	H8.08.01.08	Phòng QLĐT quản lý hệ thống phần mềm đào tạo	Phần mềm QLĐT	Phòng QLĐT	

836	H8.08.01.09	Phòng QLĐT tổng hợp và báo cáo số liệu về KQHT, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học	Tập hồ sơ Báo cáo số liệu KQHT của SV TN	Trường ĐHI	
837	H8.08.01.10	Báo cáo kết quả rèn luyện của SV từ năm 2021-2025	Tập hồ sơ Báo cáo số liệu KQRL của SV TN	Trường ĐHI	
838	H8.08.01.11	Thiết lập các kênh thông tin của lớp và định kỳ tổ chức sinh hoạt lớp	Zalo lớp	Phòng CTSV/GV CVHT	
839	H8.08.01.12	Hồ sơ đánh giá các chỉ số kết quả đào tạo của CTĐT KTĐ	Tập Hồ sơ đánh giá các chỉ số KQ đào tạo ngành KTĐ	Phòng QLĐT	
840	H8.08.01.13	Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập của Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 28/QĐ-ĐHCVA ngày 22/02/2023	Trường ĐHCVA	
841	H8.08.01.14	Chương trình đào tạo ngành KTĐ	Quyết định số 175/QĐ-ĐHCVA ngày 27/10/2021	Trường ĐHCVA	
842		Chương trình đào tạo ngành KTĐ trình độ đại học điều chỉnh	Quyết định số 81/QĐ-ĐHCVA ngày 25/4/2023	Trường ĐHCVA	
843		Chương trình đào tạo ngành KTĐ	Quyết định số 177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/9/2026	Trường ĐHI	
844	H8.08.01.15	Thời khóa biểu ngành KTĐ từ năm học 2021-2022 đến 2025-2026	Đăng tải trên website của Trường	Phòng QLĐT	
845	H8.08.01.16	Báo cáo đánh giá kết quả học tập toàn khóa của SV năm học 2021-2022	Số 10-BC-ĐHCVA ngày 20/9/2022	Phòng QLĐT	
846		Báo cáo đánh giá kết quả học tập toàn khóa của SV năm học 2022-2023	Số 11-BC-ĐHCVA ngày 15/9/2023	Phòng QLĐT	
847		Báo cáo đánh giá kết quả học tập toàn khóa của SV năm học 2023-2024	Số 40-BC-ĐHCVA ngày 12/9/2024	Phòng QLĐT	
848		Báo cáo đánh giá kết quả học tập toàn khóa của SV năm học 2024-2025	Số 26-BC-ĐHCVA ngày 30/9/2025	Phòng QLĐT	
849		Báo cáo đánh giá kết quả học tập toàn khóa của SV năm học 2025-2026	Số 450-BC-ĐHCVA ngày 20/9/2026	Phòng QLĐT	

850	H8.08.01.17	Biên bản Nhà trường và khoa chuyên môn tổ chức các cuộc họp giao ban, hội nghị tổng kết và sinh hoạt chuyên môn.	Tập biên bản	Nhà trường, Khoa CN	
851	H8.08.01.18	Quyết định ban hành Hướng dẫn ban hành danh mục CTĐT và Kế hoạch rà soát, cập nhật các CTĐT	Số 02/KH-ĐHCVA ngày 20/8/2022	Trường ĐHCVA	
852		Quyết định ban hành Hướng dẫn ban hành danh mục CTĐT và Kế hoạch rà soát, cập nhật các CTĐT	QĐ số 44/QĐ-ĐHI ngày 06/02/2026	Trường ĐHI	
853	H8.08.01.19	Quy định CĐR điều kiện tốt nghiệp về ngoại ngữ, Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm trình độ ĐH đối với SV	Quyết định số 442/QĐ-ĐHI ngày 03/9/2026	Trường ĐHI	
854	H8.08.01.20	Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa các CTĐT của Trường.	Tập bảng đối sánh	Phòng QLĐT	
Tiêu chí 8.2: Tỉ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.					
855	H8.08.02.01	Công văn hướng dẫn về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp	3943/BGDĐT- GDĐH ngày 31/08/2018	BộGD&ĐT	
856	H8.08.02.02	Kế hoạch khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp năm 2021	KH số 111 ngày 15/12/2022	TrườngĐHI	
857		Kế hoạch khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp năm 2022	KH số 26 ngày 15/12/2023	Trường ĐHCVA	
858		Kế hoạch khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp năm 2023	KH số 248 ngày 16/12/2024	Trường ĐHCVA	
859		Kế hoạch khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp năm 2024	KH số 285 ngày 17/12/2025	Trường ĐHCVA	
860	H8.08.02.04	Quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	QĐ số 38 ngày 21/03/2025	Trường ĐHCVA	
861	H8.08.02.05	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2021	Số 102/BC-ĐHCVA Ngày 31/12/2021	Trường ĐHCVA	

862		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2022	Số 55/BC-ĐHCVA Ngày 19/5/2022	Trường ĐHCVA	
863		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2023	Số 195/BC-ĐHCVA Ngày 31/12/2023	Trường ĐHCVA	
864		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2024	Số 180/BC-ĐHCVA Ngày 31/12/2024	Trường ĐHCVA	
865		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2025	Số 302/BC-ĐHCVA Ngày 31/12/2025	Trường ĐHCVA	
866	H8.08.02.06	Phân tích số liệu khảo sát việc làm của SV	Onlien	Phòng CTSV	
867	H8.08.02.07	Kết quả khảo sát việc làm của SV công bố công khai trên website của Trường	website của Trường	Trường ĐHI	
868	H8.08.02.08	Bảng đối sánh tỷ lệ việc làm giữa các ngành các CTĐT của Trường.	Tập bảng đối sánh	Khoa CN	
869	H8.08.02.09	Trung tâm khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo	Quyết định 45/QĐ-ĐHI, ngày 22/02/2026	Trường ĐHI	
870	H8.08.02.10	Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm hàng năm cho sinh viên năm 2021-2022	Số 38/KH-ĐHCVA ngày 26/12/2021	Trường ĐHCVA	
871		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm hàng năm cho sinh viên năm 2022-2023	Số 185/KH-ĐHCVA ngày 18/12/2022	Trường ĐHCVA	
872		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm hàng năm cho sinh viên năm 2023-2024	Số 258/KH-ĐHCVA ngày 17/12/2023	Trường ĐHCVA	
873		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm hàng năm cho sinh viên năm 2024-2025	Số 295/KH-ĐHCVA ngày 22/12/2024	Trường ĐHCVA	
874	H8.08.02.11	Khoa tăng cường các học phần về kỹ năng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo,	ĐCCTHP	Trường ĐHCVA	

		nghiên cứu khoa học, phương pháp học tập suốt đời.			
875	H8.08.02.12	Các văn bản ký kết Nhà trường cùng với các doanh nghiệp cải tiến CTĐT	Tập văn bản ký kết	Trường ĐHI	
Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.					
876	H8.08.01.03	Quyết định ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Phòng QLĐT-NCKH;	Quyết định 2656/QĐ-ĐHCVA ngày 25/8/2021	Trường ĐHCVA	
877		Quyết định ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Phòng QLĐT	Quyết định 45/QĐ-ĐHI, ngày 22/02/2026	Trường ĐHI	
878	H8.08.03.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Công nghệ Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 247/QĐ-ĐHCVA ngày 20/12/2022	Trường ĐHCVA	
879	H8.08.03.03	Chiến lược phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2045.	1345/NQ-HĐT ngày 24/5/2022	Trường ĐHI	
880	H8.08.03.04	Kế hoạch Công tác hoạt động khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế Trường Đại học Chu Văn An năm học 2021-2022	KH số 59A ngày 27/09/2021	Trường ĐHCVA	
881		Kế hoạch Công tác hoạt động khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế Trường Đại học Chu Văn An năm học 2022-2023	KH số 132A ngày 13/07/2022	Trường ĐHCVA	
882		Kế hoạch Công tác hoạt động khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế Trường Đại học Chu Văn An năm học 2023-2024	KH số 234 ngày 27/11/2023	Trường ĐHCVA	
883		Kế hoạch Công tác hoạt động khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế Trường Đại học Chu Văn An năm học 2024-2025	KH số 106A ngày 06/09/2024	Trường ĐHCVA	
884		Kế hoạch Công tác hoạt động khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế	KH số 96A ngày 18/08/2025	Trường ĐHCVA	

		Trường Đại học Chu Văn An năm học 2025-2026			
885	H8.08.03.05	Quyết định phê duyệt đề tài, nhiệm vụ NCKH hằng năm của Trường Đại học Intracom	Tập QĐ	Trường ĐHCVA	
886	H8.08.03.06	Qui định chế độ làm việc của GV Trường Đại học Intracom	QĐ số 332 ngày 10/7/2026	Trường ĐHI	
887	H8.08.03.07	Thống thống kê giờ NCKH hằng năm của GV	Bảng thống kê hằng năm	Khoa	
888	H8.08.03.08	Bài báo khoa học tham gia Hội thảo trong nước, quốc tế	Thống kê bài báo	Khoa	
889	H8.08.03.09	Bảng đối sánh kết qủa NCKH của Trường qua các năm từ 2020-2025 .	Tập bảng đối sánh	Trường ĐHCVA	
890	H8.08.03.10	Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học năm học 2021-2022	Số 87A/BC-ĐHCVA, ngày 31/7/2022	Trường ĐHCVA	
891		Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học năm học 2022-2023	Số 210/BC-ĐHCVA, ngày 7/8/2023	Trường ĐHCVA	
892		Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học năm học 2023-2024	Số 114 /BC-ĐHCVA, ngày 30/7/2024	Trường ĐHCVA	
893		Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học năm học 2024-2025	Số 67 /BC-ĐHCVA, ngày 10/7/2025	Trường ĐHCVA	
894		Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học năm học 2025-2026	Số 97 /BC-ĐHCVA, ngày 15/7/2026	Trường ĐHCVA	
895	H8.08.03.11	Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động.	Hồ sơ đánh giá xếp loại từ năm 2022-2026	Khoa CN	
Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng.					
896	H8.08.04.01	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo hệ chính quy các ngành/chuyên ngành trình độ đại học của Trường ĐHCVA	QĐ số 81/QĐ-ĐHCVA ngày 25/4/2023	Trường ĐHCVA	
897			QĐ số 177/QĐ-ĐHCVA ngày 29/09/2023	Trường ĐHCVA	
898			QĐ số 259/QĐ-ĐHCVA ngày 21/12/2023	Trường ĐHCVA	

899			QĐ số 115/QĐ-ĐHCVA ngày 16/06/2023	Trường ĐHCVA	
900	H8.08.04.02	Danh mục học phần cốt lõi CTĐT ngành KTĐ	Danh sách HP	Khoa CN	
901		Qui định đo lường đánh giá CĐR CTĐT của Trường Đại học Intracom.	Số 58A/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026	Trường ĐHI	
902	H8.08.04.03	Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	112/QĐ-ĐHCVA ngày 16/6/2022	Trường ĐHCVA	
903	H8.08.04.04	Bảng đánh giá kết quả đo lường mức độ đạt được CĐR ngành KTĐ	Báo cáo	Trường ĐHI	
904	H8.08.04.05	Kết quả đo lường, đánh giá mức độ NH đạt CĐR CTĐT ngành KTĐ trình độ đại học năm học 2025-2026	Báo cáo kết quả	Trường ĐHI	
905	H8.08.04.06	Kết quả học tập, kết quả đánh giá thực tập, khóa luận tốt nghiệp	Kết quả học tập từ năm 2022-2026	Phòng QLĐT	
906	H8.08.04.07	Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Phòng QLĐT-NCKH-HTQT của Trường ĐHCVA	80/QĐ-ĐHCVA ngày 25/4/2023	Trường ĐHCVA	
907	H8.08.04.08	Báo cáo phân tích kết quả đo lường mức độ đạt được CĐR ngành KTĐ để có biện pháp cải tiến về CTĐT	Báo cáo	Trường ĐHI	
Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.					
908	H8.08.05.01	Quy định về Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường ĐHCVA;	QĐ số 63 ngày 18/4/2022	Trường ĐHCVA	
909	H8.08.05.02	Quy định khảo sát cán bộ, giảng viên, người học về các điều kiện hỗ trợ và dịch vụ tiện ích cho hoạt động dạy học tại Trường Đại học Chu Văn An	Quyết định số 227/QĐ-ĐHCVA ngày 06/12/2022	Trường ĐHCVA	
910	H8.08.05.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng .	Quyết định số 112/QĐ-ĐHCVA ngày 16/6/2022	Trường ĐHCVA	
911	H8.08.05.04	Quyết định thành lập Tổ đảm bảo chất lượng	220/QĐ-ĐHCVA, ngày 2/12/2022	Trường ĐHCVA	

912		Quyết định ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của Hội đồng BĐCL và các tổ BĐCL Số 30 ngày 26/01/2026 của Trường Đại học Intracom.	Số 30 ngày 26/01/2026	Trường ĐHI	
913	H8.08.05.05	Quyết định thành lập Khoa Công nghệ	63/HGGT-ĐHCVA ngày 05/4/2022	Trường ĐHCVA	
914	H8.08.05.06	Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 51/KH-ĐHCVA ngày 22/4/2021	Trường ĐHCVA	
915		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2022-2023 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 27 ngày 20 /02/2022	Trường ĐHCVA	
916		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2023-2024 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 218 ngày 10/10/2023	Trường ĐHCVA	
917		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2024-2025 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 87 ngày 17/8/2024	Trường ĐHCVA	
918		Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2025-2026 Trường Đại học Chu Văn An	Kế hoạch số 218 ngày 10/10 Năm 2025	Trường ĐHCVA	
919	H8.08.05.07	Kế hoạch về việc khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan năm 2021	KH số 79 a ngày 16/11/2021	Trường ĐHCVA	
920		Kế hoạch về việc khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan năm 2022	KH số 224 ngày 05/12/2022	Trường ĐHCVA	
921		Kế hoạch về việc khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan năm 2023	KH số 28 ngày 20/12/2023	Trường ĐHCVA	
922		Kế hoạch về việc khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024	KH số 91 ngày 16/11/2024	Trường ĐHCVA	
923		Kế hoạch về việc khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan năm 2025	KH số 53 a ngày 16/12/2025	Trường ĐHCVA	
924	H8.08.05.08	Bộ phiếu khảo sát	Tập bộ phiếu KS	TrườngĐHI	

925	H8.08.05.09	Báo cáo tổng hợp và phân tích kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT ngành KTĐ	BC số 107 ngày 15/01/2022 ; BC số 567 ngày 01/01/2023 BC số 619 ngày 25/01/2024; BC số 332 ngày 19/01/2025; BC số 697 ngày 5/02/2026	Trường ĐHCVA	
926	H8.08.05.10	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2021	Số 102/BC-ĐHCVA	Trường ĐHCVA	
927		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2022	Số 55/BC-ĐHCVA	Trường ĐHCVA	
928		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2023	Số 195/BC-ĐHCVA	Trường ĐHCVA	
929		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2024	Số 180/BC-ĐHCVA	Trường ĐHCVA	
930		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2025	Số 302/BC-ĐHCVA	Trường ĐHCVA	
931	H8.08.05.11	Đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của CTĐT ngành KTĐ với các CTĐT khác trong trường	Tập báo cáo đối sánh	Trường ĐHCVA	
932	H8.08.05.12	Biên bản họp phân tích kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ của khoa và hội đồng CTĐT	Tập biên bản	Trường ĐHCVA	
933	H8.08.05.13	Kế hoạch rà soát và các CTĐT đã được hoàn thiện sau rà soát	KH số 57 ngày 12/12/2021	Trường ĐHCVA	
934			KH số 67 ngày 22/12/2022	Trường ĐHCVA	
935			KH số 307 ngày 25/12/2023	Trường ĐHCVA	
936			KH số 197 ngày 27/12/2024	Trường ĐHCVA	
937			KH số 157 ngày 29/12/2025	Trường ĐHCVA	

Phụ lục IV

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên CTĐT: Kỹ thuật điện

Mã CTĐT: 7520201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
	K	Đ	Số tiêu chí K	Tỷ lệ số tiêu chí K (%)	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ (%)
Tiêu chuẩn 1			0	0%	6	100%
Tiêu chí 1.1		x				
Tiêu chí 1.2		x				
Tiêu chí 1.3		x				
Tiêu chí 1.4		x				
Tiêu chí 1.5		x				
Tiêu chí 1.6		x				
Tiêu chuẩn 2			0	0%	7	100%
Tiêu chí 2.1		x				
Tiêu chí 2.2		x				
Tiêu chí 2.3		x				
Tiêu chí 2.4		x				
Tiêu chí 2.5		x				
Tiêu chí 2.6		x				
Tiêu chí 2.7		x				
Tiêu chuẩn 3			0	0%	5	100%
Tiêu chí 3.1		x				
Tiêu chí 3.2		x				
Tiêu chí 3.3		x				
Tiêu chí 3.4		x				
Tiêu chí 3.5		x				
Tiêu chuẩn 4			0	0%	7	100%
Tiêu chí 4.1		x				
Tiêu chí 4.2		x				
Tiêu chí 4.3		x				

Tiêu chí 4.4		x				
Tiêu chí 4.5		x				
Tiêu chí 4.6		x				
Tiêu chí 4.7		x				
Tiêu chuẩn 5						
Tiêu chí 5.1		x				
Tiêu chí 5.2		x				
Tiêu chí 5.3		x				
Tiêu chí 5.4		x	0	0%	8	100%
Tiêu chí 5.5		x				
Tiêu chí 5.6		x				
Tiêu chí 5.7		x				
Tiêu chí 5.8		x				
Tiêu chuẩn 6						
Tiêu chí 6.1		x				
Tiêu chí 6.2		x				
Tiêu chí 6.3		x	0	0%	6	100%
Tiêu chí 6.4		x				
Tiêu chí 6.5		x				
Tiêu chí 6.6		x				
Tiêu chuẩn 7						
Tiêu chí 7.1		x				
Tiêu chí 7.2		x				
Tiêu chí 7.3		x				
Tiêu chí 7.4		x	0	0%	8	100%
Tiêu chí 7.5		x				
Tiêu chí 7.6		x				
Tiêu chí 7.7		x				
Tiêu chí 7.8		x				
Tiêu chuẩn 8						
Tiêu chí 8.1		x				
Tiêu chí 8.2		x	0	0%	5	100%
Tiêu chí 8.3		x				

Tiêu chí 8.4		x				
Tiêu chí 8.5		x				

* *Ghi chú:* - Tích (X) vào mức đánh giá cho từng tiêu chí.

- Không đạt: K; Đạt: Đ;

Tự đánh giá CTĐT: CTĐT có 100% tiêu chí Đạt

Hưng Yên, ngày tháng 10 năm 2026

Hiệu trưởng

TS. Trần Ái Cầm